

MỘT HẠT CÁT MỘT THẾ GIỚI

GHỊ CHÚ KINH TẾ CỦA GUO KAI

PHẦN

ĐIỂM DẠNG



VIETOR

napas 247

Kinh Tế Bản Thủ
THỎ GENZ

Lời Nói Đầu

Cuốn sách này tập hợp hàng chục bài đăng trên blog của tôi - Ghi Chú Kinh Tế Của Guo Kai - được xuất bản từ năm 2006. Các bài đăng trên blog này đã được sửa đổi và bổ sung sau đó, một số khác biệt không lớn so với bản gốc, một số đã hoàn toàn khác biệt. Trong quá trình sửa đổi, tôi đã kiên trì một nguyên tắc, đó là không thay đổi ý chính của bản gốc. Là người thường xuyên bình luận về các sự kiện (kinh tế) đang diễn ra, tôi biết có lẽ ai cũng có động lực muốn highlight những gì mình nói đúng, âm thầm che giấu những gì mình nói sai. Tôi cũng có động lực như vậy, nhưng tôi đã kiềm chế được. Bởi vì, những gì tôi muốn trình bày cho độc giả là quá trình suy nghĩ, phương thức suy nghĩ, góc độ suy nghĩ chứ không phải kết quả suy nghĩ. Tất nhiên, tôi vẫn ẩn đi một điều quan trọng, đó là cái tên có lẽ nổi tiếng hơn của blog này - "Ghi Chú Kinh Tế Bản Thiù". Trong ngữ cảnh của hầu hết mọi người, "bản thiù" là một từ mang nghĩa tiêu cực, nhưng trong ngữ cảnh của tôi, "bản thiù" là một nỗi nhớ về những năm tháng đại học. Khi mới vào đại học, sáu nam sinh viên chúng tôi từ khắp nơi trên đất nước đã đặt tên cho ký túc xá của mình là "Hang Cạn Bã", và cái tên "bản thiù" ra đời từ đó. Tuy nhiên, cuối cùng tôi vẫn nhượng bộ thói quen nhận thức của đại đa số, vì tôi thực sự không muốn phải mất công giải thích câu chuyện có ý nghĩa với bản thân mình nhưng lại vô nghĩa với người khác cho mỗi người tò mò về nguồn gốc của cái tên này.



Ngày 9 tháng 1 năm 2006, Bắc Kinh. Tôi phải khó khăn chia tay với người bạn gái khi đó, bây giờ là vợ tôi - Cốc Chủ, một mình lên đường sang Mỹ. Đây là lần thứ sáu trong ba năm tôi phải chia tay như thế này, mỗi lần đều khó khăn hơn lần trước, mỗi lần đều lưu luyến hơn. Sau hơn 20 tiếng sau, tôi lại trở về Boston trong màn đêm. Taxi đi qua đường hầm dưới biển, dọc theo sông Charles đã đóng băng hướng về thị trấn Cambridge, không biết do mệt mỏi đường xa hay tâm trạng chán nản, tôi dựa đầu vào cửa sổ xe, mặc cho hơi lạnh bên ngoài xe xâm nhập vào mặt. Do chênh lệch múi giờ, Boston vẫn là ngày 9 tháng 1, tôi thầm than thở: thời gian như chưa trôi qua, nhưng tôi và Cốc Chủ đã cách xa nửa vòng trái đất, không biết bao giờ mới gặp lại.

Trường học khi đó vẫn đang trong kỳ nghỉ nên vắng tanh. Không có các khóa học, bài giảng và báo cáo học thuật hàng ngày cần tham gia, cộng với chênh lệch múi giờ, đồng hồ sinh học của tôi bắt đầu trở nên lộn xộn. Trong đêm đông lạnh giá và tĩnh lặng, không thể ngủ được là một cực hình, vì vậy tôi nghĩ nên làm gì đó để giết thời gian, đồng thời giảm bớt nỗi nhớ Cốc Chủ, bố mẹ và quê hương.

Blog khi đó đã rất phổ biến, tuy chưa đến mức ai cũng viết blog, nhưng trên MSN - nơi tôi thường xuyên liên lạc với bạn bè, chỉ cần click chuột vài cái là có thể tạo blog. Vì vậy, tôi nảy ra ý định viết blog. Khi đó, là một phần của khóa đào tạo tiến sĩ và nhu cầu nghiên cứu, tôi đã đọc rất nhiều tài liệu kinh tế và vẫn đang tiếp tục tiếp cận với những tài liệu mới. Trong quá trình đọc, tôi bắt gặp nhiều quan điểm thú vị và bản thân cũng nảy sinh nhiều ý tưởng. Vì vậy, tôi nghĩ, tại sao không ghi lại những quan điểm và ý tưởng này một cách đơn giản, vừa để Cốc Chủ ở xa (bố mẹ tôi lúc đó chưa sử dụng internet) biết tôi đang làm gì hàng ngày, vừa để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với một số bạn bè, nhiều người trong số họ cũng là sinh viên Trung Quốc đang du học ở Mỹ.

Sau khi nảy ra ý tưởng này, tôi đã cân nhắc thêm vài ngày. Lúc đó lo ngại rằng mình sẽ nhanh chóng cạn kiệt cảm hứng và chất liệu, và tôi không muốn để lại thứ gì đó chỉ có phần đầu mà không có phần kết. Tôi đã nhìn thấy rất nhiều blog bị bỏ hoang, từ ban đầu đầy tham vọng, cho đến sau này không có gì, tôi vẫn hy vọng có thể kiên trì làm việc gì đó lâu dài, nếu không thì đừng làm. Cuối cùng, tôi thuyết phục được bản thân mình, bởi vì tôi nghĩ rằng tài liệu kinh tế là vô tận, những gì tôi đã đọc là đủ để tôi viết trong một thời gian dài, vì vậy tôi sẽ không rơi vào tình trạng không biết viết gì.

Vì vậy, vào ngày 13 tháng 1 năm 2006, bốn ngày sau khi trở về Boston, tôi đã mở blog của riêng mình trên MSN, đặt tên là "Ghi Chú Kinh Tế Của Guo Kai", ý nghĩa rất đơn giản: tôi ghi lại những gì tôi đọc và nghĩ về dưới dạng ghi chú. Bài đăng trên blog đầu tiên, "Kinh Tế Chính Trị Của Lòng Hận Thù", được viết rất chuẩn mực, nó chỉ là một ghi chú đọc sách, ngoại trừ việc nó không phải là đọc sách mà là đọc một bài báo. Đầu blog, tôi đã viết những dòng này để tự khích lệ và tự giám sát:

Hôm nay, tôi đột nhiên quyết định viết ra một số suy nghĩ của mình về kinh tế học, suy nghĩ của người khác về kinh tế học mà tôi nhìn thấy và suy nghĩ của riêng tôi về suy nghĩ của họ. Tôi không quyết tâm, và có lẽ cũng không có thời gian để viết mỗi ngày một bài, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ kiên trì. Xin hãy giám sát tôi, độc giả đầu tiên của tôi, Cốc Chủ, và các độc giả khác có thể sẽ tham gia dần dần.

Lúc đó, "Ghi Chú Kinh Tế Của Guo Kai" là một blog thực sự chỉ có hơn chục độc giả. Ngoài Cốc Chủ, những người còn lại là bạn bè trên MSN của tôi "bị đọc".

Chẳng bao lâu, tôi nhận thấy niềm đam mê viết blog của mình vượt xa mong đợi ban đầu, ngay cả khi blog của tôi chưa có nhiều người đọc. Giải thích của tôi là: viết blog đã cho tôi một lối thoát. Khác với nghiên cứu thông thường, bạn có thể rất tự do, rất thoải mái trên blog, bạn có thể viết bất cứ điều gì bạn nghĩ đến. Ngoài ra, tôi cũng nhận thấy rằng tôi không thực sự thích ghi chú, tức là đọc nội dung của người khác rồi ghi lại. Ngược lại, tôi rất nhiệt tình với những gì đang xảy ra, những quan điểm đang được thảo luận sôi nổi, và bất cứ điều gì liên quan đến Trung Quốc, và tôi sẵn sàng bày tỏ quan điểm của mình. Những quan điểm này, khi được đưa ra, tôi đều cảm thấy mình có lý, nhìn lại, nhiều "lý lẽ" là đáng bàn cãi. Tất nhiên, đó là chuyện sau này. Chỉ là, trong quá trình bày tỏ quan điểm của mình, trong quá trình nói rõ ràng từ đầu đến cuối dù chỉ là một việc nhỏ, tôi cảm thấy rất hài lòng. Có một thuật ngữ trong kinh tế học gọi là "sở thích thể hiện", viết blog đã thực sự thể hiện sở thích cá nhân của tôi. Tôi đã tìm thấy điều mình yêu thích, và sau đó tôi quyết định, phải dừng cảm theo đuổi sở thích của mình, cho dù trong mắt nhiều người, viết blog vẫn là việc không đúng đắn và lãng phí thời gian.

Chẳng bao lâu, tôi cũng nhận thấy rằng lượng độc giả của blog bắt đầu tăng lên một cách chậm rãi nhưng ổn định. Ban đầu là vài chục lượt truy cập mỗi ngày, sau đó tăng lên hơn một trăm, sau đó là vài trăm, rồi dần dần lên đến hàng nghìn, sau đó là vài nghìn, sau đó tôi không còn chú ý đến số lượt truy cập nữa. Bởi vì nhiều người không cần click trực tiếp cũng có thể đọc bài viết của tôi - từ Zhuaxia, Xian Guo, Douban, Google Reader, từ các trang web được và không được phép đăng lại; bởi vì bị hàng nghìn người đọc là một điều rất áp lực; bởi vì tôi hy vọng giữ lại một chút ngẫu hứng và bản ngã, giữ lại một chút tính riêng tư của blog, và khi bạn biết có hàng chục nghìn người đang đọc bài viết của bạn, mọi thứ sẽ không còn tự nhiên nữa.

Trước khi tôi bắt đầu viết blog, tôi thường đọc blog của người khác, có blog tôi rất thích, có blog tôi không thích lắm. Theo tôi, thế giới này rất phức tạp, nhưng một bài viết hay phải rõ ràng và dễ hiểu; các cuộc thảo luận trên internet thường mang tính cảm xúc, nhưng một bài viết hay phải lý trí và điềm tĩnh; học vấn của nghiên cứu sinh rất uyên thâm, nhưng một bài viết hay không nên cố ý tỏ ra sâu sắc; thế giới đầy rẫy những điều bất ổn, vì vậy một bài viết hay nên coi trọng quá trình lập luận hơn là kết luận cụ thể.

Tuy nhiên, trong thế giới internet tiếng Trung, những bài viết phổ biến nhất lại là những bài viết hơi giật gân, chiều theo tâm lý đám đông, quan điểm cực đoan và tuyệt đối, hoặc cố ý thần bí, và cuối cùng là thêm một chút tin tức giật gân. Khi tôi bắt đầu viết blog, các tiêu đề phổ biến nhất về kinh tế học thường tương tự như "Các nhà kinh tế học chính thống đồng loạt im lặng", "Nhà kinh tế học nổi tiếng nào đó đang thay mặt cho ai", "Dạy bạn kinh tế học trong ba phút", "Tại sao thị trường chứng khoán sẽ tăng lên 10.000 điểm" hoặc "Người đoạt giải Nobel tuyên bố bong bóng Trung Quốc sắp vỡ" etc.

Trong quá trình viết blog, tôi cũng không ngừng nhận ra rằng viết một số chủ đề và quan điểm nhất định sẽ bị mắng chửi, ngược lại, viết những chủ đề hoặc quan điểm này thường sẽ nhận được một số lời khen ngợi. Vì vậy, tôi thậm chí còn viết một cách hài hước một bài viết có tựa đề "Cách Bị Mắng Chửi 100%" để tổng kết kinh nghiệm của mình:

1. Muốn bị phe cánh hữu mắng chửi: nói điều tốt về Trung Quốc hoặc điều xấu về Mỹ;
2. Muốn bị phe cánh tả mắng chửi: nói điều tốt về Trung Quốc hoặc Mỹ (từ đó bạn có thể thấy điểm giống và khác nhau giữa phe cánh tả và phe cánh hữu);
3. Muốn bị đồng nghiệp học kinh tế mắng chửi: nói bất cứ điều gì;
4. Muốn bị người ngoài ngành không học kinh tế mắng chửi: nói bất cứ điều gì hoặc không nói gì (trường hợp trước gọi là thay mặt phát ngôn, trường hợp sau gọi là im lặng);
5. Muốn bị các nhà đầu tư chứng khoán hiện tại mắng chửi: nói rằng thị trường chứng khoán sắp sập;
6. Muốn bị những người mua nhà trả góp trong tương lai mắng chửi: nói rằng giá nhà sắp tăng;
7. Muốn bị người chưa ra nước ngoài mắng chửi: nói về Trung Quốc;
8. Muốn bị người đã ra nước ngoài mắng chửi: nói về Trung Quốc (ai cũng tự cho rằng mình hiểu Trung Quốc là Trung Quốc khách quan và chân thực nhất. Người chưa ra nước ngoài nói bạn, người ở bên ngoài biết gì? Người đã ra nước ngoài nói, bạn đã ra nước ngoài rồi sao vẫn chưa hiểu rõ?);
9. Muốn bị người đi làm mắng chửi: nói rằng lý thuyết là đúng;
10. Muốn bị người đi học mắng chửi: nói rằng lý thuyết là sai;
11. Muốn bị người đã đọc một số sách mắng chửi: viết quá dễ hiểu (nhiều người nghĩ rằng viết văn bản sao cho người khác không hiểu mới là cao siêu, rồi dùng hiểu hay không hiểu để phân biệt, những gì bản thân không hiểu gọi là có trình độ, những gì hiểu được gọi là không có trình độ);

12. Muốn bị người chưa đọc nhiều sách mắng chửi: viết quá dễ hiểu hoặc quá khó hiểu (khiến người ít học hiểu được là một điều rất rắc rối, thường xảy ra trường hợp tú tài gặp lính. Khiến người ít học không hiểu được cũng rất rắc rối, vẫn là tú tài gặp lính);

13. Muốn bị người quá giàu trí tưởng tượng mắng chửi: viết quá ẩn ý (chỉ cần bạn không nói rõ quan điểm của mình ra, người ta có thể liên tưởng đến một quan điểm hoàn toàn trái ngược hoặc hoàn toàn không liên quan đến quan điểm của bạn, rồi chỉ trích dựa trên đó);

14. Muốn bị người thiếu trí tưởng tượng mắng chửi: viết quá ẩn ý (người ta không tài nào nghĩ ra bạn muốn nói gì, vì vậy chỉ có thể quy chụp một quan điểm rồi chỉ trích);

15. Muốn bị người không viết blog mắng chửi: viết blog [lý do của họ là: tôi rất tập trung vào công việc, không bao giờ lãng phí thời gian viết blog (tuy nhiên vẫn rất có thời gian để đọc blog và mắng chửi), không giống như bạn, không tập trung vào công việc];

16. Muốn bị người viết blog mắng chửi: xem mục 1-14.

Nhưng chính những bài viết mà tôi không thích nhưng lại được yêu thích trên internet, và những độc giả thích mắng chửi, đã thôi thúc tôi tiếp tục viết blog của mình. Tôi nghĩ như thế này, đại đa số mọi người đều không phải là chuyên gia kinh tế, mức độ hiểu biết của nhiều người trong số họ về các vấn đề kinh tế chỉ phụ thuộc vào trình độ của những gì họ có thể đọc được. Thay vì phàn nàn rằng độc giả thiếu khả năng phân biệt, tốt hơn hết là thừa nhận rằng chất lượng của các bài viết phổ thông tiếng Trung về kinh tế quá kém. Và blog của tôi, dù chất lượng có hạn, dù quan điểm có thiên lệch, ít nhất cũng có thể cung cấp cho độc giả của tôi một cách đọc thay thế, một góc nhìn khác biệt, ít nhất cũng có thể khiến một số người nhận ra rằng còn có những cách tư duy khác để suy nghĩ về cùng một vấn đề. Sẽ luôn có những người có tư duy cực đoan mắng chửi, nhưng trong thâm tâm, tôi tin rằng đại đa số độc giả có khả năng phân biệt. Miễn là tôi viết một cách chân thành, họ sẽ tha thứ cho những sai sót và thiếu sót của tôi.



Chuyên ngành đại học của tôi là điện tử học, đó là một môn học thú vị nhưng không khiến tôi phấn khích. Một ngày nọ khi đang học năm thứ hai đại học, tôi nhìn thấy quảng cáo tuyển sinh ngành kinh tế học của Trung Tâm Nghiên Cứu Kinh Tế Trung Quốc thuộc Đại học Bắc Kinh, khi đó vẫn đang trong giai đoạn sơ khai. Sau đó, tôi đã đi học. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ, khi lần đầu tiên trong đời tôi tham gia một buổi học kinh tế và nhìn thấy giáo sư Lu Feng vẽ hai đường cung và cầu trên bảng đen, tôi đã bị chinh phục ngay lập tức bởi sự đơn giản và vẻ đẹp của kinh tế học. Tình yêu sét đánh này sau đó đã trở thành một niềm yêu thích lâu dài, kể từ đó tôi chưa bao giờ từ bỏ kinh tế học, từ bằng kép đại học, đến thạc sĩ, tiến sĩ, cho đến công việc hiện tại.

Kinh tế học mà tôi biết không phải lúc nào cũng dùng để trị quốc an dân. Nếu nói kinh tế học vĩ mô là phần gần nhất với việc trị quốc an dân của kinh tế học, thì phần thành công nhất của kinh tế học lại không phải là phần này, bởi vì kinh tế học vĩ mô còn quá nhiều vấn đề chưa thể trả lời. Ngược lại, nghiên cứu kinh tế học trong lĩnh vực vi mô lại là phần có tính đồng thuận cao hơn trong kinh tế học, do dữ liệu nhiều, quy mô dân số lớn, hiện tượng lặp lại nhiều. Nhưng điểm đẹp của kinh tế học là nó có một khuôn khổ và mô hình phân tích thống nhất, cung cầu, cân bằng và giá cả, những khái niệm này có thể được sử dụng để phân tích các vấn đề vĩ mô như tăng trưởng, việc làm, lạm phát, chính sách tiền tệ và tài khóa, cũng có thể

được sử dụng để phân tích các hiện tượng vĩ mô như định giá của doanh nghiệp, quảng cáo, bảo hiểm, hợp đồng, đàm phán, hơn nữa có thể được sử dụng để phân tích các hoạt động xã hội tương chừng như không liên quan trực tiếp đến kinh tế như hôn nhân, sinh nở, tội phạm.

Điều thu hút tôi nhất ở kinh tế học chính là mô hình tư duy của nó, góc độ nó nhìn nhận thế giới, chứ không phải bất kỳ kết luận cụ thể nào. Các kết luận cụ thể sẽ thay đổi do những thay đổi về điều kiện, ràng buộc, môi trường và tiền đề. Sao chép kết luận không phải là học thuật cao siêu, đặc biệt đối với kinh tế học, một môn khoa học xã hội. Và phương pháp phân tích vấn đề có thể được áp dụng rộng rãi. Cung cầu, cân bằng và giá cả trong kinh tế học, những khái niệm tưởng chừng như đơn giản này, có thể dẫn dắt bạn hiểu được nhiều hiện tượng kinh tế xã hội tưởng chừng như phức tạp. Tôi nhận thức đầy đủ rằng kết luận của những bài viết của tôi có thể không đúng. Khi viết là như vậy, nhìn lại càng như vậy. Nhưng đúng sai của kết luận không phải là điều tôi coi trọng nhất trong quá trình viết. Các vấn đề xã hội rất phức tạp, "đúng" hay "sai" vốn dĩ không có tiêu chuẩn khắt khe, xuất phát từ những góc độ khác nhau rất có thể dẫn đến những kết luận khác nhau. Thói quen dùng đúng sai để đánh giá hay dở của một bài viết vốn dĩ là biểu hiện của tư duy một chiều. Điều tôi coi trọng nhất là liệu tôi có thể mang đến một chút tiếng nói lý trí cho thế giới internet đầy rẫy những tiếng ồn ào, đầy cảm xúc hay không, liệu tôi có thể cung cấp một góc nhìn kinh tế học khả thi cho nhiều vấn đề mà mọi người quan tâm hay không, liệu tôi có thể thách thức một số mô hình tư duy đã ăn sâu bám rễ hay không. Mong muốn nhỏ nhoi của tôi là, sau khi đọc xong bài viết của tôi, người khác sẽ cảm thấy: tôi có thể không đồng ý với quan điểm của người này, nhưng phân tích của anh ta là có lý, thú vị, tôi chưa từng nghĩ về vấn đề này từ góc độ của anh ta.

IV

Hướng nghiên cứu của bằng tiến sĩ của tôi là kinh tế học vĩ mô mở. Trong kinh tế học, kinh tế học vĩ mô mở có lẽ là lĩnh vực "vĩ mô nhất": tỷ giá hối đoái, nợ, thặng dư và thâm hụt thương mại, dòng vốn quốc tế, khủng hoảng tiền tệ và nợ, cũng như ảnh hưởng và phối hợp lẫn nhau của chính sách tiền tệ, tài khóa và tài chính quốc tế, etc., tất cả các vấn đề kinh tế ở quy mô vĩ mô xuyên quốc gia đều thuộc lĩnh vực này quan tâm. Lĩnh vực chuyên môn của tôi, và công việc tôi đang làm, đã cho tôi cơ hội rất quý giá để quan sát, tìm hiểu và nghiên cứu nhiều quốc gia thuộc các loại hình khác nhau trên thế giới và các chính sách kinh tế vĩ mô của họ.

Nhìn nhiều ví dụ của các nước khác, tôi đã có một góc nhìn khác để nhìn Trung Quốc. Trung Quốc rất đặc biệt, nhưng con đường phát triển mà Trung Quốc đã trải qua không phải lúc nào cũng là độc nhất vô nhị, bạn có thể tìm thấy một cách mơ hồ quá khứ và tương lai của nền kinh tế Trung Quốc ở nhiều quốc gia.

Quan điểm của tôi về tương lai của nền kinh tế Trung Quốc, tóm lại là: lạc quan nhưng lo lắng. Sự lạc quan của tôi về nền kinh tế Trung Quốc xuất phát từ những quan sát như sau - Trung Quốc có một dân số đông đảo, khỏe mạnh và được giáo dục tương đối tốt (so với mức thu nhập của chúng ta), sẵn sàng chịu đựng gian khổ và khao khát giàu có; dân số này đã hình thành một sự công nhận cơ bản về nền kinh tế thị trường có lợi cho phát triển lực lượng sản xuất trong quá trình cải cách kéo dài hàng chục năm; dân số này dám chấp nhận thay đổi và đã quen với thay đổi trong những biến động dữ dội; Trung Quốc có một lịch sử tốt đẹp về việc không ngừng vượt qua khó khăn, tìm kiếm lối thoát thông qua cải cách trong 30 năm qua; và,

có lẽ hơi nghịch lý, đất nước chúng ta vẫn còn đầy rẫy các vấn đề. Một quốc gia đầy rẫy những vấn đề, nhìn tĩnh có lẽ là điều xấu. Nhưng nhìn động, một khi chúng ta vượt qua những vấn đề này, sẽ có những bước phát triển mới. Quá trình cải cách toàn diện, ở một mức độ lớn, là một quá trình cải thiện dần dần và giải quyết các vấn đề khác nhau. Chúng ta càng có nhiều vấn đề, chúng ta càng có nhiều dư địa để cải thiện, điều đó cũng có nghĩa là khả năng chúng ta tiếp tục phát triển với tốc độ cao càng lớn. Và những đặc điểm của người Trung Quốc đã đề cập ở trên khiến chúng ta, với tư cách là một tổng thể, từ thể chất, trí óc đến tâm lý, đều đã sẵn sàng để sửa chữa những vấn đề này. Không phải quốc gia đang phát triển nào cũng giống như Trung Quốc, trên thực tế, nhiều quốc gia đang phát triển không có những điều kiện như Trung Quốc. Vì vậy, trong thâm tâm, tôi rất lạc quan về tương lai của Trung Quốc.

Nhưng đồng thời tôi cũng lo lắng cho tương lai của Trung Quốc. Những cải cách tương đối dễ dàng đã hoàn thành, những nhóm lợi ích cố hữu mới đã hình thành trong quá trình cải cách, dân số của chúng ta đang phân hóa nhanh chóng, khoảng cách phân phối thu nhập cũng đang tiếp tục gia tăng. Khi chúng ta phải đối mặt với những cải cách khó khăn hơn và những vấn đề phức tạp hơn, khi có những nhóm lợi ích cố hữu ngày càng mạnh mẽ, có thể cản trở cải cách, khi dân số của chúng ta tiếp tục phân hóa đến mức ngày càng khó đạt được sự đồng thuận về hướng cải cách, cộng với những ràng buộc vốn đã dần siết chặt - từ tài nguyên đến môi trường đến cơ cấu dân số ngày càng già đi của chúng ta, tất cả đều khiến tương lai của nền kinh tế Trung Quốc tồn tại rất nhiều bất ổn. Đây không phải là những khó khăn không thể vượt qua, nhưng điều không thể xem nhẹ là nhiều quốc gia cũng đã từng đi đường vòng khi đối mặt với những tình huống tương tự - chủ nghĩa dân túy lan tràn, mâu thuẫn xã hội gia tăng và gia đình trị hoành hành - tất cả những điều này đều có thể dễ dàng bóp chết tăng trưởng kinh tế của chúng ta.

Và bất ổn lớn nhất mà nền kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt hiện nay là liệu có thể rút lui thành công khỏi chính sách tiền tệ và tài khóa mạnh mẽ để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008-2009, đồng thời tìm kiếm động lực tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế Trung Quốc trong bối cảnh các nước phát triển đang tăng trưởng yếu ớt hay không. Điều này gần như chắc chắn có nghĩa là mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc phải thay đổi, từ định hướng xuất khẩu và đầu tư sang dựa vào tiêu dùng trong nước nhiều hơn. Sự chuyển đổi này chắc chắn sẽ gặp phải rất nhiều trở ngại, bởi vì chuyển đổi có nghĩa là nhiều nhóm lợi ích cố hữu sẽ mất đi lợi ích, có nghĩa là sẽ có người thắng và kẻ thua. Và liệu có thể chuyển đổi thành công hay không chính là một phép thử quan trọng đối với nền kinh tế Trung Quốc.

Có lẽ chính sự tồn tại song song giữa kỳ vọng và lo lắng đã khiến tôi - một người quan tâm đến nền kinh tế Trung Quốc - cầm bút viết lách, điều này đối với tôi, một người học kinh tế, là một điều vô cùng thú vị. Sự quan tâm này cũng sẽ liên tục cung cấp chất liệu mới để tôi có thể tiếp tục viết. Cuốn sách này có lẽ chỉ là điểm khởi đầu.

Mặc dù những vấn đề tôi quan tâm thường rất vĩ mô, nhưng blog của tôi thường bắt đầu từ những điều nhỏ nhặt nhất, nhiều khi rất đời thường. Bởi vì tôi tin rằng các nguyên lý trên thế giới này đều có điểm chung. Có câu thơ rằng:

Một hạt cát, một thế giới,
Một bông hoa, một thiên đường,
Nắm giữ vô hạn trong tay,
Khoảnh khắc trở thành vĩnh cửu. ⁽¹⁾

Đây là lời nói đầu.

Quo Kai

Tối ngày 9 tháng 8 năm 2010

Tại nhà bên sông Potomac

⁽¹⁾ Bốn câu thơ đầu tiên của bài thơ dài "[Lời Tiên Tri Ngay Thơ](#)" của nhà thơ và họa sĩ người Anh William Blake (1757-1827).

Mục lục

Lời Nói Đầu.....	1
I.....	1
II	3
III	4
IV	5
Phần I: Trung Quốc chạy marathon với tốc độ nước rút	
Chương 1: Làm thế nào để sử dụng dự trữ ngoại hối.....	11
1. Lúa dư thừa làm gì - Nỗi buồn của dự trữ ngoại hối.....	11
2. Cho ai vay lúa dư thừa - Cảm giác bất lực khi giảm nắm giữ.....	13
3. Trả tiền cho tôi không phải là "trả lại sự giàu có cho người dân"	15
Chương 2: Giá nhà! Giá nhà! Giá nhà!	16
1. Bao nhiêu năm lương mới mua được một căn nhà.....	19
2. Vấn đề giá nhà không thể một mũi tên trúng hai đích.....	21
3. Giá nhà có tăng hay không, phải xem so sánh như thế nào.....	23
4. Lý thuyết của Bộ Tài nguyên	26
5. Tại sao không thuê nhà.....	28
6. Tại sao không mua nhà.....	29
Chương 3: Hàng Trung Quốc có thực sự rẻ?.....	33
1. Hàng Trung Quốc rẻ ai là người chịu thiệt.....	33
2. Năng lực cạnh tranh "treo chai truyền"	36
3. PetroChina và Sinopec "bán nước"	37
4. Thuế quan trả đũa ai là người bị trừng phạt	39
Chương 4: Nỗi lo về tỷ lệ việc làm.....	42
1. Ảo tưởng về tăng việc làm dựa vào ngành sản xuất.....	43
2. Dữ liệu việc làm khó hiểu.....	45
3. Công nhân nhập cư có việc làm, sinh viên đại học thất nghiệp	47
4. Giảm lương tập thể hay một số ít thất nghiệp	49
Chương 5: Giá cả, động lực và phân phối lợi ích.....	51
1. Sự thật về giá nước bị đánh hội đồng.....	52
2. "Bị cao tốc" và giá vé tàu Tết.....	53
3. Ô tô dung tích nhỏ chưa chắc tiết kiệm năng lượng.....	55
4. Chìa khóa để giảm phát thải nằm ở cách phân bổ lợi ích.....	56

5. "Tiền mua đường" của Trung Quốc và Hoa Kỳ	60
Chương 6: Liệu tăng trưởng tốc độ cao có bền vững	62
1. Khi nào nền kinh tế Trung Quốc sẽ sụp đổ	63
2. Không thể vừa "trì trệ" vừa "lạm phát"	65
3. Con dao hai lưỡi của lợi thế dân số	67
4. Đây là Trung Quốc, nhưng không phải là Trung Quốc hiện tại	69
5. Một quốc gia chạy marathon với tốc độ nước rút.....	71
Chương 7: Chống động đất và tái thiết sau thảm họa.....	73
1. Động đất + kinh tế vĩ mô = một ảo tưởng	73
2. Tái thiết sau thảm họa đừng biến thành thuốc tiên vôi vữa.....	75
3. Tiêu chuẩn chống động đất và quyền tự do lựa chọn	76
Phần II: Hoa Kỳ trong suy thoái	
Chương 8: Suy thoái và giảm phát do khủng hoảng gây ra.....	81
1. Bằng chứng suy thoái	81
2. Giảm phát nguy hiểm hơn hổ dữ	83
3. "Kiểm tra căng thẳng" không áp lực.....	85
4. Mô hình Ponzi bị dung túng	86
Chương 9: Bạn có bỏ phiếu cho Obama?	88
1. Đừng thần thánh hóa chính phủ.....	88
2. Tờ khai thuế của Obama.....	90
3. Niềm vui cho tất cả mọi người bằng niềm vui vô ích	91
4. Chọn Hoa hậu hay chọn Tổng thống	93
Chương 10: Kính vạn hoa Hoa Kỳ	94
1. Buổi biểu diễn của "Đảng Trà"	94
2. Điều trị sớm, chẩn đoán sớm có phải là cách tiết kiệm chi phí y tế?	96
3. Kỷ nguyên Kennedy khép lại	98
4. Tỷ lệ béo phì và thu nhập bình quân đầu người	99
Phần III: Kinh tế học ẩn sau cuộc sống	
Chương 11: Hàng tốt không rẻ	102
1. Tài xế thích "kiếm lời" và con đường "hiệu quả"	102
2. Tâm thế nhựa kỳ diệu	104
3. Tại sao công ty thẻ tín dụng lại yêu bạn đến vậy	105
4. Sau khi phần mềm lậu bị cấm.....	107
Chương 12: Thu nhập, nhu cầu và hạnh phúc	110
1. Làm hết sức mình hay lấy theo nhu cầu	111
2. Phân phối thu nhập và tài sản của Trung Quốc sẽ đi về đâu	113

3. Trả lương như nhau đối với phụ nữ là tốt hay xấu	116
4. Giá trị việc nhà và chỉ số hạnh phúc.....	117
5. Thu nhập dựa vào đâu để tăng trưởng bền vững	119
6. Công bằng hay không công bằng	120
Chương 13: Nghịch lý của thị trường.....	123
1. "Con rồng sinh ra con rồng" và "Bầy nghèo đói"	123
2. Nên cấm thuốc lá đắt tiền	124
3. Y tế thiết yếu và xa xỉ	126
4. Mối lo ngại về xã hội đen	127
5. Muốn tiền hay muốn mạng.....	128
Phần IV: Hạn chế của kinh tế học, thị trường và chính phủ	
Chương 14: Thị trường và chính phủ đều có thể thất bại.....	130
1. Chính phủ can thiệp quá nhiều	131
2. Chernobyl của rác thải điện tử.....	132
3. Chế độ chuyển nhượng phi công	134
4. Hoa Kỳ cần Tần Thủy Hoàng.....	135
5. "Cải cách tiền tệ" kiêu tịch thu của Triều Tiên	137
6. Mundell và Krugman, ai thắng ai thua chưa rõ	139
Chương 15: Con người thông minh đến mức nào	141
1. Vụ bê bối Enron và giao dịch thời tiết.....	141
2. Sự thật về kinh tế học ma quỷ	143
3. Thử nghiệm tư duy	144
4. Con người thông minh đến mức nào	146
Hậu ký	148

CHƯƠNG 1: LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỬ DỤNG DỰ TRỮ NGOẠI HỐI

Lượng dự trữ ngoại hối khổng lồ của Trung Quốc không chỉ nhận được sự quan tâm rộng rãi trên toàn thế giới, mà còn trở thành chủ đề bàn tán hàng ngày của người dân trong nước. Ba bài viết liên tiếp "Lúa dư thừa làm gì", "Cho ai vay lúa dư thừa" và "Trả tiền cho tôi không phải là "trả lại sự giàu có cho người dân"" đều thảo luận về các vấn đề liên quan đến dự trữ ngoại hối. Bài viết "Lúa dư thừa làm gì" giải thích sự tăng trưởng của dự trữ ngoại hối Trung Quốc, tỷ suất sinh lợi thấp của dự trữ ngoại hối phần lớn là do các vấn đề cơ cấu của chính Trung Quốc, nói một cách đơn giản là sản xuất mạnh, nhu cầu trong nước yếu. Trước khi vấn đề cơ cấu này được giải quyết, việc sử dụng loại tiền tệ nào làm tiền tệ dự trữ cũng khó có thể thực sự giải quyết được vấn đề tỷ suất sinh lợi thấp của dự trữ ngoại hối. Bài viết "Cho ai vay lúa dư thừa" phản hồi quan điểm phổ biến "Nếu Trung Quốc giảm nắm giữ USD, Mỹ sẽ cạn kiệt tiền". Việc Trung Quốc giảm nắm giữ USD sẽ không làm giảm sự tăng trưởng dự trữ ngoại hối của Trung Quốc, tức là sẽ không làm giảm dòng vốn chảy ra nước ngoài của Trung Quốc. Và những dòng vốn chảy ra này, trong một thị trường tài chính toàn cầu có tính thanh khoản, cuối cùng vẫn sẽ chảy vào Mỹ, quốc gia vay nợ lớn nhất. Bài viết "Trả tiền cho tôi không phải là "trả lại sự giàu có cho người dân"" là bài viết bác bỏ quan điểm vô lý về việc phân phối dự trữ ngoại hối cho người dân, người phạm phải sai lầm phổ biến này là do không hiểu rằng ngân hàng trung ương thực tế không nắm giữ tài nguyên thực sự, và chủ sở hữu cuối cùng của dự trữ ngoại hối không phải là ngân hàng nhân dân. Cơ quan có thể in tiền chưa chắc đã là cơ quan có tiền, ngân hàng trung ương của bất kỳ quốc gia nào cũng như vậy.

Nguồn gốc cuối cùng của việc lãng phí lương thực vẫn là do Wang Er, bởi vì khả năng sản xuất của anh ta vượt quá khả năng tiêu thụ của chính mình, đây chính là điều chúng ta thường nói là "nhu cầu trong nước yếu".

1. LÚA DƯ THỪA LÀM GÌ - NỖ BUỒN CỦA DỰ TRỮ NGOẠI HỐI

Ngay sau khi cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế bùng phát vào mùa thu năm 2008, [Thống đốc Zhou Xiaochuan đã tuyên bố rằng nên thiết lập một loại tiền tệ dự trữ siêu quốc gia để thay thế USD làm tiền tệ dự trữ thế giới](#). Ngay khi lời nói này được đưa ra, giới chính trị và tài chính trên toàn thế giới đã chấn động. Tổng thống mới đắc cử của Hoa Kỳ, Barack Obama, thậm chí còn đích thân lên tiếng phản hồi - không cần thiết phải có một loại tiền tệ siêu quốc gia, USD vẫn an toàn.

Là một cử chỉ chính trị, tuyên bố của Thống đốc Zhou Xiaochuan chắc chắn đã tạo ra hiệu ứng "gỗ núi dọa hổ", đến mức trong một khoảng thời gian khá dài sau tuyên bố, cuộc thảo luận về trách nhiệm của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế đã chuyển từ việc tập trung vào tỷ giá nhân dân tệ và thặng dư khổng lồ của Trung Quốc sang nước Mỹ - quốc gia khởi phát cuộc khủng hoảng, khiến cho thế tấn công gay gắt vốn có của người Mỹ đột nhiên trở thành thế phòng thủ. Tuy nhiên, xét về thực tế kinh tế, ngay cả khi thực sự có một loại tiền tệ dự trữ siêu quốc gia, tỷ suất sinh lợi thấp của dự trữ ngoại hối Trung Quốc, thậm chí là tình trạng thua lỗ có lẽ cũng khó thay đổi, bởi vì loại tiền tệ dự trữ không phải là căn nguyên của

vấn đề. Hãy tưởng tượng ví dụ sau, tuy có vẻ đơn giản nhưng thực chất được biến đổi từ các tài liệu và mô hình cân cân thanh toán chính thống:

Wang Er sống một mình trên một hoang đảo, tự mình khai hoang, trồng trọt. Mỗi năm thu hoạch được lương thực, một phần để làm giống cho năm sau, một phần để ăn riêng. Ban đầu, lương thực thu hoạch được mỗi năm không nhiều, căn bản không có dư thừa. Sau đó, một năm mưa thuận gió hòa, thu hoạch được thêm ba năm đàu, sau khi ăn no và để dành đủ giống, vẫn còn khá nhiều lương thực dư thừa. Chẳng bao lâu, mùa hè đến, lương thực dư thừa sắp bị hỏng, ăn cũng không hết, lại không có đất để gieo trồng. Xin hỏi, Wang Er nên làm gì?

Có lẽ chẳng còn cách nào khác, ngoài việc nhìn lương thực bị hỏng, còn biết làm sao? Lẽ ra lương thực dư thừa có thể dùng để ủ rượu, xay bột hoặc làm bánh gạo, nhưng tiếc là Wang Er không biết làm.

Tiếp theo, giả sử Wang Er không sống một mình trên hoang đảo, anh ta còn có một người hàng xóm tên là Robinson. Nếu Robinson có đất trống, Wang Er có thể cho anh ta vay lương thực dư thừa của mình. Robinson gieo trồng bằng số lương thực vay được, đến mùa thu khi thu hoạch lương thực mới, anh ta sẽ trả lại số lương thực đã vay của Wang Er, có lẽ còn trả thêm một chút nữa, coi như là tiền lãi. Như vậy, cả Wang Er và Robinson đều có lợi, lương thực dư thừa của Wang Er đã có chỗ sử dụng, đất trống của Robinson cũng đã có giống. Đến mùa thu, cả hai đều có nhiều lương thực hơn để tiêu thụ.

Đây là một thế giới hai người không có tiền tệ, hàng hóa thông dụng chính là lương thực. Khi Wang Er cho Robinson vay lương thực, một điều quan trọng đã xảy ra: Wang Er đã có dự trữ (ngoại hối) của riêng mình, Robinson đã có nợ nước ngoài của riêng mình. Dự trữ cũng được, nợ nước ngoài cũng được, đều được định giá bằng lương thực, có giá trị thực, không có vấn đề "mất giá".

Bây giờ, hãy tưởng tượng tình huống sau: thực tế, Robinson căn bản không có đất trống, lương thực vay được do anh ta ăn hết cũng được, bị hỏng cũng được, vứt xuống biển cũng được, hoặc được chứng khoán hóa cũng được, điều đó không quan trọng, quan trọng là số lương thực này chưa bao giờ được gieo trồng. Đến mùa thu khi thu hoạch, sản lượng lương thực trên đảo không tăng lên, Robinson cũng không có lương thực dư thừa để trả cho Wang Er. Lúc này, Wang Er đi tìm Robinson để đòi nợ, Robinson phải làm sao? Có ba khả năng: Một là, thất lưng buộc bụng trả lại; Hai là, quyt nợ; Ba là, trả một phần, quyt một phần.

Hãy suy nghĩ kỹ về dự trữ ngoại hối của Trung Quốc, cho dù ở dạng tiền tệ nào, về bản chất vẫn là: người Trung Quốc đã thu hoạch được "lương thực", cho một số quốc gia (ví dụ như Mỹ) vay, những quốc gia này đã không "gieo trồng" số "lương thực" đó, mà đã ăn hết, để bị hỏng hoặc chứng khoán hóa, nói chung là "tiêu thụ" chứ không "đầu tư". Nếu Trung Quốc đi đòi nợ, lựa chọn của những quốc gia này sẽ giống hệt như Robinson: Một là, [thất lưng buộc bụng](#) trả lại; Hai là, quyt nợ; Ba là, trả một phần, quyt một phần.

Vì vậy, nếu những quốc gia này thực hiện chính sách không phải là "thất lưng buộc bụng trả lại", thì kết quả mà Trung Quốc phải đối mặt chỉ có thể là bị "quyt nợ" hoặc bị "trả một phần, quyt một phần". Điều này không liên quan gì đến bản chất của việc sử dụng loại tiền tệ nào làm dự trữ. Cho đến nay, chính sách mà Mỹ thực hiện vẫn chưa có dấu hiệu thất lưng buộc bụng, nhưng việc quyt nợ hoàn toàn có lẽ là không thể, vì vậy "trả một phần, quyt một phần" có lẽ là kết quả tất yếu.

Khi vay lương thực, Robinson có thể đưa cho Wang Er đủ loại giấy nợ, gọi là USD cũng được, gọi là Quyền Rút vốn Đặc biệt ([SDR](#)) cũng được, chỉ cần Robinson không đưa ra

lương thực thật, cuối cùng thì những tờ giấy nợ này đều vô giá trị. Nếu thực sự cần Robinson đưa ra lương thực, phải đảm bảo Robinson gieo trồng số lương thực vay được, chứ không phải ăn hết, để bị hỏng hoặc chứng khoán hóa.

Quay trở lại vấn đề, giả sử Robinson vẫn ngoan cố, Wang Er quyết định từ nay sẽ không cho Robinson vay lương thực nữa. Nhưng Wang Er vẫn không có cách nào tốt hơn để xử lý lương thực dư thừa, cuối cùng lương thực vẫn sẽ bị hỏng, Wang Er cuối cùng vẫn lãng phí lương thực, chỉ là bị hỏng trong tay mình chứ không phải bị hỏng trong tay Robinson mà thôi. Theo nghĩa này, nguồn gốc cuối cùng của việc lãng phí lương thực vẫn là do Wang Er, bởi vì khả năng sản xuất của anh ta vượt quá khả năng tiêu thụ của chính mình, đây chính là điều chúng ta thường nói là "nhu cầu trong nước yếu".

Nếu không muốn lãng phí lương thực nữa, có vẻ như Wang Er thực sự cần phải học cách ủ rượu, xay bột hoặc làm bánh gạo - chỉ biết trồng trọt là không đủ.

Trên thế giới này, có con nợ bị chiều hư, nhất định sẽ có chủ nợ quá hào phóng. Trung Quốc, quốc gia cho vay ra nước ngoài với tốc độ hàng nghìn tỷ USD mỗi năm, có lẽ là chủ nợ hào phóng nhất trong lịch sử.

2. CHO AI VAY LÚA DƯ THỪA - CẢM GIÁC BẤT LỰC KHI GIẢM NẮM GIỮ

Trong dịp Tết Nguyên đán năm 2010, một tin tức đã gây ra nhiều sóng gió: Trung Quốc đã giảm nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ hơn 34 tỷ USD trong tháng 12 năm 2009. Mặc dù 34 tỷ USD có vẻ không phải là một con số nhỏ, nhưng sự ồn ào của giới truyền thông có lẽ là đã diễn giải quá mức. 34 tỷ USD, đối với dự trữ ngoại hối 2,4 nghìn tỷ USD của Trung Quốc, chưa đến 1,5%. Hơn nữa, biến động 1,5% cũng có thể do các lý do kỹ thuật khác gây ra, chẳng hạn như trái phiếu nắm giữ đến hạn nhưng chưa đầu tư vào trái phiếu mới, hoặc số lượng trái phiếu kho bạc Mỹ nắm giữ trực tiếp giảm nhưng số lượng trái phiếu kho bạc Mỹ nắm giữ thông qua bên thứ ba lại tăng lên.

Quan trọng nhất là, trái phiếu USD vẫn có thị trường thu nhập cố định sâu rộng nhất thế giới, và Cục Quản lý Ngoại hối Nhà nước gần như mỗi tháng đều phải mua 30-40 tỷ USD tài sản trên thị trường quốc tế, vì vậy, có lẽ không có nhà quản lý quỹ nào có thể vừa đầu tư với quy mô như vậy, vừa không tăng nắm giữ trái phiếu USD, đồng thời yêu cầu tính thanh khoản và an toàn tốt.

Quay trở lại vấn đề, giả sử Trung Quốc thực sự bắt đầu giảm nắm giữ trái phiếu USD, liệu lý do có thực sự như nhiều người nói, là để "cho người Mỹ một chút bài học"? Chưa chắc, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục duy trì thặng dư cán cân thanh toán quốc tế 300-400 tỷ USD mỗi năm. Bài viết "Lúa dư thừa làm gì" đã giải thích tại sao bản thân tiền tệ dự trữ không phải là căn nguyên khiến tỷ suất sinh lợi của dự trữ ngoại hối Trung Quốc thấp. Bây giờ, tôi sẽ tiếp tục câu chuyện của Wang Er, giải thích tại sao nếu Trung Quốc giảm nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ mà không giảm thặng dư đối ngoại, kết quả có thể không gây hại cho Mỹ.

Hãy tưởng tượng: có ba người sống trên một hòn đảo, Wang Er, Zhang San và Li Si. Wang Er làm việc nhiều, ăn ít, hàng năm đều dư thừa lương thực. Zhang San theo kiểu tự cung tự cấp, quanh năm vừa đủ ăn, vừa đủ tiêu. Li Si hơi lười biếng, lương thực của mình không đủ ăn, hàng năm đều phải vay của Wang Er. Vài năm trôi qua, trong tay Wang Er toàn

là giấy nợ của Li Si (hay còn gọi là dự trữ ngoại hối). Lương thực có đặc điểm là không thể để lâu, không ăn sẽ bị hỏng. Vì vậy, Wang Er cũng có vấn đề của riêng mình, nếu không cho Li Si vay số lương thực sản xuất dư thừa, cuối cùng lương thực cũng sẽ bị hỏng, ai bảo Wang Er không ăn hết được (hay còn gọi là nhu cầu trong nước yếu).

Li Si vừa vay lương thực của Wang Er, vừa luôn chỉ trích Wang Er, trách Wang Er sản xuất quá nhiều, kìm hãm nhiệt huyết sản xuất của mình. Li Si cho rằng, nếu không phải Wang Er sản xuất nhiều mà lại ăn ít như vậy, anh ta sẽ không lười biếng như vậy. Vì vậy, Li Si âm ỉ đòi kiện Wang Er bán phá giá.

Wang Er cảm thấy rất áy náy, lại nghĩ đến những điều không tốt khác của Li Si, liền nghiêng răng nghiêng lợi quyết định từ nay về sau sẽ không nhận giấy nợ của Li Si nữa (hay còn gọi là giảm nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ). Tuy nhiên, vẫn còn một vấn đề, không nhận giấy nợ của Li Si thì không sao, nhưng số lương thực không ăn hết mỗi năm thì phải làm sao? Vì vậy, Wang Er chỉ có thể tìm đến Zhang San, nói rằng tôi có nhiều lương thực ở đây, hay là cho bạn vay ăn nhé. Zhang San nghĩ, tối qua Li Si nói muốn đến vay lương thực, nhưng lương thực ở đây tôi chỉ đủ ăn, chỉ bằng làm như vậy, trước tiên tôi vay lương thực của Wang Er, viết cho anh ta một giấy nợ, ngày mai khi Li Si đến, tôi sẽ cho Li Si vay lương thực của Wang Er, nhận giấy nợ của Li Si.

Từ góc độ của Wang Er, anh ta đã thực hiện được ý tưởng không cho Li Si vay lương thực trực tiếp, giấy nợ trong tay anh ta đã thay đổi từ của Li Si sang của Zhang San. Từ góc độ của Li Si, tuy không thể vay lương thực trực tiếp từ Wang Er nữa, nhưng vẫn có thể vay từ nơi khác. Trên hòn đảo này chỉ có Wang Er có lương thực dư thừa, vì vậy, lương thực mà Li Si vay cuối cùng chỉ có thể là của Wang Er, chỉ là thông qua Zhang San chuyển tay một lần mà thôi. Zhang San chỉ là người trung gian ở đây, anh ta có thêm một đồng nợ, đồng thời cũng có thêm một đồng tài sản, một cộng một trừ, vừa đủ bù trừ.

Mặc dù câu chuyện này đã đưa ra rất nhiều giả định đơn giản hóa, nhưng nó phản ánh tình hình thực tế của dự trữ ngoại hối Trung Quốc: việc Trung Quốc giảm nắm giữ trái phiếu kho bạc Mỹ, bản thân nó không thay đổi thực tế rằng Trung Quốc là quốc gia thặng dư lớn nhất thế giới và Mỹ là quốc gia thâm hụt lớn nhất thế giới. Trung Quốc có thể tối ưu hóa danh mục đầu tư tài sản ngoại hối của mình theo nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn ra toàn cầu, quốc gia thực sự vay tiền chủ yếu vẫn là Mỹ, quốc gia thực sự cho vay vẫn là Trung Quốc. Giảm nắm giữ, chỉ là không cho chính phủ Mỹ vay tiền trực tiếp mà thôi, cuối cùng thì tiền vẫn sẽ chảy vào Mỹ một cách gián tiếp.

Về vấn đề dự trữ ngoại hối, Trung Quốc làm như thế nào mới có thể thực sự gây ảnh hưởng lớn nhất đến Mỹ? Không phải giảm nắm giữ, mà là thực sự thu hẹp thặng dư quốc tế của mình. Như hòn đảo nhỏ đã đề cập ở trên, nếu Wang Er không còn lương thực dư thừa, thì Li Si mới thực sự lo lắng, mới phải thắt lưng buộc bụng. Trên thế giới này, có con nợ bị chiều hư, nhất định sẽ có chủ nợ quá hào phóng. Trung Quốc, quốc gia cho vay ra nước ngoài với tốc độ hàng nghìn tỷ USD mỗi năm, có lẽ là chủ nợ hào phóng nhất trong lịch sử. Về ảnh hưởng đối với nền kinh tế toàn cầu, có lẽ chỉ có thặng dư của Đế quốc Anh mới có thể so sánh được với Trung Quốc.

Việc phân phối dự trữ ngoại hối bản thân nó sẽ không mang lại sự tăng trưởng của cải cho người dân. Nếu chính phủ thực sự muốn trả lại sự giàu có cho người dân, họ phải lấy tiền thực sự thuộc về chính phủ ra để phân phối. Tiền gì là tiền thực sự thuộc về chính phủ? Thu nhập tài chính của chính phủ.

3. TRẢ TIỀN CHO TÔI KHÔNG PHẢI LÀ "TRẢ LẠI SỰ GIÀU CÓ CHO NGƯỜI DÂN"

Wang Er đã đề cập trong hai phần trước, khiến người ta cảm thấy thực sự rất "ngốc", có nhiều lương thực dư thừa như vậy, nhiều dự trữ ngoại hối như vậy, tại sao không phân phối cho người của mình, mà lại giao cho người nước ngoài lãng phí? Vì vậy, đã có đề xuất phân phối dự trữ ngoại hối. Dự trữ ngoại hối không phải là rất nhiều sao? Phân phát cho người dân là được rồi, người dân chúng ta không sợ nhiều tiền tiêu không hết. Chỉ là, dự trữ ngoại hối thực sự không thể phân phát, bởi vì đó vốn dĩ không phải là tiền của chính phủ, mà là tiền của dân, làm gì có chuyện phân phát tiền của dân cho dân? Rất muốn nói rõ ràng việc "dự trữ ngoại hối không thể phân phát", theo cách mà ngay cả những người không hiểu bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương cũng có thể hiểu được. Đã nghĩ rất nhiều, tuy vẫn chưa thấy hài lòng lắm, nhưng vẫn chuẩn bị "dâng hiến" ở đây. Hãy để tôi giải thích từng bước một:

- Đề xuất 1:

Có người đề xuất, để trả lại sự giàu có cho người dân, ngân hàng trung ương in thêm 13 nghìn tỷ nhân dân tệ, sau đó phát cho 1,3 tỷ người dân, mỗi người 10.000 nhân dân tệ. Bạn có nghĩ đây là một ý kiến hay không?

Có lẽ là không. Nếu chỉ dựa vào in tiền là có thể khiến người dân trở nên giàu có, thì Zimbabwe đã trở thành quốc gia giàu nhất thế giới từ lâu. Cách đây không lâu, quốc gia này vừa phát hành tờ tiền mệnh giá nghìn tỷ, sau đó không lâu đã tuyên bố xóa 12 số 0 của tất cả các loại tiền tệ. Rõ ràng là, việc dựa vào in tiền để phát tiền sẽ không khiến người dân trở nên giàu có, mà chỉ tạo ra lạm phát mà thôi.

- Đề xuất 2:

Vì in tiền trực tiếp rồi phát tiền là không được, nên lại có người đề xuất, ngân hàng trung ương vẫn in thêm 13 nghìn tỷ nhân dân tệ, nhưng không phát trực tiếp cho người dân, mà dùng nó để mua những thứ có giá trị tương đương trên thị trường, ví dụ như TV, etc., sau đó phát hiện vật cho người dân. Lần này chắc chắn được rồi, bởi vì người dân nhận được không phải là tiền giấy mà là hiện vật, thêm một chiếc TV chắc chắn không thể là giả được, như vậy chẳng phải là "trả lại sự giàu có cho người dân" sao?

Xin lỗi, không được. Điều này vẫn là tạo ra lạm phát. Có vẻ như người dân có thêm một chiếc TV, trên thực tế, các tài sản nhân dân tệ khác mà người dân nắm giữ sẽ mất giá, vì vậy tài sản của người dân sẽ không thực sự tăng lên. Hãy nghĩ cực đoan hơn, nếu ngân hàng trung ương có thể làm như vậy, thì việc khiến người dân trở nên giàu có sẽ quá dễ dàng. Ngân hàng Nhân dân có thể không ngừng in tiền, sau đó mua sắm trên thị trường và phát cho mọi người, mỗi người một chiếc ô tô, một căn nhà, mỗi ngày phát đồ ăn ngon, nói chung là mọi thứ đều miễn phí, đều do chính phủ trả bằng cách in tiền, như vậy chẳng phải là có thể bước vào chủ nghĩa cộng sản trong vòng một ngày sao? Trên thực tế, điều này sẽ không xảy ra. Nếu chính phủ làm như vậy, tiền họ in ra sẽ sớm không mua được gì nữa. 13 nghìn tỷ có vẻ rất nhiều, nhưng không thể so sánh với lạm phát. Cách đây không lâu, ở Zimbabwe, quốc gia nghèo nhất thế giới, ai mà không có vài chục nghìn tỷ trong ví?

- Đề xuất 3:

Đề xuất này khá giống với đề xuất 2. Có người đề nghị ngân hàng trung ương in tiền để mua vàng phân phát cho mọi người, lần này là vàng thật.

Xin lỗi, nhưng điều này cũng không khả thi. Nó cũng gây ra lạm phát. Ai hiểu rằng đề xuất 2 không khả thi thì sẽ đồng ý rằng đề xuất 3 cũng không khả thi, chỉ cần tưởng tượng việc phân phát TV thành vàng là được (một chiếc TV plasma cao cấp có thể đắt hơn một chiếc nhẫn vàng). Một khi ngân hàng trung ương bắt đầu in tiền để mua vàng, giá vàng sẽ tăng vọt.

Nếu mọi người đồng ý rằng đề xuất 3 không khả thi, thì chúng ta đã tiến gần đến kết luận cuối cùng. Tại sao lại đề cập đến vàng? Vì vàng là tài sản cứng, đã thực sự là dự trữ ngoại hối thực sự; nó có tính thanh khoản cao, bạn có thể đổi vàng thành tiền hoặc dùng vàng để mua hàng hóa bất kỳ lúc nào. Thực tế, trong dự trữ ngoại hối của nhiều quốc gia, một phần đáng kể là vàng. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cũng có nhiều vàng, nhưng tỷ lệ vàng trong dự trữ ngoại hối của Trung Quốc thấp hơn nhiều.

- Đề xuất 4:

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc in tiền Nhân dân tệ, sau đó dùng tiền này mua đô la Mỹ trên thị trường và phân phát đô la Mỹ cho người dân.

Đề xuất này cũng không khả thi. Nếu bạn hiểu rằng việc mua vàng là không khả thi, bạn sẽ hiểu rằng việc mua đô la Mỹ cũng không khả thi, vì cả hai đều là tài sản cứng, có tính chất tương tự.

Nhưng, xin lưu ý rằng những người cho rằng việc phân phát dự trữ ngoại hối có thể làm giàu cho dân chúng lại chính là những người ủng hộ đề xuất 4, vì 99% đô la Mỹ mà Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nắm giữ là do in tiền mà mua. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc không tự tạo ra đô la Mỹ, toàn bộ đô la Mỹ của họ đều mua từ thị trường bằng Nhân dân tệ. Nhân dân tệ của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc từ đâu mà có? Xin lỗi, đều do họ in ra. Tất nhiên, hiện nay không cần in tiền vật lý, chỉ cần ghi một khoản trên tài khoản điện tử là đủ.

Về bản chất, đô la Mỹ mà Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nắm giữ, hay nói cách khác là dự trữ ngoại hối của chính phủ, không phải là tài sản của chính phủ. Giống như bạn vay một triệu nhân dân tệ để mua một ngôi nhà, bạn không trở thành triệu phú chỉ sau một đêm, vì ngoài việc sở hữu tài sản, bạn cũng có một khoản nợ. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cũng vậy. Tiền Nhân dân tệ mà họ in ra là khoản nợ của họ, việc đổi Nhân dân tệ thành đô la Mỹ hay các loại ngoại hối khác chỉ là một giao dịch, bản thân giao dịch này không mang lại lợi ích thêm cho chính phủ. Dự trữ ngoại hối của chính phủ thực ra là tài sản của người dân.

Nếu chính phủ thực sự muốn làm giàu cho dân chúng, họ cần sử dụng số tiền thực sự thuộc về chính phủ để phân phát. Tiền nào thực sự thuộc về chính phủ? Đó là thu nhập tài chính của chính phủ. Chỉ khi chính phủ sẵn sàng giảm bớt thu nhập của mình, chẳng hạn như giảm thuế, mới thực sự có thể thực hiện "làm giàu cho dân". Về hình thức tiền tệ nào để làm giàu cho dân, Nhân dân tệ, đô la Mỹ hay vàng đều không quan trọng. Quan trọng là "làm giàu cho dân" phải là hành động tài chính, không phải hành động tiền tệ.

Nếu vẫn chưa rõ, bạn có thể nghĩ như thế này: 4 đề xuất trên đều có một điểm chung, đó là chính phủ thực ra không có gì cả, họ phải mua đồ từ dân chúng trước, sau đó mới phân phát lại cho dân chúng. Bất kể thao tác phức tạp như thế nào, bản chất vẫn là lấy của dân rồi trả lại cho dân, tài sản rỗng của người dân không tăng thêm. Nếu chính phủ có thể tăng tổng tài sản bằng cách liên tục mua tài sản của dân chúng, thì thế giới này sẽ thực sự có cỗ máy

vĩnh cửu. Chỉ khi chính phủ giảm bớt sự chiếm hữu của mình trong nền kinh tế, để lại phần lớn nền kinh tế cho dân chúng, tài sản và thu nhập của dân chúng mới thực sự tăng lên.

CHƯƠNG 2: GIÁ NHÀ! GIÁ NHÀ! GIÁ NHÀ!

Ở Trung Quốc, thảo luận về giá nhà ngày càng giống như một môn thể thao quốc dân, mức độ tham gia và phổ biến rất cao, hơn nữa nhiều người còn có quan điểm rất gay gắt về vấn đề giá nhà. Trong quá trình quan tâm đến vấn đề giá nhà, tôi ngày càng nhận thấy rằng việc tập trung thảo luận về vấn đề nhà ở vào giá nhà, đến mức cuối cùng trọng tâm thảo luận về chính sách bất động sản cũng tập trung vào giá nhà, có tác dụng gây hiểu lầm nhất định. Vấn đề giá nhà về cơ bản không chỉ là vấn đề giá cả, mà còn là vấn đề cung ứng và phân phối. Đỗ Phủ đã nói rất hay, *"Ước gì có được muôn ngàn gian nhà rộng, che chở cho tất cả những người nghèo khổ trên thế giới được vui vẻ"*.

Trong quá trình đô thị hóa tốc độ cao, một lượng lớn dân số nhanh chóng tập trung vào các thành phố trung tâm, cư dân thành thị cũng cần cải thiện điều kiện nhà ở, phải có "muôn ngàn gian nhà rộng" để bố trí cho cư dân cũ và mới. "Muôn ngàn gian nhà rộng" đến từ đâu? Không phải bằng cách hạ giá nhà mà ép ra. Ngược lại, nên thông qua việc tăng cung ứng đất đai, cuối cùng là tăng cung ứng nhà ở để đạt được. Sau khi nhà được xây dựng, còn phải phân phối một cách hợp lý, như vậy mới có thể đảm bảo nhà ở cho đại đa số người dân.

Làm thế nào để thực hiện phân phối hợp lý? Việc chỉ thông qua các biện pháp thị trường, tức là ai có nhiều tiền hơn thì mua được nhà, có nhiều hạn chế, đặc biệt là trong bối cảnh khoảng cách phân phối thu nhập ngày càng gia tăng. Việc đơn thuần hạ giá nhà cũng không thể giải quyết được vấn đề phân phối hợp lý. Theo tôi, việc bỏ qua cung ứng và phân phối nhà ở, mà quá quan tâm đến bản thân giá nhà, rất có thể là đã bỏ qua trọng tâm của vấn đề. Việc người dân bình thường quan tâm đến giá cả là điều dễ hiểu, nhưng nếu chính sách cũng chỉ quan tâm đến giá cả, thì chưa chắc đã là thực sự giải quyết vấn đề.

Một nhóm bài viết trong chương này, ít nhiều đều xoay quanh chủ đề lớn hơn ở trên, chỉ ra vấn đề có thể phát sinh do chỉ nhìn vào giá cả, đồng thời cung cấp một số góc nhìn khác nhau để nhìn nhận giá nhà. Bài viết ["Bao nhiêu năm lương mới mua được một căn nhà?"](#) thảo luận về việc, trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế tốc độ cao và phân phối thu nhập không đồng đều, giá nhà ở Trung Quốc có thể phản ánh mối quan hệ cung cầu thực tế và các yếu tố cơ bản, mặc dù là mối quan hệ cung cầu và các yếu tố cơ bản hơi méo mó. Điều này cũng có nghĩa là quan điểm về việc ép bong bóng là không đúng. Nhưng ngay cả khi không có bong bóng, vấn đề phân phối nhà ở vẫn tồn tại, và nguyên nhân sâu xa hơn đằng sau điều này vẫn là khoảng cách phân phối thu nhập. Bài viết "Vấn đề giá nhà không thể một mũi tên trúng hai đích" nói rằng, việc tìm đủ loại lý do để kiểm soát giá nhà, đôi khi có nhiều thành phần mờ hồ. Giá nhà là một vấn đề phân phối, cuối cùng cũng trở thành một vấn đề chính trị, việc đi thẳng vào bản chất của vấn đề sẽ quan trọng hơn để giải quyết vấn đề. Bài viết "Giá nhà có tăng hay không, phải xem so sánh như thế nào" trước tiên thảo luận về một vấn đề kỹ thuật - làm thế nào để đo lường mức tăng của giá nhà? Điều muốn nhấn mạnh ở đây là, do đô thị hóa nhanh chóng và tình trạng giao dịch chủ yếu là nhà mới, nên tồn tại khó khăn về khái niệm trong việc đo lường mức tăng của giá nhà ở Trung Quốc. Vì vậy, chúng ta không nên quá quan tâm đến một chỉ số giá nhà nào đó. Nhưng ẩn ý của bài viết này vẫn là, chúng ta không nên quan tâm đến giá cả vì quan tâm đến giá cả, điều chúng ta quan tâm cuối cùng vẫn là đại đa số người dân có nhà ở hay không. Bài viết "Lý thuyết của Bộ Tài nguyên" bác bỏ quan điểm của Bộ Tài nguyên cho rằng cung ứng đất đai không phải là nút thắt của cung ứng nhà ở. Theo tôi, lời biện minh của Bộ Tài nguyên không những không biện hộ cho bản thân, mà

ngược lại còn bộc lộ vấn đề cung ứng đất đai của Trung Quốc từ một khía cạnh. "Tại sao không thuê nhà?" và "Tại sao không mua nhà?" là hai bài viết chị em, hai bài viết này không cổ súy cho việc nên thuê nhà hay nên mua nhà. Ngược lại, hai bài viết này đang thảo luận về lý do tại sao nhiều người Trung Quốc trả lời "không" cho câu hỏi đầu tiên và "có" cho câu hỏi thứ hai. Nếu giá nhà thực sự quá cao, câu trả lời dường như phải ngược lại mới đúng. Hai bài viết này đưa ra một số câu trả lời cá nhân của tôi. Nhưng câu hỏi tôi đặt ra có lẽ quan trọng hơn câu trả lời tôi đưa ra.

Để đánh giá liệu giá nhà có được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản hay không, cần phải xem xét thu nhập của người mua nhà, chứ không phải thu nhập của toàn bộ dân số.

1. BAO NHIÊU NĂM LƯƠNG MỚI MUA ĐƯỢC MỘT CĂN NHÀ?

Vào mùa thu năm 2009, giá nhà ở Trung Quốc bắt đầu có dấu hiệu tăng mạnh sau khi ảm đạm trong giai đoạn 2008-2009. Một ngày nọ, tôi và Cốc Chủ ăn trưa cùng một cặp vợ chồng nhà kinh tế học Trung Quốc rất nổi tiếng trong ngành. Trong bữa ăn, chúng tôi trò chuyện đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Nhưng vì nghề nghiệp, chủ đề chúng tôi quan tâm nhất vẫn là nền kinh tế Trung Quốc. Tôi vẫn nhớ mình đã bị hỏi một câu hỏi như đang đi thi: anh làm thế nào để chứng minh giá nhà ở Trung Quốc không có bong bóng?

Đây là một câu hỏi giả định, đối phương không phải đang nói rằng bất động sản Trung Quốc không có bong bóng. Đây cũng là một câu hỏi hay, bởi vì việc xác định bong bóng có tồn tại hay không là một vấn đề nan giải được công nhận. Cựu Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Alan Greenspan, đã từng nói rất thẳng thắn: chỉ khi bong bóng vỡ, bạn mới có thể chắc chắn rằng đó là bong bóng. Vì vậy, khi thảo luận về việc liệu giá nhà ở Trung Quốc có bong bóng hay không, chúng ta không thể bắt đầu bằng cách giả định rằng Trung Quốc có hoặc không có bong bóng, mà phải đưa ra các lập luận của cả hai bên, sau đó đánh giá xem những lập luận này có hợp lý hay không. Trên thực tế, bốn người trên bàn ăn lúc đó đều cho rằng, việc chứng minh giá nhà ở Trung Quốc có bong bóng là tương đối dễ dàng, những quan điểm về mặt này cũng nhan nhản khắp nơi - chỉ cần nhìn vào các chỉ số thường dùng, chẳng hạn như tỷ lệ giá nhà trên thu nhập hoặc tỷ lệ giá bán trên giá thuê là đủ. Những chỉ số này của Trung Quốc đều rất cao, một số thành phố đã cao đến mức đáng sợ. Điều mà đối phương muốn thảo luận là liệu có khả năng nào khác, ngoài bong bóng, có thể giải thích cho những chỉ số cao bất thường này hay không. Đối với một người suy nghĩ nghiêm túc về vấn đề giá nhà, việc không dễ dàng loại trừ các khả năng khác là một thái độ có trách nhiệm.

Câu trả lời của tôi là: có thể có những cách giải thích khác. Tôi cho rằng, đặc điểm của Trung Quốc khiến nước này về lý thuyết có thể có các chỉ số cao hơn nhiều so với các quốc gia khác nhưng vẫn không tồn tại bong bóng. Nếu phải đưa ra một con số cụ thể, tôi nghĩ rằng chia các chỉ số của Trung Quốc cho 4, sau đó so sánh với các quốc gia khác thì mới hợp lý hơn. Nếu sau khi chia cho 4 mà vẫn cao bất thường, thì có thể tồn tại bong bóng; nếu tương đối thấp, thì không có bong bóng. Lấy tỷ lệ giá nhà trên thu nhập làm ví dụ, ở các quốc gia khác, 10 năm lương có thể mua được một căn nhà, còn ở Trung Quốc cần 40 năm lương mới mua được, nhưng Trung Quốc có thể vẫn không tồn tại bong bóng.

Sau khi nghe tôi nói như vậy, đối phương lập tức bày tỏ: xin được nghe chi tiết.

Vì vậy, tôi giải thích rằng, đây chỉ là một suy nghĩ đơn giản, chưa được suy nghĩ kỹ lưỡng và tính toán kỹ lưỡng, con số "4" cụ thể có thể hoàn toàn sai. Suy nghĩ của tôi như sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc ít nhất gấp đôi các quốc gia khác, vì vậy trong trường hợp các điều kiện khác giống nhau, các chỉ số giá nhà của Trung Quốc cũng phải đạt gấp đôi các quốc gia khác; Thứ hai, thu nhập trung bình của những người thực sự mua nhà thương mại cao hơn thu nhập trung bình của toàn bộ dân số. Nếu mức thu nhập của những người mua nhà gấp đôi toàn bộ dân số, thì đối với cùng một mức giá nhà, tỷ lệ giá nhà trên thu nhập được tính bằng thu nhập trung bình của toàn bộ dân số sẽ cao gấp đôi tỷ lệ giá nhà trên thu nhập được tính bằng thu nhập trung bình của những người mua nhà. Nếu kết hợp hai hiệu ứng này, có nghĩa là chia tỷ lệ giá nhà trên thu nhập của Trung Quốc cho 4 thì mới có thể so sánh được với các chỉ số của các quốc gia khác.

Đối phương rất dễ hiểu suy nghĩ của tôi. Còn họ có đồng ý với phân tích của tôi hay không thì tôi không biết, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào đánh giá cá nhân. Tóm lại, đối phương ra đề bài, tôi chỉ "theo đề mà làm" thôi, cả hai bên đều không coi trọng cuộc trò chuyện trên bàn ăn. Sau đây, tôi sẽ giải thích cụ thể hơn hai hiệu ứng đã đề cập ở trên.

Tại sao tốc độ tăng trưởng kinh tế cao lại có nghĩa là tỷ lệ giá nhà trên thu nhập của Trung Quốc cũng phải cao tương ứng? Việc giải thích điều này thông qua một ví dụ có lẽ trực quan nhất. Giả sử có hai quốc gia hoàn toàn giống nhau, mọi thứ đều giống nhau, bao gồm cả giá nhà và thu nhập bình quân đầu người hiện tại - giá nhà của cả hai quốc gia đều là 500.000, thu nhập bình quân đầu người mỗi năm là 50.000. Điểm khác biệt duy nhất là tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người, một quốc gia tăng trưởng 10% mỗi năm, quốc gia còn lại không tăng trưởng. Rõ ràng, tỷ lệ giá nhà trên thu nhập hiện tại của hai quốc gia là như nhau, đều là 10, tức là giá của một căn nhà tương đương với thu nhập 10 năm của một người. Nhưng vấn đề là, liệu tỷ lệ giá nhà trên thu nhập của hai quốc gia có tốc độ tăng trưởng thu nhập khác nhau có thể giống nhau hay không? Trên thực tế, điều này là không thể. Bởi vì chỉ sau vài năm, ví dụ như 7 năm sau, thu nhập bình quân đầu người của quốc gia không tăng trưởng vẫn là 50.000, trong khi thu nhập bình quân đầu người của quốc gia tăng trưởng 10% mỗi năm đã tăng gấp đôi, đạt 100.000 mỗi năm. Nếu tỷ lệ giá nhà trên thu nhập vẫn được duy trì ở mức 10, thì có nghĩa là giá nhà ở quốc gia không tăng trưởng thu nhập sẽ vẫn là 500.000, trong khi giá nhà ở quốc gia tăng trưởng thu nhập sẽ tăng lên 1 triệu. Nhưng nếu giá nhà ở một quốc gia sẽ tăng lên 1 triệu sau 7 năm, thì căn nhà 500.000 ngày hôm nay có lẽ sẽ quá rẻ, không bị tranh giành mới lạ. Nói cách khác, giá nhà ngày hôm nay khó có thể chỉ là 500.000, phải cao hơn mới đúng. Diễn đạt bằng lời nói rất khó chính xác, nhưng logic đằng sau điều này thực chất có thể được chứng minh bằng toán học - miễn là lãi suất không quá cao, thì ở quốc gia có thu nhập tăng trưởng nhanh hơn, tỷ lệ giá nhà trên thu nhập phải cao hơn mới đúng. Điểm mấu chốt ở đây là tỷ lệ giá nhà trên thu nhập chỉ phản ánh thu nhập tại một thời điểm, trong khi bản thân thu nhập lại là một quá trình động. Đối với giá nhà, thu nhập hiện tại quan trọng, nhưng thu nhập trong tương lai cũng quan trọng không kém. Thu nhập trong tương lai càng cao, tỷ lệ giá nhà trên thu nhập hiện tại sẽ càng bị đẩy lên cao.

Còn việc thu nhập trung bình của những người mua nhà thương mại ở Trung Quốc cao hơn thu nhập trung bình của toàn bộ dân số chỉ là một phỏng đoán, nhưng có lẽ không phải là một phỏng đoán quá phi lý. Ở Trung Quốc, những người có tiền để trả trước khi mua nhà, đồng thời có thể trả góp hàng tháng, cho dù là vay tiền của bố mẹ, họ hàng hay bạn bè, có lẽ cũng sẽ không phải là những người kiếm được mức lương công nhân nhập cư. Những người này phần lớn đều có thu nhập ổn định và khá. Mặc dù trên mạng thường có người phàn nàn về "tình trạng khó khăn" là lương 10.000 nhân dân tệ một tháng cũng không đủ tiêu, nhưng ở một quốc gia có GDP bình quân đầu người chỉ 30.000 nhân dân tệ, thu nhập 3.000 nhân dân tệ một tháng đã cao hơn mức trung bình khá nhiều, chứ đừng nói đến 10.000 nhân dân tệ một tháng. Trên thực tế, những người mua nhà trả góp ở Trung Quốc, tuy cuộc sống vất vả, nhưng

xét về mức thu nhập, họ không phải là nhóm thu nhập thấp. Điều cần nhấn mạnh ở đây là, liệu giá nhà có được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản hay không, điều quan trọng là phải xem xét thu nhập của người mua nhà, chứ không phải thu nhập của toàn bộ dân số. Những người mua nhà càng có tiền, giá nhà đối với người dân bình thường sẽ càng cao ngất ngưỡng.

Cuối cùng, tôi muốn chỉ ra rằng, những điều đã đề cập ở trên không có nghĩa là giá nhà cao là điều tốt. Ngược lại, tất cả những phân tích trên đều chỉ ra một thực tế phũ phàng: tăng trưởng kinh tế tốc độ cao của một quốc gia là rất tàn nhẫn đối với những người có thu nhập tăng chậm. Ngay cả khi không có đầu cơ, giá nhà cũng có thể bị đẩy lên nhanh chóng bởi những người có thu nhập cao hoặc thu nhập tăng nhanh. Giá nhà tăng lên, nhưng thu nhập của nhiều người trong toàn bộ dân số không tăng tương ứng, điều này trực tiếp dẫn đến khoảng cách lớn trong phân phối nhà ở - một số người có thể mua vài căn nhà, trong khi nhiều người thậm chí còn khó khăn khi mua "một phòng tắm". Theo nghĩa này, nếu nhà ở hoàn toàn do thị trường điều tiết, thì quả thực có khả năng gây ra sự phân phối cực kỳ không đồng đều. Vì vậy, ngay cả khi giá nhà ở Trung Quốc không có bong bóng, được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản và phù hợp với đà tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, cũng không có nghĩa là giá nhà ở Trung Quốc là hợp lý về mặt phân phối, đặc biệt là trong trường hợp nhà ở là nhu cầu thiết yếu.

Vì vậy, nói cho cùng, việc liệu giá nhà có bong bóng hay không tuy quan trọng, nhưng không phải là vấn đề mấu chốt nhất. Giá nhà cao ngất ngưỡng, dù có bong bóng hay không, nhưng vấn đề bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và nhà ở mà nó phản ánh và gây ra có lẽ cần được quan tâm hơn.

Giá nhà liên quan đến sự ổn định xã hội của Trung Quốc. Nói như thế nào cũng không quá, bởi vì giá nhà ảnh hưởng đến cuộc sống của hầu hết mọi gia đình. Đây là một bài toán chính trị, sự ổn định ở đây là ổn định chính trị.

2. VẤN ĐỀ GIÁ NHÀ KHÔNG THỂ MỘT MŨI TÊN TRÚNG HAI ĐÍCH

Tháng 1 năm 2010, tôi đi công tác ở Bắc Kinh. Một ngày nọ, tôi rời khỏi tòa nhà văn phòng ở Quảng trường Phương Đông, Vương Phủ Tỉnh, bắt một chiếc taxi đến Phố Tài chính. Xe chạy dọc theo đường Trường An từ đông sang tây, không tắc đường lắm. Trên đường đi, tôi đã trò chuyện với bác tài. Bác tài Bắc Kinh nổi tiếng là kiểu người vừa biết tuốt vừa đặc biệt thích nói chuyện phiếm, trò chuyện với họ thường là một điều rất thú vị. Hôm đó tôi thực ra là đang trò chuyện với một mục đích, rất muốn biết phúc lợi xã hội của bác tài như thế nào, ví dụ như lương hưu, y tế và giáo dục con cái. Ai cũng biết rằng, do tình hình tài chính của chính quyền địa phương Bắc Kinh tương đối tốt, lại là thủ đô, nên hệ thống an sinh xã hội thuộc hàng tốt nhất cả nước. Tôi muốn biết một hệ thống an sinh xã hội tốt có ý nghĩa gì đối với một bác tài bình thường, liệu có thể mang lại cho họ cảm giác an toàn hay không. Cải cách mở cửa của Trung Quốc đã mang lại sức sống cho nền kinh tế, nhưng cũng đi kèm với việc người dân giảm bớt cảm giác an toàn, mà cảm giác an toàn là một phần rất quan trọng trong chất lượng cuộc sống của con người. Nếu có thể mang lại cảm giác an toàn cho người dân bình thường thông qua việc thiết lập một hệ thống an sinh xã hội tốt, thì cũng giống như nâng cao thu nhập của họ, đó cũng là một loại phúc lợi. Nhưng nói chuyện một hồi, bác tài bắt đầu kể cho tôi nghe về cuộc sống hạnh phúc của mình. Bác tài nói với tôi rằng, bác tài lái taxi, vợ đi làm, con gái cũng kiếm được tiền, ba người cộng lại mỗi tháng kiếm được hơn 10.000 tệ, cảm thấy rất mãn nguyện. Nghe bác tài nói vậy, tôi liền phụ họa một câu: "May mà

bác sinh được con gái, không phải mua nhà, nếu không thì 10.000 tệ này của bác chưa chắc đã đủ". Câu nói của tôi rõ ràng đã chạm vào dây thần kinh nào đó của bác tài, khiến bác tài nhớ lại "nỗi nhục" năm xưa và "sự may mắn" hiện tại. Bác tài cười lớn nói: "Năm xưa, đám bạn của tôi đều cười nhạo tôi, nói tôi vô dụng,... (bỏ qua 50 chữ) sinh ra một đứa con gái. Bây giờ từng người một đều ngó người ra, ăn không uống không cũng không mua nổi nhà".

Một câu nói của bác tài, phản ánh một sự thật rõ ràng: giá nhà liên quan đến sự ổn định xã hội của Trung Quốc. Nói như thế nào cũng không quá, bởi vì giá nhà ảnh hưởng đến cuộc sống của hầu hết mọi gia đình. Đây là một bài toán chính trị, sự ổn định ở đây là ổn định chính trị.

Giá nhà tất nhiên cũng liên quan đến sự ổn định kinh tế và tài chính. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ năm 2008, nguồn gốc là do thị trường nhà đất Mỹ sụp đổ. Nếu ổn định giá nhà cũng có thể giúp Trung Quốc tránh được cuộc khủng hoảng bong bóng bất động sản kiểu Mỹ hoặc kiểu Nhật, thì đây là một bài toán kinh tế, sự ổn định ở đây là ổn định kinh tế.

Đối với nhiều người, sự ổn định chính trị và sự ổn định kinh tế đều hướng đến cùng một hướng, đó là kiềm chế giá nhà tăng quá nhanh, thậm chí là đảo ngược xu hướng tăng giá nhà. Vì vậy, việc kiểm soát giá nhà là một hành động "một mũi tên trúng hai đích". Nhưng tôi cảm thấy tình hình không hoàn toàn như vậy, lý do thuyết phục nhất để kiểm soát giá nhà vẫn là ổn định chính trị. Còn về ổn định kinh tế, cá nhân tôi cho rằng, Trung Quốc không phải là Nhật Bản cũng không phải là Mỹ, biến động giá nhà khó có thể khiến Trung Quốc xảy ra khủng hoảng tài chính như Mỹ hoặc mất đi 20 năm tăng trưởng kinh tế như Nhật Bản do bong bóng vỡ.

Việc biến động giá nhà ở Trung Quốc sẽ không gây ra ảnh hưởng chí mạng đối với nền kinh tế, phần lớn là do hệ thống tài chính đơn giản của Trung Quốc và đức tính truyền thống của người dân Trung Quốc. Do hệ thống tài chính của Trung Quốc đơn giản, nên phương thức tài trợ chính để đầu tư bất động sản vẫn là vay ngân hàng. Nhìn kỹ vào thành phần của toàn bộ hệ thống cho vay của các ngân hàng thương mại Trung Quốc, bạn sẽ thấy rằng, dữ liệu năm 2009 cho thấy, cho vay bất động sản chiếm khoảng 18% tổng dư nợ cho vay, trong đó 2,5 nghìn tỷ tệ (chiếm khoảng 6% tổng dư nợ cho vay) là cho vay cho các nhà phát triển bất động sản, 4,8 nghìn tỷ tệ (chiếm khoảng 12% tổng dư nợ cho vay) là cho vay mua nhà trả góp. Nhìn chung, khoản cho vay mua nhà trả góp 4,8 nghìn tỷ tệ này phải nói là khá an toàn. Bởi vì khi mua nhà ở Trung Quốc, nhiều gia đình sẽ trả trước một lần bằng tiền mặt 40%, 50% hoặc thậm chí cao hơn, 30% là giới hạn dưới chung, phần còn lại mới vay ngân hàng. Tính trung bình, tỷ lệ trả trước khi mua nhà của người dân Trung Quốc có thể đạt khoảng 50%. Một gia đình nếu đã bỏ ra 30%, 40% hoặc thậm chí 50% tiền trả trước, thì trừ khi bất khả kháng, họ sẽ không quyết khoản vay mua nhà, cuối cùng để ngân hàng tịch thu nhà. Tỷ lệ trả trước trung bình 50% có nghĩa là, ngay cả khi giá nhà giảm 50%, nhiều gia đình vẫn có động lực để tiếp tục trả nợ, rốt cuộc thì số tiền nợ ngân hàng và giá trị căn nhà vào thời điểm đó vẫn bằng nhau. Điều này hoàn toàn khác với tình hình ở Mỹ. Các khoản vay dưới chuẩn ở Mỹ thường không có trả trước, thậm chí có thể trả góp hàng tháng rất thấp trong vài năm đầu. Những người vay dưới chuẩn, một khi không thể trả được khoản vay hoặc giá nhà giảm, họ sẽ dễ dàng bỏ đi. Sự khác biệt giữa Trung Quốc và Mỹ, phần lớn là do đức tính truyền thống của người dân Trung Quốc: chi tiêu trong phạm vi thu nhập, không vay quá nhiều tiền. Kết quả của việc làm này, nói theo cách hiện đại, là tỷ lệ đòn bẩy thấp. Thực tế đã chứng minh rằng, hệ thống tài chính của một quốc gia có tỷ lệ đòn bẩy thấp sẽ có khả năng chống chịu tốt hơn trước biến động giá tài sản. 2,5 nghìn tỷ tệ cho vay cho các nhà phát triển

có rủi ro cao hơn nhiều, nhưng 2,5 nghìn tỷ tệ so với quy mô tổng thể của hệ thống ngân hàng Trung Quốc, không phải là một con số quá đáng kinh ngạc. Ngay cả khi tất cả đều trở thành nợ xấu, không thu hồi được đồng nào, cũng không thể làm sụp đổ các ngân hàng lớn của Trung Quốc. Tỷ lệ an toàn vốn của các ngân hàng lớn hiện nay ở Trung Quốc đều vượt quá 10%, khoản lỗ 2,5 nghìn tỷ tệ sẽ làm giảm tỷ lệ an toàn vốn xuống còn khoảng 5%. Các ngân hàng này có thể cần bổ sung thêm một số vốn, nhưng sự ổn định của toàn bộ hệ thống ngân hàng chưa đến mức bị đe dọa.

Tóm lại, tỷ lệ đòn bẩy thấp của người vay Trung Quốc và việc không có nhiều công cụ tài chính phức tạp để tập trung rủi ro vào một hoặc hai tổ chức, đã khiến cho tác động của biến động giá nhà đối với hệ thống tài chính Trung Quốc tương đối nhỏ. Ở một mức độ lớn, điều này hơi giống với thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán Trung Quốc đã lên xuống thất thường kể từ năm 2007, từ hơn 6.000 điểm lao dốc xuống dưới 1.800 điểm vào đầu năm 2009. Giá trị thị trường của thị trường chứng khoán đã giảm hơn một nửa, nhiều người đã mất rất nhiều tiền, nhưng hệ thống tài chính của Trung Quốc không bị ảnh hưởng rõ rệt. Cá nhân tôi cảm thấy rằng, nếu giá nhà giảm 20%-30%, thậm chí là 40%, thì tác động đối với hệ thống tài chính Trung Quốc cũng sẽ tương tự.

Việc phân biệt vấn đề giá nhà là vấn đề chính trị hay vấn đề kinh tế là rất quan trọng. Bởi vì hiện nay có quá nhiều cuộc thảo luận về vấn đề giá nhà, có vẻ như đang phân tích một vấn đề kinh tế, nhưng thực chất lại đang thảo luận về một vấn đề chính trị. Kết quả của việc làm này thường dẫn đến những kết luận không rõ ràng: phù hợp với nguyên lý kinh tế, nhưng không giải quyết được vấn đề thực tế; những ý tưởng có thể giải quyết vấn đề, lại dường như không phù hợp với nguyên tắc thị trường. Việc thừa nhận giá nhà là một vấn đề chính trị, sau đó thừa nhận vấn đề chính trị phải được giải quyết bằng các biện pháp chính trị, có lẽ sẽ khiến mọi việc trở nên đơn giản và rõ ràng hơn.

Những biến động giá xảy ra ở những thị trường có khối lượng giao dịch nhỏ, so với những biến động giá xảy ra ở những thị trường thực sự có khối lượng giao dịch lớn, thì mức độ quan trọng kém hơn nhiều.

3. GIÁ NHÀ CÓ TĂNG HAY KHÔNG, PHẢI XEM SO SÁNH NHƯ THẾ NÀO

Một chủ đề thường gây ra nhiều tranh cãi là, dữ liệu giá nhà do Cục Thống kê Quốc gia công bố hoàn toàn khác với cảm nhận hàng ngày của nhiều người, tốc độ tăng giá nhà dường như vượt xa con số do Cục Thống kê công bố. Hơn nữa, dữ liệu giá nhà của Cục Thống kê Quốc gia cũng không phù hợp với nhiều dữ liệu của các tổ chức phi chính phủ, chẳng hạn như dữ liệu của Soufun và dữ liệu của một số công ty môi giới bất động sản lớn. Dữ liệu của các tổ chức sau cho thấy tốc độ tăng giá nhà thường vượt xa thống kê của Cục Thống kê. Vì vậy, nhiều người kết luận rằng: Cục Thống kê đang gian lận, giá nhà "bị ổn định".

Hãy dừng vội kết luận, trước tiên hãy giả định rằng dữ liệu do Cục Thống kê công bố cũng là sự thật, chỉ là phạm vi thống kê khác nhau. Tình huống này thực sự không phải là hiếm. Một ví dụ điển hình là dữ liệu thu nhập từ tiền lương, dữ liệu của Cục Thống kê Quốc gia cho thấy tiền lương trung bình của Trung Quốc tăng trưởng với tốc độ cao qua các năm, nhưng nhiều người lại cảm thấy không phải như vậy, thường được gọi là "bị tăng trưởng". Nhưng sự thật là, phạm vi thống kê của Cục Thống kê Quốc gia chỉ bao gồm tiền lương của

một phần người lao động, không bao gồm toàn bộ dân số lao động. Điều này dẫn đến việc mẫu của Cục Thống kê Quốc gia không thể phản ánh đầy đủ tình hình biến động tiền lương trong toàn bộ nền kinh tế.

Ngoài ra còn có một ví dụ điển hình khác là dữ liệu ô nhiễm không khí ở Bắc Kinh. Dữ liệu ô nhiễm chính thức do Cục Bảo vệ Môi trường công bố là giá trị trung bình trong 24 giờ được đo tại hàng chục điểm quan trắc, bao gồm cả các điểm quan trắc ở ngoại ô, trong khi người Mỹ cũng lắp đặt thiết bị quan trắc trong Đại sứ quán của họ để quan trắc mức độ ô nhiễm không khí trong khu vực Đại sứ quán. Kết quả là, đôi khi dữ liệu chính thức của Trung Quốc cho thấy Bắc Kinh là "bầu trời xanh", trong khi dữ liệu của Đại sứ quán Mỹ lại cho thấy ô nhiễm ở quận Triều Dương, Bắc Kinh ở mức độ nghiêm trọng. Chúng ta không thể nói ai đang gian lận ở đây, chỉ có thể nói dữ liệu nào phản ánh tình hình thực tế hơn. Tôi nghĩ rằng, trong quá trình thảo luận về vấn đề giá nhà, việc ngay từ đầu đã nói rằng dữ liệu của Cục Thống kê là giả, thì sẽ không cần thiết phải thảo luận nữa, hơn nữa, giá nhà có thể phức tạp hơn hai ví dụ trên.

Tại sao lại phức tạp hơn? Tôi xây dựng một ví dụ ở đây để minh họa một số vấn đề có thể gặp phải khi đo lường giá nhà ở một quốc gia đang đô thị hóa nhanh chóng và giao dịch bất động sản chủ yếu diễn ra trên thị trường nhà mới như Trung Quốc.

Giả sử có một thành phố, gọi là Bắc Kinh đi. Giả sử thành phố này chỉ có một con đường lớn chạy theo hướng đông tây, gọi là đường Trường An đi. Đường Trường An chia thành phố này thành hai khu vực lớn: phía bắc thành phố và phía nam thành phố. Để đơn giản, giả sử giá nhà ở phía bắc thành phố vào năm 2009 là 20.000 tệ/m², giá nhà ở phía nam thành phố là 10.000 tệ/m². Đến năm 2010, giá nhà ở phía bắc thành phố tăng lên 40.000 tệ/m², giá nhà ở phía nam thành phố tăng lên 20.000 tệ/m². Xin hỏi, giá nhà ở Bắc Kinh năm 2010 đã tăng bao nhiêu so với năm 2009?

Đây dường như là một câu hỏi ngớ ngẩn, giá nhà đã tăng 100%, đây phải là một câu trả lời không có tranh cãi.

Nhưng mọi chuyện không dừng lại ở đó. Bây giờ giả sử tất cả các tòa nhà mở bán ở Bắc Kinh vào năm 2009 đều ở phía bắc thành phố, trong khi tất cả các tòa nhà mở bán ở Bắc Kinh vào năm 2010 đều ở phía nam thành phố. Nếu bạn chỉ xem dữ liệu bán hàng của nhà mới, bạn sẽ thấy giá mở bán của Bắc Kinh vào năm 2009 và 2010 hoàn toàn giống nhau, không có bất kỳ thay đổi nào, đều là 20.000 tệ/m². Vì vậy, nếu chỉ xem dữ liệu mở bán, có thể sẽ dẫn đến kết luận rằng giá nhà năm 2010 không tăng so với năm 2009. Nhưng những người sáng suốt sẽ lập tức phản bác, đây là đang chơi trò chơi với những con số, là so sánh Geely với BMW - nếu bạn so sánh giá bán xe Geely năm nay với giá bán BMW năm ngoái, thì giá xe mới không những không tăng mà còn giảm.

Nhưng từ một góc độ khác, có lẽ dữ liệu bán hàng của nhà mới chính là dữ liệu chúng ta nên xem xét. Tại sao lại nói như vậy? Giá của những ngôi nhà sân vườn được cải tạo gần Hậu Hải, Bắc Kinh có thể đã tăng gấp hàng chục lần trong những năm gần đây, nhưng đối với đại đa số những người muốn mua nhà, mức giá này không quan trọng. Giá vé xem phim đã tăng từ 20 tệ trong quá khứ lên 100 tệ hiện nay, nhưng đối với đại đa số những người mua đĩa lậu để xem phim trên TV ở nhà cũng không quan trọng. Giá túi LV lại tăng gấp đôi, nhưng đối với đại đa số phụ nữ mang túi thông thường đi làm cũng không quan trọng. Giá của rất nhiều thứ đều đang tăng, nhưng điều này không ảnh hưởng đến cuộc sống của đại đa số người dân. Nói rộng ra, những biến động giá xảy ra ở những thị trường có khối lượng giao dịch nhỏ, thì

mức độ quan trọng kém hơn nhiều so với những biến động giá xảy ra ở những thị trường thực sự có khối lượng giao dịch lớn.

Thị trường nhà cũ của Trung Quốc đã phát triển rất nhanh trong những năm gần đây, đặc biệt là vào năm 2009, một số ưu đãi về thuế đã khiến cho giao dịch trở nên đặc biệt sôi động. Nhưng nhìn chung, thị trường nhà đất Trung Quốc vẫn là một thị trường do nhà mới thống trị, phần lớn giao dịch vẫn diễn ra trên thị trường sơ cấp. Vì vậy, tương đối mà nói, giá của thị trường sơ cấp là chỉ số tốt hơn để đo lường chi phí mua nhà. Nếu giá của thị trường sơ cấp tương đối ổn định, không tăng quá nhanh, thì có nghĩa là chi phí mua nhà của đại đa số người dân không tăng quá nhanh. Trong ví dụ trên, 1,5 triệu tệ có thể mua được căn nhà 75m² ở Bắc Kinh vào năm 2009, đến năm 2010, 1,5 triệu tệ vẫn có thể mua được căn nhà 75m². Đúng vậy, chỉ là vị trí của hai căn nhà khác nhau. Nhưng điều này cũng giống như việc xem đĩa lậu "Avatar" ở nhà, tuy không thể so sánh với việc xem phim 3D ở rạp IMAX chính thức, nhưng đĩa lậu 10 tệ cũng có thể đáp ứng nhu cầu xem phim cơ bản. Đúng vậy, người khác lái BMW, nhưng bạn chỉ có thể lái Geely, nhưng dù sao bạn cũng có phương tiện đi lại. Hơn nữa, quá trình đô thị hóa nhanh chóng của Trung Quốc đã quyết định rằng vị trí cũng không phải là tuyệt đối. Vị trí ở phía nam thành phố có vẻ không tốt bây giờ, không có nghĩa là vài năm nữa vẫn không tốt. 15 năm trước, khu vực bên ngoài đường vành đai 3 của Bắc Kinh rất hoang vắng, thậm chí còn không có đường vành đai 4, bây giờ ở bên ngoài đường vành đai 4 vẫn có thể nhìn thấy ruộng đồng. Nhìn từ cổng tây của Đại học Bắc Kinh, có thể nhìn thấy trực tiếp núi Tây Sơn, không có bất kỳ tòa nhà nào chắn ngang ở giữa. Lúc đó, sống ở rìa đường vành đai 4 hiện nay được coi là sống ở ngoại ô. Còn bây giờ, nếu có thể mua được một căn nhà ở rìa đường vành đai 4, tôi tin rằng nhiều người sẽ vui mừng khôn xiết, cảm thấy như mình đang sống ở trung tâm thành phố. Thông Huyện trước đây, quận Thông Châu bây giờ, do có tuyến tàu điện ngầm nên đã có rất nhiều người dân sinh sống. Khu dân cư Hồi Long Quan ở phía bắc thành phố và khu vực Dịch Trang ở phía nam thành phố khi mới được phát triển có vẻ xa xôi biết nhường nào, nhưng bây giờ rất nhiều người đều sống ở đó rất vui vẻ. Vấn đề về khoảng cách, ở một mức độ lớn, có thể được giải quyết bằng cách phát triển giao thông công cộng. Hơn nữa, thành phố lớn lên, trung tâm thành phố cũng có thể có nhiều. Trước đây, muốn mua sắm ở Bắc Kinh, người ta chỉ đến Tây Đan hoặc Vương Phủ Tỉnh. Còn bây giờ, chỉ có người ngoại tỉnh mới đến những nơi này.

Phải chỉ ra rằng, ví dụ tôi xây dựng ở trên là một ví dụ rõ ràng về việc giá nhà đã tăng gấp đôi, đây là một sự thật không thể phủ nhận. Ngay cả như vậy, xét riêng về chi phí mua nhà mới, giá nhà vẫn không tăng. Nếu dữ liệu thống kê giá nhà chỉ bao gồm dữ liệu giao dịch thực tế xảy ra, thì rất có thể sẽ cho thấy giá nhà không tăng. Và tình hình thực tế phức tạp hơn ví dụ này rất nhiều. Ví dụ, trong khi giá nhà thương mại tăng vọt, chính phủ cung cấp một lượng lớn nhà ở giá rẻ, vậy giá nhà nên được đo lường như thế nào? Chỉ xem xét giá nhà thương mại có thể thấy đang tăng vọt, trong khi chỉ xem xét nhà ở giá rẻ, giá nhà có thể không tăng. Tính trung bình, tính như thế nào? Là tính trung bình có trọng số theo khối lượng giao dịch hay tính trung bình có trọng số theo lượng nắm giữ? Tất cả những điều này đều không hề đơn giản. Mặc dù nước ngoài đã có nhiều phương pháp đo lường giá nhà trưởng thành, nhưng thị trường bất động sản của các quốc gia này cũng tương đối trưởng thành, hơn nữa tình hình thị trường không hoàn toàn giống với Trung Quốc, ở đó không có đô thị hóa nhanh chóng như Trung Quốc và nhiều nhà mới được tung ra thị trường như vậy, vì vậy những phương pháp đó không thể áp dụng trực tiếp. Theo một nghĩa nào đó, bạn cũng không thể nói rằng việc xem xét dữ liệu giao dịch, từ đó kết luận rằng "giá nhà không tăng" là hoàn toàn vô lý, bởi vì điều này phần lớn phụ thuộc vào việc bạn cho rằng nhà ở là nhu cầu thiết yếu hay hàng hóa xa xỉ, là hàng tiêu dùng hay hàng đầu tư, và cũng phụ thuộc vào lý do cuối cùng bạn quan tâm đến

giá nhà là gì. Nếu bạn cho rằng nhà ở là nhu cầu thiết yếu, là hàng tiêu dùng, lý do bạn quan tâm đến giá nhà là bạn quan tâm đến việc người dân có mua được nhà hay không, thì miễn là giá nhà mới sơ cấp giữ ổn định và tăng vừa phải, sẽ có thể đáp ứng nhu cầu mua nhà để ở của người dân, còn về việc giá nhà ở các khu dân cư cao cấp, căn hộ sang trọng, vị trí đắc địa tăng vọt như thế nào, thì có lẽ không liên quan gì đến điều mà người dân bình thường quan tâm nhất - người dân bình thường không ai mua nổi, cũng không ai muốn mua.

Ví dụ tôi xây dựng ở trên cũng minh họa rõ ràng rằng, nếu chỉ đơn giản công bố một chỉ số giá nhà chung, sẽ che giấu quá nhiều thông tin quan trọng. Nếu Cục Thống kê thực sự muốn làm tốt và minh bạch thông tin về giá nhà, họ nên công bố nhiều dữ liệu hơn, dữ liệu chi tiết hơn, để nhiều chuyên gia và người dân nghiên cứu, tham gia thảo luận. Sau đó, có thể sẽ có sự đồng thuận, có thể sẽ tiếp tục bất đồng, nhưng mọi việc có lẽ sẽ rõ ràng hơn hiện tại, việc hoạch định chính sách cũng sẽ phù hợp hơn.

Trung Quốc phải là quốc gia đất chật người đông mới đúng, nhưng tỷ trọng giá đất trong giá nhà của Trung Quốc lại thấp như vậy, tôi nghĩ, có lẽ hệ thống chuyển nhượng đất đai của Trung Quốc có những khiếm khuyết lớn.

4. LÝ THUYẾT CỦA BỘ TÀI NGUYÊN

Từng đọc được một tin tức trên mạng như thế này:

Tân Hoa Xã, ngày 23 tháng 6 - Chỉ còn hai ngày nữa là đến Ngày Đất đai Quốc gia lần thứ 19, chủ đề của Ngày Đất đai Quốc gia năm nay là "Đảm bảo phát triển khoa học, bảo vệ lẫn ranh đỏ đất canh tác". Gần đây, một số chuyên gia cho rằng, do việc bảo vệ lẫn ranh đỏ, dẫn đến đất đai khan hiếm, giá đất cao, ảnh hưởng đến giá nhà. Về vấn đề này, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Lục Tâm Xã chỉ ra rằng, việc bảo vệ lẫn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác sẽ không ảnh hưởng đến giá nhà, nói rằng việc bảo vệ lẫn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác đã đẩy giá nhà lên cao là không có căn cứ, cũng không có lý.

Lục Tâm Xã cho biết, trước hết cần phải khẳng định rằng, việc bảo vệ lẫn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác sẽ không ảnh hưởng đến giá nhà. Nói cách khác, khi lập kế hoạch tổng thể sử dụng đất, chúng tôi vừa nhấn mạnh việc bảo vệ lẫn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác, đồng thời cũng dành đủ không gian cho phát triển xây dựng, đặc biệt là đất ở. Ông nhấn mạnh, "cho dù đất đai của Trung Quốc khan hiếm đến đâu, chúng tôi vẫn sẽ đảm bảo nhu cầu đất ở bình thường của người dân".

Ngoài ra, Lục Tâm Xã còn chỉ ra rằng, giá đất là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến giá nhà, nhưng không phải là yếu tố quyết định. Yếu tố then chốt hoặc yếu tố cơ bản quyết định giá nhà là mối quan hệ cung cầu. Bộ Tài nguyên đã khảo sát 620 dự án phát triển bất động sản, thuộc các loại hình khác nhau ở miền đông, miền trung và miền tây. Kết quả khảo sát cho thấy, hiện nay ở Trung Quốc, giá đất chiếm 15%-30% giá nhà, trung bình là 23,2%. So với mức quốc tế, Mỹ là 28%, Canada là 24%, Anh là 25%-38%, Hàn Quốc là 50%-65%, Nhật Bản là 60%-75%, Singapore là 55%-60%, tỷ lệ của Trung Quốc thấp hơn nhiều so với các nước láng giềng của chúng ta. Xét về mức giá đất của Trung Quốc, nói rằng việc bảo vệ lẫn ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác đã đẩy giá nhà lên cao là không có căn cứ, cũng không có lý.

Sau khi đọc tin tức này, tôi thực sự không đồng ý với kết luận của Bộ Tài nguyên. Việc giá đất trung bình chỉ chiếm 23% giá nhà, không thể kết luận rằng cung ứng đất đai không phải là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến giá nhà. Hãy để tôi lấy một ví dụ cực đoan, lưu ý rằng đây chỉ là một ví dụ: giả sử Bộ Tài nguyên quyết định, để bảo vệ nghiêm ngặt lần ranh đô đất đai, từ năm nay trở đi, Bắc Kinh mỗi năm chỉ phê duyệt đất cho một tòa chung cư. Sau đó, mảnh đất này được bán với giá 1.000 nhân dân tệ cho, ví dụ, Tập đoàn Shoukai Bắc Kinh. Rõ ràng là, nếu Bắc Kinh thực sự chỉ phê duyệt đất cho một tòa chung cư mỗi năm, thì với điều kiện có rất nhiều người muốn mua nhà ở Bắc Kinh mỗi năm, giá nhà ở Bắc Kinh chắc chắn sẽ cao ngất ngưởng, 100.000-200.000 tệ/m² là điều hoàn toàn có thể. Trong trường hợp này, nếu tính toán tỷ trọng giá đất trong giá nhà ở Bắc Kinh, kết quả cuối cùng sẽ gần bằng 0. Dựa trên điều này, bạn có thể kết luận rằng, do tỷ trọng giá đất trong giá nhà gần bằng 0, nên việc nhà ở Bắc Kinh bán với giá 200.000 tệ/m² hoàn toàn không liên quan gì đến chính sách đất đai hay không? Hoàn toàn không thể! Trên thực tế, trong ví dụ này, nguyên nhân chính đẩy giá nhà lên cao chính là cung ứng đất đai quá eo hẹp và việc bán đất cho các nhà phát triển bất động sản với giá thấp.

Việc lấy ví dụ này không có nghĩa là đây là tình hình thực tế đang diễn ra ở Trung Quốc, mà là nói rằng, việc giá đất trung bình chỉ chiếm 23% giá nhà có thể là do giá nhà - số chia quá cao, cũng có thể là do giá đất - số bị chia quá thấp, hoặc cả hai cùng tồn tại. Không thể dễ dàng kết luận rằng giá nhà không bị ảnh hưởng bởi chính sách đất đai chỉ thông qua một tỷ lệ.

Nhưng tỷ lệ nào mới là tỷ lệ hợp lý? Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn bộ số liệu do Lục Tâm Xã cung cấp, bạn sẽ thấy rằng nó tiết lộ rất nhiều thông tin hữu ích: quốc gia càng rộng lớn và dân cư thưa thớt, chẳng hạn như Mỹ và Canada, tỷ trọng giá đất trong giá nhà càng thấp; nơi nào đất chật người đông, chẳng hạn như Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore, tỷ trọng giá đất trong giá nhà càng cao. Điều này hoàn toàn phù hợp với nguyên lý kinh tế. Ví dụ, xây nhà trên sa mạc ở bang Nevada, Mỹ, nơi cách xa hàng chục dặm không có người, thì đất ở đó gần như không tốn tiền, giá nhà cuối cùng về cơ bản phụ thuộc vào chi phí xây dựng, tỷ trọng giá đất trong giá nhà tự nhiên sẽ rất thấp. Nhưng nếu bạn đổi sang xây nhà ở trung tâm thành phố Tokyo, thì chi phí xây dựng so với giá đất có lẽ không đáng kể, cuối cùng phần lớn thành phần giá nhà ở đó phải là giá đất mới đúng.

Trung Quốc tuy có diện tích đất liền rộng lớn, nhưng do nhiều núi, nhiều cao nguyên, nhiều sa mạc, nên phần đất thích hợp cho con người sinh sống thực ra không quá lớn. Hơn nữa, phần lớn dân số đông đảo của Trung Quốc đều tập trung ở vùng ven biển phía đông hẹp. Xét về phân bố dân số thực tế của Trung Quốc, Trung Quốc phải là quốc gia đất chật người đông mới đúng. Nhưng tỷ trọng giá đất trong giá nhà của Trung Quốc lại thấp như vậy, khiến tôi phải nói rằng, có lẽ hệ thống chuyển nhượng đất đai của Trung Quốc có những khiếm khuyết lớn. Đất đai dường như được cung cấp cho các nhà phát triển bất động sản với giá quá rẻ, trong khi lượng cung ứng đất đai lại thấp, do đó đã góp phần đẩy giá nhà cuối cùng lên cao, kết quả là các nhà phát triển thu được lợi nhuận cực kỳ lớn. Giả định về Bắc Kinh đã đề cập trước đó chính là một tình huống như vậy, mặc dù hơi cực đoan.

Nếu giải thích của tôi về việc tỷ trọng giá đất trong giá nhà của Trung Quốc thấp là đúng, thì hướng chính sách đất đai phải hoàn toàn khác. Nhà nước nên tăng cung ứng đất đai, từ đó giúp kiềm chế giá nhà cuối cùng. Đồng thời, trong quá trình chuyển nhượng đất đai, thực sự công khai, công bằng và minh bạch, khiến các nhà phát triển không thể lấy đất với giá thấp và tích trữ đất. Như vậy, giá đất của Trung Quốc cuối cùng sẽ tăng lên, nhưng giá nhà lại

giảm xuống. Như vậy, tỷ trọng giá đất trong giá nhà tuy tăng lên, nhưng lợi nhuận phi pháp của các nhà phát triển cũng giảm xuống.

Bất cứ ai cho rằng mua nhà có lợi hơn thuê nhà ở mức giá nhà và giá thuê hiện tại, thực chất đều đang vô tình chứng minh rằng: nếu xem xét tất cả các khoản lợi nhuận rõ ràng và ẩn do việc mua nhà mang lại, thì giá nhà so với giá thuê không phải là cao.

5. TẠI SAO KHÔNG THUÊ NHÀ

Một lý do khiến nhiều người cho rằng giá nhà ở Trung Quốc có bong bóng là: tỷ lệ giá bán trên giá thuê (giá nhà / giá thuê) của Trung Quốc quá cao. Bản thân đây là một lập luận rất thuyết phục. Xét cho cùng, nếu không có giá thuê làm cơ sở, giá nhà có thể chỉ là mức giá ảo, nghĩa là có bong bóng. Nhưng có một vấn đề là: nếu mọi người thực sự cho rằng tỷ lệ giá bán trên giá thuê của nhà ở hiện nay cao đến mức phi lý, cho rằng giá nhà có bong bóng, thì tại sao lại có nhiều gia đình lựa chọn mua nhà thay vì thuê nhà? Nếu giá nhà không thể được hỗ trợ bởi giá thuê hiện tại và trong tương lai, thì nói một cách chính xác, thuê nhà phải có lợi hơn mua nhà.

Tôi đã nghe rất nhiều lý do khiến người ta phải mua nhà: mua nhà có thể mang lại cảm giác an toàn; thuê nhà phiền phức hơn, trang trí kém, khó chung sống với chủ nhà; luôn phải chuyển nhà; mua nhà mới có hộ khẩu, mới được hưởng nhiều phúc lợi xã hội khác nhau; có nhà mới có "thể diện"; và còn là do truyền thống, các gia đình Trung Quốc đều mong muốn sở hữu căn nhà của riêng mình, đặc biệt là đối với các cặp vợ chồng mới cưới, bố mẹ hai bên đều mong muốn con cái có thể kết hôn trong căn nhà của riêng mình, etc.

Nhưng những lý do này, thực chất đều đang chứng minh rằng, trong trường hợp các điều kiện khác giống nhau, tỷ lệ giá bán trên giá thuê của Trung Quốc quả thực sẽ tương đối cao. Bởi vì những lý do trên thực chất đều đang nói rằng, ở Trung Quốc, "sự tiện lợi" do việc sở hữu căn nhà của riêng mình mang lại lớn hơn "sự tiện lợi" do việc thuê nhà mang lại. Thuê một căn nhà trị giá 1 triệu tệ có lẽ chỉ cần trả 2.500 tệ mỗi tháng, nhưng những tiện lợi tiềm ẩn, những rắc rối được giảm bớt cũng như sự ổn định và hạnh phúc tăng lên do việc sở hữu một căn nhà trị giá 1 triệu tệ mang lại, lớn hơn nhiều so với 2.500 tệ. Hoặc nói một cách thẳng thắn hơn, ngay cả khi thuê nhà chắc chắn rẻ hơn, nhiều người vẫn sẽ cảm thấy mua nhà thoải mái hơn, có lợi hơn. Bất cứ ai cho rằng mua nhà có lợi hơn thuê nhà ở mức giá nhà và giá thuê hiện tại, thực chất đều đang vô tình chứng minh rằng: nếu xem xét tất cả các khoản lợi nhuận rõ ràng và ẩn do việc mua nhà mang lại, thì giá nhà so với giá thuê không phải là cao. Xin lưu ý rằng, điều này không có nghĩa là giá nhà không cao theo nghĩa tuyệt đối, mà chỉ là so với việc thuê nhà.

Tôi luôn cảm thấy rằng, nếu một người thực sự cho rằng giá nhà có bong bóng, hư cao, thì nên kiềm chế, không mua nhà, trước tiên thuê nhà, đợi bong bóng vỡ rồi hãy mua. Chịu đựng một chút rắc rối, một chút cảm giác bất an và việc có thể phải chuyển nhà nhiều lần, có thể mang lại lợi nhuận kinh tế đáng kể. Nếu một người vừa cho rằng có bong bóng, nhưng vẫn quyết định mua nhà, thì hai điều này là mâu thuẫn với nhau. Đối với đại đa số gia đình, khoản chi tiêu lớn nhất trong đời có lẽ là nhà ở, việc làm này ít nhất cũng là mạo hiểm với khoản đầu tư có lẽ là quan trọng nhất trong đời.

Đúng vậy, ai cũng cần nhà ở. Nhưng có chỗ ở không có nghĩa là phải mua nhà. Tỷ lệ sở hữu nhà ở của Mỹ trong nhiều năm qua chỉ khoảng 2/3, 1/3 gia đình còn lại không có nhà

riêng. Ở nhiều quốc gia châu Âu, chẳng hạn như Đức và Pháp, tỷ lệ sở hữu nhà ở còn thấp hơn. Ở Đức, chưa đến một nửa số hộ gia đình sở hữu căn nhà của riêng mình, mọi người cũng không phải ngủ ngoài đường.

Nếu thực sự cho rằng tỷ lệ giá bán trên giá thuê quá cao, thì tại sao không thuê nhà? Đây mới là cách trả đũa tốt nhất đối với giá nhà cao.

Có rất nhiều nguyên nhân khiến giá nhà ở Trung Quốc cao, bây giờ phải thêm một nguyên nhân nữa: thiếu kênh đầu tư. Nếu Trung Quốc có thể có một thị trường tài chính hiệu quả, có thể khiến tỷ suất sinh lợi của người dân thông qua các kênh đầu tư khác đạt 5% hoặc thậm chí 10%, thì áp lực tăng giá nhà ở Trung Quốc có lẽ sẽ giảm đi rất nhiều.

6. TẠI SAO KHÔNG MUA NHÀ

Tôi và Cốc Chủ thuê nhà ở Mỹ. Muốn mua được căn nhà mà chúng tôi đang thuê ở khu vực chúng tôi sinh sống, ngay cả khi thị trường nhà đất Mỹ đang ảm đạm như vậy, vẫn là một điều khá khó khăn. Tôi và Cốc Chủ đã tính toán tỷ suất sinh lợi khi mua nhà của chủ nhà, kết luận là: tỷ suất sinh lợi không quá tệ, cũng không quá cao, khoảng 4%-5% một năm, thuộc loại đầu tư tương đối an toàn. Tỷ suất sinh lợi này chỉ nhỉnh hơn một chút so với gửi ngân hàng. Nếu chủ nhà sẵn sàng chấp nhận một số rủi ro, thì vẫn còn rất nhiều cơ hội đầu tư có thể mang lại tỷ suất sinh lợi vượt quá tỷ suất này.

Thị trường tài chính Trung Quốc và Mỹ rất khác nhau. Đặc điểm chính của chúng ta là: ngay cả khi người dân có tiền, họ cũng không có nhiều kênh đầu tư. Thị trường chứng khoán về cơ bản vẫn mang tính chất của sòng bạc, thị trường trái phiếu về cơ bản không mở cửa cho nhà đầu tư cá nhân, việc đầu tư trực tiếp vào doanh nghiệp hoặc cho vay thông qua các kênh tài chính phi chính thức cũng không phải là điều mà nhiều người có thể làm hoặc dám làm. Các kênh đầu tư còn lại, về cơ bản là mua nhà hoặc gửi ngân hàng. Trong nhiều năm, tài sản tài chính trong tay người dân Trung Quốc vẫn chủ yếu là tiền gửi ngân hàng.

Nhưng sử dụng một chút phép tính đơn giản, bạn sẽ thấy rằng, xét về tỷ suất sinh lợi, mua nhà ở Trung Quốc có lợi hơn nhiều so với gửi ngân hàng.

Lấy ví dụ nhé. Giả sử bạn có 1 triệu tệ, tất nhiên bạn có thể nói đây không phải là một gia đình hay. Bạn có thể không có nhiều tiền như vậy, nhưng rất nhiều người ở Trung Quốc có. Hơn nữa, ngay cả khi một gia đình nhỏ không có, thì tính cả bố mẹ, bố mẹ vợ, những gia đình có thể gom góp được 1 triệu tệ cũng không ít. Nếu bạn có 1 triệu tệ, bạn có thể chọn gửi 1 triệu tệ này vào ngân hàng. Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 5 năm hiện nay là 3,6%, đây phải là lãi suất tiền gửi cao nhất mà cá nhân có thể nhận được. Sau đó, giả sử lạm phát một năm là 2%, đây là mức lạm phát khá ôn hòa, thì tỷ suất sinh lợi thực tế sau khi trừ đi yếu tố lạm phát của việc gửi tiền vào ngân hàng là khoảng 1,6% mỗi năm.

Bạn cũng có thể lựa chọn mua một căn nhà trị giá 1 triệu tệ. Tỷ suất sinh lợi của việc mua nhà không trực tiếp như vậy, cần phải đưa ra một số giả định:

Thứ nhất, cho dù mua nhà để ở hay cho thuê, nhà ở đều cung cấp "dòng thu nhập". Nếu cho thuê, dòng thu nhập tự nhiên là tiền thuê nhà; nếu để ở, do bạn được hưởng dịch vụ do căn nhà này cung cấp, dòng thu nhập vẫn là tiền thuê nhà của căn nhà này. Nói cách khác, nếu bạn mua dịch vụ này trên thị trường, bạn phải trả tiền thuê nhà tương ứng. Nhưng bạn sở hữu căn nhà, vì vậy bạn đã tiết kiệm được tiền thuê nhà mà lẽ ra phải chi, vì vậy, mặc dù bạn

không nhận được tiền trực tiếp, nhưng tiết kiệm được chính là kiếm được, đây vẫn là một phần thu nhập của bạn.

Bây giờ, giả sử tỷ lệ giá nhà / giá thuê là $33 \frac{1}{3}$, tức là căn nhà 1 triệu tệ có thể cho thuê được 30.000 tệ một năm, tương đương 2.500 tệ một tháng, giả định này có lẽ không quá phi lý?

Thứ hai, giả sử rằng trong trường hợp không có lạm phát, bản thân nhà ở sẽ không tăng giá cũng không mất giá, giá thuê sẽ không tăng cũng không giảm. Nói cách khác, nếu không có lạm phát, căn nhà 1 triệu tệ bây giờ, 10 năm sau là 1 triệu tệ, 30 năm sau vẫn là 1 triệu tệ. Giá thuê cũng vậy. Ở một quốc gia như Trung Quốc, đây rõ ràng là một giả định rất thận trọng. Việc giá nhà và giá thuê thực tế không tăng trong 30 năm là điều cực kỳ khó xảy ra.

Cuối cùng, giả sử giá thuê và giá nhà sẽ tăng lên cùng với lạm phát. Nói cách khác, nhà ở và giá thuê sẽ không bị giảm giá trị do lạm phát. Đây là đặc điểm cơ bản của tài sản thực, giống như vàng, gạo, sẽ không trở nên vô giá trị do ngân hàng trung ương in quá nhiều tiền. Giá trị của nhà ở và dịch vụ do nhà ở cung cấp cũng không nên bị giảm giá trị do ngân hàng trung ương in thêm tiền.

Sau khi đưa ra những giả định này, tỷ suất sinh lợi thực tế hàng năm của việc mua nhà là bao nhiêu? Rất đơn giản, $3/100 = 3\%$.

Tỷ suất sinh lợi thực tế của việc gửi ngân hàng là 1,6%, trong khi tỷ suất sinh lợi thực tế của việc mua nhà là 3%. Cao hơn hay thấp hơn đã rất rõ ràng. Và trong ví dụ trên của tôi, rất có thể đã đánh giá quá cao tỷ suất sinh lợi của việc gửi ngân hàng, bởi vì lạm phát rất có thể sẽ cao hơn 2%, ví dụ như lạm phát tháng 7 năm 2010 đã lên tới 3,3%. Đồng thời, cũng rất có thể đã đánh giá thấp tỷ suất sinh lợi của việc mua nhà, bởi vì giá thuê nhà sẽ tăng lên theo sự gia tăng dân số thành thị, giá nhà cũng có khả năng tăng. Nếu mức lạm phát của Trung Quốc tăng lên, mong muốn bảo toàn giá trị thông qua tài sản thực của người dân tăng lên, giá thuê nhà và giá nhà sẽ tăng nhanh hơn. Vì vậy, tỷ suất sinh lợi của việc mua nhà không chỉ cao hơn tỷ suất sinh lợi của việc gửi ngân hàng, mà còn có thể chống lại lạm phát. Trong trường hợp chỉ có thể lựa chọn giữa hai phương thức đầu tư là gửi ngân hàng và mua nhà, mua nhà là một cách bảo toàn giá trị tài sản khá hấp dẫn.

Vì vậy, ngay cả khi chỉ xem xét thuần túy từ góc độ kiếm được tỷ suất sinh lợi đầu tư cao hơn và bảo toàn giá trị, nhiều người có tiền nhàn rỗi cũng sẽ lựa chọn mua nhà. Những người này chưa chắc đã chủ quan muốn đầu cơ nhà đất, nhưng kết quả hành vi của họ cuối cùng sẽ đẩy giá nhà lên cao.

Vì vậy, có rất nhiều nguyên nhân khiến giá nhà ở Trung Quốc cao, bây giờ phải thêm một nguyên nhân nữa: thiếu kênh đầu tư. Nếu Trung Quốc có thể có một thị trường tài chính hiệu quả, có thể khiến tỷ suất sinh lợi của người dân thông qua các kênh đầu tư khác đạt 5% hoặc thậm chí 10%, thì áp lực tăng giá nhà ở Trung Quốc có lẽ sẽ giảm đi rất nhiều. Bởi vì lúc đó, tỷ suất sinh lợi thu được thông qua các kênh đầu tư khác là khá đáng kể, vì vậy những người có tiền nhàn rỗi chưa chắc đã có động lực để đầu tư vào bất động sản. Tỷ suất sinh lợi 5%-10% không phải là nói suông, theo tính toán độc lập của hai nhóm nhà kinh tế học thuộc Đại học Bắc Kinh (Lu Feng, Song Guoqing, etc.) và Đại học Thanh Hoa (Bai Chongen, Qian Yingyi) cách đây hai năm bằng các phương pháp khác nhau, tỷ suất sinh lợi của vốn ở Trung Quốc là khoảng 10%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Trung Quốc cũng ở mức khoảng 10%, trong một môi trường như vậy, tỷ suất sinh lợi đầu tư 10% có thể dễ dàng đạt được ở nhiều ngành.

Những điều đã nói ở trên đều là trò chơi tư duy, vậy tình hình dữ liệu thực tế như thế nào? Trên thực tế, có lẽ không cần phải xem dữ liệu, nhiều người đều biết rằng tiền gửi trong ngân hàng ở Trung Quốc gần như không thể bảo toàn giá trị và tăng giá trị, nhưng ngay cả khi không gửi ngân hàng, thì tiền cũng không có chỗ nào khác để gửi. Hãy xem dữ liệu lịch sử thực tế, có lẽ có thể giúp chúng ta xác nhận ấn tượng cá nhân của mình một cách chắc chắn hơn.

Lãi suất tiền gửi và lạm phát của Trung Quốc là tương đối dễ lấy được, vì vậy tỷ suất sinh lợi thực tế cũng tương đối dễ tính toán. Vì vậy, tôi đã tính toán và vẽ hai biểu đồ dựa trên dữ liệu. Biểu đồ đầu tiên là lãi suất tiền gửi thực tế một năm của Trung Quốc từ năm 1989, tức là lãi suất tiền gửi danh nghĩa trung bình một năm trừ đi lạm phát trung bình trong năm đó. Lý do bắt đầu từ năm 1989 là vì đây là dữ liệu sớm nhất mà tôi có thể tìm thấy.

(Biểu đồ: Lãi suất tiền gửi thực tế một năm)

Từ biểu đồ này có thể thấy rất rõ ràng rằng, thứ nhất, lãi suất tiền gửi thực tế của Trung Quốc trong nhiều năm qua đều là âm, nói cách khác, lãi suất tiền gửi không đủ để bù đắp cho sự giảm giá trị tài sản do lạm phát gây ra, tiền ngày càng mất giá theo nghĩa sức mua. Thứ hai, ngay cả trong những năm dương, cũng không dương nhiều, cao nhất cũng chỉ hơn 6%, vẫn thấp hơn nhiều so với tỷ suất sinh lợi đầu tư 10% của Trung Quốc. Nhưng lãi suất thực tế trong những năm âm có thể rất âm, điều này là do Trung Quốc đã từng trải qua thời kỳ lạm phát khá nghiêm trọng. Do lạm phát quá cao vào cuối những năm 1980 và giữa những năm 1990, Ngân hàng Nhân dân đã hai lần đưa ra "tiết kiệm bảo toàn giá trị". Mặc dù "tiết kiệm bảo toàn giá trị" có thể giảm bớt hiện tượng lãi suất thực tế âm do lạm phát gây ra ở một mức độ nhất định, nhưng nó không loại bỏ hoàn toàn tác động tiêu cực của lạm phát theo nghĩa thực sự. Vì vậy, mặc dù sự tồn tại của "tiết kiệm bảo toàn giá trị" khiến cho tỷ suất sinh lợi trong hai giai đoạn cuối những năm 1980 và 1993-1995 có lẽ không âm như vẻ bề ngoài, nhưng lãi suất tiết kiệm thực tế là âm trong hai giai đoạn đó vẫn là một sự thật không thể chối cãi.

Dựa trên dữ liệu tỷ suất sinh lợi hàng năm, tôi đã thực hiện một phép tính khác: giả sử bạn gửi 100 nhân dân tệ vào ngân hàng vào cuối năm 1988, sau đó gửi tất cả lãi suất vào mỗi năm, cuối cùng rút toàn bộ tiền ra vào năm 2008, số tiền này quy đổi ra nhân dân tệ năm 1988 sẽ trị giá bao nhiêu? Kết quả tính toán của tôi là 97 tệ, ít hơn cả số tiền ban đầu gửi vào. Điều này có nghĩa là, tỷ suất sinh lợi thực tế trung bình của tiền gửi ngân hàng trong 20 năm từ 1989 đến 2008 là một con số âm khá gần 0. Nếu chỉ xem xét vài năm từ 2000 đến 2008, thì tỷ suất sinh lợi thực tế trung bình cũng chỉ là 0,3. Vì vậy, xét về dữ liệu lịch sử, việc giả định tỷ suất sinh lợi thực tế của tiền gửi ngân hàng là 1,6 trong bài viết trước không phải là quá thấp, mà là quá cao.

(Biểu đồ: Lợi nhuận đầu tư thực tế và giả định)

Nếu khái niệm "tỷ suất sinh lợi thực tế" trong kinh tế học khiến nhiều người cảm thấy không trực quan, thì chúng ta cũng có thể phản ánh điều tương tự theo cách trực quan hơn. Vì vậy, tôi đã vẽ biểu đồ dưới đây. Cột bên phải là nếu bạn gửi 100 tệ vào ngân hàng vào cuối năm 1988, sau đó gửi tất cả lãi suất vào mỗi năm, thì số dư tiết kiệm của bạn trong ngân hàng mỗi năm, 100 tệ năm 1988 sẽ trở thành 300 tệ vào năm 2008. Xin lưu ý rằng, 300 tệ năm 2008, do lạm phát, không có giá trị hơn 100 tệ năm 1988. Như đã nói ở trên, 300 tệ năm 2008 tính theo sức mua chỉ tương đương với 97 tệ năm 1988. Cột bên trái là một tình huống giả định, tức là nếu lãi suất ngân hàng luôn cao hơn lạm phát 1,6%, tức là đảm bảo tỷ suất sinh lợi thực tế của tiền gửi có thể đạt 1,6%. Như vậy, 100 tệ năm 1988 phải là 404 tệ vào năm 2008.

404 tệ nhiều hơn 300 tệ 34,6%, đây chính là khoảng cách do tỷ suất sinh lợi thực tế dương 1,6% và tỷ suất sinh lợi thực tế của Trung Quốc tạo ra trong 20 năm.

Còn nếu bạn đầu tư 100 tệ này vào bất động sản vào năm 1988 thì sao? Tất nhiên, vào thời điểm đó chưa có nhà thương mại, cũng không tồn tại khái niệm đầu tư vào bất động sản, nhưng có lẽ không cần bất kỳ phép tính nào, nếu thực sự được phép đầu tư vào bất động sản vào năm 1988, thì 100 tệ lúc đó, đến nay e rằng có thể trị giá 1.000 tệ, 2.000 tệ hoặc thậm chí hơn, chắc chắn có lợi hơn nhiều so với gửi ngân hàng.

Vì vậy, xét về dữ liệu lịch sử, mua nhà vào bất kỳ thời điểm nào trong 20 năm qua có lẽ đều tốt hơn gửi ngân hàng. Tất nhiên, lịch sử không đại diện cho tương lai. Mặc dù lịch sử luôn lặp lại chính nó.

Thực tế là các kênh đầu tư ở Trung Quốc ít ỏi sẽ tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài trong tương lai. Lãi suất tiền gửi ở Trung Quốc thấp, cũng sẽ tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài. Điều này có nghĩa là lịch sử 20 năm qua rất có thể sẽ tiếp tục theo cùng một hướng. Nếu thực sự như vậy, thì tại sao không mua nhà?

CHƯƠNG 3: HÀNG TRUNG QUỐC CÓ THỰC SỰ RẺ?

Đầu truyện "Hồng Lâu Mộng" có câu “Giả tổ chân thời chân diệc giả, vô vi hữu xử hữu hoàn vô” (Khi giả làm thật thì thật cũng trở thành giả, khi không làm có thì có lại trở thành không), cuộc thảo luận về trợ cấp thương mại của Trung Quốc e rằng cũng như vậy. Một tin tức trên mạng "PetroChina, Sinopec bán xăng dầu giá rẻ cho người nước ngoài" đã gây ra sóng gió. Hai gã khổng lồ dầu khí vốn đã "bị ngàn người chỉ trích" bỗng chốc được hưởng "đặc ân" bị "vạn người chửi rủa". Tiếc là, việc Trung Quốc thiên vị xuất khẩu ở cấp độ chính sách và trợ cấp ẩn đằng sau vẫn không thu hút sự chú ý của mọi người, thậm chí còn không được biết đến. Ngay cả khi PetroChina và Sinopec thực sự đang trợ cấp cho người tiêu dùng nước ngoài, thì khoản trợ cấp này so với khoản trợ cấp ẩn mà Trung Quốc dành cho người tiêu dùng nước ngoài trong toàn bộ ngành xuất khẩu, cũng khó có thể so sánh được. Việc trợ cấp cho các ngành xuất khẩu cấp thấp còn gây ra một hậu quả khác, đó là làm chậm quá trình nâng cấp ngành và cản trở tăng trưởng kinh tế bền vững.

Bài viết "Hàng Trung Quốc rẻ ai là người chịu thiệt?" thảo luận và phân tích việc đằng sau hàng hóa Trung Quốc rẻ, ngoài lao động giá rẻ và năng suất lao động ngày càng tăng, các khoản trợ cấp ẩn của Trung Quốc dành cho xuất khẩu đã lên tới hàng nghìn tỷ nhân dân tệ mỗi năm, và đây chỉ là tổn thất tĩnh. Bài viết "Năng lực cạnh tranh "treo chai truyền"" tiếp tục chỉ ra rằng, khoản trợ cấp ẩn này cũng sẽ gây ra tổn thất động, khiến cho cơ cấu ngành của Trung Quốc bị mắc kẹt trong các ngành cấp thấp không bền vững, cản trở quá trình nâng cấp ngành. Bài viết "PetroChina và Sinopec "bán nước"" sẽ phân tích xem tin đồn hai công ty dầu khí này bán xăng dầu giá rẻ cho người nước ngoài có đúng sự thật hay không. Sau khi tính toán điều chỉnh thuế phí đơn giản, người viết nhận thấy giá xuất khẩu xăng dầu thành phẩm của hai công ty dầu khí này khá gần với giá bán trong nước, không có tình trạng giá xuất khẩu chỉ bằng 40% giá bán trong nước như lời đồn đại trên mạng. Hơn nữa, xét đến việc có một phần xăng dầu thành phẩm xuất nhập khẩu thuộc loại hình gia công, càng khó có thể kết luận rằng hai công ty dầu khí này bán xăng dầu giá rẻ trong điều kiện thông tin dữ liệu hiện có. Suy nghĩ sâu xa hơn, hai công ty dầu khí luôn theo đuổi lợi nhuận này lại có động cơ gì để bán xăng dầu giá rẻ? Bài viết "Thuế quan trả đũa ai là người bị trừng phạt?" là bài viết nhìn nhận vấn đề thương mại từ góc độ ngược lại, thông qua cuộc đấu trí giữa Trung Quốc và Mỹ về vấn đề thịt gà và lốp xe, thảo luận về lý do tại sao việc trừng phạt đối thủ cuối cùng lại gây hại cho người tiêu dùng trong nước, và cũng chưa chắc đã mang lại cái gọi là việc làm.

Nếu cộng tất cả các khoản trợ cấp trên lại, nói rằng trợ cấp ẩn của Trung Quốc dành cho hàng hóa xuất khẩu sẽ lên tới 1-2 nghìn tỷ nhân dân tệ mỗi năm, tôi sẽ không ngạc nhiên trước con số này. Nếu thực sự như vậy, hàng hóa Trung Quốc không rẻ mới lạ.

1. HÀNG TRUNG QUỐC RẺ AI LÀ NGƯỜI CHỊU THIẾT

Tất cả các quốc gia yêu cầu Trung Quốc tăng giá nhân dân tệ, thực chất đều đang phàn nàn về cùng một điều: thứ bạn bán cho tôi quá rẻ, xin hãy tăng giá một chút. Cách tăng giá chính là tăng giá nhân dân tệ. Mỗi khi nhìn thấy yêu cầu như vậy, tôi luôn nhớ đến một câu thoại trong phim của Châu Tinh Trì: "Thật không ngờ lại có yêu cầu rẻ tiền như vậy".

Việc hàng hóa do Trung Quốc sản xuất rẻ, bản thân nó không có gì lạ. Bạn có thể tìm ra rất nhiều lý do cho việc này, chẳng hạn như do nông thôn vẫn còn khá nhiều lao động dư thừa, dẫn đến giá lao động ở Trung Quốc tương đối thấp. Điều kỳ lạ là, hàng hóa do Trung Quốc sản xuất không chỉ rẻ, mà còn ngày càng rẻ. Nói cách khác, trong những năm qua, giá hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc so với giá hàng hóa nhập khẩu ngày càng thấp, điều kiện thương mại của Trung Quốc đang ngày càng xấu đi. Điều này có lẽ không thể giải thích bằng giá lao động thấp của Trung Quốc, bởi vì trong những năm qua, giá lao động ở Trung Quốc không hề rẻ đi, ngược lại, việc mức lương của người lao động tăng lên là điều không có nhiều tranh cãi, ngay cả khi không tăng nhanh như số liệu thống kê cho thấy.

Có thể có nhiều lý do khiến cho hàng hóa ngày càng rẻ. Có thể là do năng suất lao động của Trung Quốc tăng nhanh, chi phí đơn vị giảm xuống, vì vậy ngay cả khi bán hàng hóa với giá rẻ, cũng kiếm được khá nhiều tiền; cũng có thể là do Trung Quốc trợ cấp xuất khẩu, do đó đã hạ giá hàng hóa xuất khẩu một cách giả tạo.

Vấn đề là, Trung Quốc có thực sự đang trợ cấp xuất khẩu hay không? Nếu có, thì tiền đến từ đâu? Trong chi tiêu tài chính của Trung Quốc không có mục "trợ cấp xuất khẩu". Nếu trợ cấp xuất khẩu thực sự đến từ chi tiêu tài chính, thì chỉ có thể nói rằng Trung Quốc không định nghĩa hoàn thuế xuất khẩu là trợ cấp xuất khẩu, bởi vì thông lệ quốc tế về trợ cấp xuất khẩu là hoàn thuế toàn bộ. Nhưng cá nhân tôi cảm thấy rằng, Trung Quốc quả thực đang trợ cấp ẩn cho xuất khẩu thông qua nhiều cách khác nhau, sau đây là một số ví dụ:

- Trợ cấp 1:

Chi phí đối ứng của Ngân hàng Nhân dân. Việc duy trì tỷ giá nhân dân tệ hiện tại không phải là không tốn kém. Chi phí này hoàn toàn do Ngân hàng Nhân dân gánh chịu. Có lẽ chỉ có Ngân hàng Nhân dân mới biết cách tính toán chính xác chi phí, ở đây chúng ta có thể ước tính sơ bộ thông qua một ví dụ. Cần nhấn mạnh rằng, việc tính toán chi phí thực tế cần phải xem xét nhiều chi tiết phức tạp, ví dụ dưới đây là rất thiếu chính xác. Để duy trì ổn định tỷ giá hối đoái đồng thời ngăn chặn lạm phát, Ngân hàng Nhân dân đã liên tục thực hiện các hoạt động đối ứng trong những năm qua. Cái gọi là hoạt động đối ứng là, một mặt sử dụng nhân dân tệ để mua USD trên thị trường nhằm kiềm chế áp lực tăng giá, mặt khác thu hồi nhân dân tệ đã phát hành thông qua các hoạt động thị trường mở như phát hành hối phiếu trung ương, repo. Việc phát hành hối phiếu trung ương và repo đều phải trả lãi, lãi suất nhân dân tệ; USD mua được do Ngân hàng Nhân dân đầu tư ở nước ngoài, trong đó ít nhất 800 tỷ USD được đầu tư vào trái phiếu USD (con số thực tế có thể lớn hơn), thu lãi suất USD. Có một chút chênh lệch giữa lãi suất hối phiếu trung ương phải trả và lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ thu được. Xét về chênh lệch lãi suất, Ngân hàng Nhân dân có thể bị lỗ một chút, nhưng không quá nhiều. Vấn đề là, USD đã mất giá liên tục trong những năm qua, không chỉ mất giá so với nhân dân tệ, mà còn mất giá so với hầu hết các loại tiền tệ trên thế giới. Theo tính toán của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS), kể từ năm 2003, tỷ giá hối đoái hiệu quả danh nghĩa của USD đã mất giá 3% mỗi năm, vì vậy khoản lỗ 3% này mỗi năm phải do Ngân hàng Nhân dân gánh chịu. Mặc dù về mặt kế toán, những khoản lỗ này chưa chắc đã được phản ánh trực tiếp trên bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Nhân dân, nhưng về mặt kinh tế, khoản lỗ đã xảy ra. 800 tỷ USD trái phiếu kho bạc mỗi năm lỗ 3%, tức là 24 tỷ USD mỗi năm, tương đương 160 tỷ nhân dân tệ mỗi năm. Số tiền này đi đâu? Ngân hàng Nhân dân bị lỗ, có nghĩa là nhất định phải có người khác kiếm được. Người kiếm được chính là các nhà xuất khẩu và dòng tiền nóng. Một khi các nhà xuất khẩu đổi USD thu được từ xuất khẩu sang nhân dân tệ, họ sẽ thoát khỏi số phận mất giá 3% mỗi năm, vì vậy, trên thực tế, Ngân hàng Nhân dân đã trợ

cấp ản cho các nhà xuất khẩu. Đối với dòng tiền nóng cũng vậy, khoản trợ cấp này cuối cùng sẽ biến thành lợi nhuận của dòng tiền nóng.

- Trợ cấp 2:

Lãi suất thấp và lương thấp. Khoản trợ cấp của Ngân hàng Nhân dân so với khoản trợ cấp mà người dân Trung Quốc buộc phải dành cho xuất khẩu, có lẽ chỉ là "muỗi so với voi". Theo nghiên cứu của giáo sư Bai Chongen thuộc Đại học Thanh Hoa và giáo sư Lu Feng thuộc Đại học Bắc Kinh, etc., tỷ suất sinh lợi thực tế của vốn ở Trung Quốc là khoảng 10%. Trong khi lãi suất tiền gửi thực tế của Trung Quốc gần bằng 0. Nói cách khác, người dân gửi tiền vào ngân hàng gần như không có lãi, nhưng sau khi số tiền này được cho vay, nó có thể tạo ra tỷ suất sinh lợi khoảng 10%. Người dân gửi tiền không được hưởng những khoản lợi nhuận này, hay còn gọi là chênh lệch lãi suất, cuối cùng đều do ngân hàng và doanh nghiệp chia nhau. Nếu doanh nghiệp đều tiêu thụ trong nước, thì "nước béo cò", người nước ngoài không được hưởng lợi. Nhưng vấn đề là, nhiều doanh nghiệp của Trung Quốc là doanh nghiệp xuất khẩu, những doanh nghiệp này, do có thể huy động vốn rất rẻ, nên có thể sản xuất với chi phí thấp hơn, xuất khẩu với giá thấp hơn, cuối cùng để người tiêu dùng nước ngoài được hưởng hàng hóa Trung Quốc rẻ. Tiền gửi của người dân Trung Quốc là khoảng 20 nghìn tỷ tệ, chênh lệch lãi suất 10% một năm là 2 nghìn tỷ tệ. Giả sử các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu nhận được 1/4 số tiền cho vay, tức là 500 tỷ tệ một năm, thì không ít trong số 500 tỷ tệ này cuối cùng đã biến thành trợ cấp cho người tiêu dùng nước ngoài.

Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng thu nhập của người dân Trung Quốc trong những năm qua thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, trong khi tốc độ tăng trưởng thu nhập của doanh nghiệp và chính phủ nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Điều này tương ứng với việc, tốc độ tăng lương của người dân tương đối chậm, trong khi tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp lại nhanh hơn. Nói một cách đơn giản, một trong những lý do khiến lợi nhuận của doanh nghiệp tăng trưởng là chi phí tiền lương giảm tương đối. Nói cách khác, những người kiếm sống bằng tiền lương đang trợ cấp cho những người mở công ty. Khi doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa, khoản trợ cấp sẽ được chuyển gián tiếp cho người tiêu dùng nước ngoài dưới dạng hàng hóa giá rẻ thông qua tiền lương thấp.

- Trợ cấp 3:

Môi trường và sinh thái. Tăng trưởng kinh tế định hướng xuất khẩu nhanh chóng của Trung Quốc phải trả giá bằng sự suy thoái môi trường và sinh thái. Nếu tất cả các doanh nghiệp đều đạt tiêu chuẩn xả thải bảo vệ môi trường, thì chi phí sản xuất của doanh nghiệp Trung Quốc chắc chắn sẽ không thấp như hiện nay. Đây cũng là một khoản trợ cấp gián tiếp cho doanh nghiệp, hàng tỷ người dân và con cháu của họ đang trợ cấp cho doanh nghiệp Trung Quốc hiện tại. Chúng ta cũng biết rằng, nhiều sản phẩm tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm cao của Trung Quốc đều được sử dụng để xuất khẩu, vì vậy những khoản trợ cấp này cuối cùng cũng được trợ cấp cho người nước ngoài.

Nếu cộng tất cả các khoản trợ cấp trên lại, nói rằng trợ cấp ản của Trung Quốc dành cho hàng hóa xuất khẩu sẽ lên tới 1-2 nghìn tỷ nhân dân tệ mỗi năm, tôi sẽ không ngạc nhiên trước con số này. Xuất khẩu càng nhiều, trợ cấp càng nhiều, nếu thực sự như vậy, hàng hóa Trung Quốc không rẻ mới lạ.

Những khoản trợ cấp này thể hiện ở việc: lương công nhân không thể tăng, tỷ giá hối đoái không thể tăng, lãi suất không thể tăng, hoàn thuế phải ngày càng nhiều. Mất trợ cấp, nhà máy Trung Quốc sẽ mất năng lực cạnh tranh; bảo vệ môi trường sẽ mất năng lực cạnh tranh; giá năng lượng tăng sẽ mất năng lực cạnh tranh ... Nhưng liệu chúng ta có thực sự muốn tiếp

tục duy trì năng lực cạnh tranh như vậy? Ngay cả khi chúng ta cứ khẳng khẳng muốn duy trì, thì liệu có thể duy trì được bao lâu? Hơn nữa, không có quốc gia nào sẽ biết ơn đối với năng lực cạnh tranh do trợ cấp xuất khẩu của Trung Quốc, ngược lại, Trung Quốc đã vấp phải làn sóng chỉ trích về chủ nghĩa bảo hộ.

2. NĂNG LỰC CẠNH TRANH "TREO CHAI TRUYỀN"

Trung Quốc xuất khẩu hàng hóa gì, giá hàng hóa đó sẽ giảm; Trung Quốc nhập khẩu hàng hóa gì, giá hàng hóa đó sẽ tăng. Đây là một quan điểm được nhiều người tin tưởng. Liệu ngôn ngữ có chính xác hay không, ở đây chúng ta không đi sâu tìm hiểu.

Nhưng cần chỉ ra rằng, điều này không hoàn toàn giống với việc "800 triệu chiếc áo sơ mi đổi lấy 1 chiếc máy bay". Bởi vì cho dù quốc gia nào xuất khẩu áo sơ mi, cũng cần phải có một lượng lớn mới có thể đổi lấy một chiếc máy bay. Vấn đề của Trung Quốc là: trước đây, có thể Trung Quốc chỉ cần xuất khẩu 400 triệu chiếc áo sơ mi là có thể đổi lấy một chiếc máy bay, sau hai năm, do giá áo sơ mi so với máy bay giảm xuống, dẫn đến việc Trung Quốc cần xuất khẩu 600 triệu chiếc mới đủ, sau hai năm nữa thậm chí cần 800 triệu chiếc.

Tất nhiên, việc so sánh giá áo sơ mi và máy bay chưa chắc đã mang tính đại diện, rốt cuộc Trung Quốc xuất khẩu rất nhiều loại hàng hóa, cũng nhập khẩu rất nhiều loại hàng hóa. Trong kinh tế học, có một chỉ số thường dùng, đó là điều kiện thương mại. Nói một cách đơn giản, đó là giá trung bình của hàng hóa xuất khẩu so với giá trung bình của hàng hóa nhập khẩu. Chỉ số này càng thấp, chứng tỏ giá hàng hóa xuất khẩu của một quốc gia càng rẻ so với hàng hóa nhập khẩu. Sau đây là một biểu đồ đơn giản về điều kiện thương mại của Trung Quốc từ năm 1991 đến 2009, dữ liệu từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Mọi người không cần để ý đến giá trị cụ thể, bởi vì những con số này phụ thuộc vào cách chuẩn hóa dữ liệu và lựa chọn năm cơ sở, bạn chỉ cần quan tâm đến xu hướng của đường này. Rõ ràng, nhìn chung, điều kiện thương mại của Trung Quốc đã xấu đi trong hơn mười năm qua. Sự phục hồi vào năm 2009 chủ yếu là do giá dầu và giá hàng hóa cơ bản giảm mạnh, xu hướng ngắn hạn này rất có thể sẽ bị đảo ngược vào năm 2010. Nói cách khác, nhìn chung, hàng hóa chúng ta xuất khẩu ngày càng rẻ so với hàng hóa chúng ta nhập khẩu. Kết quả của việc này là, chúng ta xuất khẩu ngày càng nhiều, nhưng số lượng hàng hóa nhập khẩu mà chúng ta muốn đổi lấy lại ngày càng ít.

(Biểu đồ: Điều kiện thương mại của Trung Quốc (1991-2009))

Tất nhiên, về lý thuyết, điều kiện thương mại xấu đi chưa chắc đã là điều xấu. Ví dụ, giả sử người Trung Quốc đột nhiên trở nên "ba đầu sáu tay", sản lượng áo sơ mi của Trung Quốc tăng gấp ba lần so với ban đầu, nhưng nếu giá xuất khẩu áo sơ mi chỉ giảm một nửa, thì xét về thu nhập thực tế, thu nhập của người Trung Quốc vẫn tăng lên. Điều này cũng giống như việc mặc dù Định luật Moore khiến chip ngày càng rẻ, nhưng Intel không hề ngày càng ít kiếm tiền.

Tuy nhiên, vấn đề của Trung Quốc là, câu chuyện trên có lẽ không phải là toàn bộ câu chuyện. Mặc dù năng suất lao động của Trung Quốc có sự cải thiện, nhưng sự tăng trưởng xuất khẩu của Trung Quốc, đặc biệt là trong một số ngành cấp thấp, phần lớn vẫn được thực hiện thông qua việc sao chép và mở rộng đơn giản: ban đầu chỉ có một dây chuyền sản xuất,

200 công nhân, sau hai năm trở thành hai dây chuyền sản xuất, 400 công nhân, sau đó mở rộng thành 600 công nhân, 800 công nhân, thông qua việc liên tục tăng đầu vào nhân lực, Trung Quốc đã và đang sản xuất giày dép, quần áo, đồ nội thất cho cả thế giới. Xét về thị trường xuất khẩu, lượng cung hàng hóa tăng mạnh, giá sẽ giảm. Dần dần, lợi nhuận của các nhà sản xuất bị bào mòn, cuối cùng chỉ có thể duy trì quy mô sản xuất thông qua trợ cấp. Những khoản trợ cấp này thể hiện ở việc: lương công nhân không thể tăng, tỷ giá hối đoái không thể tăng, lãi suất không thể tăng, hoàn thuế phải ngày càng nhiều. Mất trợ cấp, nhà máy Trung Quốc sẽ mất năng lực cạnh tranh; bảo vệ môi trường sẽ mất năng lực cạnh tranh; giá năng lượng tăng sẽ mất năng lực cạnh tranh ... Nhưng liệu chúng ta có thực sự muốn tiếp tục duy trì năng lực cạnh tranh như vậy? Ngay cả khi chúng ta cứ khăng khăng muốn duy trì, thì liệu có thể duy trì được bao lâu? Hơn nữa, không có quốc gia nào sẽ biết ơn đối với năng lực cạnh tranh do trợ cấp xuất khẩu của Trung Quốc, ngược lại, Trung Quốc đã vấp phải làn sóng chỉ trích về chủ nghĩa bảo hộ.

Năng lực cạnh tranh được duy trì bằng cách "treo chai truyền" là khó bền vững. Các ngành được trợ cấp không chỉ chiếm dụng một lượng lớn tài nguyên, mà còn kìm hãm sự phát triển của các ngành khác ở Trung Quốc. Trung Quốc đã từng có bài học về vấn đề tương tự. Trước đây, các doanh nghiệp nhà nước thiếu hiệu quả, vì vậy đã tìm đến chính phủ để xin trợ cấp, vay ngân hàng, kết quả là càng trợ cấp càng phình to, càng phình to càng cần nhiều trợ cấp và khoản vay; trong khi nền kinh tế phi nhà nước năng động hơn lại không được phát triển đầy đủ do thiếu khoản vay, thiếu nhân tài. Tình trạng đó mãi đến khi bắt đầu cải cách doanh nghiệp nhà nước rầm rộ vào giữa những năm 1990 mới được cải thiện.

Việc chuyển đổi thành công nền kinh tế Trung Quốc - từ cấp thấp sang cấp cao, từ bất chức sang tự chủ đổi mới, từ phụ thuộc vào nhu cầu bên ngoài sang dựa vào nhu cầu trong nước, từ theo đuổi số lượng sang chú trọng chất lượng, chắc chắn phải "rút chai truyền" của một số ngành. Quá trình này không thể không đau đớn, nhưng nỗi đau này cũng chính là ý nghĩa của "phá hủy sáng tạo" mà Schumpeter đã nói.

Kết luận cơ bản là, giá xuất khẩu xăng dầu thành phẩm của Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2009, sau khi điều chỉnh theo nhiều cách khác nhau, nhìn chung thấp hơn giá bán buôn xăng dầu thành phẩm trong nước, nhưng không hề thấp đến mức 40%.

3. PETROCHINA VÀ SINOPEC "BÁN NƯỚC"

Các công ty dầu khí hiếm khi có tiếng tốt. Hầu hết tất cả các công ty dầu khí trên thế giới đều cố gắng "đóng gói" bản thân thành hình ảnh thân thiện, bảo vệ môi trường, quan tâm đến sự nóng lên toàn cầu, điều này cho thấy chính xác rằng hình ảnh của họ trong tâm trí người dân không phải như vậy. Không những vậy, họ thường "giàu nứt đố đổ vách", lại kiếm bộn tiền vào thời điểm người dân cảm thấy giá xăng quá cao, vì vậy các công ty dầu khí khó tránh khỏi bị ghét bỏ. Mùa hè năm 2008, giá dầu thô quốc tế tăng vọt lên 140 USD/thùng, giá xăng tại các trạm xăng ở Mỹ cũng tăng gấp đôi. Nhiều nghị sĩ Quốc hội phải "nhảy lên nhảy xuống", làm ra vẻ muốn điều tra các công ty dầu khí "thao túng giá dầu". Cho đến khi cuộc khủng hoảng tài chính bùng phát, giá dầu thô đột ngột giảm xuống còn hơn 30 USD/thùng, thì việc điều tra mới chấm dứt.

Trên cơ sở tất cả những yếu tố tiêu cực này, nếu một công ty dầu khí đồng thời là một doanh nghiệp độc quyền và phân biệt đối xử với người trong nước, thì liệu nó có thể bị coi là "tội ác không thể tha thứ"? Đúng vậy, tôi đang nói về PetroChina và Sinopec. Tháng 11 năm 2009, đột nhiên có người đăng bài viết trên mạng chỉ trích hai công ty PetroChina và Sinopec "bán nước" và "bóc lột" người trong nước, lý do là giá xuất khẩu xăng dầu thành phẩm của họ thấp hơn rất nhiều so với giá xăng dầu thành phẩm trong nước. Bài viết đề cập rằng, theo thống kê của "Tuần san Thương mại" tháng 11 năm 2009, Trung Quốc đã xuất khẩu 14,96 triệu tấn xăng dầu thành phẩm trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2009, với kim ngạch xuất khẩu là 6,65 tỷ USD, trung bình 444,5 USD/tấn, quy đổi ra nhân dân tệ là 3.036 tệ/tấn. Tỷ trọng của xăng là 0,739, 1 tấn xăng xấp xỉ 1.353 lít; tỷ trọng của dầu diesel là 0,86, 1 tấn dầu diesel xấp xỉ 1.163 lít. Nếu tính theo 1 tấn xăng dầu thành phẩm là 1.258 lít, thì giá xuất khẩu trung bình của xăng dầu thành phẩm là: $3.036 / 1.258 = 2,4$ tệ/lít. Trong khi đó, giá bán buôn xăng dầu thành phẩm trong nước vào thời điểm đó là khoảng 6 tệ/lít, giá bán lẻ còn cao hơn. Giá xuất khẩu trung bình được tính ra chưa đến 40% giá bán trong nước. Vì vậy, trên mạng đã xuất hiện rất nhiều lời chửi rủa.

Tôi không có ác cảm gì đặc biệt với PetroChina và Sinopec, chỉ là cảm thấy chuyện này rất kỳ lạ, PetroChina và Sinopec, với tư cách là doanh nghiệp nhà nước, dù sao cũng không có lý do gì để phân biệt đối xử với người trong nước. Vì vậy, tôi đã dành một chút thời gian để kiểm tra dữ liệu hải quan, bởi vì nói bằng dữ liệu mới là chân lý. Sau khi nghiên cứu một hồi, tôi nhận thấy rằng số liệu 14,96 triệu tấn và 6,65 tỷ USD được trích dẫn trên mạng đều đúng, nhưng ngoài ra, các phép tính khác ít nhiều đều có vấn đề.

Thứ nhất, xăng dầu thành phẩm xuất khẩu của Trung Quốc được chia thành nhiều loại, bao gồm xăng, dầu diesel, dầu hỏa, nhiên liệu dầu và dầu cặn. Trong đó, khoảng 60% là xăng, dầu diesel và dầu hỏa có giá trị tương đối cao, 40% là nhiên liệu dầu và dầu cặn có giá trị tương đối thấp. Để có thể so sánh được với lập luận trên mạng, tôi tập trung xem xét xăng và dầu diesel. Bảng đầu tiên là số lượng và kim ngạch xuất khẩu xăng và dầu diesel của Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2009, đều là dữ liệu gốc của hải quan.

(Bảng: Tổng quan về xuất khẩu xăng dầu thành phẩm của Trung Quốc)

Sau đó, tôi chuyển đổi đơn vị của những dữ liệu này thành tệ/lít, điều này cần thêm một số dữ liệu. Thứ nhất là tỷ giá hối đoái, tôi sử dụng 6,82 tệ / USD, điều này không có gì phải bàn cãi. Thứ hai là 1 tấn dầu diesel và 1 tấn xăng tương ứng với bao nhiêu lít, tôi sẽ sử dụng dữ liệu đã đề cập ở trên, "1 tấn xăng xấp xỉ 1.353 lít, 1 tấn dầu diesel xấp xỉ 1.163 lít". Vì vậy, chúng ta có thể thu được bảng dưới đây. Rõ ràng, giá đơn vị của xăng và dầu diesel xuất khẩu cao hơn một chút so với giá trong văn bản được trích dẫn ở trên, hơn nữa giá dầu đã tăng rõ rệt trong những tháng cuối cùng.

(Bảng: Giá đơn vị trước thuế của xăng dầu thành phẩm xuất khẩu của Trung Quốc)

Giá đơn vị ở đây là giá dầu trần, nếu bán trong nước, còn cần phải cộng thêm thuế phí, bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xây dựng đô thị và phụ phí giáo dục. Vì vậy, tôi còn cần ước tính giá dầu sau thuế mới có thể so sánh được với giá bán buôn xăng dầu thành phẩm trong nước. Thuế tiêu thụ đặc biệt tương đối đơn giản, xăng 1 tệ/lít, dầu diesel 0,8 tệ/lít, thuế giá trị gia tăng 17%, thuế xây dựng đô thị và phụ phí giáo dục gộp lại khoảng 10%, nhưng mỗi nơi có thể không hoàn toàn giống nhau. Dựa theo những số liệu này để tính toán, tôi đã thu được bảng giá đơn vị của xăng và dầu diesel xuất khẩu có thể so sánh được với giá bán buôn trong nước.

Kết luận cơ bản là, giá xuất khẩu xăng dầu thành phẩm của Trung Quốc trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2009, sau khi điều chỉnh theo nhiều cách khác nhau, nhìn chung thấp hơn giá bán buôn xăng dầu thành phẩm trong nước, nhưng không hề thấp đến mức 40% như vậy.

(Bảng: So sánh giá xuất khẩu và giá bán buôn xăng dầu thành phẩm)

Đồng thời, chúng ta cũng cần xem xét các yếu tố khác. Trong cả năm 2009, lượng xăng dầu thành phẩm xuất khẩu của Trung Quốc, xăng chiếm 4,95 triệu tấn, dầu diesel 4,5 triệu tấn, con số này so với lượng tiêu thụ dầu thô biểu kiến gần 400 triệu tấn của Trung Quốc, cũng như sản lượng xăng 72 triệu tấn và sản lượng dầu diesel 140 triệu tấn, thì tương đối nhỏ. Xuất khẩu xăng dầu thành phẩm hoàn toàn không phải là hoạt động kinh doanh chính của PetroChina và Sinopec. Theo giải thích của người thuộc Sinopec, không ít xăng dầu thành phẩm xuất khẩu thuộc loại hình gia công, vì vậy giá xuất khẩu và giá thị trường trong nước không thể so sánh được. Lời giải thích này, mặc dù không có số liệu tương ứng để hỗ trợ, nhưng không phải là hoàn toàn vô lý. Việc các doanh nghiệp lọc dầu của Trung Quốc gia công cho các quốc gia không có năng lực lọc dầu không phải là điều gì mới mẻ. Nói chung hơn, giá hải quan rất có thể không phản ánh giá giao dịch thực tế. Xuất nhập khẩu phải nộp thuế, việc các doanh nghiệp khai báo giá thấp hơn để trốn thuế cũng là thông lệ phổ biến. Nếu xem xét tất cả các yếu tố trên, thì bằng chứng hiện có có lẽ chưa đủ để kết luận rằng PetroChina và Sinopec bán xăng dầu thành phẩm giá rẻ cho người nước ngoài.

Cuối cùng, tôi muốn nói thêm một điều, con người làm bất cứ việc gì cũng phải có động cơ. Tôi thực sự không thể tưởng tượng được PetroChina và Sinopec, những công ty rất coi trọng lợi nhuận, lại có thể bán xăng dầu thành phẩm giá rẻ cho người nước ngoài một cách có hệ thống, điều này thực sự khác xa mục đích hành động hàng ngày của hai công ty.

Lượng nhập khẩu của Trung Quốc không phải là quá nhiều mà là quá ít, kết quả là tích lũy được một lượng dự trữ ngoại hối khổng lồ. Nếu việc ngoại giao của một quốc gia cứng rắn hay không được đo lường bằng việc đối xử tàn nhẫn với người tiêu dùng trong nước, thì đừng chơi trò chơi này nữa.

4. THUẾ QUAN TRẢ ĐŨA AI LÀ NGƯỜI BỊ TRỪNG PHẠT

Hội nghị thượng đỉnh G20 ở Pittsburgh diễn ra trong bầu không khí hòa bình. So với tình trạng nền kinh tế toàn cầu rơi tự do vào thời điểm hội nghị thượng đỉnh London vào tháng 4 năm 2009, thời điểm tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng đường như đã qua, các quốc gia lần lượt bước vào con đường phục hồi, đến mức một chủ đề quan trọng của hội nghị thượng đỉnh Pittsburgh lại là: chiến lược rút lui, tức là thảo luận về cách chính phủ thoát khỏi các chính sách cứu trợ chưa từng có tiền lệ.

Nhưng ngay trước khi hội nghị thượng đỉnh Pittsburgh diễn ra, một tranh chấp về lớp xe và thịt gà giữa Trung Quốc và Mỹ đã thu hút sự chú ý của mọi người. Trong số tất cả những điều có khả năng đẩy sự phục hồi trở lại suy thoái, chủ nghĩa bảo hộ thương mại toàn diện sẽ là "tội đồ" hàng đầu. Một số chuyên gia tin rằng, chủ nghĩa bảo hộ thương mại là một trong những nguyên nhân dẫn đến và làm trầm trọng thêm cuộc Đại suy thoái những năm 1930. Thương mại toàn cầu đã giảm hơn 65% chỉ trong 5 năm ngắn ngủi từ 1929 đến 1934.

Tranh chấp thương mại Trung-Mỹ bắt đầu từ việc Obama quyết định áp thuế trừng phạt 35% đối với lớp xe của Trung Quốc, bao gồm cả lớp xe do các công ty Mỹ sản xuất tại Trung Quốc, với lý do là một lượng lớn lớp xe Trung Quốc tràn vào Mỹ, gây thiệt hại nặng nề cho ngành công nghiệp lớp xe của Mỹ. Các công đoàn Mỹ cho rằng đây là "thương mại không công bằng", nhưng nói cho cùng vẫn là: lớp xe do Trung Quốc sản xuất quá rẻ. Bộ Thương mại Trung Quốc ngay lập tức phản ứng mạnh mẽ trước hành động của Mỹ, tuyên bố tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với thịt gà và phụ tùng ô tô của Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc.

Chủ nghĩa bảo hộ thương mại, rốt cuộc là hại người hại mình, cuối cùng người thực sự có thể hưởng lợi từ đó có lẽ chỉ là một số ít. Mỹ có khoảng 250 triệu xe chở khách, khoảng 200 triệu người có bằng lái xe. Không tính những người dưới 16 tuổi không thể lái xe, thì ở Mỹ, hầu hết tất cả người trưởng thành đều có bằng lái xe, nói đây là một quốc gia sống trên bánh xe cũng không quá. Theo thống kê của Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ, thị phần lớp xe Trung Quốc trên thị trường lớp xe Mỹ hiện nay là khoảng 16,7%, nếu quy đổi sơ bộ theo tỷ lệ này, thì có khoảng 30 triệu người Mỹ đang sử dụng lớp xe do Trung Quốc sản xuất. Việc Obama tuyên bố tăng thuế đối với lớp xe Trung Quốc, một phần trong số đó có thể sẽ do các nhà sản xuất lớp xe hấp thụ, nhưng vẫn sẽ có một phần cuối cùng phải do người tiêu dùng Mỹ gánh chịu. Việc khiến 30 triệu người tiêu dùng Mỹ chi tiêu nhiều hơn cho lớp xe là kết quả không thể tránh khỏi của việc tăng thuế. Nhưng nếu lớp xe Trung Quốc không trở nên đắt hơn, thì các công đoàn Mỹ sẽ tiếp tục nói rằng điều này là "không công bằng". Vậy, lợi ích của 30 triệu người được đổi lấy là gì? Tổng số công nhân sản xuất phụ tùng ô tô của Mỹ năm ngoái chưa đến 600.000 người, năm nay do suy thoái, chỉ còn lại chưa đến 400.000 người, trong đó những người sản xuất lớp xe có thể chỉ có vài chục nghìn người. Vài chục nghìn người này chưa chắc đã giữ được bát cơm của mình do việc áp thuế đối với lớp xe Trung Quốc, rốt cuộc thì chi phí sản xuất lớp xe, đặc biệt là lớp xe cấp thấp, ở Mỹ thực sự quá cao, ngay cả khi không chuyển sang Trung Quốc, cũng sẽ chuyển sang các quốc gia khác. Mỹ đang hy sinh lợi ích của hàng chục triệu người tiêu dùng để đổi lấy vài chục nghìn bát cơm sớm muộn gì cũng không giữ được.

Chuyện bên phía Trung Quốc thì thú vị hơn một chút. Phần lớn thịt gà mà Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc là chân gà. Chân gà Mỹ có nhiều đặc điểm, thứ nhất là to và nhiều thịt, bởi vì gà thịt do Mỹ nuôi thường có kích thước rất lớn, nên chân gà cũng to hơn tương ứng; thứ hai là rất rẻ, bởi vì người Mỹ không thích gặm chân gà. Vì vậy, trong số lượng chân gà khổng lồ mà người Trung Quốc tiêu thụ mỗi năm, không ít đến từ Mỹ, nhưng đối với các trang trại nuôi gà của Mỹ, Trung Quốc là một thị trường rất nhỏ, sản phẩm bán sang Trung Quốc mỗi năm chỉ chiếm chưa đến 2% tổng doanh số bán hàng của họ. Vì vậy, cho dù cuối cùng Bộ Thương mại Trung Quốc có hành động gì, cũng sẽ không gây ra ảnh hưởng đáng kể đối với các trang trại nuôi gà của Mỹ, nhưng đối với Trung Quốc, Mỹ lại là quốc gia duy nhất có thể cung cấp chân gà to một cách ổn định với số lượng lớn. Khẩu vị của mỗi người có thể khác nhau, một số người có thể thích gặm chân gà nhỏ và gầy, nhưng xét về dữ liệu bán hàng tốt của chân gà Mỹ, Trung Quốc vẫn có rất nhiều người thích chân gà to. Nếu Trung Quốc thực sự áp thuế trả đũa đối với thịt gà của Mỹ xuất khẩu sang Trung Quốc, nó sẽ không gây hại nhiều cho người Mỹ, cuối cùng ngược lại khiến nhiều người tiêu dùng Trung Quốc phải móc hầu bao nhiều hơn. Số tiền đó có lẽ không lớn, không đáng kể, nhưng có vẻ như đã trừng phạt các trang trại nuôi gà của Mỹ, cuối cùng người bị liên lụy lại là người tiêu dùng Trung Quốc.

Mục đích cuối cùng của việc một quốc gia xuất khẩu là để nhập khẩu, nếu không thì xuất khẩu một đồng hàng hóa, cuối cùng thứ còn lại trong tay chỉ là ngoại hối. Giữ ngoại hối

để làm gì? Chẳng phải là tương đương với việc làm thuê cho người khác, cuối cùng đổi lấy một đồng giấy sao? Theo nghĩa này, việc khuyến khích nhập khẩu cũng quan trọng như khuyến khích xuất khẩu, đặc biệt là đối với Trung Quốc, lượng nhập khẩu của Trung Quốc hiện nay không phải là quá nhiều mà là quá ít, kết quả là tích lũy được một lượng dự trữ ngoại hối khổng lồ. Nếu việc ngoại giao của một quốc gia cứng rắn hay không được đo lường bằng việc đối xử tàn nhẫn với người tiêu dùng trong nước, thì đừng chơi trò chơi này nữa.

Lốp xe và thịt gà, những thứ nhỏ bé ẩn chứa những điều to lớn.

CHƯƠNG 4: NỖI LO VỀ TỶ LỆ VIỆC LAM

Năm 2009, một trong những lý do chính khiến chính phủ Trung Quốc hy vọng tăng trưởng "bảo 8" là để đảm bảo việc làm. Nền kinh tế Trung Quốc đã tạo ra một kỳ tích tăng trưởng, nhưng còn lâu mới tạo ra kỳ tích việc làm. Đi kèm với tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình hai con số, tỷ lệ việc làm chỉ tăng hơn 1% mỗi năm, điều này là khó tưởng tượng ở nhiều quốc gia. Tại sao tăng trưởng cao của Trung Quốc lại không tạo ra việc làm cao? Bài viết "Áo tưởng về tăng việc làm dựa vào ngành sản xuất" thảo luận về một nguyên nhân mà tôi cho là: mô hình tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Việc Trung Quốc phụ thuộc vào ngành sản xuất, phụ thuộc vào phương thức tăng trưởng dựa vào đầu tư, "thương dự án", có lợi cho tăng trưởng kinh tế, nhưng bất lợi cho việc tạo ra việc làm. Trong lịch sử kinh tế, gần như không có quốc gia nào giải quyết được vấn đề việc làm thông qua phát triển ngành sản xuất, bởi vì ngành có năng suất lao động cao nhất lại là ngành ít hấp thụ việc làm nhất. Nếu kinh nghiệm phát triển của các quốc gia khác mang lại cho chúng ta bất kỳ bài học nào, thì đó chính là việc phát triển mạnh mẽ ngành dịch vụ mới là giải pháp đúng đắn.

Bài viết "Dữ liệu việc làm khó hiểu" thảo luận về một vấn đề rất rộng: liệu dữ liệu thống kê có thể phản ánh thực tế hay không, đồng thời, những chỉ tiêu số lượng không có tính ràng buộc liệu có ý nghĩa hay không. Tầm quan trọng của vấn đề này nằm ở việc nó quyết định xem việc ra quyết định của chính phủ có mang tính khoa học hay không, và liệu có thể khiến chính phủ thực sự chịu trách nhiệm hay không.

Ngoài việc làm khó khăn về mặt tổng thể, việc làm ở Trung Quốc còn tồn tại vấn đề về cơ cấu, công nhân nhập cư ở tầng lớp thấp thường dễ kiếm việc làm hơn so với sinh viên đại học được đào tạo bài bản. Tại sao lại như vậy? Có thể có rất nhiều lý do. Bài viết "Công nhân nhập cư có việc làm, sinh viên đại học thất nghiệp" đề cập đến một lý do quan trọng mà tôi nhận thấy: công nhân nhập cư có thể điều chỉnh kỳ vọng kịp thời, chấp nhận mức lương thấp hơn, trong khi sinh viên đại học thì không thể. Giá thị trường của sinh viên đại học đã thấp hơn mức giá mà nhiều sinh viên đại học tự kỳ vọng. Ở đây, giá cả không chỉ bao gồm tiền lương, mà còn bao gồm loại hình ngành nghề, công việc và vị trí địa lý, etc. Cách giải quyết vấn đề này, theo tôi, chỉ có một, đó là để sinh viên đại học đối mặt với thực tế.

Bài viết "Giảm lương tập thể hay một số ít thất nghiệp" được viết trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc giảm vào đầu năm 2009, áp lực việc làm gia tăng. Bài toán thực tế mà các doanh nghiệp Trung Quốc phải đối mặt lúc đó là, để nhiều người hơn chấp nhận giảm lương, hay để một số ít người phải đối mặt với thất nghiệp. Và tôi cố gắng chứng minh rằng, việc giảm lương tuy khó khăn, nhưng có lẽ là lựa chọn tốt hơn.

Trong tương lai, ngành sản xuất của Trung Quốc sẽ ngày càng mạnh mẽ, và dần dần chuyển từ cấp thấp sang cấp cao. Nhưng xét về góc độ việc làm, ngành sản xuất có lẽ ngày càng không đủ sức để hấp thụ lực lượng lao động khổng lồ của Trung Quốc.

1. ẢO TƯỢNG VỀ TĂNG VIỆC LÀM DỰA VÀO NGÀNH SẢN XUẤT

Từ trước đến nay, hiện đại hóa và công nghiệp hóa luôn gắn liền với nhau, vì vậy các nước phát triển đôi khi còn được gọi là các nước công nghiệp hóa. Điều thú vị là, Mỹ, quốc gia công nghiệp hóa lớn nhất thế giới, tỷ trọng ngành sản xuất trong GDP chỉ còn khoảng 10%, nghe có vẻ hơi "danh bất hư truyền". Trên thực tế, hầu hết tất cả các quốc gia công nghiệp hóa hiện nay, ngành công nghiệp của họ đều không còn là bộ phận lớn nhất trong nền kinh tế của họ nữa, thậm chí cũng không phải là nguồn tăng trưởng kinh tế quan trọng nhất. Chỉ là sự trỗi dậy của những quốc gia này, không ngoại lệ, đều được thực hiện thông qua công nghiệp hóa.

Con đường hiện đại hóa của Trung Quốc cũng đi theo con đường công nghiệp hóa. Sau khi cải cách mở cửa, có thể nói là đã thành công rực rỡ. Kỳ tích kinh tế trong hơn 30 năm qua phần lớn là do ngành sản xuất thúc đẩy, đặc biệt là ngành sản xuất định hướng xuất khẩu. Xét về giá trị gia tăng, tính toán của tôi cho thấy, ngành sản xuất của Trung Quốc rất có thể đã vượt qua Mỹ, trở thành số một thế giới. Tất nhiên, lớn không có nghĩa là mạnh. Ngành sản xuất của Trung Quốc, nhiều ngành vẫn còn nằm ở phân khúc cấp thấp của chuỗi ngành; việc "lớn" này, ở một mức độ nhất định, là được thực hiện thông qua sản xuất hàng loạt, nếu không thì Trung Quốc cũng sẽ không có danh hiệu "công xưởng của thế giới".

Ngành sản xuất, mặc dù (từng) là động lực tăng trưởng của nhiều quốc gia, nhưng chưa chắc đã là động lực tăng trưởng việc làm. Trên thực tế, ngành sản xuất gần như chưa bao giờ là ngành tạo ra việc làm chủ yếu. Nhìn lại lịch sử phát triển kinh tế của các quốc gia, một hiện tượng rất rõ ràng là: trước khi công nghiệp hóa, ngành hấp thụ việc làm chủ yếu thường là nông nghiệp, ở các nước đang phát triển và các nước thu nhập thấp, thậm chí bao gồm cả chính Trung Quốc, phần lớn dân số vẫn đang làm nông nghiệp; sau khi công nghiệp hóa, ví dụ như nhiều nước phát triển hiện nay, ngành dịch vụ sẽ trở thành ngành hấp thụ việc làm chủ yếu của họ, hấp thụ 80% dân số lao động.

Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hiện tượng này là, năng suất lao động của ngành sản xuất thường tăng nhanh hơn so với nông nghiệp và dịch vụ, việc năng suất lao động tăng lên, mặc dù có lợi cho tăng trưởng kinh tế, nhưng chưa chắc đã có lợi cho việc làm. Ví dụ, một khi máy dệt được phát minh, một nữ công nhân dệt may một ngày có thể sản xuất ra số vải tương đương với số vải do hàng trăm, thậm chí hàng nghìn công nhân dệt may dệt ra trước đây. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là sự gia tăng rất lớn về năng suất. Nhưng nếu quy mô tổng thể của thị trường dệt may không tăng lên với tốc độ tương tự, thì việc phát minh ra máy dệt sẽ trực tiếp dẫn đến việc giảm số lượng việc làm mà ngành dệt may có thể hấp thụ.

Ngược lại, trong nhiều lĩnh vực, năng suất lao động của ngành dịch vụ tăng lên tương đối chậm. Ví dụ như thợ cắt tóc, bao nhiêu năm rồi, có lẽ vẫn đang sử dụng kỹ thuật không thay đổi để cắt tóc. Đầu bếp nấu ăn, ngay cả khi có thiết bị điện tiên tiến nhất, thì tốc độ nấu ăn cũng không thể nhanh hơn bao nhiêu. Nếu số lần mọi người đi ăn nhà hàng tăng lên theo sự gia tăng thu nhập, thì để đáp ứng nhu cầu, số lượng đầu bếp cũng phải tăng lên tương ứng. Nói cách khác, trong quá trình công nghiệp hóa, mặc dù nhiều quốc gia đã phát triển nhờ vào ngành công nghiệp, nhưng ngành tăng trưởng việc làm nhanh nhất lại là ngành dịch vụ, bao gồm nấu ăn, giặt giũ, làm trung gian, kiện tụng, viết tiểu thuyết, quay phim, etc.

Kinh nghiệm của Trung Quốc hơi khác so với nhiều quốc gia, công nghiệp hóa của Trung Quốc được kết hợp với toàn cầu hóa. Cùng với sự gia tăng năng suất lao động của ngành sản xuất Trung Quốc, thị phần sản phẩm Trung Quốc trên toàn cầu cũng nhanh chóng mở rộng. Vì vậy, mặc dù hiệu quả của ngành dệt may Trung Quốc đã được cải thiện rất nhiều, nhưng số lượng việc làm mà ngành dệt may hấp thụ không những không giảm mà còn tăng lên. Bởi vì ngành dệt may của Trung Quốc không chỉ sở hữu thị trường nội địa tương đối nhỏ hẹp, mà còn phục vụ cho thị trường quốc tế rộng lớn. Điều này đã tạo ra một ảo tưởng cho nhiều người, họ cho rằng ngành sản xuất, đặc biệt là ngành sản xuất định hướng xuất khẩu, có thể hỗ trợ cho tăng trưởng việc làm của Trung Quốc trong tương lai.

Nhưng điều này có lẽ chỉ là ảo tưởng. Hiện nay, nhiều ngành cấp thấp của Trung Quốc đã chiếm vị trí thống trị trên toàn cầu. Không gian phát triển tiếp theo của những ngành này đã khá hạn chế, không thể tiếp tục tạo ra việc làm. Còn ngành sản xuất cấp cao chỉ có thể tạo ra ít việc làm hơn chứ không phải nhiều hơn. Ví dụ, sản xuất ô tô cần ít lao động hơn so với sản xuất quần áo, sản xuất máy bay cần ít lao động hơn so với sản xuất ô tô. Hơn nữa, dưới tác động của cuộc khủng hoảng toàn cầu, người tiêu dùng phương Tây rất có thể sẽ không còn chi tiêu hoang phí như trước nữa, vì vậy nhu cầu đối với sản phẩm do Trung Quốc sản xuất cũng có thể sẽ không còn tăng trưởng với tốc độ cao như trước nữa.

Việc xuất khẩu của Trung Quốc giảm hai con số vào năm 2009 đã là một minh chứng. Trong tương lai, ngành sản xuất của Trung Quốc sẽ ngày càng mạnh mẽ, và dần dần chuyển từ cấp thấp sang cấp cao. Nhưng xét về góc độ việc làm, ngành sản xuất có lẽ ngày càng không đủ sức để hấp thụ lực lượng lao động khổng lồ của Trung Quốc.

Các cấp chính quyền Trung Quốc luôn ưu ái ngành sản xuất, ưu ái "dự án", bởi vì ngành sản xuất có thể mang lại đầu tư và thuế. Nhiều ưu đãi chính sách cũng thiên về đầu tư và phát triển ngành sản xuất, điều này trực tiếp dẫn đến việc ngành sản xuất của Trung Quốc tương đối quá lớn, ngành dịch vụ lại tương đối quá nhỏ. Điều này có lợi cho số liệu tăng trưởng kinh tế, rốt cuộc ngành sản xuất thường là ngành tăng trưởng nhanh nhất, nhưng đối với số liệu việc làm, lại là một bức tranh khác. Điều này có lẽ giải thích một phần lý do tại sao tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc dẫn đầu thế giới, về cơ bản đều duy trì ở mức hai con số trong những năm qua, trong khi tỷ lệ tăng trưởng việc làm của Trung Quốc chỉ là 1%-2%, tăng trưởng kinh tế cao của Trung Quốc không thực sự chuyển hóa thành việc làm cao.

Để giải quyết vấn đề việc làm dai dẳng của Trung Quốc, chỉ dựa vào "thương dự án" có lẽ là không đủ. Trên thế giới còn chưa có mấy quốc gia thực sự giải quyết được vấn đề việc làm dựa vào ngành sản xuất. Một số nước phát triển có tỷ trọng việc làm trong ngành sản xuất tương đối cao, chẳng hạn như Hàn Quốc, Nhật Bản và Đức, nhưng kinh nghiệm của những quốc gia này chưa chắc đã áp dụng được ở Trung Quốc, dân số của Trung Quốc thực sự quá đông, ngay cả khi chuyển tất cả ngành sản xuất trên thế giới sang Trung Quốc cũng có thể không đủ. Việc dành nhiều không gian phát triển hơn cho ngành dịch vụ không chỉ có lợi cho việc giảm bớt áp lực việc làm dai dẳng của Trung Quốc, mà còn có thể tự nhiên thúc đẩy nhu cầu trong nước. Người dân Trung Quốc giàu có lên sẽ không cần mua ô tô, mua TV mỗi năm, họ sẽ chi tiêu ngày càng nhiều tiền cho việc mua dịch vụ, từ tiêu dùng nông sản và công nghiệp phẩm sang tiêu dùng dịch vụ là kết quả tất yếu của việc nâng cấp tiêu dùng.

Ai cũng biết rằng bản thân dữ liệu này không chứa bất kỳ thông tin nào, bởi vì những người không đi đăng ký sẽ không được thống kê, nó khác xa phương pháp thống kê tỷ lệ thất nghiệp phổ biến trên thế giới. Thứ hai, dữ liệu này gần như không liên quan gì đến tình hình việc làm thực tế trên thị trường lao động.

2. DỮ LIỆU VIỆC LÀM KHÓ HIỂU

Thông thường, khi tôi thức dậy, trong điện thoại BlackBerry của tôi luôn có 10-15 email, phần lớn là các báo cáo về thị trường châu Á và báo cáo của ngân hàng đầu tư mà tôi nhận được trong khi ngủ, trong đó phần lớn là về Trung Quốc. Tôi thường nằm trên giường lướt qua những email này một cách nhanh chóng. Đọc email, rửa mặt, đánh răng rồi ăn sáng, gần như là ba việc tôi làm đều đặn mỗi buổi sáng, hơn nữa thứ tự phải như vậy. Tôi thực sự không thể nhịn được việc đọc email trước, bởi vì những gì đã xảy ra ở Trung Quốc trong khi tôi ngủ, sức hấp dẫn đối với tôi thực sự quá lớn.

Sáng thứ Sáu, tháng 3 năm 2010, tôi nhận được nhiều email hơn bình thường. Thông thường, điều này có nghĩa là có chuyện lớn xảy ra. Mở ra xem, hóa ra đều là về "Báo cáo Công tác Chính phủ" của Thủ tướng Ôn Gia Bảo.

Vì vậy, tôi đã tìm "Báo cáo Công tác Chính phủ" để đọc kỹ, và đặc biệt chú ý đến phần kinh tế trong đó. Nói một cách chính xác, không có tin tức gì mới trong báo cáo, những định hướng chính sách chủ yếu đã được nói đi nói lại nhiều lần. Cách diễn đạt, từ ngữ và giọng điệu trong báo cáo đều không thay đổi, không có quá nhiều điều khiến thị trường phấn khích hoặc thất vọng. Tuy nhiên, mỗi người có một góc nhìn khác nhau, không có tin tức có thể là tin tốt, cũng có thể là tin xấu.

Vì vậy, tôi đã chuyển sự chú ý sang một số dữ liệu. Trong những năm qua, đất nước chúng ta luôn nhấn mạnh rằng Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) không phải là "con dấu cao su". Nếu thực sự không phải, thì Quốc hội phải xem xét một số văn bản có tính ràng buộc. Có lẽ có người sẽ hỏi, chẳng phải Quốc hội đang làm như vậy sao? "Báo cáo Công tác Chính phủ" đại diện cho đường lối chính trị, ngân sách tài chính đều cần Quốc hội xem xét và thông qua, đây đều là những văn bản rất quan trọng, làm sao có thể nói là không có tính ràng buộc? Sau đây, tôi sẽ bắt đầu thảo luận từ một số khía cạnh rất nhỏ.

Báo cáo của Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã đề cập đến rất nhiều dữ liệu, chẳng hạn như mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2010 là 8%, lạm phát phải được kiểm soát trong vòng 3%, thâm hụt tài chính hơn 1 nghìn tỷ tệ, tăng trưởng tín dụng cả năm duy trì ở mức 7,5 nghìn tỷ tệ, tỷ lệ thất nghiệp đã đăng ký được đảm bảo trong vòng 4,6%, etc.

Xem xét những con số này từng con số một, bạn có thể thấy rất nhiều vấn đề. Trước tiên, hãy nói về tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nếu chỉ có một chính phủ trên thế giới này có thể kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế, thì đó có lẽ là chính phủ Trung Quốc. Vấn đề là, "Báo cáo Công tác Chính phủ" hàng năm đều đặt mục tiêu tăng trưởng là 8%, điều này khiến cho con số 8% gần như không còn chứa bất kỳ thông tin nào nữa. Con số 8% của năm 2009 còn cung cấp một số thông tin về chính sách, bởi vì vào đầu năm, nhiều người lo ngại tốc độ tăng trưởng của Trung Quốc sẽ chậm lại, 8% ít nhất cũng thể hiện quyết tâm chính sách. Nhưng đến năm 2010, ngay cả những dự báo bi quan cũng cho rằng Trung Quốc có thể tăng trưởng 9%, những dự báo lạc quan hơn thậm chí cho rằng có thể tăng trưởng hai con số, vì vậy 8% vào thời điểm này không thể hiện bất kỳ ý nghĩa chính sách nào.

Tiếp theo là ngân sách tài chính. Ngân sách thu nhập tài chính năm 2010 dự kiến tăng 8%, ngân sách chi tiêu dự kiến tăng 11,4%, vì vậy thâm hụt là hơn 1 nghìn tỷ tệ. Tôi muốn nói rằng, năm 2009 là năm khó khăn nhất để tăng thu nhập tài chính của Trung Quốc trong hơn mười năm qua, nhà nước đã cải cách thuế giá trị gia tăng và tăng hoàn thuế xuất khẩu, vì vậy thu nhập tài chính trong những tháng đầu năm 2009 là âm. Nhưng cuối cùng, thu nhập tài

chính cả năm 2009 vẫn tăng 11,7%. Bây giờ khó khăn về cơ bản đã qua, vậy con số tăng trưởng thu nhập tài chính 8% năm 2010 được ước tính như thế nào? Kể từ năm 1992, tăng trưởng thu nhập tài chính của Trung Quốc chưa bao giờ dưới hai con số, hơn nữa, nếu không có gì bất ngờ, thì tình hình kinh tế năm 2010 chắc chắn sẽ tốt hơn năm 2009, vì vậy tăng trưởng thu nhập tài chính năm 2010, nói một cách thận trọng, cũng không nên thấp hơn năm 2009 - năm khó khăn nhất. Tổng quy mô tài chính của Trung Quốc là khoảng 7 nghìn tỷ tệ, việc đánh giá thấp 1 điểm phần trăm tăng trưởng thu nhập tài chính đã tạo ra 70 tỷ tệ "tự do" cho hệ thống tài chính. Và cách sử dụng phần thu nhập tài chính vượt dự toán ở Trung Quốc là tương đối linh hoạt, có thể được sử dụng để bổ sung chi tiêu, giảm thâm hụt để trả nợ, hoặc đưa vào quỹ ổn định tài chính, điều này về cơ bản đều do hệ thống tài chính quyết định. Tăng trưởng thu nhập tài chính theo ngân sách năm 2010, theo tôi, có thể đã bị đánh giá thấp 5-10 điểm phần trăm hoặc thậm chí hơn. Nói cách khác, đến cuối năm 2010, hệ thống tài chính có thể thu vượt dự toán 400-700 tỷ tệ. Nếu tất cả số tiền này được sử dụng để bù đắp thâm hụt thì không sao, nhưng nếu biến thành chi tiêu đột xuất, thì sự lãng phí gây ra là điều có thể tưởng tượng được, và điều này không phải là chưa từng có tiền lệ.

Tiếp theo là tỷ lệ thất nghiệp đã đăng ký ở khu vực thành thị. Thứ nhất, ai cũng biết rằng bản thân dữ liệu này không chứa bất kỳ thông tin nào, bởi vì những người không đi đăng ký sẽ không được thống kê, nó khác xa phương pháp thống kê tỷ lệ thất nghiệp phổ biến trên thế giới. Thứ hai, dữ liệu này gần như không liên quan gì đến tình hình việc làm thực tế trên thị trường lao động. Ví dụ, khi một lượng lớn công nhân doanh nghiệp nhà nước bị sa thải vào cuối những năm 1990, tỷ lệ thất nghiệp đã đăng ký ở khu vực thành thị của Trung Quốc chỉ là 3%, nền kinh tế quá nóng vào năm 2007, tăng trưởng kinh tế cả năm là 14,2%, nhưng tỷ lệ thất nghiệp đã đăng ký lại tăng lên 4%, tỷ lệ thất nghiệp đã đăng ký cả năm 2009 đều là 4,3%, nhưng ai cũng biết rằng nền kinh tế Trung Quốc đã trải qua biến động lớn "trước thấp sau cao" vào năm 2009. Trong bối cảnh này, việc đề xuất kiểm soát dữ liệu này trong vòng 4,6% vào năm 2010 có ý nghĩa gì? Thực sự khó hiểu.

Tất nhiên, không phải tất cả các con số đều có vấn đề. Ví dụ, việc kiểm soát tổng quy mô tín dụng ở mức khoảng 7,5 nghìn tỷ tệ và kiểm soát lạm phát trong vòng 3% là có tính ràng buộc. Với việc tín dụng được bơm ra gần 10 nghìn tỷ tệ vào năm 2009, nếu chính phủ, đặc biệt là ngân hàng trung ương không làm gì, thì hai mục tiêu này sẽ không tự động đạt được. Việc đạt được quy mô tín dụng 7,5 nghìn tỷ tệ có lẽ tương đối dễ dàng, rốt cuộc ngân hàng trung ương có thể "hướng dẫn qua cửa sổ" các ngân hàng thương mại, hoặc trực tiếp phát hành hối phiếu trung ương có mục tiêu, trừng phạt các ngân hàng có tăng trưởng tín dụng quá nhanh, nhưng việc đạt được mục tiêu duy trì lạm phát trong vòng 3% chưa chắc đã dễ dàng. Giá hàng hóa cơ bản toàn cầu, bao gồm cả lương thực, đều đang phục hồi, cộng với việc mức giá cơ sở của năm 2009 tương đối thấp, nếu không kiểm soát tốt, lạm phát cả năm 2010 rất dễ vượt quá 3%.

Cuối cùng, quay trở lại vấn đề, việc ràng buộc hiệu quả quyền lực hành chính là điều kiện quan trọng để đảm bảo trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính, ngăn chặn tham nhũng. Mức độ ràng buộc của cơ quan lập pháp đối với các văn bản do họ xem xét là một chỉ số quan trọng phản ánh mức độ ràng buộc thực tế của cơ quan lập pháp đối với cơ quan hành chính. Ngay cả khi xét từ góc độ hẹp này, Quốc hội Trung Quốc có lẽ còn một chặng đường dài phía trước.

Phương pháp cơ bản nhất để giải quyết việc làm cho sinh viên đại học, theo tôi, chính là hạ thấp mức giá sản của sinh viên đại học - mức lương thấp hơn, ngành nghề kém lý tưởng hơn, vị trí thấp hơn hoặc nơi làm việc xa xôi hơn (rời khỏi các thành phố trung tâm). Sinh

viên đại học phải đối mặt với thực tế này, hơn nữa phải nhận thức rõ ràng trước khi quyết định vào đại học.

3. CÔNG NHÂN NHẬP CƯ CÓ VIỆC LÀM, SINH VIÊN ĐẠI HỌC THẤT NGHIỆP

Vào đêm trước Tết Nguyên đán năm 2009, Chen Xiwen, Giám đốc Văn phòng Nhóm Lãnh đạo Công tác Nông thôn Trung ương, đã phát biểu tại một cuộc họp báo rằng, có 20 triệu công nhân nhập cư trên cả nước bị thất nghiệp. Ngay khi lời nói này được đưa ra, đã gây chấn động dư luận. 20 triệu do đó đã trở thành một con số tiêu đề, gây ra vô số cuộc thảo luận.

Sau đó, con số này đã được chứng minh là có thể đã phóng đại mức độ thất nghiệp của công nhân nhập cư. Trong kỳ họp "Lưỡng hội" năm 2009, Cục Thống kê Quốc gia và Bộ Nhân lực và An sinh Xã hội lại công bố một số liệu khảo sát sau Tết Nguyên đán. Cuộc khảo sát này toàn diện hơn và chi tiết hơn so với cuộc khảo sát trước Tết Nguyên đán, kết luận cơ bản là, có 11 triệu công nhân nhập cư chưa tìm được việc làm. Nếu tính theo tổng số 220 triệu công nhân nhập cư trên cả nước, thì có khoảng 5% công nhân nhập cư đang thất nghiệp sau Tết Nguyên đán năm 2009. Số lượng người thất nghiệp tuyệt đối tương đối cao, nhưng tỷ lệ tương đối không quá lớn.

Vài tháng sau, vấn đề thất nghiệp của công nhân nhập cư gần như hoàn toàn biến mất khỏi tầm nhìn. Có thể là do giới truyền thông và mạng xã hội đã chuyển sự chú ý sang những vấn đề quan trọng hơn khác. Nhưng tôi thiên về một nguyên nhân khả dĩ khác, đó là, ngay cả trong giai đoạn suy thoái của nền kinh tế Trung Quốc, vấn đề thất nghiệp trên diện rộng của công nhân nhập cư cũng không nghiêm trọng như nhiều người lo ngại ban đầu. Đến mùa thu năm 2009, lại có tin tức cho biết "khan hiếm" công nhân nhập cư lại xuất hiện.

Nếu nói thực sự có vấn đề về việc làm, thì vấn đề phải là 6,1 triệu sinh viên đại học mới tốt nghiệp trên cả nước vào năm 2009. Chính phủ trung ương đã nhiều lần ban hành các chính sách khác nhau để giải quyết vấn đề việc làm cho sinh viên đại học, từ khuyến khích dạy học tình nguyện ở nông thôn, làm cán bộ thôn đến mở rộng quy mô tuyển sinh sau đại học, etc., không khó để nhận thấy tình hình việc làm của sinh viên đại học đang rất nghiêm trọng. Không có dữ liệu chính thức tốt về tình hình việc làm của sinh viên đại học. Trên trang web tài chính Caixin ngày 1 tháng 6 năm 2009 có một tin tức như sau:

Tỷ lệ ký hợp đồng thấp hơn cùng kỳ năm ngoái

Ngày 1 tháng 6, MyCOS, một công ty tư vấn quản lý thông tin nguồn nhân lực, đã công bố kết quả của cuộc khảo sát trực tuyến mới nhất "Tỷ lệ ký hợp đồng của sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2009". Dữ liệu cho thấy, tính đến cuối tháng 5, tỷ lệ ký hợp đồng của sinh viên đại học hệ chính quy là 38%, tỷ lệ ký hợp đồng của sinh viên cao đẳng nghề là 36%, so với tỷ lệ ký hợp đồng của cả hai hệ đều là 39% được công bố trước đó vào tháng 4, đều giảm.

Nếu tôi hiểu không nhầm, tỷ lệ ký hợp đồng này cũng bao gồm cả những người tiếp tục học lên cao, tức là hoãn việc làm. Đặt vấn đề việc làm của công nhân nhập cư và việc làm của sinh viên đại học cạnh nhau, bạn sẽ thấy một bức tranh thị trường lao động Trung Quốc rất thú vị. Nhóm lao động được đào tạo bài bản ở Trung Quốc, tức là sinh viên đại học, lại không tìm được việc làm; trong khi nhóm lao động có lẽ là cấp thấp nhất ở Trung Quốc, tức là

công nhân nhập cư, lại luôn có thể tìm cách kiếm việc làm, nói chính xác hơn là tìm cách kiếm sống.

Tôi luôn tin vào một quan điểm: không có thứ gì không bán được, chỉ là vấn đề giá cả. Nếu bạn có một xe lê bán không hết, bạn có thể giảm giá, giảm đến mức cho không, chắc chắn sẽ bị tranh giành hết. Nếu tình cờ là một xe lê thối, cho không cũng không ai lấy, vậy thì bạn bù thêm tiền, bù đến một mức độ nhất định, chắc chắn sẽ có người đến lấy. Tóm lại, nếu bạn muốn bán hết hàng hóa, chỉ cần giá cả phù hợp, bạn sẽ thành công. Nói ngược lại, nếu hàng hóa không bán được, thì rất có thể là do giá cả không phù hợp. Điều này chưa chắc đã đúng trong mọi trường hợp, ví dụ, bạn tình cờ bán một xe lê ở một nơi hoàn toàn không có người, thì dù bạn có giảm giá thế nào cũng sẽ không có ai đến mua, nhưng thị trường lao động không thuộc trường hợp này.

Việc công nhân nhập cư tương đối dễ kiếm việc làm, một trong những lý do quan trọng, theo tôi, là tiền lương và đãi ngộ của công nhân nhập cư theo giá thị trường. Khi thị trường lao động khan hiếm, tiền lương của mọi người đều cao hơn một chút, khi thị trường lao động dư thừa, tiền lương của mọi người đều thấp hơn một chút. Khi tiền lương thực sự quá thấp, công nhân nhập cư sẽ về quê làm ruộng. Tóm lại, biến động tiền lương thay thế cho biến động số lượng, điều này cũng giống như ví dụ về việc bán lê ở trên, cho dù xe lê đó có bao nhiêu, đều có thể bán hết thông qua biến động giá cả.

Tình hình của sinh viên đại học có thể ngược lại. "Giá thị trường" thực tế của sinh viên đại học, tức là mức lương có thể khiến đại đa số sinh viên đều có việc làm, có thể đã thấp hơn mức giá sàn của nhiều sinh viên đại học. Nhiều sinh viên đại học chính là do không muốn chấp nhận "giá thị trường", bao gồm mức lương, loại hình ngành nghề, địa điểm làm việc, etc., tất cả các yếu tố liên quan đến công việc, nên "không tìm được việc làm" hoặc thất nghiệp.

Việc "giá thị trường" của lao động sinh viên đại học thấp có thể là do các yếu tố cơ cấu gây ra, chẳng hạn như lượng cung sinh viên đại học đã tốt nghiệp quá lớn, nhưng nhu cầu không đủ, cũng có thể là do yếu tố chất lượng giáo dục, thị trường không công nhận chất lượng của một bộ phận sinh viên đại học, không cho rằng những sinh viên này, sau khi học 4 năm trong trường đại học, đọc vài cuốn sách, thực sự có thể tạo ra giá trị. Năm 1999 và 2000, các trường đại học bắt đầu mở rộng tuyển sinh. Lúc đó, tôi đã rất sốc khi thấy, trường học đã mở rộng tuyển sinh rất nhiều sinh viên trong trường hợp không tăng đội ngũ giáo viên, không tăng cơ sở vật chất giảng dạy. Lớp đại học của tôi có 70 sinh viên, trong khi lớp đại học thấp hơn tôi 3 khóa lại có tới 120 sinh viên, năm sau đó lên tới 150 sinh viên. Người ta thường nói đùa rằng, sinh nhiều con như vậy thì nuôi thế nào? Câu trả lời là, có gì khó đâu, chẳng phải là khi nấu cháo thì thêm một gáo nước, khi ăn cơm thì thêm một đôi đũa sao? Việc mở rộng tuyển sinh đại học, ít nhất là trong giai đoạn đầu, được thực hiện theo cách "thêm một gáo nước và thêm một đôi đũa". Như đã đề cập ở trên, hiện nay, để giải quyết vấn đề việc làm khó khăn của sinh viên đại học, Bộ Giáo dục lại bắt đầu mở rộng tuyển sinh sau đại học. Có vẻ như nước vẫn phải tiếp tục pha loãng.

Cho dù nguyên nhân nào dẫn đến việc "giá thị trường" của lao động sinh viên đại học thấp, tình trạng này có thể sẽ tiếp tục tồn tại trong một thời gian dài. Vì vậy, phương pháp cơ bản nhất để giải quyết vấn đề việc làm cho sinh viên đại học, theo tôi, chính là hạ thấp mức giá sàn của sinh viên đại học - mức lương thấp hơn, ngành nghề kém lý tưởng hơn, vị trí thấp hơn hoặc nơi làm việc xa xôi hơn (rời khỏi các thành phố trung tâm). Sinh viên đại học phải đối mặt với thực tế này, hơn nữa phải nhận thức rõ ràng trước khi quyết định vào đại học.

Cá nhân tôi thực ra cũng không phải là "nói mát". Những người du học nước ngoài như chúng tôi, mười mấy năm trước, khi còn là "hải quy" (người trở về từ nước ngoài) thì quý giá biết nhường nào, cả nước cũng chỉ có vài người. Bây giờ, ngày càng có nhiều người học thành tài trở về nước, nếu bạn vẫn cho rằng mình quý giá như ngày xưa, thì e rằng chỉ có thể làm "hải đãi" (chờ đợi) thôi.

Nhưng đây chính là quy luật thị trường, không ai có thể thay đổi được.

Khi nền kinh tế đi xuống, tiền lương càng thiếu linh hoạt, tình trạng thất nghiệp sẽ càng nghiêm trọng. Từ đó có thể thấy, số lượng người thất nghiệp phần lớn phụ thuộc vào mức độ linh hoạt của tiền lương. Ý nghĩa về mặt phân phối của điều này là, việc giảm lương tương đương với việc để nhiều người cùng gánh chịu chi phí do nền kinh tế đi xuống, trong khi việc sa thải nhân viên là để một số ít người phải gánh chịu hậu quả trước tiên.

4. GIẢM LƯƠNG TẬP THỂ HAY MỘT SỐ ÍT THẤT NGHIỆP

Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, tăng trưởng thu nhập của người dân chắc chắn sẽ chậm lại, thậm chí giảm. Đồng thời, một thực tế không mấy dễ chịu là, sự sụt giảm tăng trưởng thu nhập này sẽ không được phân bổ đều cho tất cả mọi người, mà là một số người phải gánh chịu phần lớn sự sụt giảm, trong khi phần lớn người dân không bị ảnh hưởng gì.

Biểu hiện cụ thể là, một số người sẽ bị thất nghiệp và mất nguồn thu nhập; số khác vẫn giữ được việc làm của mình, thu nhập của họ vẫn được đảm bảo. Điều này có vẻ không công bằng. Hơn nữa, những người mất việc thường là những người cần việc làm nhất. Bản thân họ có thể thuộc nhóm người yếu thế, khó khăn, hoặc là những người lao động thiếu kinh nghiệm và kỹ năng. So với các nhóm khác, thất nghiệp sẽ gây ra tác động lớn hơn đối với cuộc sống của những người này.

Đúng là, thất nghiệp gia tăng là kết quả không thể tránh khỏi của việc nền kinh tế đi xuống, nhưng việc liệu thất nghiệp có thực sự cần thiết hay không là điều không rõ ràng. Ở một mức độ lớn, nó phụ thuộc vào việc liệu doanh nghiệp có sẵn sàng và ở mức độ nào để hấp thụ tác động do nền kinh tế đi xuống thông qua việc điều chỉnh tiền lương.

Đối với doanh nghiệp, việc sa thải nhân viên và giảm lương có tác dụng tương tự nhau đối với việc kiểm soát chi phí, đều là giảm chi phí tiền lương. So với việc giảm lương, việc sa thải nhân viên có thể gây ra tác động tiêu cực lớn hơn đối với doanh nghiệp. Sa thải nhân viên tuy không khó, nhưng khi nền kinh tế khởi sắc trở lại, việc tuyển dụng lại những người có thể sử dụng ngay lập tức là điều không dễ dàng. Nhân viên cũ chưa chắc đã quay lại, người mới lại cần một thời gian để thích nghi.

Điều này có nghĩa là, việc điều chỉnh số lượng nhân viên để đối phó với biến động tình hình kinh tế có chi phí bổ sung, trong khi việc điều chỉnh tiền lương thì không. Vì vậy, nếu tiền lương có đủ linh hoạt, thì khi nền kinh tế tạm thời đi xuống, doanh nghiệp phải kiểm soát chi phí, doanh nghiệp có nhiều khả năng sẽ lựa chọn giảm lương, chứ không phải sa thải nhân viên. Nhưng nếu tình huống ngược lại, tức là, nếu tiền lương không linh hoạt, doanh nghiệp lại phải kiểm soát chi phí, thì quyết định tốt nhất mà doanh nghiệp có thể đưa ra chỉ có thể là sa thải nhân viên.

Theo nghĩa này, khi nền kinh tế đi xuống, tiền lương càng thiếu linh hoạt, tình trạng thất nghiệp sẽ càng nghiêm trọng. Từ đó có thể thấy, số lượng người thất nghiệp phần lớn phụ

thuộc vào mức độ linh hoạt của tiền lương. Ý nghĩa về mặt phân phối của điều này là, việc giảm lương tương đương với việc để nhiều người cùng gánh chịu chi phí do nền kinh tế đi xuống, trong khi việc sa thải nhân viên là để một số ít người phải gánh chịu hậu quả trước tiên.

Vì vậy, cho dù xét về lợi ích của doanh nghiệp, hay xét về ý nghĩa công bằng, việc cho phép giảm lương thay vì sa thải nhân viên khi nền kinh tế tạm thời đi xuống dường như là lựa chọn tốt hơn. Ở Trung Quốc, nơi chưa có mạng lưới an sinh xã hội hoàn thiện và vẫn còn tồn tại khoảng cách phân phối thu nhập lớn, thì điều này càng đúng. Tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đã giảm mạnh chưa từng thấy trong gần 30 năm vào cuối năm 2008 và đầu năm 2009, áp lực đối với việc làm là điều hiển nhiên. Trung Quốc vào thời điểm đó đã phải đối mặt với một lựa chọn khó khăn: giảm lương hay thất nghiệp.

Cho dù xét về góc độ của toàn bộ nền kinh tế, hay xét về góc độ công bằng, việc lựa chọn giảm lương dường như đều tốt hơn so với việc lựa chọn thất nghiệp. Nhưng nói thì dễ, làm mới khó. Rốt cuộc, chỉ có một số ít người trong dân số phải đối mặt với thất nghiệp, việc để phần lớn người dân hy sinh tiền lương của mình vì một số ít người có thể bị thất nghiệp là một điều khá khó khăn. Đây cũng là lý do quan trọng khiến nhiều doanh nghiệp thường lựa chọn sa thải nhân viên thay vì giảm lương: "đắc tội" với một số ít người dễ xử lý hơn so với "đắc tội" với tất cả mọi người. Đồng thời, do có mức lương tối thiểu được bảo vệ, nên đối với những người lao động có mức lương thấp, doanh nghiệp thiếu không gian để giảm lương của họ hơn nữa. Do đó, nhiều yếu tố kết hợp với nhau khiến cho việc giảm lương trở nên đặc biệt khó khăn.

Ở đây, có lẽ chính phủ cần phải phát huy một số vai trò nhất định. Tất nhiên, chính phủ không nên hạn chế doanh nghiệp sa thải nhân viên, rốt cuộc đây là quyết định kinh doanh độc lập của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, chính phủ có thể loại bỏ các rào cản đối với việc doanh nghiệp giảm lương và phúc lợi, dung túng cho hành vi giảm lương và phúc lợi của doanh nghiệp, khiến cho việc giảm lương trở thành một lựa chọn thực sự khả thi của doanh nghiệp. Chúng ta vẫn còn một lượng lớn nhân viên làm việc trong các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp nhà nước, chính phủ có thể hạn chế tiền lương của cán bộ công chức nhà nước và công nhân doanh nghiệp nhà nước, như vậy có thể giảm bớt áp lực điều chỉnh tiền lương của các tổ chức tư nhân. Điều mà chính phủ còn có thể làm là, xây dựng một sự đồng thuận trong toàn xã hội, để mọi người hiểu rằng tổn thất do suy thoái kinh tế gây ra nên được mọi người cùng gánh chịu. Tất nhiên, về lâu dài, điều mà chính phủ cần phải làm là, xây dựng một mạng lưới an sinh xã hội hoàn thiện, để những người tạm thời thất nghiệp có thể được bảo vệ ở mức độ tối thiểu và có thời gian để tìm kiếm công việc mới.

Việc tăng trưởng kinh tế giảm mạnh, nhìn thế nào cũng là một điều rất khó chịu. Nhưng nếu mọi người đều có thể gánh chịu một chút, thì cuộc sống của mọi người sẽ không quá khó khăn.

CHƯƠNG 5: GIÁ CẢ, ĐỘNG LỰC VÀ PHÂN PHỐI LỢI ÍCH

Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu Copenhagen năm 2009 là một hội nghị hỗn loạn và đầy kịch tính. Điều được thảo luận trên bàn đàm phán là tương lai của Trái đất, trong khi điều được tranh giành dưới gầm bàn lại là sự phân chia lợi ích trần trụi. Bài viết "Chìa khóa để giảm phát thải nằm ở cách phân bổ lợi ích" muốn nói đến hai vấn đề rất quan trọng: thứ nhất là Trung Quốc nhất định phải tích cực tham gia vào các cuộc đàm phán về biến đổi khí hậu, bởi vì nếu đàm phán tốt, Trung Quốc rất có thể sẽ trở thành bên hưởng lợi; thứ hai là phân tích kỹ lưỡng lý do tại sao việc giảm phát thải toàn cầu thực chất là đang phân bổ lợi ích, lợi ích ở đây chính là quyền phát thải. Ở một mức độ lớn, việc giảm phát thải như thế nào là một vấn đề kỹ thuật, không phải là vấn đề khó nhất; ai sẽ giảm phát thải là một vấn đề hiệu quả, cũng không phải là vấn đề khó nhất; ai sở hữu quyền phát thải là một vấn đề lợi ích, đây mới là vấn đề khó nhất.

Phí cầu đường cao tốc của Trung Quốc là điều bị nhiều người phàn nàn. Việc phí cầu đường trong nước nhiều và phức tạp là một sự thật không thể chối cãi. Nhưng bài viết "Tiền mua đường" của Trung Quốc và Hoa Kỳ" muốn nhìn nhận vấn đề này từ một góc độ khác. Bởi vì phí cầu đường cao tốc của Trung Quốc cũng đi kèm với sự tăng trưởng bùng nổ của đường cao tốc Trung Quốc, điều này khiến bạn phải nhận ra rằng, phí cao chưa chắc đã là một biện pháp xấu để thúc đẩy tiến bộ cơ sở hạ tầng. Tôi đã so sánh tình hình thu phí cầu đường cao tốc của Trung Quốc và Mỹ, sau đó đưa ra một phỏng đoán táo bạo: phí cao của Trung Quốc có thể chỉ là một hiện tượng mang tính giai đoạn. Sau khi đường sá được xây dựng xong, chi phí được thu hồi, Trung Quốc rất có thể cũng sẽ bước vào trạng thái thu phí thấp hoặc không thu phí như Mỹ.

Bài viết "Ô tô dung tích nhỏ chưa chắc tiết kiệm năng lượng" muốn chứng minh rằng, do hành vi của con người chịu ảnh hưởng của động lực, nên để thực sự tiết kiệm năng lượng, có lẽ không thể chỉ giảm lượng khí thải của từng ô tô, mà còn phải thay đổi hành vi của con người và động lực đằng sau hành vi đó. Giả định tiên quyết để ô tô dung tích nhỏ có thể tiết kiệm năng lượng là sẽ không có nhiều người mua ô tô hơn, những người mua ô tô cũng sẽ không lái xe nhiều hơn, nhưng cả hai giả định này đều không đúng. Ô tô dung tích nhỏ, do chi phí mua xe thấp, chi phí sử dụng cũng thấp, cuối cùng ngược lại có thể khuyến khích nhiều người mua xe hơn, lái xe nhiều hơn, kết quả là tiêu thụ nhiều năng lượng hơn.

Bài viết "'Bị cao tốc" và giá vé tàu Tết" thảo luận về một vấn đề mà xã hội phân hóa sẽ phải đối mặt từ một khía cạnh. Tàu cao tốc bản thân nó là một điều tốt, nhưng lại gây ra rất nhiều lời phàn nàn về việc "bị cao tốc". Từ đó có thể thấy rằng, cùng một sự việc lại có ý nghĩa hoàn toàn khác nhau đối với những nhóm người khác nhau, điều này và cuộc tranh luận về việc liệu có nên tăng giá vé tàu trong dịp Tết hay không phản ánh cùng một vấn đề.

Bài viết "Sự thật về giá nước bị đánh hội đồng" thảo luận về vấn đề tăng giá nước. Ở một mức độ lớn, điều này hơi giống với việc liệu có nên tăng giá vé tàu hay không. Nhưng điểm khác biệt là, vẫn tồn tại cơ chế kinh tế tương đối đơn giản có thể đảm bảo giá nước tăng lên, nhưng cuộc sống của những người thu nhập thấp sẽ không bị ảnh hưởng, hơn nữa chính phủ hoặc doanh nghiệp cung cấp nước cũng không cần phải bù lỗ.

Việc hạ thấp giá một cách giả tạo không thể thay đổi bản chất "khan hiếm". Ngược lại, điều này sẽ chỉ khiến cho tình trạng "khan hiếm" trở nên nghiêm trọng hơn.

1. SỰ THẬT VỀ GIÁ NƯỚC BỊ ĐÁNH HỘI ĐỒNG

Có một khoảng thời gian, một tiêu đề lớn trên mạng đã thu hút rất nhiều sự chú ý - "Giá nước tăng vọt, chuyên gia cho rằng không thể không tăng giá vì có người không uống nổi nước". Câu nói này đã bị "đánh hội đồng" là điều không nằm ngoài dự đoán. Tất nhiên, tôi không ngây thơ đến mức giả vờ không hiểu tại sao quan điểm như vậy lại bị "đánh hội đồng", nhưng tôi phải nói rằng: đây là một câu nói rất thật lòng.

Lý do cơ bản nhất khiến thế giới này tồn tại vấn đề kinh tế là do "tính khan hiếm". Nếu mọi thứ trên thế giới này đều vô tận, dùng mãi không hết, thì e rằng sẽ không cần đến môn kinh tế học nữa, phần lớn mâu thuẫn trên thế giới này cũng sẽ không còn tồn tại. Ngay cả khi không học kinh tế, người dân cũng hiểu đạo lý "của hiếm thì quý". Nếu một thứ gì đó khan hiếm, thì trong trường hợp các điều kiện khác giống nhau, giá của nó tự nhiên sẽ cao, giá cao là phản ánh của sự khan hiếm. Tất nhiên, bạn cũng có thể hạ thấp giá của thứ này một cách giả tạo. Nhưng xin lưu ý rằng, việc hạ thấp giá một cách giả tạo không thể thay đổi bản chất "khan hiếm". Ngược lại, điều này sẽ chỉ khiến cho tình trạng "khan hiếm" trở nên nghiêm trọng hơn. Một ví dụ thực tế là, vào cuối những năm 1950, Trung Quốc đã để cho người dân cả nước ăn uống miễn phí trong các nhà ăn tập thể. Lương thực tuy không mất tiền, nhưng không hề thay đổi thực tế là lương thực không đủ ăn, ngược lại còn gây ra sự lãng phí rất lớn. Theo nghiên cứu của một số học giả, lý do khiến "ba năm thiên tai" sau đó khó khăn như vậy, đặc biệt là năm đầu tiên, là do lãng phí quá nhiều trong giai đoạn nhà ăn tập thể.

Giá nước ở nhiều thành phố của Trung Quốc thấp, đây là một sự thật không cần kiến thức cao siêu cũng có thể hiểu được, bạn hãy xem áp lực cung cầu nước ở hầu hết các thành phố của Trung Quốc là có thể biết. Lấy khu vực Hoa Bắc làm ví dụ, khu vực này vốn đã khan hiếm nước, nay lại có một lượng lớn dân số đổ về, lượng nước tiêu thụ của công nghiệp, nông nghiệp và dân cư đều tăng mạnh, không khan hiếm nước mới lạ. Tôi tình cờ hỏi một quan chức thuộc Ủy ban Cải cách và Phát triển thành phố Bắc Kinh về tình trạng thiếu nước ở Bắc Kinh. Ông ấy nói với tôi rằng, do khai thác quá nhiều nước ngầm, mực nước ngầm ở khu vực Bắc Kinh đang giảm với tốc độ đáng kinh ngạc. Ông ấy nói rằng sau khi nước ngầm được khai thác hết, không biết nguồn nước mới ở đâu. Tôi nghĩ, đây có lẽ là lý do khiến nhà nước phải chi một khoản tiền khổng lồ để dẫn nước từ nam ra bắc. Kể từ cuộc trò chuyện đó, mỗi khi nghĩ đến Bắc Kinh, tôi đều vô thức cảm thấy "khát". Nếu thực sự để giá nước phản ánh tình hình cung cầu thực tế của Bắc Kinh, thì giá nước ở Bắc Kinh không nên ở mức hiện tại, mà nên ở mức khiến đại đa số người dân cảm thấy tiếc khi lãng phí một chút nước. Việc duy trì giá nước thấp và lượng tiêu thụ nước cao tương ứng ở Bắc Kinh, chỉ là đang "vay mượn" từ tương lai mà thôi. Bắc Kinh cũng có người nghèo, nhưng giá nước nên cao đến mức nào không liên quan trực tiếp đến việc có người nghèo hay không, mà liên quan đến lượng nước. Nước ở khu vực Bắc Kinh sẽ không tự sinh ra chỉ vì khu vực này còn người nghèo.

Nhưng giá nước quả thực sẽ gây ra tác động trực tiếp đến cuộc sống của người nghèo. Người nghèo có lẽ là nhóm người ít lãng phí nước nhất, nhưng lại có thể là nhóm người chịu ảnh hưởng lớn nhất do giá nước tăng. Nhưng suy nghĩ kỹ về điều này, bạn sẽ thấy rằng nguyên nhân mấu chốt nhất ở đây vẫn là do nghèo. Vì vậy, cách tốt nhất để người nghèo uống được nước không phải là bắt đầu từ giá cả, mà là bắt đầu từ thu nhập. Nếu việc tăng giá nước có thể đi kèm với một số khoản bù đắp thu nhập cho người nghèo, thì một mặt có thể khiến những người thực sự lãng phí nước cảm thấy tiếc khi sử dụng nước, mặt khác không khiến người nghèo không uống được nước.

Vậy làm thế nào để vừa tăng giá nước, vừa để người nghèo uống được nước? Trên thực tế, kinh tế học từ lâu đã cung cấp câu trả lời rất đơn giản. Có một cơ chế khiến bạn vừa có thể tăng giá nước, vừa không ảnh hưởng đến cuộc sống của người nghèo, hơn nữa chính phủ hoặc doanh nghiệp cung cấp nước cũng không cần phải bù lỗ cho người nghèo. Cơ chế như vậy thực sự không ít. Một cách là, mỗi gia đình được cấp một định mức sử dụng nước miễn phí mỗi tháng, ví dụ như 10 hoặc 20 tấn/người, lượng cụ thể cần được tính toán tùy theo tình hình. Vượt quá lượng này, mỗi tấn nước 10 tệ, 20 tệ hoặc 50 tệ, nói chung là định giá ở mức khiến doanh nghiệp cung cấp nước không bị lỗ và lượng nước tiêu thụ được kiểm soát hiệu quả. Phương án này vừa có thể đảm bảo lượng nước sử dụng cơ bản của một gia đình, đồng thời trừng phạt những gia đình sử dụng quá nhiều nước, mà những gia đình như vậy rất có thể là những gia đình có thu nhập cao hơn.

Phương án khác phức tạp hơn một chút, nhưng có lẽ là phương án tốt hơn, tức là tăng giá nước lên một mức tương đối cao một lần, ví dụ như 35 tệ/tấn, mỗi gia đình sử dụng bao nhiêu nước thì phải trả bấy nhiêu tiền. Sau khi trừ đi chi phí, công ty cấp nước sẽ phân phối lại số tiền còn lại cho người dân theo đầu người. Lấy ví dụ, giả sử chi phí của một tấn nước là 5 tệ, giá nước được định ở mức 35 tệ/tấn, một gia đình sử dụng 20 tấn nước, gia đình khác sử dụng 60 tấn nước. Như vậy, tiền nước mà công ty cấp nước thu được là $(20 + 60) \times 35 = 2.800$ tệ, trừ đi chi phí $(20 + 60) \times 5 = 400$ tệ, còn lại 2.400 tệ. 2.400 tệ này được phân phối lại theo đầu người, có nghĩa là mỗi gia đình sẽ nhận lại 1.200 tệ. Kết quả là, gia đình sử dụng ít nước tương đương với việc chỉ trả $20 \times 35 = 700$ tệ, nhưng nhận lại 1.200 tệ, lãi ròng 500 tệ, trong khi gia đình sử dụng nhiều nước lại phải trả thêm $60 \times 35 - 1.200 = 900$ tệ. Ưu điểm của cơ chế này là, những gia đình có lượng nước sử dụng thấp hơn lượng nước sử dụng bình quân đầu người sẽ kiếm được tiền, trong khi những gia đình có lượng nước sử dụng cao hơn lượng nước sử dụng bình quân đầu người phải trả thêm tiền, như vậy có thể thúc đẩy rất lớn việc tiết kiệm nước của tất cả các gia đình. Và xét đến việc lượng nước sử dụng của các gia đình có thu nhập cao nhìn chung sẽ nhiều hơn so với các gia đình có thu nhập thấp, cuối cùng các gia đình có thu nhập thấp không những không phải gánh thêm gánh nặng kinh tế do giá nước tăng, mà còn có thể kiếm thêm thu nhập thông qua việc tiết kiệm nước.

Câu nói rất thật lòng ở đầu bài viết là đúng, không thể không tăng giá chỉ vì có người không uống nổi nước. Nhưng nếu áp dụng chính sách thông minh, thì có thể đạt được mục tiêu vừa tăng giá nước, vừa để mọi người uống được nước.

Tất cả những người đề xuất tăng giá vé tàu trong dịp Tết (bao gồm cả tôi trước đây) đều không nên quên rằng: kết quả phân bổ của thị trường, mặc dù có lẽ là "hiệu quả" nhất, nhưng chưa chắc đã là nhân văn. Việc quên đi hậu quả phân bổ của việc tăng giá vé tàu là một thiếu sót lớn. Khi ngày càng nhiều người bắt đầu được hưởng sự tiện lợi của tàu cao tốc, họ cũng không nên quên rằng, sự tiện lợi hơn của tàu cao tốc phải trả giá bằng sự bất tiện hơn của một số người khác.

2. "BỊ CAO TỐC" VÀ GIÁ VÉ TÀU TẾT

Trong khoảng thời gian nghỉ lễ Giáng sinh và Năm mới năm 2009, đơn vị rất nhàn rỗi. Tuy nhiên, tôi và đồng nghiệp người Pháp của tôi vẫn đang làm việc chăm chỉ để chuẩn bị cho một chuyến công tác xa sắp tới. Hôm đó, một đồng nghiệp người Anh đột nhiên bước vào, nói với chúng tôi, chính xác hơn là nói với tôi: "Tuyến đường sắt cao tốc Vũ Quảng của Trung Quốc các bạn đã khai trương, tàu cao tốc của các bạn rất hoành tráng". Sau đó, đồng

nghiệp người Anh rảnh rỗi này lại rất nghiêm túc thảo luận với chúng tôi về lý do tại sao Trung Quốc lại chọn đoạn Vũ Quảng - đoạn đường có địa hình tương đối phức tạp - để xây dựng tuyến đường sắt cao tốc đường dài đầu tiên, anh ấy cảm thấy việc chọn tuyến Bắc Kinh - Thượng Hải dường như hợp lý hơn. Sau đó, chúng tôi lại thảo luận về việc liệu công nghệ tàu cao tốc của Trung Quốc là do tự phát triển hay là du nhập từ nước ngoài. Sau đó, khi về nước, tôi được biết từ những người trong cuộc rằng, toàn bộ tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh - Thượng Hải, mặc dù chạy trên đồng bằng, nhưng gần như vẫn hoàn toàn chọn cách sử dụng cầu để xuyên suốt toàn tuyến, là một tuyến đường sắt đúng nghĩa được "nâng" lên giữa không trung bằng bê tông cốt thép, việc làm này là để tiết kiệm đất đai vô cùng quý giá ở miền đông.

Vì đã nói đến đường sắt cao tốc của Trung Quốc, nên tôi đã kể cho hai đồng nghiệp nghe về việc "bị cao tốc", dạng bị động rất đặc trưng của Trung Quốc này cho thấy không phải ai cũng vui mừng trước đường sắt cao tốc. Giá vé tàu cao tốc cao hơn, làm giảm số lượng tàu thường, cuối cùng làm tăng chi phí đi lại của nhiều người. Và đối với nhiều người, thời gian là tương đối không quan trọng, độ thoải mái là tương đối không quan trọng, tiền mới là tương đối quan trọng. Vì vậy, "bị cao tốc" là một lời phàn nàn hợp tình hợp lý, về điểm này, tôi đồng ý, những đồng nghiệp người Anh và Pháp của tôi chưa từng sống ở Trung Quốc một ngày nào cũng đồng ý.

Phân tích từ góc độ kinh tế học, không phải tất cả các thị trường đều tồn tại vấn đề "bị cao tốc", phải nói là phần lớn các thị trường đều không tồn tại. Chúng ta hiếm khi nghe thấy ai đó phàn nàn về việc "bị khách sạn sang trọng" hoặc "bị ô tô hạng sang", rốt cuộc những thứ này đều có sản phẩm thay thế dồi dào, không vào nổi khách sạn sang trọng, mua không nổi ô tô hạng sang, không ảnh hưởng đến việc người ta đến những khách sạn không sang trọng, mua những ô tô không sang trọng. Và khác với những thị trường này, trong lĩnh vực giao thông đường dài, sản phẩm thay thế cấp thấp và trung bình của đường sắt tương đối ít, cung ứng cũng bị hạn chế bởi năng lực vận tải, vì vậy mới có vấn đề "bị cao tốc". Nếu có sản phẩm thay thế tốt, những người không đi nổi tàu cao tốc có thể lựa chọn phương tiện giao thông khác. Nếu cung ứng không bị hạn chế, thì cũng sẽ không tồn tại tình trạng tàu cao tốc "đẩy" tàu thường ra ngoài.

"Bị cao tốc" chỉ là một ví dụ thu nhỏ của một vấn đề rộng lớn hơn - đó là làm thế nào để phân bổ nguồn lực hạn chế (ở đây là năng lực vận tải đường sắt) trong một xã hội có khoảng cách thu nhập ngày càng gia tăng. Vấn đề giá vé tàu Tết được nhắc đến hàng năm có lẽ là ví dụ điển hình nhất của vấn đề này. Rất nhiều người, bao gồm cả tôi trước đây, có thể dễ dàng nói rằng, vấn đề tàu Tết cuối cùng là vấn đề giá cả. Tăng giá lên đến một mức độ đủ cao, tình trạng vé tàu khan hiếm trong dịp Tết có thể được giải quyết triệt để. Cái gọi là nhu cầu cứng nhắc, tự nhiên là không đứng vững. Nếu tăng giá vé tàu lên 10.000 tệ/vé, trước cửa nhà ga chắc chắn sẽ vắng tanh. Nhưng ý tưởng trên đã bỏ qua một khía cạnh cực kỳ quan trọng: việc giảm lượng hành khách bằng cách tăng giá vé tàu, cuối cùng là "đẩy" nhóm người nào ra ngoài? Rõ ràng là sẽ không phải là những người có thu nhập tốt, không quan tâm đến vài trăm, vài nghìn tệ. Những người cuối cùng bị "đẩy" ra ngoài, ngoài những người vốn dĩ không muốn về quê lắm, còn có thể là nhóm người thu nhập thấp, ở đây có lẽ chủ yếu là công nhân nhập cư. Tất nhiên, xét về góc độ kiểm soát dòng người, việc tăng giá chắc chắn không phải là một ý kiến tồi. Nhưng xét về góc độ bình đẳng và công bằng, thì rất khó đánh giá. Tại sao những công nhân nhập cư vốn dĩ đã có thu nhập không cao, quanh năm xa quê, cuối cùng lại phải làm "công dân hạng hai" trong việc về quê sum họp gia đình vào dịp Tết? Lại phải bị "đẩy" ra ngoài? Lại phải nhường chỗ cho những người có khả năng chi trả cao hơn?

"Bị cao tốc" phản ánh tình huống rất giống. Đối với những người có thu nhập tốt, yêu cầu cao hơn về độ thoải mái và tốc độ, việc khai trương đường sắt cao tốc quả thực là một tin vui, đối với nhóm người này, nó là một sản phẩm thay thế tốt cho máy bay. Nhưng đối với những người muốn tiết kiệm tiền, đường sắt cao tốc có lẽ là một tin xấu. Bởi vì sau khi tàu cao tốc được khai thác, số lượng tàu thường sẽ giảm. Những người này tất nhiên có thể lựa chọn phương thức giao thông thay thế, chẳng hạn như xe khách đường dài, nhưng đối với hành khách đi trung bình và đường dài, đường sắt vẫn là phương thức tiện lợi và an toàn hơn. Vì vậy, một khía cạnh mà "bị cao tốc" phản ánh vẫn là việc nhóm người có thu nhập cao "đẩy" nhóm người có thu nhập thấp ra ngoài.

Có lẽ có người sẽ nói, đây chính là số phận của những người có thu nhập thấp. Nghèo có nghĩa là không ở được nhà, mua không nổi đồ cũng về không được quê. Nếu đều chỉ trả được, thì sẽ không phải là người nghèo nữa. Câu nói này rất khó nghe, nhưng phần lớn là đúng, cũng cho thấy việc giải quyết nhiều vấn đề cuối cùng sẽ quy về việc làm thế nào để nâng cao thu nhập của người dân.

Nhưng dù sao, người thu nhập thấp sẽ luôn tồn tại, và xã hội loài người là văn minh, không nên chỉ là luật rừng trần trụi. Tất cả những người đề xuất tăng giá vé tàu trong dịp Tết (bao gồm cả tôi trước đây) đều không nên quên rằng: kết quả phân bổ của thị trường, mặc dù có lẽ là "hiệu quả" nhất, nhưng chưa chắc đã là nhân văn. Việc quên đi hậu quả phân bổ của việc tăng giá vé tàu là một thiếu sót lớn. Khi ngày càng nhiều người bắt đầu được hưởng sự tiện lợi của tàu cao tốc, họ cũng không nên quên rằng, sự tiện lợi hơn của tàu cao tốc phải trả giá bằng sự bất tiện hơn của một số người khác.

Nếu chỉ xét về mức tiêu thụ dầu tổng thể, thì việc trên đường chỉ có một số ít ô tô dung tích lớn, có lẽ tiết kiệm năng lượng hơn so với việc khắp nơi đều là ô tô dung tích nhỏ.

3. Ô TÔ DUNG TÍCH NHỎ CHƯA CHẮC TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Tôi luôn có một câu hỏi về ô tô dung tích nhỏ: liệu việc khuyến khích phát triển ô tô dung tích nhỏ có nhất định có lợi cho việc tiết kiệm năng lượng hay không? Lý do khiến tôi nảy sinh nghi ngờ này là do tôi nhận thấy rằng, ô tô dung tích nhỏ hiện nay không chỉ phổ biến ở trong nước, mà còn rất phổ biến ở một số quốc gia có thu nhập thấp và trung bình mà tôi đã đến. Ví dụ: Trung Quốc có QQ, Ấn Độ có Tata Nano rẻ hơn. Tôi đã từng đến một quốc gia có mức thu nhập thấp hơn nhiều so với Trung Quốc, nhận thấy tỷ lệ phổ cập ô tô ở đó cao đến mức đáng kinh ngạc, nhưng phần lớn các gia đình đều lái ô tô dung tích nhỏ. Tôi đã hỏi một quan chức địa phương tại sao lại có nhiều người sở hữu ô tô như vậy, câu trả lời của ông ấy rất đơn giản: những chiếc xe này rất rẻ.

Sau khi có những quan sát này, câu trả lời của tôi cho câu hỏi trên là: ô tô dung tích nhỏ chưa chắc tiết kiệm năng lượng.

Tại sao lại nói như vậy? Dung tích nhỏ chẳng phải là tương đương với tiết kiệm năng lượng sao? Tình hình thực tế không hoàn toàn như vậy. Chúng ta có thể nghĩ như thế này, khi một chiếc Chery QQ 0,8 lít chỉ có giá hơn 30.000 tệ, chạy 100 km theo giá xăng hiện nay cũng chỉ hết hơn 30 tệ tiền xăng, thì chúng ta phải tự hỏi: liệu mức giá như vậy có khuyến khích nhiều người mua ô tô hơn, khuyến khích những người có ô tô lái xe nhiều hơn, do đó dẫn đến việc cuối cùng tiêu thụ nhiều năng lượng hơn chứ không phải ít hơn?

Tôi biết rằng câu trả lời cho câu hỏi này phần lớn phụ thuộc vào một khái niệm thường được sử dụng trong kinh tế học - độ co giãn, tức là phản ứng của lượng cầu đối với giá cả. Chúng ta biết rằng, giá của một số hàng hóa giảm một chút, lượng cầu sẽ tăng lên rất nhiều, điều này được gọi là "co giãn", vì vậy mới có hiện tượng "bán rẻ, bán nhiều" - bán rẻ hơn một chút, lợi nhuận của từng hàng hóa tuy thấp hơn, nhưng do lượng bán ra nhiều hơn, lợi nhuận cuối cùng lại cao hơn. Việc liệu ô tô dung tích nhỏ có thể tiết kiệm năng lượng hay không cũng theo logic tương tự. Mỗi chiếc ô tô dung tích nhỏ quả thực gây ô nhiễm môi trường ít hơn, nhưng nếu giá xe thấp hơn và tiền xăng rẻ hơn cuối cùng dẫn đến việc nhiều người mua ô tô hơn, những người mua ô tô lái xe nhiều hơn, thì mức tiêu thụ năng lượng cuối cùng có thể ngược lại sẽ tăng lên. Do đó, việc khuyến khích ô tô dung tích nhỏ cuối cùng chưa chắc đã có lợi cho việc tiết kiệm năng lượng, hoặc ngay cả khi có thể tiết kiệm năng lượng, thì lượng năng lượng tiết kiệm được có thể cũng không rõ ràng như chúng ta tưởng tượng.

Hãy nghĩ về vấn đề này từ một góc độ khác. Giả sử nhà nước quy định Trung Quốc chỉ được phép bán những chiếc xe "hao xăng" sang trọng có dung tích trên 4,0 lít, mỗi chiếc xe có giá vài trăm nghìn hoặc thậm chí hàng triệu tệ, sau đó loại xe này chạy 100 km hết hơn 100 tệ tiền xăng. Thì lúc đó Trung Quốc có thể sẽ không có nhiều xe tư nhân - những người lái được QQ ở Trung Quốc rất nhiều, nhưng những người lái được xe "hao xăng" vẫn còn tương đối ít. Kết quả của quy định như vậy có thể là trên đường chỉ có những chiếc ô tô không thân thiện với môi trường, nhưng số lượng lại không nhiều, mức tiêu thụ dầu tổng thể có thể ngược lại sẽ thấp hơn. Vì vậy, nếu chỉ xét về mức tiêu thụ dầu tổng thể, thì việc trên đường chỉ có một số ít ô tô dung tích lớn, có lẽ tiết kiệm năng lượng hơn so với việc khắp nơi đều là ô tô dung tích nhỏ.

Tóm lại, dung tích của từng xe và mức tiêu thụ năng lượng tổng thể chưa chắc đã có mối liên hệ tất yếu. Việc giải quyết vấn đề tiêu thụ năng lượng có lẽ còn cần một số ý tưởng khác. Một cách là tăng giá năng lượng, như vậy người dân sẽ tự động mua xe dung tích nhỏ hoặc không mua xe, ngay cả khi có xe cũng lái ít hơn, cách này sẽ có hiệu quả trực tiếp hơn đối với việc tiết kiệm năng lượng. Nếu một ngày nào đó, người Trung Quốc ai cũng sở hữu một chiếc QQ, đi mua một chai xi dầu cũng phải lái xe, thì vẫn là một điều khá đáng sợ.

Lượng khí thải cao của Trung Quốc phần lớn là do quá trình công nghiệp hóa, do đó Trung Quốc có độ co giãn và không gian để giảm phát thải lớn hơn nhiều so với các nước phát triển. Ngay cả khi không có bất kỳ đột phá công nghệ mới nào, thông qua việc chuyển đổi từ các ngành công nghiệp phát thải cao sang các ngành công nghiệp phát thải thấp, thông qua việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và sạch hơn hiện có, Trung Quốc đều có thể đạt được mức giảm phát thải đáng kể mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Có thể nói, Trung Quốc có "lợi thế so sánh" bẩm sinh trên thị trường mới trị giá hàng chục nghìn tỷ USD này.

4. CHÌA KHÓA ĐỂ GIẢM PHÁT THẢI NẴM Ở CÁCH PHÂN BỐ LỢI ÍCH

Khi viết bài viết này, các đại diện của các quốc gia trên thế giới đang nhóm họp tại Copenhagen để thảo luận về các biện pháp ứng phó với sự nóng lên toàn cầu. Nếu các nhà lãnh đạo thế giới thực sự có thể đạt được kết quả thực chất, thì đó có lẽ sẽ là cuộc phân bổ lợi ích quy mô lớn nhất được thực hiện một cách hòa bình trong lịch sử loài người. Đúng vậy, việc ứng phó với sự nóng lên toàn cầu là một vấn đề "liên quan đến bầu trời", và nút thắt lớn nhất đằng sau điều này chính là lợi ích.

Sự nóng lên toàn cầu có thể được coi là một "tấm vé phạt" mà tạo hóa dành cho loài người, nhiên liệu khoáng sản rẻ và dễ sử dụng đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cận đại và hiện đại, đã được khoa học chứng minh là có thể mang lại biến đổi khí hậu thảm khốc. Thực tế hiện nay là, loài người phải trả giá cho lượng khí thải của mình. Cũng giống như việc trước đây đổ rác không mất tiền, đổ nhiều rồi thì phải thuê người dọn dẹp. Còn về chi phí cần thiết để kiềm chế sự nóng lên toàn cầu, phụ thuộc vào việc loài người quyết tâm đến mức nào để kiềm chế sự nóng lên toàn cầu - ví dụ như liệu chỉ làm chậm tốc độ nóng lên hay muốn đảo ngược hoàn toàn xu hướng nóng lên. Theo ước tính của giáo sư Nordhaus thuộc Đại học Yale, giá trị hiện tại của chi phí này có thể dao động từ vài nghìn tỷ đến vài chục nghìn tỷ USD. Nếu chỉ có một quốc gia trên thế giới này, thì mọi việc sẽ trở nên tương đối đơn giản, cho dù chi phí lớn đến đâu, cuối cùng cũng phải do quốc gia này gánh chịu. Nhưng vấn đề là, có rất nhiều quốc gia trên thế giới này, điều kiện quốc gia và lịch sử rất khác nhau, việc "tấm vé phạt" khổng lồ này cuối cùng được phân bổ như thế nào giữa các quốc gia đã trở thành vấn đề cốt lõi nhất của cuộc đàm phán về vấn đề nóng lên toàn cầu. Tất cả các quốc gia, bất kỳ cam kết giảm phát thải nào đưa ra, cuối cùng cũng sẽ có một "thẻ giá", cam kết càng nhiều, giá càng cao.

Mọi việc còn lâu mới đơn giản như vậy. Mặc dù đối với toàn thể nhân loại, việc kiềm chế sự nóng lên toàn cầu sẽ mang lại chi phí kinh tế bổ sung. Vài nghìn tỷ, thậm chí vài chục nghìn tỷ USD vốn có thể chi tiêu cho những việc khác, nay phải được sử dụng để quản lý khí thải. Nhưng đồng thời, điều này cũng tạo ra một thị trường hoàn toàn mới trị giá vài nghìn tỷ đến vài chục nghìn tỷ USD. Đối với từng quốc gia cụ thể, quốc gia nào có chi phí giảm phát thải thấp nhất, quốc gia nào phát minh ra nguồn năng lượng thay thế hiệu quả nhất, thì đối với quốc gia đó, điều này đồng nghĩa với cơ hội thực chất, Trung Quốc đặc biệt như vậy.

Thứ nhất, chi phí giảm phát thải của Trung Quốc phải là tương đối thấp trong số các quốc gia phát thải lớn. Khác với việc phát thải cao của các nước phát triển đã trở thành một phần của lối sống, lượng khí thải cao của Trung Quốc phần lớn là do quá trình công nghiệp hóa, do đó Trung Quốc có độ co giãn và không gian để giảm phát thải lớn hơn nhiều so với các nước phát triển. Ngay cả khi không có bất kỳ đột phá công nghệ mới nào, thông qua việc chuyển đổi từ các ngành công nghiệp phát thải cao sang các ngành công nghiệp phát thải thấp, thông qua việc áp dụng các công nghệ tiên tiến và sạch hơn hiện có, Trung Quốc đều có thể đạt được mức giảm phát thải đáng kể mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Có thể nói, Trung Quốc có "lợi thế so sánh" bẩm sinh trên thị trường mới trị giá hàng chục nghìn tỷ USD này. Nếu Trung Quốc không gánh vác nghĩa vụ quá mức trong hiệp ước giảm phát thải toàn cầu trong tương lai, nếu làm tốt, Trung Quốc không phải là hoàn toàn không có hy vọng trở thành quốc gia xuất khẩu ròng về "giảm phát thải", nói cách khác, những quốc gia có chi phí giảm phát thải cao hơn sẽ trả tiền cho Trung Quốc để mua kết quả giảm phát thải.

Tiếp theo là cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng mới. Năng lượng mới không chỉ có thể giảm chi phí giảm phát thải của chính mình, mà những quốc gia chiếm lĩnh vị trí cao còn có thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua xuất khẩu công nghệ và sản phẩm. Ngành sản xuất của Trung Quốc từ lâu đã có khả năng biến công nghệ thành sản phẩm với chi phí thấp nhất, Trung Quốc không sợ bất kỳ quốc gia nào trên thế giới về mặt sản xuất. Ngay cả xét về công nghệ năng lượng mới, Trung Quốc cũng không hề tụt hậu, trong các lĩnh vực pin, năng lượng mặt trời và ô tô điện, etc., Trung Quốc thậm chí còn có một số lợi thế riêng. Nếu điều chỉnh tốt giá cả và cơ chế khuyến khích, chẳng hạn như để giá than và điện truyền thống phản ánh đầy đủ hơn chi phí thực tế, bao gồm chi phí môi trường và chi phí an toàn, thì ngành năng lượng mới của Trung Quốc sẽ có không gian phát triển rất lớn.

Đối với Mỹ, toàn bộ vấn đề này lại có ý nghĩa khá khác biệt. Chi phí giảm phát thải của Mỹ có lẽ là cao nhất thế giới - lái xe to, ở nhà to, sống ở ngoại ô xa trung tâm thành phố đã trở thành lối sống của đại đa số người Mỹ, trong đó không có điều nào là tiết kiệm năng lượng, cũng rất khó thay đổi, đặc biệt là nhà ở. Và với tư cách là quốc gia phát thải lớn nhất nhì thế giới cho dù xét theo bình quân đầu người, lượng tích lũy trong lịch sử hay tổng lượng, Mỹ chắc chắn phải gánh vác phần lớn nghĩa vụ giảm phát thải trong bất kỳ hiệp ước giảm phát thải quốc tế nào có hiệu lực thực sự, nghĩa vụ này sẽ không ít hơn 20% tổng lượng giảm phát thải, tức là chi phí bổ sung từ vài trăm tỷ đến vài nghìn tỷ USD. Vì vậy, đối với Mỹ, việc phát triển năng lượng mới là một việc không có nhiều lựa chọn, nếu không, tăng trưởng kinh tế trong tương lai rất có thể sẽ bị chi phí giảm phát thải nặng nề kéo lùi. Khác với các quốc gia đi sau, Mỹ không có lợi thế về chi phí, cũng không có quốc gia nào để bắt chước, chỉ có thể có năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực năng lượng mới thông qua việc phát minh ra công nghệ tốt nhất, nhưng đây không phải là một việc dễ dàng.

Theo nghĩa này, Trung Quốc có thể thể hiện thái độ cao hơn một chút về vấn đề kiểm chế sự nóng lên toàn cầu. Cơ hội là như nhau, nhưng những thách thức mà chúng ta phải đối mặt lại nhỏ hơn nhiều so với Mỹ.

Nhưng vấn đề mấu chốt là quyền phát thải được xác định như thế nào? Trong cuộc tranh luận về vấn đề nóng lên toàn cầu, việc ai sẽ giảm phát thải thực ra không phải là điều quan trọng nhất, hay nói cách khác, không cần các chính trị gia và chính phủ quyết định. Việc để các quốc gia hoặc ngành có chi phí giảm phát thải thấp nhất thực hiện giảm phát thải, cuối cùng sẽ được thực hiện trong bất kỳ khuôn khổ giảm phát thải nào hoạt động tốt - cho dù là kiểm soát tổng lượng và giao dịch, hay thuế carbon. Đây thực chất là một phần mở rộng tự nhiên của Định lý Coase. Đừng nghĩ rằng Định lý Coase là lý thuyết của giữa thế kỷ 20 nên đã lỗi thời, đằng sau phương án kiểm soát tổng lượng và giao dịch là sự sáng suốt của ông Coase: chỉ cần quyền sở hữu, nói chính xác hơn là quyền phát thải được xác định rõ ràng, thì thị trường sẽ có thể tìm ra cách giảm phát thải hiệu quả nhất.

Tại sao lại như vậy? Ở đây tôi sẽ kể một câu chuyện của cá nhân tôi.

Khi mới bắt đầu học kinh tế, tôi đã làm bài tập về Định lý Coase. Đề bài như sau: 6 nam sinh sống chung một phòng ký túc xá, trong đó có một người hút thuốc rất nhiều, khiến 5 người còn lại đều phải hít khói thuốc thụ động. Hãy sử dụng Định lý Coase để giảm bớt vấn đề này.

Trên thực tế, có vô số phương án phân bổ quyền có thể giảm bớt vấn đề này theo hướng dẫn của Định lý Coase. Nhưng có hai phương án cực đoan đặc biệt thú vị.

Phương án 1: Xác định rằng hút thuốc trong phòng ký túc xá là quyền của mỗi người, nếu muốn một người không hút thuốc, thì có thể thực hiện thông qua cách bồi thường cho người này.

Phương án 2: Xác định rằng mỗi người trong phòng ký túc xá đều được hưởng quyền có không khí trong lành, nếu một người muốn hút thuốc trong phòng, thì cũng có thể thực hiện thông qua cách bồi thường cho những người khác.

Chứng minh toán học cho thấy cả hai cách này cuối cùng đều có thể đạt được hiệu quả khiến người hút thuốc đó hút ít hơn. Nói một cách chính xác hơn, trong trường hợp đáp ứng một số điều kiện nhất định, có thể đạt được hiệu quả giảm phát thải hoàn toàn giống nhau. Nhưng phương án 1 có nghĩa là 5 người còn lại trong phòng ký túc xá phải bỏ tiền để người

hút thuốc đó hút ít hơn. Còn phương án 2 có nghĩa là, người hút thuốc đó phải bỏ tiền mới được hút thuốc, do đó tự nhiên sẽ hút thuốc ít hơn.

So sánh hai phương án, không khó để nhận thấy, xét về kết quả giảm phát thải cuối cùng, hai phương thức phân bổ quyền này không khác nhau nhiều. Nhưng xét về phân bổ lợi ích thực sự, thì hai phương thức này lại khác nhau một trời một vực. Việc phân bổ lợi ích trong vấn đề nóng lên toàn cầu phức tạp hơn một chút so với bài tập này.

Tình hình hiện nay là, trong số 6 người đó, có 2 người (châu Âu và Mỹ) đã hút thuốc cả ngày, bây giờ cuối cùng cũng bớt đi một chút, nhưng vấn đề là cả căn phòng đã bị khói thuốc ám đầy; sau đó người thứ 3 (Trung Quốc) đột nhiên bắt đầu hút thuốc lá kém chất lượng một cách "ngẫu nhiên", khiến căn phòng càng thêm ngột ngạt khói thuốc; 3 người còn lại (châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh) đang học hút thuốc, nhưng vẫn chưa hút nhiều.

Xét về góc độ giảm phát thải, mục tiêu quan trọng nhất có lẽ là để người hút thuốc lá kém chất lượng đó hút ít hơn một chút, tức là Trung Quốc cần phải kiểm soát phát thải. Tương tự như ví dụ trên, cũng có vô số phương thức phân bổ quyền có thể đạt được kết quả này.

Một phương án là: xác định rằng tất cả các quốc gia đều không có quyền tiếp tục tăng phát thải, hơn nữa phải giảm phát thải 20% so với mức năm 1990, nếu muốn tăng phát thải, thì phải mua từ các quốc gia khác. Phương án này tất nhiên sẽ dẫn đến việc Trung Quốc kiểm soát phát thải, bởi vì nếu Trung Quốc phát thải nhiều hơn, họ sẽ phải trả giá đắt để mua từ các quốc gia khác. Nhưng xét về góc độ phân bổ lợi ích, Trung Quốc sẽ là bên thua cuộc, châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh cũng sẽ là bên thua cuộc, trong khi châu Âu và Mỹ sẽ là bên tương đối chiến thắng. Rốt cuộc, lượng phát thải tăng thêm chủ yếu đến từ Trung Quốc và châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, lượng phát thải của châu Âu và Mỹ đã rất ổn định và bắt đầu giảm. Phương án như vậy, tương đương với việc để Trung Quốc và châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đang phát triển bỏ tiền ra mua quyền phát thải nhiều hơn.

Còn có một phương án là: xác định rằng mỗi người trên Trái đất đều được hưởng quyền phát thải như nhau. Quyền này là, ví dụ, 80% lượng phát thải bình quân đầu người toàn cầu năm 1990. Tất nhiên, vẫn có thể mua hạn ngạch bằng cách bỏ tiền. Cách này cũng có thể đạt được mục tiêu khiến Trung Quốc kiểm soát phát thải, bởi vì nhiều quốc gia sẽ nhận thấy rằng, chi phí đóng cửa một doanh nghiệp phát thải cao ở Trung Quốc thấp hơn nhiều so với chi phí đóng cửa một doanh nghiệp đã rất thân thiện với môi trường ở các nước phát triển. Rất có thể họ sẽ sẵn sàng bỏ tiền ra để mua quyền phát thải từ Trung Quốc, còn Trung Quốc sẽ thực hiện đầu tư, đóng cửa các doanh nghiệp phát thải cao, từ đó giảm phát thải tương ứng. Bên hưởng lợi lớn nhất của phương án này sẽ là châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, bởi vì lượng phát thải bình quân đầu người của những quốc gia đó thấp hơn nhiều so với lượng phát thải bình quân đầu người toàn cầu năm 1990, họ có rất nhiều quyền phát thải carbon để bán, trong khi châu Âu và Mỹ sẽ là bên thua cuộc lớn nhất, lượng phát thải bình quân đầu người của họ cao hơn nhiều so với lượng phát thải bình quân đầu người toàn cầu năm 1990.

Ngoài ra còn có một phương án là: không xem xét lượng tăng thêm, mà xem xét lượng tích lũy. Chúng ta xác định tổng lượng khí nhà kính mà Trái đất có thể chịu đựng được vào năm 2050, sau đó phân bổ tổng lượng này cho các quốc gia theo quy mô quốc gia, chẳng hạn như dân số. Nếu lượng phát thải tích lũy của bạn đã vượt quá hạn ngạch này, thì không chỉ là vấn đề giảm phát thải nữa, mà còn phải "hút" lượng khí thải trong quá khứ của bạn trở lại, nếu không bạn sẽ phải bỏ tiền ra để mua hạn ngạch từ các quốc gia khác, nếu bạn chưa đạt đến hạn ngạch này, thì bạn vẫn có thể tiếp tục phát thải, hoặc bán hạn ngạch cho các quốc gia cần. Phương án này rõ ràng sẽ khiến châu Âu và Mỹ trở thành bên thua cuộc lớn hơn, bởi vì lượng

phát thải tích lũy của họ nhiều hơn, trong khi Trung Quốc và châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh rõ ràng sẽ được hưởng lợi.

Ở đây chỉ là một số ví dụ. Bạn có thể tưởng tượng ra vô số phương thức phân bổ, nếu được thực hiện, đều có thể đạt được mục tiêu giảm phát thải. Hơn nữa, trong số lượng giảm phát thải cuối cùng được thực hiện, chắc chắn sẽ có một phần lớn được thực hiện thông qua Trung Quốc, rốt cuộc Trung Quốc là quốc gia phát thải lớn nhất, cũng là quốc gia có độ co giãn lớn nhất để thực hiện giảm phát thải. Nhưng sự phân bổ lợi ích ở đây lại hoàn toàn khác nhau, đây mới là điều quan trọng.

Trước vấn đề giảm phát thải, lợi ích của người dân Trái đất về cơ bản là thống nhất. Nhưng trước lợi ích, mỗi quốc gia đều ích kỷ, nếu không thì đã không cần đàm phán nữa, mọi người tự mình cố gắng giảm phát thải của mình là được rồi.

Theo tôi, để giải quyết vấn đề này, chính phủ có thể làm hai việc: thứ nhất là thực hiện nghiêm túc mức phí và thời gian thu phí theo hợp đồng, hết thời hạn thu phí, lập tức dừng thu phí. Rõ ràng là, điều này đã không được thực hiện ở nhiều nơi; thứ hai là, trong trường hợp tài chính cho phép, sử dụng chi tiêu tài chính để mua lại các tuyến đường cao tốc được thương mại hóa.

5. "TIỀN MUA ĐƯỜNG" CỦA TRUNG QUỐC VÀ HOA KỲ

Có một khoảng thời gian, tôi thường lái xe từ Washington đến New York. Trước tiên, đi dọc theo đường cao tốc số 95 hướng bắc, khi vào bang Maryland, phải trả 2 USD phí cầu đường, khi đi qua thành phố Baltimore, còn phải trả thêm 2 USD phí hầm. Sau đó, tiếp tục đi về phía bắc, vào bang Delaware, lại phải trả thêm 2 USD phí cầu đường. Khi đi qua cầu Delaware River, còn phải trả thêm 4 USD phí cầu. Qua cầu, sẽ vào bang New Jersey. Đường cao tốc New Jersey bắt đầu từ góc tây nam của New Jersey, kết thúc tại đường hầm Lincoln dẫn đến New York, phí cầu đường cao tốc toàn tuyến hơn 8 USD. Qua đường hầm Lincoln, còn phải trả thêm 8 USD phí hầm. Nói tóm lại, để đi từ Washington đến New York, quãng đường gần 400 km, phải trả khoảng 30 USD phí cầu đường hầm mới có thể vào Manhattan.

Vì vậy, khác với suy nghĩ của nhiều người, ở Mỹ, có những nơi cũng thu phí cầu đường, có những đoạn đường còn khá đắt. Nhưng nói chung, hệ thống đường cao tốc tiện lợi của Mỹ hầu hết thời gian đều được sử dụng miễn phí, điều này vẫn khiến người ta ấn tượng khá sâu sắc. Từ việc có những đoạn đường thu phí đến việc hầu hết các đoạn đường đều không thu phí, khiến tôi rút ra một nhận định: việc không thu phí cầu đường không phải là do chính phủ Mỹ nhân từ, những nơi cần thu phí, họ không hề do dự. Nhưng hầu hết các tuyến đường cao tốc của Mỹ đã được xây dựng từ 50 năm, thậm chí 80 năm trước, bởi vì hệ thống đường cao tốc liên bang của Mỹ được xây dựng từ thời kỳ Đại suy thoái, hầu hết các tuyến đường đã được xây dựng xong sau chiến tranh. Có bao nhiêu tuyến đường chưa thu hồi được vốn đầu tư sau 50 năm, thậm chí 80 năm? Hơn nữa, chính phủ liên bang Mỹ gần như trực tiếp lấy đi gần 1/3 thu nhập từ tiền lương của mỗi người, chính quyền địa phương gần như đánh thuế đôi với tất cả hàng tiêu dùng, những gia đình có ô tô, có nhà còn phải nộp thuế tài sản, kiếm được tiền từ cổ phiếu còn phải nộp thuế thu nhập vốn, trong giá xăng cũng có phí cầu đường, chính phủ Mỹ cũng chưa chắc cần phải thu phí cầu đường để bù đắp chi phí xây dựng đường sá.

Tình hình của Trung Quốc rất khác so với Mỹ. Hầu hết các tuyến đường cao tốc của Trung Quốc đều được xây dựng trong 5 năm gần đây, nhiều nhất là 10 năm gần đây. Dưới đây là một số liệu: tổng chiều dài đường cao tốc đã thông xe trên cả nước vào cuối năm 1998 là 8.733 km, đến cuối năm 2003 đã tăng lên 29.800 km, đến cuối năm 2008 đã tăng lên 60.300 km. Mặc dù nếu không có tham nhũng, chi phí xây dựng đường cao tốc của Trung Quốc sẽ không cao như hiện nay, nhưng chi phí xây dựng những tuyến đường cao tốc này dù sao cũng sẽ rất lớn. Và nhiều tuyến đường cao tốc của Trung Quốc thường không được xây dựng bằng chi tiêu tài chính, tài chính cũng không có nhiều tiền như vậy, mà được xây dựng theo mô hình thương mại hóa, tức là việc xây dựng đường sá cuối cùng là một hành vi thương mại nhằm mục đích lợi nhuận. Do đó, việc phí cầu đường cao tốc của Trung Quốc cao gần như là kết quả tất yếu của mô hình xây dựng đường cao tốc như vậy. Mô hình này, mặc dù bị nhiều người không thích, nhưng quả thực là một cách hiệu quả để nhanh chóng nâng cao trình độ cơ sở hạ tầng. Nhìn ra thế giới, có quốc gia nào ở giai đoạn phát triển của Trung Quốc lại có mạng lưới đường cao tốc tốt như Trung Quốc? Trên thực tế, cơ sở hạ tầng tốt là một trong những lý do quan trọng khiến Trung Quốc có năng lực cạnh tranh cao trong chuỗi ngành toàn cầu. Nếu không sử dụng mô hình thương mại này, mà chỉ dựa vào chi tiêu tài chính của chính phủ để xây dựng đường sá, thì Trung Quốc không thể xây dựng được nhiều đường như vậy trong thời gian ngắn như vậy.

Nhưng đường sá, về bản chất, không nên là thứ nhằm mục đích lợi nhuận, mà nên là một loại hàng hóa công cộng. Điều này có nghĩa là, so với đường cao tốc được coi là hàng hóa công cộng, đường cao tốc nhằm mục đích lợi nhuận sẽ có ít nhất một trong hai đặc điểm sau: 1. Phí cao; 2. Thời gian thu phí dài. Nhưng đây chính là nguồn gốc khiến nhiều người phản nản. Theo tôi, để giải quyết vấn đề này, chính phủ có thể làm hai việc: thứ nhất là thực hiện nghiêm túc mức phí và thời gian thu phí theo hợp đồng, hết thời hạn thu phí, lập tức dừng thu phí. Rõ ràng là, điều này đã không được thực hiện ở nhiều nơi; thứ hai là, trong trường hợp tài chính cho phép, sử dụng chi tiêu tài chính để mua lại các tuyến đường cao tốc được thương mại hóa. Tôi hoàn toàn không tán thành hành vi xé bỏ hợp đồng để thu hồi một cách cưỡng bức, ngay cả khi hợp đồng ban đầu có vẻ không hợp lý khi nhìn lại. Ví dụ, thời gian thu phí của một tuyến đường nào đó được quy định quá dài hoặc mức phí được quy định quá cao. Rốt cuộc, việc thực hiện nghiêm túc hợp đồng là điều cơ bản nhất của một xã hội pháp quyền, nền kinh tế thị trường.

Phí cầu đường của Trung Quốc cao, danh mục nhiều, mặc dù không phải là điều tốt, nhưng rất có thể chỉ là tạm thời, là do giai đoạn phát triển hiện nay và mô hình xây dựng đường sá của Trung Quốc cùng quyết định. Tôi muốn đưa ra một phỏng đoán táo bạo, không quá mười mấy năm nữa, nhiều nhất là vài chục năm nữa, khi chi phí của hầu hết các tuyến đường cao tốc của Trung Quốc được thu hồi hoặc được chính phủ mua lại trước thời hạn, khi hành vi của chính phủ được quy phạm hóa hơn, thì đường cao tốc của Trung Quốc cũng sẽ giống như đường cao tốc của Mỹ, tiện lợi và hầu hết đều miễn phí.

CHƯƠNG 6: LIỆU TĂNG TRƯỞNG TỐC ĐỘ CAO CÓ BỀN VỮNG

Nền kinh tế Trung Quốc là một nền kinh tế bí ẩn. Bạn có thể dễ dàng kể ra hàng loạt vấn đề của nền kinh tế Trung Quốc, có những vấn đề đủ sức bóp chết tăng trưởng kinh tế của bất kỳ quốc gia nào khác, chẳng hạn như tham nhũng, sự can thiệp quá mức của chính phủ, thiếu xác định quyền sở hữu rõ ràng, không có pháp quyền tốt, mất cân bằng cơ cấu kinh tế, etc. Nhưng tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc trong 30 năm cải cách mở cửa không hề bị đình trệ bởi những vấn đề này. Luôn có một số người cho rằng Trung Quốc chỉ là may mắn, trong thâm tâm họ cho rằng tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sớm muộn gì cũng không bền vững, hoặc đột ngột dừng lại, hoặc sẽ sụp đổ. Vì vậy, gần như vào bất kỳ thời điểm nào, cũng có người có thể tìm ra lý do để chứng minh rằng nền kinh tế Trung Quốc đang tiến tới bờ vực sụp đổ. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2009 đã cung cấp rất nhiều chất liệu cho những người như vậy.

Bài viết "Khi nào nền kinh tế Trung Quốc sẽ sụp đổ?" phản hồi một số quan điểm về "nền kinh tế Trung Quốc sắp sụp đổ" xuất hiện vào năm 2009. Nhưng tăng trưởng kinh tế tốc độ cao của Trung Quốc quả thực đã tạo ra một vấn đề mà nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ vừa phải không thể gặp phải, đó là sự phân hóa nhanh chóng của xã hội.

Một ví dụ mà tôi thích, và có lẽ cũng là ví dụ do tôi nghĩ ra đầu tiên, là Trung Quốc là "một quốc gia chạy marathon với tốc độ nước rút" - đây là cảm nghĩ của tôi sau khi xem cuộc thi marathon tại Thế vận hội Bắc Kinh. Không khó để tưởng tượng, nếu thực sự chạy marathon như vậy, thì khoảng cách giữa các vận động viên sẽ rất xa, tôi nghĩ đây có lẽ là bức tranh thu nhỏ của Trung Quốc hiện nay. Sự phân hóa xã hội sẽ mang đến rất nhiều vấn đề, chẳng hạn như mất đi sự đồng thuận về hướng đi của đất nước, sự hỗn loạn về tư tưởng cuối cùng có thể biến thành sự hỗn loạn về chính trị.

Bài viết "Không thể vừa "trì trệ" vừa "lạm phát"" được viết vào giữa năm 2009, thời điểm đó, những dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc đã xuất hiện, nhưng chưa thực sự vững chắc, trong khi tăng trưởng tín dụng lại lập kỷ lục lịch sử, khiến nhiều nhà bình luận bắt đầu lo ngại Trung Quốc xuất hiện "lạm phát đình trệ", tức là tình trạng kinh tế trì trệ và lạm phát cùng tồn tại. Còn bản thân tôi không đồng ý với quan điểm này, tôi cảm thấy rằng ở Trung Quốc vào thời điểm đó, "trì trệ" và "lạm phát" sẽ không xuất hiện đồng thời.

Bài viết "Con dao hai lưỡi của lợi thế dân số" là bài viết tôi viết vào mùa hè năm 2008 khi về nước, một mặt nhìn thấy Trung Quốc ngày càng thịnh vượng, mặt khác lại nhìn thấy bóng đen mà cơ cấu dân số méo mó mang lại cho tương lai của đất nước này. Việc chính sách kế hoạch hóa gia đình đã thay đổi xã hội Trung Quốc là điều được cả thế giới công nhận. Nhưng tác động toàn diện của chính sách này đối với Trung Quốc, có lẽ phải đến nhiều năm sau mới có thể được hiểu đầy đủ. Tính hợp lý của chính sách này trong quá khứ, không có nghĩa là tính hợp lý mãi mãi. Bài viết này của tôi chỉ muốn thảo luận vấn đề này từ một khía cạnh rất nhỏ.

Bài viết "Đây là Trung Quốc, nhưng không phải là Trung Quốc hiện tại" muốn nhắc nhở nhiều người, bao gồm cả bản thân tôi, rằng Trung Quốc tuy tràn đầy hy vọng, nhưng Trung Quốc ngày nay còn lâu mới là Công viên Olympic Bắc Kinh trên màn ảnh TV, hay là Khu triển lãm World Expo Thượng Hải. Một phần rất nhỏ của Trung Quốc đã đạt đến trình độ tiên tiến nhất thế giới, trong khi Trung Quốc vẫn còn nhiều vùng đất thuộc thế giới thứ ba.

Xét về góc độ ổn định vĩ mô, ngay cả khi giá nhà ở Trung Quốc giảm mạnh, mặc dù khả năng này không lớn, thì khả năng Trung Quốc xảy ra khủng hoảng dưới chuẩn kiểu Mỹ cũng khá nhỏ.

1. KHI NÀO NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC SẼ SỤP ĐỔ

Chiều gió thay đổi rất nhanh.

Trong nửa đầu năm 2009, khi cả thế giới đang chìm sâu trong khủng hoảng và Trung Quốc đi đầu trong việc phục hồi, câu hỏi mà tôi được hỏi nhiều nhất là: liệu dữ liệu tăng trưởng của Trung Quốc có phải là giả hay không? Tất nhiên, thông thường người ta sẽ không hỏi trực tiếp câu hỏi này, họ sẽ hỏi một cách ẩn ý, làm thế nào mà nền kinh tế Trung Quốc phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu như vậy lại có thể chưa sụp đổ? Câu trả lời của tôi thường khá đơn giản: chất lượng dữ liệu của Trung Quốc đôi khi thực sự không tốt, nhưng xét theo các dữ liệu khác, xuất khẩu của Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Úc, Ả Rập Xê Út và Brazil sang Trung Quốc đều có xu hướng tăng mạnh, điều này chỉ có thể chứng minh một vấn đề, nền kinh tế Trung Quốc đã rất sôi động.

Đến nửa cuối năm 2009, mọi người không còn nghi ngờ gì về sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc nữa, câu hỏi mà tôi được hỏi nhiều nhất đã trở thành: liệu Trung Quốc có bong bóng hay không, liệu bong bóng có vỡ hay không? Câu hỏi này thường được hỏi trực tiếp. Tuy nhiên, đằng sau câu hỏi này, một số người vẫn có ẩn ý: khi nào nền kinh tế Trung Quốc sẽ sụp đổ?

Việc nhiều người hoài nghi về nền kinh tế Trung Quốc, việc họ có những câu hỏi trên cũng không có gì lạ. Và tình cờ tôi lại là người luôn khá lạc quan về nền kinh tế Trung Quốc. Mặc dù nền kinh tế Trung Quốc tồn tại nhiều vấn đề, chẳng hạn như sự can thiệp của chính phủ đối với nền kinh tế vẫn còn rất mạnh, thậm chí còn tồn tại sự can thiệp quá mức; các nhóm lợi ích cố hữu ngày càng mạnh mẽ và do đó gây ra sự kết hợp quá mức giữa quyền lực và lợi ích, etc., nhưng một phần khá lớn của nền kinh tế Trung Quốc đã rất linh hoạt, có thể tồn tại và phát triển thịnh vượng trong nhiều môi trường khác nhau. Trung Quốc có rất nhiều người khao khát giàu có, có thể chịu đựng gian khổ, làm việc chăm chỉ, đây là một khối tài sản khổng lồ; tỷ lệ tiết kiệm cao của Trung Quốc, có lẽ đã quá cao và vượt quá mức tiết kiệm tối ưu, đã cung cấp nguồn cung ứng vốn liên tục cho tăng trưởng kinh tế; Trung Quốc có một lượng lớn doanh nhân tràn đầy sáng tạo, họ không ngừng tìm kiếm không gian lợi nhuận mới trong mọi lĩnh vực. Những yếu tố này kết hợp với nhau khiến cho nền kinh tế Trung Quốc tràn đầy sức sống và có thể thích ứng với những thay đổi của môi trường. Vì vậy, theo tôi, việc nền kinh tế Trung Quốc sụp đổ là một điều rất khó tưởng tượng. Tất nhiên, những người bi quan có thể liệt kê ra hàng loạt lý do khiến nền kinh tế Trung Quốc có thể sụp đổ. Đối với những nghi ngờ này, câu trả lời tôi đưa ra thường là: trong hơn mười năm qua, mỗi năm đều có những người dự đoán nền kinh tế Trung Quốc sắp sụp đổ, "tuyên án tử hình" cho nền kinh tế Trung Quốc. Lý do của họ mỗi người một khác, ban đầu họ quan tâm đến doanh nghiệp nhà nước, cho rằng doanh nghiệp nhà nước không hiệu quả, sẽ bóp chết nền kinh tế Trung Quốc; sau đó lại lo lắng về ngân hàng, cho rằng ngân hàng có một lượng lớn nợ xấu, là một "quả bom hẹn giờ"; sau đó lại là gánh nặng tài chính, họ nghi ngờ rằng nợ rõ ràng và nợ ẩn của Trung Quốc sẽ kìm hãm sự phát triển của Trung Quốc; sau đó lại là dư thừa công suất sản xuất và giảm phát, họ đánh giá rằng nhiều doanh nghiệp sẽ bước vào giai đoạn thua lỗ vì điều này. Những nghi ngờ của những người này, cuối cùng đều được chứng minh là sai lầm. Né

tránh được một vấn đề, có lẽ là may mắn, nhưng việc Trung Quốc né tránh được những vấn đề mà trong mắt những người bi quan là không thể né tránh được hết lần này đến lần khác, có lẽ không chỉ là may mắn.

Những quan điểm tương đối phổ biến về việc nền kinh tế Trung Quốc có thể sắp sụp đổ hiện nay không nằm ngoài những lý do sau: thứ nhất là tín dụng tăng vọt vào năm 2009, rất có thể điều đang chờ đợi Trung Quốc tiếp theo là một lượng lớn nợ xấu và lạm phát; thứ hai là bất động sản của Trung Quốc tồn tại bong bóng, đặc biệt là việc một lượng lớn vốn ngân hàng chảy vào thị trường bất động sản vào năm 2009 đã dẫn đến giá nhà tăng vọt, và một khi bong bóng vỡ, hệ thống kinh tế và tài chính của Trung Quốc sẽ bị kéo sập; thứ ba là chính quyền địa phương vay quá mức và đầu tư vào cơ sở hạ tầng thông qua các nền tảng tài chính, rất có thể lại là một "quả bom hẹn giờ", sớm muộn gì cũng sẽ dẫn đến một lượng lớn nợ xấu ngân hàng và gánh nặng tài chính.

Xét về nguyên tắc, những lo ngại này bản thân nó không phải là không có lý. Tôi cũng lo lắng về nợ xấu và lạm phát, lo lắng về việc phân bổ sai nguồn lực, lo lắng về việc các nền tảng tài chính của chính quyền địa phương cuối cùng sẽ trở thành một "hố đen" tài chính khổng lồ. Nhưng tôi rất khó tin rằng những vấn đề này sẽ khiến nền kinh tế Trung Quốc sụp đổ.

Quan điểm thứ nhất và thứ ba ở trên đều là do không yên tâm về lượng đầu tư khổng lồ xảy ra ở Trung Quốc vào năm 2009, cho dù là đầu tư tư nhân hay đầu tư của các nền tảng tài chính địa phương. Lo ngại này, theo tôi, đã bỏ qua một thực tế rất quan trọng. Cho dù quy mô đầu tư lớn đến đâu, nhìn chung Trung Quốc vẫn là một quốc gia khan hiếm vốn. Nhìn một cách vĩ mô, ở giai đoạn phát triển hiện nay của Trung Quốc, khả năng đầu tư quá mức về tổng thể là rất nhỏ. Thị trường tài chính độc đáo cộng với sự dẫn dắt của chính phủ khiến cho cơ cấu đầu tư của Trung Quốc thường không lý tưởng, một số khoản đầu tư có thể là dư thừa trong ngắn hạn, chẳng hạn như xây dựng một tuyến đường cao tốc không có nhiều lưu lượng giao thông trong vài năm, hoặc xây dựng một thành phố mới không có nhiều người sinh sống trong vài năm, tài nguyên ở đây không được phân bổ hiệu quả nhất. Nhưng phần lớn những khoản đầu tư như vậy hiếm khi trở thành lãng phí vĩnh viễn, chúng chỉ đi trước thời đại, chỉ là lợi nhuận đầu tư bị trì hoãn mà thôi. Còn về lạm phát, mặc dù nó sẽ gây ra tác động phân bổ và hậu quả xã hội rất xấu, nhưng ngay cả những người lo ngại về lạm phát cao, hiện nay cũng chỉ lo ngại về mức lạm phát 5%-6%, đây không thể coi là lạm phát chí mạng. Lạm phát của nhiều quốc gia đã ở mức hai con số, ví dụ như Ấn Độ, mặc dù người nghèo ở đó đã bị ảnh hưởng nặng nề, nhưng đà phát triển kinh tế cũng không bị gián đoạn.

Vấn đề bất động sản phức tạp hơn một chút. Giá nhà có thể đã quá cao, nó sẽ gây ra hậu quả xã hội tồi tệ hơn. Nhưng thị trường nhà đất của Trung Quốc vẫn được hỗ trợ bởi sức mua thực tế rất mạnh, thứ nhất là một lượng lớn dân số nông thôn vẫn đang tiếp tục đổ về thành phố, do đó nhu cầu thực tế đối với nhà ở sẽ rất mạnh trong nhiều năm tới; thứ hai là tỷ lệ tiết kiệm cao của Trung Quốc, số dư tiết kiệm của người dân Trung Quốc vào năm 2009 đã lên tới 20 nghìn tỷ tệ, tiết kiệm của doanh nghiệp cũng khoảng 20 nghìn tỷ tệ, nhưng tỷ suất sinh lợi thực tế của tiết kiệm của người dân gần bằng 0. Trong khi nhiều người cảm thấy không mua nổi nhà, cũng có một số gia đình mua nhà bằng tiền mặt và trả hết một lần. Khác với người mua nhà ở Mỹ, nhiều gia đình ở Trung Quốc sử dụng tiền tiết kiệm của nhiều thế hệ để mua nhà. Tính trung bình, tỷ lệ vay mua nhà của người mua nhà ở Trung Quốc thấp hơn so với Mỹ, điều này khiến hệ thống tài chính của Trung Quốc không bị phơi nhiễm quá mức trước rủi ro của thị trường bất động sản. Xét về góc độ ổn định vĩ mô, ngay cả khi giá nhà ở

Trung Quốc giảm mạnh, mặc dù khả năng này không lớn, thì khả năng Trung Quốc xảy ra khủng hoảng dưới chuẩn kiểu Mỹ cũng khá nhỏ.

Trên thực tế, Trung Quốc sở hữu nền kinh tế năng động nhất thế giới, các vấn đề kinh tế đơn thuần rất khó gây ra ảnh hưởng chí mạng đối với Trung Quốc. Hơn nữa, khả năng tự điều chỉnh của nền kinh tế Trung Quốc mạnh hơn nhiều so với suy nghĩ của nhiều người, từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đến cuộc khủng hoảng dưới chuẩn này, Trung Quốc đã chứng minh điều này hết lần này đến lần khác. Nếu phải chỉ ra rủi ro lớn nhất tồn tại trong quá trình phát triển của Trung Quốc, có lẽ cần phải quan tâm nhiều hơn đến các lĩnh vực phi kinh tế.

Vào nửa đầu năm 2009, lạm phát vẫn là âm, CPI lỗi so với tháng trước vẫn âm (hoặc bằng 0), tiền lương cũng tăng chậm, trong tình trạng này, kỳ vọng lạm phát đến từ đâu?

2. KHÔNG THỂ VỪA "TRÌ TRỆ" VỪA "LẠM PHÁT"

Vào nửa đầu năm 2009, giới kinh tế học trong nước và nhiều nhà bình luận đã bắt đầu quan điểm chưa từng có về triển vọng của nền kinh tế Trung Quốc. Một mặt, do xuất khẩu giảm và đầu tư tư nhân suy yếu, Trung Quốc đã phải đối mặt với sự giảm tốc tăng trưởng kinh tế nghiêm trọng nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á; mặt khác, chính sách tiền tệ "nói lỏng vừa phải" đã có vẻ "nói lỏng quá mức", một lượng lớn tín dụng được bơm ra thị trường. "Lạm phát đình trệ" trong một thời gian đã trở thành một thuật ngữ thời thượng trong các cuộc thảo luận về tình hình kinh tế Trung Quốc.

"Lạm phát đình trệ" là một từ mượn, dùng để chỉ tình trạng kinh tế trì trệ và lạm phát cùng xuất hiện. Trong lý thuyết Keynes kinh điển, lạm phát đình trệ là không thể xảy ra. Nhưng chính tình trạng không thể xảy ra này lại trở thành trạng thái kinh tế bình thường của Mỹ trong những năm 1970 và đầu những năm 1980. Dưới tác động của hai cuộc khủng hoảng dầu mỏ, Mỹ đã xuất hiện tình trạng lạm phát cao, thất nghiệp cao và tăng trưởng thấp, thậm chí là âm, kéo dài nhiều năm. Lạm phát đình trệ không chỉ trở thành cơn ác mộng của ba đời tổng thống Mỹ Nixon, Ford và Carter, mà còn gần như hoàn toàn "đẩy" lý thuyết Keynes kinh điển vào "sọt rác" của lịch sử. Ai ngờ "phong thủy luân chuyển", khi cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế bùng phát vào năm 2008, các quốc gia lần lượt áp dụng các kế hoạch kích thích kinh tế kiểu Keynes, bao gồm cả gói chi tiêu tài khóa 4 nghìn tỷ tệ của Trung Quốc, chúng ta lại quay trở lại thời đại của Keynes. Nhiều người cũng đột nhiên bắt đầu lo ngại "bóng ma" của lạm phát đình trệ xuất hiện ở Trung Quốc.

Tôi rất muốn biết những người lo ngại về lạm phát đình trệ, họ đã nhìn thấy rủi ro "trì trệ" và "lạm phát" cùng tồn tại ở đâu?

Chẳng lẽ chỉ vì Trung Quốc đang phải đối mặt với tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong hơn mười năm qua, đồng thời trải qua đợt mở rộng tín dụng quy mô lớn nhất trong lịch sử? Hay chỉ vì giá hàng hóa cơ bản quốc tế đã tăng liên tục trong nhiều tháng? Hay là vì giá cổ phiếu bắt đầu phục hồi mạnh mẽ, thị trường nhà đất cũng đang ấm lên nhanh chóng, thậm chí là đang hướng tới quá nóng?

Tôi cảm thấy việc lo lắng về lạm phát hoặc kinh tế trì trệ là cần thiết, là tự nhiên, là có lý, nhưng tôi thực sự không nhìn thấy rủi ro "trì trệ" và "lạm phát" cùng tồn tại. Nói cách

khác, nếu Trung Quốc "trì trệ", thì sẽ không xuất hiện "lạm phát"; còn nếu "lạm phát", thì không thể "trì trệ".

Tại sao tôi lại cảm thấy như vậy?

Đúng là in nhiều tiền là cách kinh điển để tạo ra lạm phát. Việc Trung Quốc in nhiều tiền như vậy hiện nay, quả thực có thể "gieo mầm" cho lạm phát. Nhưng đừng quên, điều gì đã gây ra sự "trì trệ" của Trung Quốc vào nửa đầu năm 2009? Là do nhu cầu sụp đổ gây ra, đặc biệt là nhu cầu bên ngoài sụp đổ. Xuất khẩu của Trung Quốc, từ mức tăng trưởng 20%-30% mỗi năm trước khủng hoảng đã biến thành mức giảm 10%-20% vào đầu năm 2009. Còn "lạm phát đình trệ" của Mỹ vào những năm 1970 thì ngược lại, không phải do nhu cầu sụp đổ gây ra, nguyên nhân quan trọng hơn là do cuộc khủng hoảng dầu mỏ khiến giá dầu tăng vọt. Nước Mỹ thời đó, nếu thắt chặt chính sách tiền tệ, có thể có tác dụng kiềm chế lạm phát, nhưng đồng thời cũng sẽ làm giảm đáng kể nhu cầu, từ đó gây ra suy thoái kinh tế, nếu không thắt chặt chính sách tiền tệ, thì có khả năng xảy ra lạm phát nghiêm trọng hơn và dẫn đến chi phí sản xuất tăng lên, gây ra suy thoái kinh tế. Nói cách khác, nước Mỹ thời đó phải đối mặt với một cú sốc chi phí; còn Trung Quốc lần này phải đối mặt với một cú sốc nhu cầu. Tình trạng mà Trung Quốc phải đối mặt vào nửa đầu năm 2009 không phải là "quá nhiều tiền đuổi theo quá ít hàng hóa", mà là "quá nhiều hàng hóa không tìm được đủ tiền". Tôi thừa nhận rằng, lượng tín dụng khổng lồ quả thực là một "quả bom hẹn giờ" có thể kích nổ lạm phát, nhưng khi "quá nhiều tiền đuổi theo quá ít hàng hóa", Trung Quốc cũng sẽ không còn vấn đề về nhu cầu, sẽ không còn "trì trệ" nữa. Thực tế đã chứng minh, từ nửa cuối năm 2009, khi lạm phát có dấu hiệu tăng, Trung Quốc cũng bắt đầu thoát khỏi "trì trệ".

Đúng là, việc giá hàng hóa cơ bản tăng sẽ mang lại sự tăng giá nhập khẩu. Trước tiên, hãy bỏ qua việc liệu giá hàng hóa cơ bản toàn cầu có thể tiếp tục duy trì ở mức cao hay không nếu Trung Quốc thực sự "trì trệ". Thực tế hiện nay là, lượng tăng thêm nhu cầu đối với hàng hóa cơ bản toàn cầu lớn nhất đến từ Trung Quốc. Năm 2009, xuất khẩu dầu thô của Ả Rập Xê Út sang Trung Quốc lần đầu tiên vượt qua xuất khẩu sang Mỹ. Nếu tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc bị đình trệ, giá hàng hóa cơ bản toàn cầu cũng có thể bắt đầu sụt giảm. Ngay cả khi giá hàng hóa cơ bản cao có thể được duy trì, thì tác động giá do nó tạo ra nhiều nhất cũng chỉ là một lần. Trong trường hợp Trung Quốc "trì trệ", giá cao của sản phẩm thượng nguồn rất khó truyền dẫn đến sản phẩm hạ nguồn, thử hỏi nhà sản xuất nào lại tiếp tục tăng giá khi sản phẩm đã bán không chạy? Hơn nữa, trong thời kỳ "trì trệ", cũng không tồn tại áp lực tăng lương. Vì vậy, ngay cả khi sự tăng giá nhập khẩu sẽ mang lại sự tăng giá một lần, tôi cũng không cho rằng tồn tại khả năng giá cả tăng liên tục, mà sự tăng giá liên tục mới là đặc trưng thực sự của lạm phát.

Đúng là, xét về lý thuyết, thị trường chứng khoán sôi động và thị trường nhà đất ấm lên có thể phản ánh kỳ vọng lạm phát. Nhưng tôi không đồng ý với quan điểm này. Năm 2009, không chỉ có thị trường chứng khoán Trung Quốc sôi động, thị trường chứng khoán của các quốc gia khác xung quanh Trung Quốc cũng đều phục hồi mạnh mẽ, thậm chí ở Mỹ - khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi cuộc khủng hoảng tài chính, sau khi lao dốc vào đầu năm, đà phục hồi cũng khiến người ta phải kinh ngạc so với nền kinh tế Mỹ vẫn chưa có nhiều khởi sắc. Và những biểu hiện của thị trường chứng khoán này không được hỗ trợ bởi sự mở rộng tín dụng như Trung Quốc. Trên thực tế, sự mở rộng tín dụng của Trung Quốc gần như là một trường hợp đặc biệt. Vì vậy, tôi cho rằng, đợt tăng giá này của thị trường chứng khoán Trung Quốc có lẽ không phải do mở rộng tiền tệ gây ra, nếu không thì không thể giải thích tại sao thị trường chứng khoán của những quốc gia và khu vực không mở rộng tín dụng cũng đang tăng. Vấn đề thị trường nhà đất ấm lên lại phức tạp hơn. Tôi đã thảo luận chi tiết về các vấn đề giá

nhà khác trước đó. Kết luận là, trong số tất cả các yếu tố có thể khiến thị trường nhà đất Trung Quốc sôi động, kỳ vọng lạm phát không phải là một yếu tố quan trọng. Nếu không, thị trường nhà đất của Trung Quốc sẽ không ảm đạm như vậy vào năm 2008 - năm lạm phát cao.

Có thể nhiều người học kinh tế sẽ phản bác: những gì anh nói ở trên đều sai, điều quan trọng là kỳ vọng, một khi kỳ vọng lạm phát hình thành, lạm phát sẽ tự thực hiện. Nhưng vào nửa đầu năm 2009, lạm phát vẫn là âm, CPI lùi so với tháng trước vẫn âm (hoặc bằng 0), tiền lương cũng tăng chậm, trong tình trạng này, kỳ vọng lạm phát đến từ đâu? Xin hỏi, người dân cuối cùng sẽ lo ngại về việc giá hàng hóa nào tăng, hơn nữa là tăng liên tục? Thực tế cuối cùng cũng chứng minh, "trì trệ" và "lạm phát" đã không xuất hiện đồng thời ở Trung Quốc. Đến năm 2010, tăng giá đã trở thành nỗi lo ngại chính, không còn ai lo ngại về "trì trệ" nữa.

Nói cho cùng, sự xuất hiện của lạm phát đình trệ là có điều kiện. Trong trường hợp nhu cầu sụp đổ, việc mở rộng tín dụng sẽ không dẫn đến giá cả tăng lên, từ đó gây ra lạm phát, bởi vì lượng cung tiền lớn đang lấp đầy nhu cầu thiếu hụt. Chỉ khi nhu cầu trở lại bình thường, tức là cái gọi là "trì trệ" không còn tồn tại nữa, thì áp lực lạm phát mới bắt đầu xuất hiện. Có lẽ một ngày nào đó, "lạm phát đình trệ" sẽ trở thành vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt, rồi cuộc Trung Quốc đã bắt đầu phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu thô, thị trường lao động của Trung Quốc cũng ngày càng khan hiếm. Nhưng chu kỳ kinh tế 2008-2010, ngay từ đầu đã được định sẵn là sẽ không vừa "trì trệ" vừa "lạm phát", thực tế cuối cùng cũng chứng minh điều này.

Trẻ em được hưởng lợi thế dân số (sự kiện 1), có lẽ được hưởng quá nhiều, đến mức sinh ra một từ gọi là "nuông chiều"; đồng thời, trẻ em lại bị yêu cầu chuẩn bị cho "bất lợi" dân số trong tương lai (sự kiện 2), một đứa trẻ phải gánh vác tất cả hy vọng của ông bà, cha mẹ, có lẽ là quá nhiều hy vọng, chẳng phải có một câu nói phổ biến là "cuộc sống không thể chịu đựng nổi gánh nặng" sao?

3. CON ĐAO HAI LƯỚI CỦA LỢI THẾ DÂN SỐ

Ngày 7 tháng 7 năm 2008, tôi và Cốc Chủ bay từ Sân bay Quốc tế Dulles, Washington đến Bắc Kinh trên chuyến bay của United Airlines để về thăm người thân. Chúng tôi đã ở trong nước hơn một tháng, trước tiên đến Bắc Kinh, sau đó đến Hợp Phi, quê hương của tôi, để thăm bố mẹ tôi, sau đó đến quê hương của Cốc Chủ để thăm bố mẹ cô ấy, cuối cùng quay trở lại Bắc Kinh để xem Thế vận hội, một kỳ nghỉ lễ vui vẻ và trọn vẹn.

Mặc dù chỉ mới nửa năm kể từ lần về nước trước, nhưng cảm nhận lần này khi đến Bắc Kinh vẫn rất khác biệt, tất nhiên là do Thế vận hội. Trước đây, mỗi khi về nước, hạ cánh xuống sân bay Thủ đô, sự chú ý của tôi luôn bị thu hút bởi nhà ga số 3 khổng lồ đang được xây dựng ở phía xa. Còn lần này, khi tôi và Cốc Chủ bước vào nhà ga số 3 đã được đưa vào sử dụng, tôi không khỏi nhớ đến một bài báo của "New York Times", mở đầu bài báo viết như sau:

Nếu người phương Tây cảm thấy choáng ngợp và bối rối khi xuống máy bay và bước vào nhà ga mới của sân bay Bắc Kinh, thì điều đó là dễ hiểu. Không chỉ vì quy mô hoành tráng của nó, mà còn vì cảm giác không thể thoát ra được: bạn đang đi qua một cánh cổng dẫn đến một thế giới khác, một thế giới đang theo đuổi sự thay đổi một cách mạnh mẽ, thế giới này đã bỏ xa các nước phương Tây.

Xoay quanh Thế vận hội Bắc Kinh, các bài báo bằng tiếng Trung và tiếng Anh liên tục thể hiện hai Trung Quốc khác nhau. Trên các phương tiện truyền thông tiếng Trung gần như chỉ có những bài báo tích cực, trong khi các phương tiện truyền thông tiếng Anh lại hoàn toàn ngược lại, có không ít bài báo tiêu cực. Hai ngày trước khi tôi về nước, "New York Times" đã đăng một bài báo dài về vụ án gián điệp Trung Quốc xảy ra ở Mỹ cách đây không lâu. Câu chuyện đó thực ra đã là "tin cũ", chỉ là việc đăng một bài báo như vậy vào thời điểm này, quả thực khiến người ta phải suy ngẫm về việc lựa chọn thời điểm.

Có lẽ chỉ khi tận mắt chứng kiến, bạn mới có thể đưa ra đánh giá của riêng mình về Bắc Kinh trong năm Olympic. Sự thay đổi của Bắc Kinh, đối với tôi, một người đã sống ở Bắc Kinh nhiều năm, ngay cả sau khi ra nước ngoài, ít nhất cũng sẽ về Bắc Kinh nửa năm một lần, vẫn có thể nhìn thấy ở khắp mọi nơi. Kể một chuyện nhỏ nhé: sau khi gặp gỡ một số bạn bè ở Bắc Kinh, tôi và Cốc Chủ đã bay đến Hợp Phì. Trên đường đến sân bay, taxi chạy dọc theo đường vành đai 5 phía đông Bắc Kinh, chúng tôi có thể nhìn thấy rõ ràng núi Tây Sơn ở phía tây và núi Yên Sơn ở phía bắc. Có lẽ là do thời tiết hôm đó đặc biệt đẹp, nhưng xét đến việc trước Thế vận hội, tôi không thể nhìn thấy các tòa nhà ở đường vành đai 4 phía đông khi đứng ở đường vành đai 5 phía đông, và không thể nhìn thấy núi Tây Sơn khi đứng ở Đại học Bắc Kinh (vào thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc, cổng tây của Đại học Bắc Kinh có thể "nhìn thấy núi"), thì chất lượng không khí của Bắc Kinh rõ ràng đã được cải thiện đáng kể, ngay cả khi sự cải thiện này có thể chỉ là tạm thời.

Đến Hợp Phì, chúng tôi đi xe từ sân bay về nhà, Cốc Chủ nói với mẹ tôi trên xe rằng, Hợp Phì đã xây dựng rất nhiều tòa nhà mới. Mẹ tôi nói: "Sau 20 năm nữa, nhà ở Hợp Phì sẽ nhiều đến mức không có ai ở". Chúng tôi liền hỏi tại sao. Mẹ tôi nói: "Bây giờ đều là kế hoạch hóa gia đình, 20 năm sau, những người già đều qua đời, nhiều nhà như vậy ai ở?". Sau khi nghe xong, tôi trầm nghĩ: đây chẳng phải là quan điểm trong một bài báo nổi tiếng của giáo sư Andy Abel thuộc Trường Kinh doanh Wharton sao, ai ngờ lại được mẹ tôi nói ra. Điều mà Abel nói đến là thị trường chứng khoán Mỹ: trong mười mấy năm sau Thế chiến thứ hai, tỷ lệ sinh ở Mỹ tăng mạnh, xuất hiện cái gọi là thế hệ bùng nổ trẻ em, thế hệ này, khi đi làm, cần phải tiết kiệm để nghỉ hưu, do đó đã mua một lượng lớn cổ phiếu, từ đó tạo ra thị trường chứng khoán tăng giá kéo dài hàng chục năm ở Mỹ. Nhưng khi thế hệ bùng nổ trẻ em nghỉ hưu, họ sẽ dần dần bán ra số cổ phiếu nắm giữ trong tay, trong khi dân số tiếp nhận lại không có nhiều như vậy, do đó giá cổ phiếu của Mỹ sẽ dần dần giảm xuống. Nếu lý thuyết của Abel là đúng, thì rất có thể điều đang chờ đợi thị trường chứng khoán Mỹ là một thị trường chứng khoán giảm giá kéo dài hàng chục năm.

Điều mẹ tôi nói đến là thị trường nhà đất, nhưng đạo lý cũng tương tự như điều mà Abel nói, đều là về việc cơ cấu dân số ảnh hưởng đến nền kinh tế như thế nào. Tôi không có nhiều quan điểm cao siêu về điều này, nhưng gần đây tôi lại nhìn thấy hai sự việc về cơ cấu dân số tác động đến nền kinh tế từ một khía cạnh khác:

- Sự kiện 1:

Tôi đang ngồi ăn cơm trong một nhà hàng, trên bàn đối diện có hai bà cụ, một phụ nữ trẻ và một đứa trẻ trông khoảng 3-4 tuổi. Có lẽ là một gia đình, một người là bà ngoại của đứa trẻ, một người là bà nội của đứa trẻ, một người là mẹ của đứa trẻ, ba người phục vụ một người ăn cơm. Tôi trầm nghĩ, đây chẳng phải là lợi thế dân số sao? Lợi thế dân số có nghĩa là một nền kinh tế, nếu tổng dân số không đổi, thì khi tỷ lệ phụ thuộc thấp, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người sẽ nhanh hơn. Nói một cách dễ hiểu, nếu trong một nền kinh tế, người làm việc nhiều, người không làm việc ít, thì sức sống của nền kinh tế đó sẽ cao hơn. Được rồi, ba người làm việc, một người ăn cơm, lợi thế dân số như vậy không biết là tốt hay xấu.

- Sự kiện 2:

Tôi thức dậy vào buổi sáng để mua đồ ăn sáng, nhìn thấy một bà cụ đưa cháu gái đi học. Cháu gái đi trước, bà cụ kéo một chiếc cặp sách có bánh xe phía sau. Tôi rất quen thuộc với loại cặp sách đó, là loại cặp sách mà các nghiên cứu sinh tiến sĩ khá yêu thích. Nếu bạn có rất nhiều sách cần phải thường xuyên di chuyển giữa thư viện, văn phòng và nhà, thì việc sử dụng loại cặp sách này sẽ tiện lợi hơn, bởi vì nó đặc biệt chứa được nhiều đồ, hơn nữa có thể kéo lê trên mặt đất, không tốn sức. Không ít nghiên cứu sinh tiến sĩ "đọc vụn cuốn sách" mà tôi biết đều có một chiếc cặp như vậy, nhưng cô bé trước mắt tôi, mới chỉ học lớp 3-4, vậy mà đã cần một chiếc cặp như vậy.

Đây là một khía cạnh khác của cơ cấu dân số Trung Quốc mà tôi nhìn thấy: trẻ em được hưởng lợi thế dân số (sự kiện 1), có lẽ được hưởng quá nhiều, đến mức sinh ra một từ gọi là "nuông chiều"; đồng thời, trẻ em lại bị yêu cầu chuẩn bị cho "bất lợi" dân số trong tương lai (sự kiện 2), một đứa trẻ phải gánh vác tất cả hy vọng của ông bà, cha mẹ, có lẽ là quá nhiều hy vọng, chẳng phải có một câu nói phổ biến là "cuộc sống không thể chịu đựng nổi gánh nặng" sao?

Kế hoạch hóa gia đình của Trung Quốc đã tạo ra một cơ cấu dân số khá kỳ lạ một cách giả tạo. Hiện nay và trong hơn mười năm qua, phân bố dân số của Trung Quốc về cơ bản là hình thoi, cả người già và trẻ em không thể làm việc đều ít, người trung niên đang làm việc nhiều. Tức là hai đầu nhỏ, ở giữa to. Cơ cấu dân số "người làm việc nhiều, người không làm việc ít" này là một yếu tố quan trọng khiến nền kinh tế Trung Quốc có thể tăng trưởng nhanh chóng. Nhưng cơ cấu hình thoi này sẽ nhanh chóng biến thành hình kim tự tháp ngược "đầu nặng chân nhẹ" theo xu hướng già hóa dân số, đến lúc đó, trụ cột của xã hội Trung Quốc sẽ là những đứa trẻ được ba người cùng cho ăn và đeo cặp sách to mà chỉ tiến sĩ mới sử dụng ngày nay.

Tôi cảm thấy điều này là không lành mạnh, rất không lành mạnh.

Tôi hy vọng rằng hôm đó, khi ở Công viên Olympic, tôi và Cốc Chủ đang bước vào tương lai, chứ không phải bước vào một công viên giải trí.

4. ĐÂY LÀ TRUNG QUỐC, NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ TRUNG QUỐC HIỆN TẠI

Thế vận hội Bắc Kinh là một Thế vận hội đầy ắp câu chuyện, trong đó không ít câu chuyện gây tranh cãi. Nhưng gạt bỏ mọi tranh cãi, xét riêng về bản thân Thế vận hội, hầu hết các phương tiện truyền thông phương Tây đều thừa nhận rằng, Thế vận hội Bắc Kinh là "khó vượt qua". Tất nhiên, những người có ý kiến phê bình sẽ cho rằng, việc một quốc gia đang phát triển như Trung Quốc tổ chức Thế vận hội như vậy là quá xa hoa.

Một buổi tối trong thời gian diễn ra Thế vận hội, sau khi xem xong một trận đấu, tôi và Cốc Chủ tản bộ dọc theo trục trung tâm của Bắc Kinh trong Công viên Olympic, tôi tự hỏi: đối với Thế vận hội này, tôi nên diễn tả cảm nhận của mình như thế nào? Trong tôi có một "tôi" cảm thấy tự hào và choáng ngợp, "tôi" đó có thể viết một bài báo đầy ắp lời khen ngợi, bởi vì có lẽ không ai là không choáng ngợp trước Công viên Olympic đẹp như mơ, không người Trung Quốc nào là không có cảm giác giấc mơ thành hiện thực; nhưng trong tôi cũng có một "tôi" hay soi mói và nghi ngờ, "tôi" đó có thể viết một bài báo đầy ắp lời phê phán từ

những khía cạnh khác nhau, bởi vì tôi biết rằng đằng sau vẻ đẹp như mơ này là khoản đầu tư vô cùng tốn kém, khoản đầu tư này ngay cả đối với một quốc gia phát triển cũng không phải là con số nhỏ. Và chúng ta càng đoán xem liệu những địa điểm hoành tráng như vậy có bị bỏ hoang và lãng phí sau khi Thế vận hội kết thúc hay không, nhưng tất cả những điều này đều là kết quả của tư duy lý trí, không phải là cảm nhận ban đầu. Cảm nhận ban đầu của tôi rất đơn giản, khi đứng giữa sân vận động Tổ chim và bể bơi Thủy lập phương, tôi đã nói với Cốc Chủ: đây là Trung Quốc, nhưng không phải là Trung Quốc hiện tại. Một câu thoại trong bộ phim "Notting Hill" cũng hiện lên trong đầu tôi, đó là câu mà Hugh Grant nói với Julia Roberts trong cuộc trò chuyện đầu tiên của họ tại nhà anh ấy: siêu thực nhưng đẹp đẽ.

Tôi không biết liệu Công viên Olympic có phải là hình ảnh thu nhỏ của Trung Quốc trong tương lai hay không: từ những phần Trung Quốc nhất, như đá cầu, mã cầu, cổng chào và màu đỏ Trung Quốc thời nhà Đường, nhà Tống, đến công nghệ ánh sáng, điện, bảo vệ môi trường và kiến trúc hiện đại nhất đều được kết hợp ở đó, một cách tự nhiên, không hề gượng ép. Rõ ràng là, Công viên Olympic này đã được đầu tư rất nhiều công sức, rất nhiều tiền bạc. Nhưng chúng ta cũng biết rằng, Trung Quốc trong thực tế chưa phải như vậy, chưa xa hoa như vậy, chưa hiện đại như vậy, cũng chưa hoàn hảo như vậy. Xem Công viên Olympic, giống như xem xe concept tại triển lãm ô tô - chúng ta có thể thấy rõ ràng đó là một chiếc Mercedes hoặc Porsche, nhưng nó lại khác với bất kỳ chiếc Mercedes hoặc Porsche nào hiện nay. Đây chính là lý do khiến tôi nói "đây là Trung Quốc, nhưng không phải là Trung Quốc hiện tại".

Tôi biết rằng, nếu Trung Quốc có thể duy trì đà phát triển hiện nay, đồng thời trân trọng chứ không phá hủy truyền thống dân tộc của chúng ta, thì sẽ có một ngày, và có lẽ là một ngày không xa, nhiều nơi trên khắp Trung Quốc sẽ trở nên giống như Công viên Olympic, khắp nơi đều giàu có, vừa truyền thống vừa hiện đại. Nhưng tôi cũng biết rằng, sự phát triển không đồng đều đang khiến cho Bắc Kinh, Thượng Hải - những siêu đô thị hiện đại - ngày càng không đại diện cho phần còn lại của Trung Quốc, phần không được biết đến rộng rãi hơn, nhưng là nơi mà đại đa số người dân sinh sống. Tôi nhớ rất rõ mình đã từng nghe một đoạn hội thoại rất thú vị giữa hai người Mỹ: "Anh đã đến Trung Quốc chưa?". "Thực ra là chưa, tôi chỉ đến Bắc Kinh và Thượng Hải thôi". Ngay cả người nước ngoài cũng biết rằng, Bắc Kinh và Thượng Hải không thể đại diện hoàn toàn cho thực tế của Trung Quốc. Ngoài ra, trong quá trình phát triển của chúng ta, truyền thống của chúng ta đang nhanh chóng bị thay thế bởi những thứ phương Tây hóa hơn. Những ngôi nhà sân vườn bị phá bỏ đã trở thành những tòa nhà cao tầng, trà trong cốc đã trở thành cà phê, cola, kính kịch được thêm phụ đề tiếng Anh đã trở thành thứ để giải trí cho người nước ngoài. Trong khi chúng ta đang dang rộng vòng tay chào đón nền văn minh tiên tiến của phương Tây, chúng ta đã vô tình bỏ quên kho báu quý giá của tổ tiên mình.

Tôi hy vọng rằng hôm đó, khi ở Công viên Olympic, tôi và Cốc Chủ đang bước vào tương lai, chứ không phải bước vào một công viên giải trí.

Sự đồng thuận và xa cách của chúng ta lại là do cùng một điều gây ra. Sớm muộn gì cũng có một ngày, tầng trưởng đơn thuần sẽ không còn là sự đồng thuận của đại đa số, lúc đó, chính là lúc thách thức mô hình Trung Quốc.

5. MỘT QUỐC GIA CHẠY MARATHON VỚI TỐC ĐỘ NƯỚC RÚT

Công tây của Công viên Triều Dương, Bắc Kinh là một nơi sầm uất. Mùa hè năm 2008, một ngày trước khi tôi và Cốc Chủ xem xong nửa đầu các trận đấu của Thế vận hội và trở về Mỹ, một người bạn đã mời chúng tôi đến nhà hàng số 8 ở đó để ăn tối, vừa là gặp mặt, vừa là tiễn biệt. Trên đường về nhà, Cốc Chủ đã nói với tôi: "Sao bây giờ lại có nhiều người kiếm được vài trăm nghìn, vài triệu tệ một năm như vậy?". Cốc Chủ có cảm thán này là do người bạn đó của chúng tôi có thu nhập rất cao. Tôi đã đưa ra cho Cốc Chủ một lời giải thích rất đơn giản: "Nếu một người cứ ba bốn ngày lại gọi điện khẳng khẳng mời bạn đi ăn, thì ngoài việc có mối quan hệ rất thân thiết, người đó phần lớn cũng "có máu mặt"". Ý tôi là, những người bạn chủ động mời chúng tôi ăn cơm ở Bắc Kinh không thể phản ánh tình hình của người dân bình thường.

Trên thực tế, trong hơn một tháng ở trong nước, chúng tôi đã gặp khá nhiều người bạn có thu nhập vài trăm nghìn, vài triệu tệ một năm. Tôi biết rằng thực ra họ vẫn chưa phải là những người kiếm được nhiều tiền, bởi vì họ đều vẫn đang làm thuê cho người khác. Nhưng chúng tôi cũng đã gặp những công nhân nhập cư chen chúc trong căn nhà nhỏ hơn chục mét vuông, đến mùa hè tắm cũng không có chỗ, cùng với bố mẹ và con cái đã trưởng thành của họ. Tôi biết rằng thực ra họ vẫn chưa phải là những người khó khăn nhất, bởi vì họ đều vẫn còn việc làm. Chúng tôi đã xem Công viên Olympic đẹp như mơ, và khách sạn Pangu 7 sao ở gần đó, nghe nói giá nhà ở nơi này đã vượt quá 60.000 tệ/m² vào năm 2008. Chúng tôi cũng đã đến những ngôi làng nhỏ hẻo lánh nơi thời gian dường như đã dừng lại, những người già tựa lưng vào tường, nhìn Cốc Chủ và tôi - những người "ăn mặc kỳ quái".

Sau khi trở về Mỹ, tôi đã xem NBC phát trực tiếp cuộc thi marathon nam của Thế vận hội trên TV, đây là tám huy chương vàng cuối cùng của Thế vận hội. Cuộc thi marathon lần đó có đặc điểm là, ở Bắc Kinh oi bức, các vận động viên trong nhóm dẫn đầu đã chạy với tần suất bước chân cao bất thường. Bình luận viên của NBC liên tục thốt lên, nếu mọi người đều chạy như vậy, chắc chắn sẽ có nhiều người bị sốc nhiệt. Lúc đó, tôi đã nghĩ đến Trung Quốc, chẳng phải Trung Quốc là một quốc gia đang chạy marathon với tốc độ nước rút sao? Những người chạy đầu tiên đang tiến về phía trước với tốc độ không thể tin được, nhưng toàn bộ đội hình lại kéo dài, rất nhiều người vẫn còn tụt lại phía sau.

Nói một cách chính xác, Trung Quốc và cuộc thi marathon vẫn hơi khác nhau. Cuộc thi marathon dù sao cũng là một đấu trường cạnh tranh công bằng, Trung Quốc còn lâu mới như vậy. Hơn nữa, ngay cả khi chúng ta loại bỏ mọi sự bất công, để tất cả mọi người xuất phát từ cùng một vạch xuất phát, tất cả mọi người đều tuân theo các quy tắc giống nhau, thì Trung Quốc có lẽ vẫn sẽ là một quốc gia ngày càng đa dạng. Nhiều người cho rằng Trung Quốc đang phân cực, cho rằng "vóc dáng" của Trung Quốc ngày càng giống hình quả tạ. Mặc dù những người thu hút sự chú ý thường là những người nghèo nhất và giàu nhất, nhưng tôi cảm thấy rằng Trung Quốc thực ra không phải là đang "hình quả tạ hóa", mà là đang "hình thùng nước hóa" - bạn sẽ tìm thấy rất nhiều người ở mọi tầng lớp.

Nhiều người cho rằng chúng ta có thể đảo ngược xu hướng đa dạng hóa này thông qua các chính sách công, chẳng hạn như giúp đỡ các nhóm yếu thế, chẳng hạn như hỗ trợ nông nghiệp, chẳng hạn như thúc đẩy cân bằng khu vực, tôi rất nghi ngờ rằng những chính sách này có thể thực sự thay đổi xu hướng này, mặc dù điều này không có nghĩa là chúng ta không nên làm những điều này.

Đa dạng hóa là một dấu hỏi lớn treo lơ lửng trên đầu Trung Quốc. Tôi không thể nghĩ ra bất kỳ hệ thống nào đã biết có thể đảm bảo một xã hội đa dạng sẽ tràn đầy hòa hợp, cho dù là dân chủ hay độc tài. Đa dạng và hòa hợp gần như là một cặp từ trái nghĩa. Bạn đặt hai người hoàn toàn khác nhau vào chung một chỗ để họ cùng chung sống, cho dù là họ bỏ phiếu để quyết định những việc lớn của gia đình, hay là một người quyết định, có lẽ đều không thể giải quyết được vấn đề chung sống hòa thuận. Hòa hợp chỉ có thể đến từ một số sự đồng thuận, một số sự khoan dung, nhưng trong một xã hội đa dạng hóa, sự đồng thuận và khoan dung lại đến từ đâu?

Từ quá khứ đến nay, sự đồng thuận của chúng ta dựa trên tăng trưởng tốc độ cao, vì vậy đại đa số người dân đều có hy vọng. Nhưng chính tăng trưởng tốc độ cao lại khiến chúng ta ngày càng đa dạng, đây là một nghịch lý - sự đồng thuận và xa cách của chúng ta lại là do cùng một điều gây ra. Sớm muộn gì cũng có một ngày, tăng trưởng đơn thuần sẽ không còn là sự đồng thuận của đại đa số, lúc đó, chính là lúc thách thức mô hình Trung Quốc.

Tôi đang lo lắng chờ đợi sự xuất hiện của sự đồng thuận mới, có lẽ đã đến lúc Trung Quốc cần một "người khai sáng" của riêng mình.

CHƯƠNG 7: CHỐNG ĐỘNG ĐẤT VÀ TÁI THIẾT SAU THẢM HỌA

Trận động đất Vãn Xuyên năm 2008 là thảm họa thiên nhiên nghiêm trọng nhất mà Trung Quốc phải gánh chịu trong nhiều năm qua. Trận động đất này đã bộc lộ rất nhiều vấn đề, gây ra rất nhiều cuộc thảo luận. Tôi cũng rất quan tâm đến những cuộc thảo luận này, chủ yếu là từ góc độ kinh tế. Ngay sau khi trận động đất xảy ra, đã có người bắt đầu nói rằng trận động đất có thể thúc đẩy kinh tế vĩ mô và có thể gây ra những thay đổi về chính sách. Mặc dù đôi khi điều xấu thực sự có thể biến thành điều tốt, nhưng quan điểm cho rằng trận động đất cuối cùng lại có lợi cho nền kinh tế, theo tôi, là quá gượng ép. Bài viết "Động đất + kinh tế vĩ mô = một ảo tưởng" đã giải thích lý do tại sao trận động đất, thực chất chỉ là một điều xấu, từ nhiều góc độ khác nhau. Cái gọi là thúc đẩy nền kinh tế, ngay cả khi tồn tại, cũng chỉ tồn tại theo nghĩa kế toán. Sau khi trận động đất xảy ra, sự quyên góp của người dân trên cả nước đã đổ về vùng thiên tai không ngừng, tình yêu thương này khiến người ta vô cùng cảm động. Vấn đề là, việc một lượng lớn vốn và vật tư đổ về một khu vực tương đối lạc hậu trong thời gian ngắn, cũng như một số hành động chính sách tương đối tùy tiện, cuối cùng có thể gây ra sự lãng phí rất lớn.

Bài viết "Tái thiết sau thảm họa đừng biến thành thuốc tiên vôi vữa" chính là để nhắc nhở mọi người tránh để tình trạng này xảy ra, đặc biệt là sau khi giai đoạn cứu trợ ban đầu đã qua. Sau trận động đất, việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất của các công trình xây dựng đã trở thành một chính sách thường được đề cập đến. Nhưng tôi cảm thấy rằng, bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào của chính phủ, ngay cả khi xuất phát từ ý tốt, cũng cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng. Rốt cuộc, cưỡng chế là một thứ hạn chế quyền tự do lựa chọn, ý tốt không thể được coi là lý do để hạn chế lựa chọn.

Bài viết "Tiêu chuẩn chống động đất và quyền tự do lựa chọn" đã nói đến hai điều, điều thứ nhất là phân tích lý do tại sao việc liệu chính phủ có nên nâng cao tiêu chuẩn chống động đất hay không là một câu hỏi hợp lý và cần có câu trả lời; điều thứ hai là, sau khi thảo luận rộng rãi với cư dân mạng, lý do tại sao tôi cảm thấy việc cưỡng chế nâng cao tiêu chuẩn chống động đất là một chính sách hợp lý.

Đánh giá của tôi là, việc tái thiết sau thảm họa thúc đẩy kinh tế vĩ mô, ngay cả khi thể hiện trên dữ liệu, cũng là một trò chơi kế toán, không phải là sự gia tăng thu nhập và của cải theo nghĩa thực sự.

1. ĐỘNG ĐẤT + KINH TẾ VĨ MÔ = MỘT ẢO TƯỢNG

Sau khi trận động đất Vãn Xuyên xảy ra, ngoài nỗi đau buồn, trên mạng đã xuất hiện rất nhiều bình luận cho rằng trận động đất và việc tái thiết sau động đất sẽ ảnh hưởng đến chính sách và xu hướng kinh tế vĩ mô.

Tôi không biết mọi người có cảm nhận tương tự hay không, bản thân tôi thường có: đi dự một đám cưới, đi nghe một buổi hòa nhạc hoặc đi nghe bài giảng của một bậc thầy, hoặc chỉ là xem một bộ phim, trong vài tiếng đồng hồ đó, bạn hoàn toàn thoát ly khỏi cuộc sống thường ngày, bước vào một khung cảnh đặc biệt, từ đó quên đi mọi ưu phiền. Vài tiếng đồng

hồ đó là thật, nhưng cũng là ảo tưởng. Nói là thật bởi vì nó thực sự đã xảy ra, nói là ảo tưởng bởi vì khi thức dậy vào ngày hôm sau, bạn sẽ thấy bạn vẫn là bạn, chỗ nào đau vẫn đau, chỗ nào ngứa vẫn ngứa, cuộc sống thực ra không có bất kỳ thay đổi nào.

Trận động đất Vân Xuyên đã thay đổi cuộc sống của nhiều người mãi mãi, thay đổi diện mạo của tây bắc Tứ Xuyên mãi mãi, đó là một thảm kịch nhân gian có thật. Nhưng tất cả những lý luận liên kết trận động đất với kinh tế vĩ mô, theo tôi, đều là ảo tưởng.

Tại sao tôi lại cảm thấy rằng việc tái thiết sau thảm họa không thể thúc đẩy kinh tế vĩ mô ở Trung Quốc vào năm 2008? Trước tiên, hãy nói một lý do mà ít người hiểu được nhưng lại rất "hù dọa" người khác: hãy tưởng tượng một mô hình cân bằng tổng thể động, sau đó đưa vào cú sốc chi tiêu của chính phủ (tái thiết sau thảm họa) và chuyển khoản thanh toán giữa các nhóm người khác nhau (quyên góp). Ngay cả khi chúng ta chấp nhận giả định của Keynes, tức là sản lượng do nhu cầu quyết định, nhưng nếu chúng ta thừa nhận rằng nền kinh tế Trung Quốc trước trận động đất không phải là suy yếu, mà đang ở trạng thái hoạt động bình thường, thì xét về góc độ lý thuyết, việc tái thiết sau thảm họa rất khó có tác dụng thúc đẩy lớn đối với nền kinh tế, ngay cả khi có cũng không thể bù đắp cho tổn thất hiện có. Trên thực tế, nền kinh tế Trung Quốc trước trận động đất chỉ có thể nói là có nguy cơ quá nóng. Và nền kinh tế càng nóng, chứng tỏ nền kinh tế càng gần với giả định tân cổ điển. Nói cách khác, công suất sản xuất đang ở mức cao. Như vậy, sản lượng càng có khả năng do cung quyết định chứ không phải do cầu quyết định, do đó thiên tai sẽ khiến nền kinh tế đi xuống chứ không phải đi lên. Vì vậy, đánh giá của tôi là: việc tái thiết sau thảm họa thúc đẩy kinh tế vĩ mô, ngay cả khi thể hiện trên dữ liệu, cũng là một trò chơi kế toán, không phải là sự gia tăng thu nhập và của cải theo nghĩa thực sự.

Đoạn "văn võ" ở trên thực chất chỉ là đang lặp lại một thứ gọi là "nguy biện cửa sổ vỡ". Đây là một câu chuyện bắt nguồn từ Bastiat, một học giả người Pháp thế kỷ 19: một đứa trẻ làm vỡ cửa sổ của cửa hàng, chủ cửa hàng phải đi mua kính, như vậy người bán kính sẽ có việc làm; người bán kính lại cần mua bánh mì, như vậy người bán bánh mì cũng sẽ có việc làm. Suy luận theo cách này, việc làm vỡ một tấm kính ngược lại đã tạo ra nhiều việc làm hơn, từ đó biến điều xấu thành điều tốt. Nhưng Bastiat sau đó đã chứng minh rằng đây thực chất là một "nguy biện". Tại sao? Chúng ta chỉ nhìn thấy việc làm vỡ kính có thể tạo ra việc làm, mà không nhìn thấy số tiền đó, nếu không dùng để thay kính mà chi tiêu cho những việc khác, cũng có thể tạo ra việc làm.

Quan điểm "động đất có thể thúc đẩy kinh tế vĩ mô" phần lớn là đã rơi vào "bẫy" của "nguy biện cửa sổ vỡ". Việc làm vỡ cửa sổ là điều xấu, không phải là điều tốt, tương tự, nếu trận động đất không gây ra tác động lớn đối với kinh tế vĩ mô, thì những luận điểm cho rằng trận động đất sẽ thay đổi hướng chính sách tiền tệ, trận động đất sẽ ảnh hưởng đến xu hướng thị trường chứng khoán và thị trường nhà đất càng là vô căn cứ. Tôi cảm thấy rằng, tác động của trận động đất đối với nền kinh tế, cũng giống như tác động của một bộ phim đối với tôi. Trong một khoảng thời gian sau khi trận động đất xảy ra, mọi người đều tập trung sự chú ý vào trận động đất, cảm thấy như cả thế giới đã thay đổi. Nhưng nhìn một cách vĩ mô, nền kinh tế thực ra gần như không có bất kỳ thay đổi nào. Dân số vùng thiên tai chỉ chiếm chưa đến 1% tổng dân số cả nước, tỷ trọng kinh tế gần như không đáng kể. Việc tái thiết vùng thiên tai, ngay cả khi đầu tư 70 tỷ tệ, ngay cả khi chi tiêu hết số tiền này vào năm 2008, ngay cả khi số tiền này thực sự có thể thúc đẩy nền kinh tế, ngay cả khi hệ số nhân là 2, cuối cùng cũng chỉ có thể thúc đẩy 140 tỷ tệ, tác động đối với GDP cả nước chỉ là 1/200, điều này tương đương với mức tăng trưởng dự trữ ngoại hối nửa tháng của Trung Quốc vào năm 2007. Nếu chỉ một chút thay đổi như vậy đã phải thay đổi chính sách tiền tệ của Trung Quốc, có thể thay đổi xu

hướng thị trường chứng khoán và thị trường nhà đất của Trung Quốc, thì những sự việc có quy mô tương tự xảy ra ở Trung Quốc mỗi năm là vô số kể, vậy Trung Quốc sẽ ra sao? Chỉ tiêu tài chính của chúng ta đã tăng gần 1.000 tỷ tệ vào năm 2007; dự trữ ngoại hối của chúng ta đã tăng hơn 30.000 tỷ nhân dân tệ vào năm 2007; thị trường sơ cấp của hai sàn chứng khoán Thượng Hải và Thâm Quyển đã huy động được gần 800 tỷ tệ vào năm 2007, nhiều hơn hơn 100 tỷ tệ so với năm 2006; nhập khẩu dầu thô và xăng dầu thành phẩm cũng đã tiêu tốn gần 7.000 tỷ nhân dân tệ vào năm 2007, nhiều hơn hơn 2.000 tỷ tệ so với năm 2006.

Xét về lịch sử, nhìn vào Mỹ, Nhật Bản, châu Âu và các thị trường mới nổi, các thảm họa thiên nhiên thời hiện đại gần như chưa bao giờ gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với kinh tế vĩ mô, cho dù là tích cực hay tiêu cực, "thời kỳ khó khăn" do "thiên tai" gây ra ở nước ta, sau đó cũng được chứng minh là chủ yếu là do "nhân họa" chứ không phải "thiên tai".

Tóm lại, những chủ đề kinh tế vĩ mô khác nhau được tạo ra dưới danh nghĩa trận động đất là rất khó thuyết phục. Cuộc sống không phải là phim, kinh tế vĩ mô cũng vậy.

Việc tái thiết vùng thiên tai thực chất là một hoạt động chuyển khoản thanh toán và hoạt động kinh tế quy mô lớn. Việc 700 tỷ tệ này được chi tiêu tốt hay không tốt, sự khác biệt là rất lớn. Nếu vì đang cứu trợ thiên tai mà quên mất rằng bản thân điều này cũng là đang phân bổ lại nguồn lực, cũng là hoạt động kinh tế, do đó không tuân theo nguyên tắc thị trường, thì 700 tỷ tệ này có thể bị chi tiêu một cách lãng phí, có thể biến thành "hồ đen", có thể bị phân phối rất không đồng đều.

2. TÁI THIẾT SAU THẢM HỌA ĐỪNG BIẾN THÀNH THUỐC TIỀN VỚI VỮA

Trong trận động đất Vân Xuyên, khi nhìn thấy tin tức Chủ tịch Hồ Cẩm Đào thị sát nhà máy sản xuất lều bạt, động viên doanh nghiệp đẩy nhanh sản xuất, tôi đột nhiên nảy ra một ý tưởng thú vị.

Tôi tự hỏi một câu hỏi: liệu các nhà máy sản xuất lều bạt có nên tăng giá lều bạt trong thời gian cứu trợ thiên tai hay không?

Tôi đoán phần lớn mọi người sẽ nói là không nên, bởi vì không nên "trục lợi" từ thảm họa quốc gia. Nhưng nếu bạn xem xét kỹ thông tin được tiết lộ trong tin tức, bạn sẽ thấy rằng các doanh nghiệp sản xuất lều bạt ở Chiết Giang lúc đó đều đang tăng ca, sản xuất ba ca liên tục để sản xuất lều bạt. Những công nhân ở tuyến đầu, phần lớn phải là công nhân nhập cư, mỗi tháng kiếm được không bao nhiêu tiền. Tất nhiên họ có lòng hảo tâm, nhưng việc không tăng giá có công bằng đối với những người này hay không? Liệu họ có đang thay mặt người dân trên cả nước gánh chịu quá nhiều trách nhiệm "thể hiện lòng hảo tâm" một cách không tương xứng? Việc những người đứng ngoài "xắn tay áo" hô hào rất đơn giản, nhưng những người làm việc thì không hề dễ dàng như vậy. Vì vậy, tôi cảm thấy việc tăng giá là hợp lý, ít nhất cũng phải bù đắp được tiền lương tăng ca của công nhân, nhà nước bù vào khoản chênh lệch từ tiền cứu trợ là được, như vậy tương đương với việc tất cả mọi người cùng gánh chịu chi phí cứu trợ thiên tai, chứ không phải chỉ do những người sản xuất lều bạt gánh chịu.

Sau đó, tôi lại đọc được một tin tức như thế này: Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc ban hành văn bản "các khoản nợ không thể trả được do trận động đất phải được xóa bỏ". Điều này quả thực rất nhân đạo, nhưng tôi cảm thấy hơi "quá tay", điều này tương đương với việc ra lệnh cho ngân hàng làm tổ chức từ thiện. Chúng ta đã từng làm như vậy, một

lượng lớn khoản vay chính sách được phân bổ cho các doanh nghiệp căn bản không có khả năng trả nợ, cuối cùng 4 ngân hàng quốc doanh lớn đã tích lũy được 2-3 nghìn tỷ nhân dân tệ nợ xấu. Đây vẫn là số liệu chính thức, số liệu thực tế chỉ có cao hơn chứ không thấp hơn. Hơn nữa, trong số 2-3 nghìn tỷ tệ nợ xấu này, bao nhiêu là để làm từ thiện, bao nhiêu là do chính hệ thống ngân hàng lãng phí, căn bản không thể phân biệt rõ ràng, cuối cùng nhà nước chỉ có thể xóa bỏ một cách "vơ đũa cả nắm". Tôi cảm thấy rằng ngân hàng không thể từ bỏ quyền lợi của mình chỉ vì trận động đất, vẫn phải thu hồi khoản vay một cách hợp pháp. Nếu chính phủ cần giúp đỡ những người bị thiệt hại do thiên tai, họ có thể trực tiếp phân bổ tiền. Việc để ngân hàng xóa bỏ nợ, cuối cùng có thể là cả những khoản nên xóa bỏ và không nên xóa bỏ đều bị xóa bỏ. Bởi vì ngân hàng biết rằng mình sẽ không gánh chịu khoản lỗ này, cuối cùng chỉ cần đợi chính phủ "phẩy tay" là có thể "thoát nợ".

Việc tái thiết vùng thiên tai có lẽ nên được "đối xử đặc biệt", đặc biệt là trong giai đoạn cứu trợ ban đầu. Nhưng bản thân việc tái thiết vùng thiên tai là một công trình khổng lồ, nhà nước cam kết đầu tư 70 tỷ tệ cho việc tái thiết vùng thiên tai. Đối với cả nước, số tiền này không phải là quá nhiều, nhưng cũng không phải là một con số nhỏ. Để so sánh, nhà nước đã miễn thuế nông nghiệp, mỗi năm cũng chỉ là 60 tỷ tệ, kinh phí mà nhà nước đầu tư cho giáo dục cơ sở ở nông thôn mỗi năm cũng chỉ là 200 tỷ tệ. Vì vậy, việc tái thiết vùng thiên tai thực chất là một hoạt động chuyển khoản thanh toán và hoạt động kinh tế quy mô lớn, việc 700 tỷ tệ này được chi tiêu tốt hay không tốt, sự khác biệt là rất lớn. Nếu vì đang cứu trợ thiên tai mà quên mất rằng bản thân điều này cũng là đang phân bổ lại nguồn lực, cũng là hoạt động kinh tế, do đó không tuân theo nguyên tắc thị trường, thì 700 tỷ tệ này có thể bị chi tiêu một cách lãng phí, có thể biến thành "hố đen", có thể bị phân phối rất không đồng đều. Điều này khiến tôi nhớ đến một đoạn trong "Tiểu Ngạo Giang Hồ":

Lệnh Hồ Xung đâm thanh kiếm vào vai, xuyên từ lưng ra trước ngực, vết thương rất nặng. Nhậm Doanh nhìn thấy rõ ràng, trong lúc nóng vội, không còn quan tâm đến việc che giấu thân phận của mình nữa, liền chạy đến rút thanh kiếm ra, ôm lấy chàng. Các nữ đệ tử phái Hằng Sơn vội vàng vây quanh. Nghi Hòa lấy "Hoàn Bạch Vân Hùng Đả", luống cuống đổ ra 5-6 viên thuốc, nuốt vào miệng Lệnh Hồ Xung. Nhậm Doanh đã nhanh tay điểm vào các huyệt đạo xung quanh vết thương trước ngực và sau lưng chàng, cầm máu. Nghi Thanh và Trịnh Ngạc lần lượt bôi "Thiên Hương Đoạn Tục Giao" lên vết thương của chàng. Chưởng môn bị thương, các đệ tử làm sao có thể tiếc một chút nào? Bôi thuốc chỉ sợ không đủ, coi thuốc tiên ngàn vàng khó mua như vôi vữa bùn đất, bôi thật dày lên vết thương của chàng.

Không tuân theo nguyên tắc thị trường, việc tái thiết sau thảm họa khó tránh khỏi việc "coi thuốc tiên ngàn vàng khó mua như vôi vữa bùn đất", và đây sẽ là một việc rất lãng phí.

Thị trường tự do + quyền tự do lựa chọn không có nghĩa là lựa chọn "đúng đắn". Khả năng ước tính các sự kiện ngẫu nhiên, đặc biệt là các sự kiện có xác suất nhỏ, của con người là rất kém.

3. TIÊU CHUẨN CHỐNG ĐỘNG ĐẤT VÀ QUYỀN TỰ DO LỰA CHỌN

Sau trận động đất Văn Xuyên, tôi luôn suy nghĩ về một vấn đề: liệu chính phủ có nên nâng cao tiêu chuẩn chống động đất bắt buộc của các công trình xây dựng ở Văn Xuyên hay không? Các công trình công cộng tương đối dễ nghĩ, các trường học, bệnh viện, trung tâm

thương mại, etc., những nơi tập trung đông người, cần phải có tiêu chuẩn chống động đất cao hơn.

Còn nhà ở tư nhân thì sao? Đối với câu hỏi này, tôi cảm thấy câu trả lời không rõ ràng. Ban đầu tôi nghĩ như thế này, xác suất một người sống trong một ngôi nhà riêng có tiêu chuẩn chống động đất thấp gặp phải động đất và chết do động đất có lẽ thấp hơn nhiều so với xác suất một người hút thuốc chết vì ung thư phổi. Nếu việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất của nhà ở tư nhân là để giảm xác suất một người chết do động đất, thì logic tương tự có thể được áp dụng cho: cấm hút thuốc, cấm ăn mỡ, cấm thức khuya, cấm không ăn sáng, bởi vì những biện pháp này đều có thể giảm xác suất một người chết sớm. Tôi không phản đối việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất, tôi chỉ đang nghĩ, lý do đằng sau việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất là gì? Nếu chỉ là để giảm xác suất tử vong, thì dường như có rất nhiều việc có thể giảm xác suất tử vong hơn mà chính phủ vẫn chưa làm, chẳng lẽ chúng ta cho rằng chính phủ cũng nên làm những việc mà tôi đã nói ở trên sao? Nếu câu trả lời là không, thì điều gì khiến động đất khác với các "sát thủ" khác, đến mức chúng ta phải quy định riêng tiêu chuẩn chống động đất của nhà ở tư nhân, mà không quy định thói quen sinh hoạt của cá nhân? Phải biết rằng, thói quen sinh hoạt xấu còn giết chết nhiều người hơn so với động đất.

Hơn nữa, việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất bắt buộc của nhà ở tư nhân là phải tốn tiền. Số tiền này nên do ai chi trả, cá nhân hay chính phủ? Đây là một vấn đề rất thực tế. Giả sử bạn nói với những người sống ở một khu vực nào đó rằng khu vực đó có thể xảy ra động đất lớn trong vòng 30 năm tới, thì những người có khả năng kinh tế, ngay cả khi không có quy định cứng nhắc, cũng sẽ nghĩ cách sống trong những ngôi nhà an toàn hơn. Nhưng những người không có khả năng kinh tế lại rất có thể sẽ "đánh liều", sống tạm bợ qua ngày. Điều này cũng giống như việc những người làm những công việc bẩn thỉu, vất vả, nguy hiểm nhất thường là những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nếu chúng ta cưỡng chế những gia đình có thu nhập thấp phải tự móc hầu bao để gia cố nhà ở theo quy định, thì chưa chắc đã là cải thiện phúc lợi của họ, có thể ngược lại là làm tổn hại đến phúc lợi của họ. Nhưng nếu chính phủ bỏ tiền ra để nâng cao tiêu chuẩn xây dựng nhà ở tư nhân, thì tiền của chính phủ đến từ đâu? Nếu đến từ thuế địa phương, thì cuối cùng "lấy mỡ nó rán nó". Nếu dựa vào thuế của những nơi khác để hỗ trợ, thì việc làm này cũng chưa chắc đã công bằng đối với người dân ở những nơi khác.

Vậy chẳng lẽ không nên nâng cao tiêu chuẩn chống động đất sao? Tôi thực sự không thể thuyết phục bản thân mình là nên hay không nên, vì vậy đã đăng vấn đề này lên blog của mình, muốn nghe xem người khác nghĩ như thế nào, kết quả là đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực.

Một số người phân tích rằng, do tồn tại ngoại ứng nên chính phủ nên cưỡng chế nâng cao tiêu chuẩn chống động đất. Ngoại ứng ở đây bao gồm việc nếu nhà bạn không chắc chắn, khi xảy ra động đất, không chỉ có thể làm bạn bị thương mà còn có thể làm người khác bị thương, hoặc cuối cùng còn phải nhờ người khác đến cứu bạn. Tôi cảm thấy đây là một lý do hợp lý, chỉ là dường như vẫn chưa đủ mạnh. Rất nhiều việc con người làm đều có ngoại ứng, tôi mua một chiếc xe tốt, trúng xổ số cũng sẽ khiến người khác cảm thấy khó chịu, ghen tị, đây là ngoại ứng, nhưng những ngoại ứng này có lẽ không đến mức khiến chính phủ phải can thiệp để quy định tôi mua xe gì, hoặc mua bao nhiêu vé số. Việc con người đẹp hay xấu cũng sẽ có ngoại ứng, đẹp khiến người ta cảm thấy thoải mái, xấu khiến người ta cảm thấy khó chịu, điều này có lẽ cũng không đủ để chính phủ phải can thiệp để buộc những người xấu phải phẫu thuật thẩm mỹ. Ngoại ứng tất nhiên là lý do kinh điển cho việc tại sao cần phải có sự can

thiệt của chính phủ, chỉ là cá nhân tôi không cảm thấy ngoại ứng là yếu tố quan trọng nhất trong vấn đề tiêu chuẩn chống động đất.

Còn có một số người phân tích rằng, động đất xảy ra trong chớp nhoáng, đột ngột, gây ra thiệt hại lớn hơn, trong khi những việc như hút thuốc, béo phì, etc., ngay cả khi làm tăng tỷ lệ tử vong, cũng xảy ra từ từ, sẽ không gây ra tác động chấn thương, do đó động đất nên được coi trọng hơn. Tôi cảm thấy rằng cả hai việc đều là làm tăng tỷ lệ tử vong, tính chất là như nhau, việc hai việc này khiến người ta cảm thấy khác nhau chỉ là do ảo giác của cá nhân mà thôi, cũng giống như việc nhiều người cảm thấy đi máy bay nguy hiểm hơn đi tàu hỏa, cảm thấy lái xe sau khi uống rượu không có vấn đề gì. Nhưng chính sách không thể dựa trên ảo giác, chính sách nên dựa trên khoa học hơn. Nếu việc giảm tỷ lệ tử vong có thể được coi là lý do để chính phủ can thiệp, thì việc can thiệp vào tiêu chuẩn chống động đất và can thiệp vào thói quen sinh hoạt đều là có thể, không tồn tại vấn đề cái nào nên được can thiệp hơn.

Một số người đã đưa ra quan điểm từ góc độ khả thi. Họ cho rằng, việc nâng cao tiêu chuẩn chống động đất là dễ thực hiện, trong khi việc can thiệp vào thói quen sinh hoạt là không dễ thực hiện, do đó chính phủ có thể cưỡng chế tiêu chuẩn chống động đất, mà không cần phải can thiệp vào thói quen sinh hoạt. Phân tích này giải thích việc có thể hay không thể, chứ không phải là nên hay không nên, do đó không trả lời trực tiếp câu hỏi tôi đặt ra.

Tuy nhiên, sau đó, tôi đã tự thuyết phục bản thân mình rằng, chính phủ nên cưỡng chế nâng cao tiêu chuẩn chống động đất, lý do hơi mang tính kinh tế học hành vi.

Trước tiên, hãy nói về việc mua xe. Giả sử chính phủ không hạn chế bất kỳ tiêu chuẩn an toàn nào đối với ô tô, yêu cầu duy nhất là các nhà sản xuất ô tô phải thông báo rõ ràng và chi tiết cho người tiêu dùng về các chỉ số an toàn của ô tô, sau đó người tiêu dùng tự do lựa chọn theo nhu cầu của mình. Cách làm này có được hay không? Tôi cảm thấy là không được. Một chiếc xe có quá nhiều đặc điểm khác nhau, rất nhiều chi tiết mang tính kỹ thuật, người tiêu dùng chưa chắc đã có khả năng đưa ra lựa chọn có lợi nhất cho mình. Lấy ví dụ về việc mua xe của tôi. Sau khi chọn được xe, người bán xe đã giới thiệu cho tôi một loại thiết bị chống trộm. Thứ này là một thiết bị theo dõi được lắp đặt ở một vị trí ẩn trong xe, vì vậy những kẻ trộm xe không biết xe có lắp đặt thiết bị chống trộm này hay không. Nếu xe bị trộm, sau khi báo cảnh sát, thiết bị này có thể được cảnh sát kích hoạt, như vậy cảnh sát có thể tìm thấy chiếc xe này bằng cách theo dõi tín hiệu. Thiết bị này có giá khoảng 600 USD. Lúc đó tôi đã phải đối mặt với một lựa chọn rất đơn giản: có chi hay không chi 600 USD này? Tôi đã hỏi ý kiến của Cốc Chủ. Cốc Chủ trả lời: "Em không nghĩ ra chuyện này, anh tự nghĩ đi". Là một người đã được đào tạo hơn 20 năm, tôi quyết định tính toán, tôi đã xin người bán xe một tờ giấy và một cây bút. Tôi đã hỏi giá thiết bị này khi bán lại, tôi đã hỏi chi phí bảo hiểm có thể tiết kiệm được do lắp đặt thiết bị này, tôi đã hỏi xác suất xe bị trộm sau đó được tìm thấy. Sau đó, tôi đã nhanh chóng quyết định mua. Việc quyết định nhanh như vậy không phải là do tôi tính toán ra thấy đáng giá, mà là do tôi cảm thấy mình không thể tính toán được. Muốn biết có đáng giá hay không, tôi có lẽ cần phải tính toán xem giá trị chiết khấu của số tiền mà thiết bị này dự kiến sẽ tiết kiệm cho tôi trong tương lai là cao hơn hay thấp hơn 600 USD. Nhưng do có quá nhiều thông tin mà tôi căn bản không thể ước tính, nên tôi căn bản không thể tính toán được. Tôi không biết tôi định lái chiếc xe này bao lâu, tôi không biết xác suất chiếc xe này bị trộm, bởi vì tôi thậm chí còn không biết mình sẽ sống ở đâu trong tương lai. Để cho cuộc sống của mình đơn giản hơn, tôi đã quyết định mua một cách ngẫu nhiên.

Đây chỉ là một lựa chọn rất nhỏ và rất đơn giản. Nếu tất cả các chỉ số an toàn của một chiếc xe đều yêu cầu tôi lựa chọn như làm bài trắc nghiệm, sau đó đưa ra mức giá tôi sẵn sàng chi trả, thì tôi e rằng tốt hơn hết là đừng mua chiếc xe này. Khi đưa ra lựa chọn, con người

không thể ước tính đầy đủ tất cả thông tin "hữu ích", đây là do hạn chế về trí lực của con người, hạn chế về kiến thức. "Tiêu chuẩn bắt buộc" của chính phủ giống như một cái đặt mặc định đơn giản của chuyên gia, khiến bạn không cần phải tự lựa chọn từng chi tiết nhỏ. Bạn chỉ cần quan tâm đến những phần mà bạn cảm thấy quan trọng nhất là được, còn những phần bạn không quan tâm, ít nhất cũng có tiêu chuẩn bắt buộc của chính phủ làm mức sàn. Tiêu chuẩn chống động đất cũng vậy. Đây là một vấn đề rất mang tính kỹ thuật, người dân bình thường có lẽ hoàn toàn không có khả năng lựa chọn tiêu chuẩn chống động đất phù hợp nhất với mình, việc chính phủ quy định bắt buộc sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

Ngoài ra còn có một lý do khác để ủng hộ việc quy định bắt buộc tiêu chuẩn chống động đất, đó là con người không phải là động vật xác suất, ngay cả các nhà thống kê học cũng không phải là động vật xác suất. Đây là kết quả đã được tâm lý học chứng minh hết lần này đến lần khác. Thị trường tự do + quyền tự do lựa chọn không có nghĩa là lựa chọn "đúng đắn". Khả năng ước tính các sự kiện ngẫu nhiên, đặc biệt là các sự kiện có xác suất nhỏ, của con người là rất kém. Lại lấy kinh nghiệm của tôi làm ví dụ: vài năm trước tôi đã phẫu thuật, trước khi phẫu thuật, bác sĩ đã nói với tôi về nhiều nguyên nhân có thể khiến ca phẫu thuật thất bại và xác suất của những việc này. Xác suất xuất hiện tình huống A là rất nhỏ, khoảng 1/10.000, những người xuất hiện tình huống A thường sẽ tử vong; tình huống B cũng có thể xuất hiện, khoảng 1/1.000, những người xuất hiện tình huống B phải phẫu thuật lớn ngay lập tức; tình huống C xuất hiện với xác suất khoảng 1/100, tình huống này tương đối phổ biến, cần phải xử lý như sau. Anh đã hiểu chưa? Nếu anh vẫn cảm thấy sẵn sàng phẫu thuật, thì hãy ký vào đây.

Nhưng những con số này không có ý nghĩa gì nhiều đối với tôi. Khi đưa ra lựa chọn, tôi rất đơn giản, trực tiếp loại trừ A và B, bởi vì tôi không thể tưởng tượng được xác suất tử vong 1/10.000 có nghĩa là gì, tôi chỉ nghĩ là mình sẽ không chết, thực chất là giả vờ xác suất bằng 0. Nhiều tiêu chuẩn an toàn là để phòng ngừa những sự kiện có xác suất nhỏ, nhưng con người lại thường không thể ước tính chính xác những sự kiện có xác suất nhỏ như vậy. Giống như sau khi chuyến bay số 583 của China Northern Airlines đến Đại Liên bị tai nạn vào năm 2002, nhiều người đã không dám đi máy bay trong một thời gian dài, dường như việc đi máy bay đột nhiên trở nên nguy hiểm hơn. Nhưng sau một thời gian, mọi người lại bắt đầu đi máy bay. Trên thực tế, xác suất máy bay rơi không thực sự thay đổi đáng kể trong khoảng thời gian này, nhưng quan điểm của mọi người về việc này lại thay đổi dữ dội. Nếu để người dân tự do quyết định tiêu chuẩn chống động đất của nhà ở, thì lựa chọn của mọi người vào những thời điểm khác nhau sẽ rất khác nhau. Ví dụ, nếu không có động đất lớn trong một thời gian dài, người dân có thể đánh giá thấp khả năng và sức tàn phá của động đất, sau đó chọn tiêu chuẩn quá thấp. Ngược lại, sau khi xảy ra động đất lớn, người dân lại có thể phản ứng thái quá, từ đó đặt ra tiêu chuẩn quá cao.

Tất nhiên, việc cá nhân sẽ phạm sai lầm không có nghĩa là thị trường nhất định sẽ phạm sai lầm. Nếu có vô số người đang thử nghiệm và mắc sai lầm, nếu có rất nhiều người đang cạnh tranh, thì kết quả cân bằng thị trường rất có thể vẫn là đúng. Lại lấy ví dụ về việc mua xe, nếu có vô số người đang mua xe, thì thế giới này có lẽ không cần chính phủ quy định bắt buộc, các nhà sản xuất ô tô sẽ tự động đảm bảo an toàn của xe. Đối với bạn, có thể chỉ là lần đầu tiên lựa chọn, nhưng đối với nhà sản xuất ô tô, họ phải trải qua vô số lần bị lựa chọn. Lại ví dụ, bạn đến Trung Quan Thôn để "lắp ráp" máy tính, bạn có thể căn bản không cần phải biết giá của nhiều linh kiện chính thống, bởi vì có rất nhiều người "lắp ráp" máy tính, sự cạnh tranh đã đảm bảo rằng họ sẽ không bán những linh kiện chính thống giống nhau với giá rất khác nhau. Họ muốn kiếm tiền, ngược lại là phải "động não" với những linh kiện "vụn vặt".

Vì vậy, bạn căn bản không cần phải hỏi giá linh kiện chính thống, giá bạn nhìn thấy chính là giá tốt nhất bạn có thể tìm thấy, sự cạnh tranh đã giúp bạn "giải quyết" giá cả.

Chỉ là hầu hết các thị trường trên thế giới này đều không phải là thị trường máy tính ở Trung Quan Thôn, hoặc thị trường ô tô, thị trường nhà đất đặc biệt như vậy. Có vẻ như ai cũng cần nhà, nhưng thị trường nhà đất phần lớn đều là cục bộ, cạnh tranh không đầy đủ. Bạn sẽ không bao giờ tìm thấy hai căn nhà giống hệt nhau: vị trí, hướng, khu dân cư, diện tích, trang trí, tầng, chất lượng xây dựng, bây giờ còn phải thêm tiêu chuẩn chống động đất. Dựa vào sức mạnh của thị trường để sửa sai, để đạt được tiêu chuẩn chống động đất hợp lý, nếu có thể, thì cũng không biết phải mất bao lâu, phải trải qua bao nhiêu thảm họa mới có thể thực hiện được. Sự cưỡng chế của chính phủ, trong trường hợp này, chưa chắc đã là một sản phẩm thay thế tồi.

CHƯƠNG 8: SUY THOÁI VÀ GIẢM PHÁT DO KHỦNG HOẢNG GÂY RA

Cuộc suy thoái kinh tế năm 2009 là cuộc suy thoái kinh tế đầu tiên mà tôi có thể cảm nhận được một cách trực tiếp. Bài viết "Bằng chứng suy thoái" mô tả một số dấu hiệu suy thoái thú vị mà tôi quan sát được ở Mỹ.

Giảm phát, thuật ngữ kinh tế đã biến mất nhiều năm, đột nhiên lại thu hút sự chú ý của mọi người vào năm 2009. Trong một thời gian dài, từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đến Ngân hàng Trung ương Nhật Bản đều rất lo ngại về sự xuất hiện của giảm phát. Bài viết "Giảm phát nguy hiểm hơn hở dũ" giải thích lý do tại sao trong mắt ngân hàng trung ương, giảm phát cũng giống như lạm phát, đều là "thú dữ".

Bài viết ""Kiểm tra căng thẳng" không áp lực" giới thiệu đơn giản về "kiểm tra căng thẳng", đồng thời tiết lộ một thực tế: kết quả của "kiểm tra căng thẳng" hoàn toàn phụ thuộc vào việc áp lực được giả định là lớn đến mức nào. Nếu bạn giả định áp lực không lớn, thì "kiểm tra căng thẳng" sẽ trở thành "kiểm tra không áp lực", kết quả cuối cùng sẽ không có ý nghĩa gì.

Mô hình Ponzi của Madoff và nhiều vụ "bê bối" trên Phố Wall bị phanh phui, đã khiến nhiều người rút ra một câu trả lời thực ra có lẽ là sai lầm: nếu không có những kẻ xấu trên Phố Wall, thì khủng hoảng tài chính sẽ không xảy ra. Bài viết "Mô hình Ponzi bị dung túng" muốn nói rằng, mọi việc không hề đơn giản như vậy. Số lượng bong bóng tài sản do con người tạo ra nhiều hơn nhiều so với số lượng Madoff. Ngay cả khi không có Madoff, bong bóng vẫn sẽ xuất hiện, vẫn sẽ vỡ, Madoff có lẽ chỉ là cái cớ cho những người sẵn sàng tin rằng bong bóng có thể tồn tại vô hạn mà thôi.

Việc tỷ lệ này tăng lên, khó có thể là do người dân đột nhiên "vung tiền" trong siêu thị, trạm xăng và hiệu thuốc, mà có nhiều khả năng là do họ đã cắt giảm chi tiêu ở những mặt khác, và đây là một tín hiệu rõ ràng cho thấy tiền trong túi người dân đã giảm đi.

1. BẰNG CHỨNG SUY THOÁI

Cuộc suy thoái kinh tế Mỹ trở nên nghiêm trọng đột ngột vào cuối năm 2008 là cuộc suy thoái kinh tế nghiêm trọng nhất sau cuộc Đại suy thoái ở Mỹ, cho dù xét về thời gian hay mức độ nghiêm trọng. Điều này khiến cho, ngay cả khi bạn không bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng, ngay cả khi bạn không xem tin tức, ngay cả khi bạn không quan tâm đến kinh tế, bạn cũng không khó để nhận thấy rằng, dấu hiệu suy thoái ở khắp mọi nơi. Dưới đây là một số bằng chứng mà tôi quan sát được, có lẽ không quá rõ ràng, nhưng lại phản ánh vấn đề một cách rõ nét.

- Bảng chứng 1:

Quảng cáo thẻ tín dụng biến mất. Một đặc điểm của cuộc sống ở Mỹ là, một khi bạn để lại thông tin của mình ở bất kỳ đâu, cho dù là mua sắm trực tuyến, đăng ký thẻ tín dụng, hay điền vào đơn đăng ký thành viên của cửa hàng, etc., hộp thư của bạn sẽ xuất hiện rất nhiều email rác. Những email này, có email là phiếu giảm giá của siêu thị, có email là ngân

hàng quảng cáo sản phẩm của họ, có email là môi giới muốn cho bạn thuê nhà hoặc bán nhà, có email là thông tin đăng ký ưu đãi của báo chí, có email là giới thiệu sản phẩm mới của công ty mỹ phẩm, etc., có lẽ nhiều nhất là quảng cáo của công ty thẻ tín dụng. Vào thời kỳ đỉnh cao, tôi gần như mỗi ngày đều nhận được quảng cáo như vậy, đôi khi còn nhận được nhiều hơn một email. Nhưng một ngày nọ, quảng cáo thẻ tín dụng bỗng chốc biến mất, không còn xuất hiện nữa trong vài tháng. Nếu chúng ta đã biết những gì đã xảy ra trên thị trường tài chính, chúng ta sẽ hiểu rằng điều này là rất tự nhiên - vào thời kỳ đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng tài chính, ngay cả các tổ chức tài chính cũng không dám cho ai vay tiền nữa. Một tin tốt là, kể từ cuối năm 2009, quảng cáo thẻ tín dụng lại bắt đầu xuất hiện trở lại, mặc dù không còn "hung hãn" như trước, nhưng ít nhất cũng bắt đầu xuất hiện lác đác. Điều này có lẽ cũng phản ánh thực tế là nền kinh tế đã ổn định và phục hồi, thị trường tài chính đang có xu hướng ổn định, nhưng sự phục hồi vẫn chưa mạnh mẽ.

- Bảng chứng 2:

Tỷ trọng chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu tăng lên. Thẻ American Express mà tôi sử dụng hàng ngày sẽ tạo biểu đồ tròn so sánh thành phần chi tiêu của tôi với thành phần chi tiêu của tất cả chủ thẻ, chẳng hạn như bao nhiêu được chi cho trạm xăng, bao nhiêu được chi cho hiệu thuốc, bao nhiêu được chi cho nhà hàng, etc. Năm 2008, chi tiêu trung bình của tất cả chủ thẻ cho nhu cầu thiết yếu hàng ngày, bao gồm siêu thị, trạm xăng và hiệu thuốc, chiếm khoảng 10% tổng chi tiêu. Và tỷ lệ này đã tăng vọt lên 18% vào năm 2009. Việc tỷ lệ này tăng lên, khó có thể là do người dân đột nhiên "vung tiền" trong siêu thị, trạm xăng và hiệu thuốc, mà có nhiều khả năng là do họ đã cắt giảm chi tiêu ở những mặt khác, và đây là một tín hiệu rõ ràng cho thấy tiền trong túi người dân đã giảm đi. Trong kinh tế học, có một thứ gọi là Định luật Engel, nói rằng người càng nghèo, tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm - nhu cầu thiết yếu của cuộc sống - càng cao. Dữ liệu trong bảng chứng 2 vừa khéo chứng minh Định luật Engel.

- Bảng chứng 3:

Cửa hàng giảm giá mỗi ngày, thường là giảm giá từ 30%, mua một tặng hai, etc. Hầu hết tất cả những người tôi gặp từ Trung Quốc đến Mỹ để công tác hoặc du lịch đều có cùng một cảm thán: đồ ở Mỹ quá rẻ. Một câu chuyện có thật mà tôi biết là: một đoàn khách du lịch Trung Quốc, sau khi vào một cửa hàng vali cao cấp ở khu vực Washington, đã mua hết sạch vali của nhiều kiểu dáng trong cửa hàng, không còn sót lại chiếc nào. Không phải vì những người này quá giàu có, mà là vì họ cảm thấy quá hời, quá rẻ. Tôi thường nói với những người không sống ở Mỹ rằng, đồ ở Mỹ không phải lúc nào cũng rẻ như vậy. Trước khi suy thoái, các cửa hàng ở Mỹ thường chỉ giảm giá vào các dịp lễ lớn, chẳng hạn như Lễ Tạ ơn và Giáng sinh. Sau khi lễ kết thúc, các chương trình khuyến mãi quy mô lớn thường cũng kết thúc. Nhưng bắt đầu từ cuối năm 2008, bao gồm cả năm 2009, cho đến năm 2010, nhiều cửa hàng vẫn luôn giảm giá rất mạnh, khuyến mãi mỗi ngày, đặc biệt là những sản phẩm tương đối cao cấp. Việc giảm giá như vậy, khó có thể là do cửa hàng "phát từ bi", mà là do sức mua của người tiêu dùng yếu đi, hoặc họ không dám tiêu dùng nữa, hàng hóa của cửa hàng bán không chạy.

- Bảng chứng 4:

Số lượng người không phải người châu Á mua sắm trong siêu thị Trung Quốc tăng lên. Siêu thị Trung Quốc ở Mỹ, ngoài là nơi bán nhiều loại hàng hóa và thực phẩm Trung Quốc, còn là nơi bán hàng hóa giá rẻ. Rau củ quả và nhiều loại nhu yếu phẩm hàng ngày ở đó sẽ rẻ hơn một chút so với các siêu thị chính thống, nhưng thường cũng sẽ không tươi ngon bằng. Việc người Trung Quốc đến siêu thị Trung Quốc để mua sắm là điều rất tự nhiên, bởi vì nhiều

thứ không dễ tìm thấy ở những nơi khác, chẳng hạn như "Lão Can Ma", nhãn hoặc bánh trung thu, etc., những sản phẩm rất Trung Quốc. Nhưng người không phải người Trung Quốc, hoặc nói rộng ra là người không phải người châu Á đến siêu thị Trung Quốc, rõ ràng là không phải để tìm "Lão Can Ma". Theo quan sát của tôi, họ vẫn đang tìm kiếm "hàng ngoại" mà họ tiêu thụ hàng ngày. Lời giải thích duy nhất của tôi cho việc những người này đến siêu thị Trung Quốc là, ở đó rẻ. Việc ngày càng có nhiều người không phải người châu Á xuất hiện trong siêu thị Trung Quốc cho thấy ngày càng có nhiều người đang tìm kiếm những nơi rẻ hơn để tiêu dùng, điều này rất có thể là kết quả của việc "hầu bao xẹp lép". Trên thực tế, khi doanh số bán hàng ở những nơi khác đều giảm, thì doanh số bán hàng của Walmart lại tăng lên, bởi vì Walmart ở Mỹ cũng là nơi bán hàng hóa giá rẻ.

Tất nhiên, còn có nhiều bằng chứng trực tiếp hơn, chẳng hạn như, đột nhiên xuất hiện rất nhiều mặt bằng cửa hàng cho thuê. Cứ cách một khoảng thời gian, lại có cửa hàng bắt đầu đóng cửa thanh lý, một số thậm chí là các chuỗi cửa hàng lớn trên toàn quốc.

Mức độ nghiêm trọng của cuộc suy thoái này ở Mỹ, có thể thấy rõ qua những bằng chứng này.

Giảm phát tốt và giảm phát xấu không khó phân biệt trong thực tế, giảm phát tốt đi kèm với việc lượng tăng lên trong khi giá giảm, nhưng giảm phát xấu là lượng và giá cùng giảm.

2. GIẢM PHÁT NGUY HIỂM HƠN HỒ DỮ

Giai đoạn từ cuối tháng 11, bắt đầu từ Lễ Tạ ơn, cho đến Năm mới, khoảng thời gian hơn một tháng này luôn là mùa mua sắm vàng của Mỹ. Không chỉ vì mọi người bắt đầu mua sắm "Tết", mà còn vì các doanh nghiệp thường sẽ khuyến mãi mạnh, giảm giá nhiều trong thời gian này, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng.

Nhưng năm 2009 thì khác. Sau Lễ Tạ ơn năm 2008, bước sang năm 2009, mức độ giảm giá của các doanh nghiệp sâu đến mức chưa từng có, phạm vi sản phẩm khuyến mãi rộng chưa từng có. Một số cửa hàng thương hiệu giảm giá 50% toàn bộ sản phẩm (giảm giá ít nhất 50%), thậm chí giảm giá 30% toàn bộ sản phẩm, quảng cáo mua một tặng hai cũng xuất hiện thường xuyên. Lenovo đã bán một lô máy tính xách tay phổ biến ở Mỹ với giá giảm 50%, giá bán trong nước là hơn 10.000 tệ, ở Mỹ chỉ cần hơn 4.000 tệ là có thể mua được. Đối với người tiêu dùng, những điều này có vẻ là tin tốt, nhưng nhiều nhà kinh tế học lại lo lắng về điều này, bởi vì họ lo ngại về sự xuất hiện của giảm phát.

Giảm phát được định nghĩa là sự sụt giảm của mức giá chung. Khác với lạm phát khiến cho tiền trong tay mọi người ngày càng mất giá, giảm phát khiến cho tiền trong tay mọi người ngày càng có giá trị hơn, hay nói cách khác, người tiêu dùng có thể mua được nhiều thứ hơn với cùng một số tiền. Điều này đối với người tiêu dùng phải là một tin vui, có gì phải lo lắng?

Tuy nhiên, điều quan trọng là hai điểm: thứ nhất là điều gì đã dẫn đến giảm phát? Thứ hai là giảm phát có thực sự khiến "tiền ngày càng có giá trị hơn" hay không?

Nói một cách đơn giản, có hai loại giảm phát: giảm phát tốt và giảm phát xấu. Giảm phát tốt thường là do cung đột ngột tăng lên, ví dụ như mùa màng bội thu, dẫn đến giá lương thực giảm, từ đó gây ra sự sụt giảm của mức giá chung, như vậy người tiêu dùng có thể tiêu

dùng nhiều hơn, chi tiêu ít hơn, do đó mọi người đều vui vẻ. Còn giảm phát xấu thường là do nhu cầu giảm dẫn đến hàng hóa ế ẩm, các doanh nghiệp buộc phải giảm giá để khuyến mãi.

Giảm phát tốt và giảm phát xấu không khó phân biệt trong thực tế, giảm phát tốt đi kèm với việc lượng tăng lên trong khi giá giảm, nhưng giảm phát xấu là lượng và giá cùng giảm. Nếu thực sự xuất hiện giảm phát vào năm 2009, thì chắc chắn sẽ là một đợt giảm phát xấu. Bởi vì nhiều thông tin cho thấy, ngay cả khi đã giảm giá rất mạnh, các doanh nghiệp Mỹ vẫn kinh doanh ế ẩm, doanh số bán hàng của phần lớn các doanh nghiệp đều giảm mạnh nhất trong nhiều thập kỷ qua, ngay cả Toyota, hãng ô tô đã thành lập hơn 70 năm và chưa bao giờ thua lỗ, cũng đã dự báo về khoản lỗ đầu tiên trong lịch sử. Rõ ràng, nước Mỹ năm 2009 đang phải đối mặt với một đợt giảm phát do nhu cầu sụp đổ gây ra, và đợt giảm phát như vậy sẽ còn tự tăng cường - nhu cầu càng thiếu hụt, công suất sản xuất càng dư thừa, công suất sản xuất càng dư thừa sẽ càng gây áp lực giảm giá, dẫn đến giảm phát trầm trọng hơn. Dấu hiệu của vòng xoáy đi xuống này không chỉ xuất hiện ở Mỹ, mà còn xuất hiện ở Trung Quốc và nhiều quốc gia khác.

Một khi bước vào vòng xoáy đi xuống này, một khi tiền ngày càng có giá trị hơn, nền kinh tế sẽ không còn xa "vực thẳm". Trong trường hợp này, việc tiền ngày càng có giá trị hơn không phải là điều tốt.

Tại sao lại nói như vậy?

Tiền ngày càng có giá trị hơn, có nghĩa là việc nắm giữ tiền là một khoản đầu tư không tồi. Nhưng tiền sẽ không tự sinh ra tiền, trong một nền kinh tế, phải có người thực hiện đầu tư thực sự - xây dựng nhà xưởng, mua máy móc, xây dựng đường sá, cầu cống, etc. Nếu tất cả mọi người đều nhận thấy việc nắm giữ tiền có lợi hơn, thì chắc chắn có nghĩa là đầu tư thực sự sẽ giảm. Đối với tiêu dùng cũng vậy, nếu giá hàng hóa cứ giảm mãi, thì mua sớm không bằng mua muộn, nhiều hoạt động tiêu dùng cũng sẽ bị trì hoãn vì điều này.

Không ai đầu tư, không ai tiêu dùng, chỉ có thể làm trầm trọng thêm tình trạng dư thừa công suất sản xuất, từ đó làm trầm trọng thêm giảm phát và suy thoái kinh tế. Nếu trong một nền kinh tế còn có nhiều doanh nghiệp và cá nhân nợ ngân hàng, thì mọi việc sẽ còn tồi tệ hơn. Bởi vì tiền ngày càng có giá trị hơn có nghĩa là khoản nợ của họ ngày càng nhiều, một mặt thị trường ế ẩm, mặt khác gánh nặng nợ nần ngày càng nặng nề, sẽ đẩy nhiều doanh nghiệp và cá nhân đến bờ vực phá sản. Phá sản nhiều, sẽ làm tăng nợ xấu ngân hàng, từ đó gây nguy hiểm cho toàn bộ hệ thống tài chính.

Hai đợt giảm phát đáng nhớ nhất trong lịch sử kinh tế đều kết thúc một cách rất khó coi. Một là cuộc Đại suy thoái, hai là cuộc suy thoái và trì trệ kinh tế kéo dài 10 năm của Nhật Bản vào những năm 1990, hay còn gọi là "thập kỷ mất mát". Trung Quốc đã trải qua một đợt giảm phát ngắn ngủi vào đầu thế kỷ này, nhưng đợt giảm phát đó, như giáo sư Justin Yifu Lin đã nói, là một đợt giảm phát do cung gây ra, tức là giảm phát tốt.

Tồi tệ hơn là, kinh nghiệm và kiến thức của con người trong việc đối phó với giảm phát đều tương đối thiếu hụt. Hiện nay, 10 nhà kinh tế học có thể có 12 cách để đối phó với giảm phát, nhưng sự thật là, tất cả những cách này có thể đều chưa được kiểm chứng trong thực tế, liệu có hiệu quả hay không, có lẽ chỉ có trời mới biết. Trên thực tế, Mỹ và Nhật Bản, hai quốc gia cùng áp dụng chính sách tiền tệ "nới lỏng định lượng", lại có hiệu quả hoàn toàn khác nhau.

Nửa năm trước khi cuộc khủng hoảng bùng phát vào mùa thu năm 2008, cả thế giới vẫn đang đau đầu để đối phó với lạm phát, nhưng nửa năm sau, "bóng ma" của giảm phát lại

ngày càng rõ ràng. Sự thay đổi kịch tính này càng thể hiện rõ ràng hơn rằng chúng ta đang trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng có, và việc tránh thành công sự xuất hiện của giảm phát toàn cầu là chìa khóa để chúng ta có thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng này thành công.

Kiểm tra căng thẳng hoàn toàn phụ thuộc vào việc bạn đánh giá chủ quan "căng thẳng" lớn đến mức nào. Và theo đưa tin của các phương tiện truyền thông chính thống Mỹ, đánh giá của Cục Dự trữ Liên bang về "căng thẳng" là "căng thẳng" sẽ không lớn hơn nữa.

3. "KIỂM TRA CĂNG THẲNG" KHÔNG ÁP LỰC

Vào thời kỳ đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng tài chính, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã bắt đầu "kiểm tra căng thẳng" đối với các tổ chức tài chính lớn của Mỹ, đúng như tên gọi của nó, để xem liệu những tổ chức này có thể chịu đựng được áp lực lớn hơn hay không. Nhiều người đã hỏi tôi về "kiểm tra căng thẳng" theo nhiều cách khác nhau. Do công việc, tôi cũng đã tham gia một chút vào công việc "kiểm tra căng thẳng", ở đây tôi sẽ nói sơ qua.

Xét về mặt kỹ thuật, "kiểm tra căng thẳng" có rất nhiều chi tiết, cần một lượng lớn dữ liệu, đặc biệt là cần tất cả các ngân hàng tham gia kiểm tra cung cấp dữ liệu bảng cân đối kế toán và nghiệp vụ ngoài bảng cân đối kế toán cực kỳ chi tiết. Phần lớn thời gian, những dữ liệu này đều là bí mật kinh doanh, chỉ có cơ quan quản lý mới có thể có được. Sau khi có được những dữ liệu này, còn có rất nhiều tham số cần phải ước tính, cuối cùng còn cần phải đưa ra một số giả định mới có thể thực hiện "kiểm tra căng thẳng". Nói chung, "kiểm tra căng thẳng" là một công việc rất phức tạp và đòi hỏi trình độ kỹ thuật nhất định.

Nhưng xét về mặt khái niệm, "kiểm tra căng thẳng" không phức tạp. Lấy một ví dụ đơn giản, bảng cân đối kế toán đơn giản nhất của ngân hàng có thể như sau: bên trái là tài sản, bên phải là nợ phải trả.

(Bảng: Bảng cân đối kế toán đơn giản hóa của ngân hàng thương mại)

Trong bảng cân đối kế toán, tài sản luôn bằng nợ phải trả, tức là:

Vốn tự có cộng với tiền gửi bằng với tiền gửi tại ngân hàng trung ương cộng với khoản vay

Hoặc có thể nói theo cách dễ hiểu hơn:

Vốn tự có bằng với tiền gửi tại ngân hàng trung ương cộng với khoản vay trừ đi tiền gửi

Nếu tài sản của một ngân hàng bị lỗ, chẳng hạn như khoản vay trở thành nợ xấu, không thể thu hồi được, theo phương trình trên, có nghĩa là vốn tự có của ngân hàng này sẽ giảm. Nếu vốn tự có quá thấp, nếu lại không có vốn mới bổ sung, thì ngân hàng sẽ mất khả năng thanh toán. Nếu tình hình nghiêm trọng, sẽ phá sản.

"Kiểm tra căng thẳng" là để ước tính tài sản của ngân hàng cuối cùng sẽ bị lỗ bao nhiêu dưới áp lực, từ đó suy ra vốn tự có của ngân hàng sẽ bị lỗ bao nhiêu, sau đó suy ra ngân hàng cần được bơm thêm bao nhiêu vốn mới có thể đảm bảo không bị phá sản. Điều phức tạp nhất ở đây tất nhiên là ước tính tài sản cuối cùng sẽ bị lỗ bao nhiêu. Đây là một công việc rất tỉ mỉ, về cơ bản cần phải xem xét từng tài sản của từng ngân hàng. Nhưng công việc thuần túy

cần sức lực chỉ cần có sức lực là có thể giải quyết được, nhưng điều này là không đủ. Bạn còn cần phải ước tính giá cả có thể có và xác suất xuất hiện của nhiều loại tài sản dưới áp lực, chẳng hạn như tỷ giá hối đoái sẽ biến động như thế nào, mức lãi suất và cơ cấu lãi suất có thể như thế nào, giá nhà sẽ biến động như thế nào, giá cổ phiếu sẽ biến động như thế nào, tỷ lệ nợ xấu thế tín dụng sẽ như thế nào, tỷ lệ nợ xấu khoản vay sẽ như thế nào, bao nhiêu trái phiếu sẽ thực sự trở thành "rác", etc. Tất cả những điều này đều sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả của "kiểm tra căng thẳng", đôi khi sự khác biệt về giả định sẽ dẫn đến sự khác biệt rất lớn về kết quả của "kiểm tra căng thẳng".

Tôi không nghi ngờ gì về việc các nhà kinh tế học của Cục Dự trữ Liên bang sẽ cố gắng hết sức để thực hiện "kiểm tra căng thẳng", nhưng tôi tin rằng họ chắc chắn đã gặp phải vấn đề mà tất cả những người theo dõi kinh tế vĩ mô đều gặp phải trong cuộc khủng hoảng tài chính này: đây căn bản là một thế giới hoàn toàn mới, bạn không thể chắc chắn rằng dữ liệu lịch sử và mô hình được sử dụng để dự đoán là hữu ích. Vì vậy, cuối cùng, "kiểm tra căng thẳng" hoàn toàn phụ thuộc vào việc bạn đánh giá chủ quan "căng thẳng" lớn đến mức nào. Và theo đưa tin của các phương tiện truyền thông chính thống Mỹ, đánh giá của Cục Dự trữ Liên bang về "căng thẳng" là "căng thẳng" sẽ không lớn hơn nữa. Kết quả "kiểm tra căng thẳng" cuối cùng do Cục Dự trữ Liên bang công bố là, hầu hết các ngân hàng của Mỹ đều có thể vượt qua, điều này không khiến tôi ngạc nhiên chút nào. Tôi không cần phải thực hiện "kiểm tra căng thẳng" cũng có thể nghĩ đến kết quả này: Cục Dự trữ Liên bang đã giả định rằng áp lực sẽ không lớn hơn nữa, điều này còn gọi là "kiểm tra căng thẳng" sao? Phải gọi là "kiểm tra không áp lực" mới đúng.

Cục Dự trữ Liên bang có hơn 100 người đang theo dõi nền kinh tế Mỹ, họ rõ ràng hiểu về nền kinh tế Mỹ hơn hầu hết mọi người và tổ chức. Đánh giá của họ cho rằng áp lực sẽ dừng lại ở đó có thể cuối cùng sẽ được chứng minh là đúng. Chỉ là việc thực hiện "kiểm tra căng thẳng" không áp lực thực sự đi ngược lại ý nghĩa ban đầu của "kiểm tra căng thẳng".

Mặc dù Madoff là "tội ác không thể tha thứ", mặc dù cơ quan quản lý có trách nhiệm giám sát, nhưng tội ác của ông ta, nói đúng hơn là đã lừa dối các nhà đầu tư, không bằng nói là đã cho các nhà đầu tư một lý do để tự lừa dối mình.

4. MÔ HÌNH PONZI BỊ DUNG TÚNG

Charles Ponzi, người Mỹ gốc Ý, đã tạo ra vụ án "huy động vốn bất hợp pháp" có lẽ là nổi tiếng nhất trên thế giới vào đầu thế kỷ 20. Ponzi sử dụng tỷ suất sinh lợi cao để thu hút đầu tư, sau đó sử dụng dòng vốn đầu tư mới liên tục để trả cho các khoản đầu tư và lãi suất cũ. Cứ như vậy lặp đi lặp lại, cho đến một ngày nào đó, chuỗi vốn bị đứt, do đó mọi thứ bị phanh phui. Thủ đoạn phạm tội của ông ta cuối cùng cũng được đặt theo tên ông ta, đó là mô hình Ponzi nổi tiếng.

Mô hình Ponzi cũng là một thủ đoạn lừa đảo được áp dụng rộng rãi ở Trung Quốc, từ vụ án bán hàng đa cấp bất hợp pháp này đến vụ án sụp đổ của hệ thống Tân Cương, mô hình Ponzi đã được "diễn" hết lần này đến lần khác. Và mô hình Ponzi do Bernard Madoff thao túng bị phanh phui trong cuộc khủng hoảng dưới chuẩn ở Mỹ, thời gian tồn tại lâu (20 năm), số tiền liên quan lớn (30-40 tỷ USD), cũng như vị thế "giang hồ" cao của Madoff (ông ta từng là Chủ tịch Nasdaq), đều khiến cả thế giới phải chấn động. Nhưng suy nghĩ kỹ, mặc dù Madoff là "tội ác không thể tha thứ", mặc dù cơ quan quản lý có trách nhiệm giám sát,

nhưng tội ác của ông ta, nói đúng hơn là đã lừa dối các nhà đầu tư, không bằng nói là đã cho các nhà đầu tư một lý do để tự lừa dối mình.

Có thể nói rằng, hầu hết tất cả các bong bóng tài chính, có lẽ đều chứa đựng thành phần của "mô hình Ponzi" - chúng cũng có thể được gọi là mô hình Ponzi tự thực hiện hoặc mô hình Ponzi không có Ponzi. Bong bóng, đúng như tên gọi, là giá của tài sản tài chính quá cao, không được hỗ trợ bởi các yếu tố cơ bản. Nếu có người sẵn sàng mua tài sản tài chính tồn tại bong bóng, thì lý do duy nhất chỉ có thể là có người sẵn sàng "tiếp nhận" với giá cao hơn, còn những người "tiếp nhận" đó hy vọng có thể "bán ra" với giá cao hơn. Miễn là có dòng vốn liên tục đổ vào, bong bóng như vậy có thể được thổi phồng liên tục, cho đến một ngày nào đó, quá trình này đột ngột dừng lại. Bong bóng do thị trường tự phát tạo ra, có lẽ không chỉ một hai lần. Mặc dù việc đánh giá sự tồn tại của bong bóng vẫn là một vấn đề gây tranh cãi trong kinh tế học, chẳng hạn như bong bóng hoa tulip nổi tiếng của Hà Lan, đã có người chuyên viết bài báo đăng trên "Tạp chí Kinh tế Chính trị" - tạp chí kinh tế học hàng đầu - để chứng minh rằng đó thực chất phần lớn không phải là bong bóng. Nhưng hãy tạm thời thừa nhận rằng bong bóng quả thực tồn tại, vậy chẳng phải mỗi lần bong bóng xuất hiện đều là rất nhiều người tham gia thị trường lần lượt tham gia vào một mô hình Ponzi khổng lồ sao? Chỉ là, bong bóng như vậy là những người vào thị trường sau tự nguyện bị những người vào thị trường trước "lừa", sau đó lại tự nguyện đi "lừa" những người vào thị trường muộn hơn mà thôi. Không ai cần phải chịu trách nhiệm về mô hình Ponzi như vậy, ngay cả khi bong bóng vỡ sẽ khiến nhiều người phải gánh chịu tổn thất nặng nề. Những người phải gánh chịu tổn thất cũng "vô tội" như những người bị lừa trong mô hình Ponzi, bởi vì không ai nói với họ rằng, thứ họ mua thực chất là tài sản căn bản không đáng giá nhiều tiền như vậy. Theo nghĩa này, bong bóng và mô hình Ponzi có điểm tương đồng.

Hành vi của Madoff, tất nhiên là tội tệ hơn nhiều. Nhưng một mô hình Ponzi nếu có thể tồn tại gần 20 năm, và cuối cùng trở nên lớn như vậy, bạn không thể không nghi ngờ rằng, Madoff có lẽ đã bị các nhà đầu tư dung túng quá mức. Một quỹ, nếu tỷ suất sinh lợi cao hơn so với những quỹ khác, biến động lại nhỏ hơn so với những quỹ khác, hơn nữa duy trì như vậy trong mười mấy năm, nói cách khác, không gánh chịu nhiều rủi ro hơn nhưng lại thu được lợi nhuận cao hơn, thì trong lĩnh vực tài chính, điều này về cơ bản thuộc loại "không tốn công sức mà thu lợi". Nếu một nhà đầu tư sẵn sàng đầu tư toàn bộ tài sản của mình vào một quỹ gần như nói rõ ràng với bạn rằng "cung cấp cơ hội đầu tư 'không tốn công sức mà thu lợi'" như vậy mà không hề nghi ngờ, thì có lẽ không thể "gỡ bỏ" được cái mác dung túng?

Trên thực tế, từ lâu trước khi Madoff bị phanh phui, đã có không ít người nghi ngờ sâu sắc về dữ liệu đầu tư của ông ta. Mặc dù nhiều nhà đầu tư thực sự là "vô tội", nhưng họ đã không làm tròn nghĩa vụ của mình với tư cách là nhà đầu tư, mù quáng tin tưởng Madoff. Tuy nhiên, điều này cũng nhắc nhở tất cả các nhà đầu tư trong tương lai rằng, bất kỳ ai "vỗ ngực" nói rằng chắc chắn sẽ kiếm được tiền, giống như Madoff, thì có lẽ chỉ là kẻ lừa đảo. Nếu tất cả các nhà đầu tư đều có thể cảnh giác hơn một chút, thì mô hình Ponzi e rằng cũng sẽ không "phát triển mạnh mẽ" như vậy trong 100 năm qua. Nói đi cũng phải nói lại, chỉ cần còn tồn tại những nhà đầu tư dung túng, mô hình Ponzi có lẽ sẽ tồn tại mãi mãi.

CHƯƠNG 9: BẠN CÓ BỎ PHIẾU CHO OBAMA?

Việc các chính phủ can thiệp mạnh mẽ sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2009 và sự thất bại của thị trường bị phơi bày bởi cuộc khủng hoảng kinh tế đã khiến nhiều người dường như cảm thấy rằng chính phủ mới là giải pháp cho nhiều vấn đề. Nhưng chính phủ thực ra cũng không "thần kỳ". Bài viết "Đừng thần thánh hóa chính phủ" kể hai câu chuyện, một là về việc chính phủ điều tiết thất bại như thế nào, hai là về việc thị trường thúc đẩy tiến bộ công nghệ như thế nào. Hai câu chuyện này phản ánh từ một khía cạnh rằng, thị trường quả thực có hạn chế, nhưng hạn chế của chính phủ có lẽ nghiêm trọng hơn.

Bài viết "Tờ khai thuế của Obama" cũng từ một góc độ rất nhỏ để minh họa một điều rất đơn giản: dịch vụ của chính phủ không phải là miễn phí, "lấy mỡ nó rán nó". Có người nói rằng phúc lợi của Mỹ rất tốt, ít nhất là tốt hơn so với Trung Quốc. Nhưng hãy xem gia đình Obama nộp bao nhiêu tiền thuế một năm, có lẽ nhiều người sẽ không còn ghen tị với phúc lợi của Mỹ nữa.

Bài viết "Niềm vui cho tất cả mọi người bằng niềm vui vô ích" nói về việc cải cách "bữa trưa miễn phí" là rất hiếm, và cải cách y tế mà Obama hứa hẹn chính là một ví dụ - cải cách của ông ấy có thể khiến nhiều người hơn được hưởng dịch vụ y tế, nhưng sẽ không tăng gánh nặng cho đại đa số người dân, cũng sẽ không giảm dịch vụ y tế mà mọi người được hưởng. Cải cách như vậy cuối cùng có lẽ phải có người "móc hầu bao".

Bài viết "Chọn Hoa hậu hay chọn Tổng thống?" quan sát một hiện tượng thú vị, cuộc bầu cử tổng thống Mỹ kéo dài rất lâu, hơn nữa mọi hành động của ứng cử viên đều được thể hiện dưới ống kính TV, tổng thống theo một nghĩa nào đó chính là ngôi sao, và đẹp trai tự nhiên là một điều kiện quan trọng để trở thành ngôi sao. Nhìn lại các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ trong gần 50 năm qua, đẹp trai và đặc cử dường như có mối quan hệ nhất định.

Chính phủ mạnh mẽ thúc đẩy mọi việc nhanh chóng, bóp chết mọi việc cũng sẽ bóp chết một cách triệt để. Cuối cùng, những việc được thúc đẩy là có thể đo lường được, nhưng những việc bị bóp chết lại không thể.

1. ĐỪNG THẦN THÁNH HÓA CHÍNH PHỦ

"60 Minutes" của CBS, một trong ba đài truyền hình lớn của Mỹ, đã phát sóng một tập vào tháng 2 năm 2010, rất hay. Có tổng cộng ba câu chuyện trong tập này: câu chuyện thứ nhất kể về việc công ty Blackwater khét tiếng "coi mạng người như cỏ rác" như thế nào, lần này không phải là mạng sống của người dân Afghanistan mà là mạng sống của binh sĩ Mỹ. Câu chuyện thứ hai kể về việc liệu một công ty năng lượng mới, Bloom Energy, có thể cách mạng hóa cách sử dụng điện của con người hay không - hai chiếc hộp nhỏ cộng với một thùng dầu, có thể cung cấp điện cho một gia đình, khiến gia đình từ đó không còn cần phải lấy điện từ lưới điện; hoặc liệu có thể trở thành một thất bại tốn kém khác của Thung lũng Silicon hay không - công ty này đã huy động được khoảng 300 triệu USD vốn đầu tư mạo hiểm từ nhiều công ty đầu tư mạo hiểm, bao gồm cả công ty đầu tư mạo hiểm đã từng đầu tư vào Netscape, Amazon và Google, nhưng thực ra họ vẫn chưa chính thức tung ra sản phẩm ra thị trường.

Câu chuyện thứ ba là về "Ground Zero" - lý do tại sao gần 9 năm sau vụ khủng bố 11/9, "Ground Zero" vẫn là một "hố sâu". Theo kế hoạch ban đầu, "Ground Zero" lẽ ra đã mọc lên những tòa nhà cao tầng vào lúc này. Hơn nữa, 7 tỷ USD đã được chi tiêu, nói cách khác, 7 tỷ USD vẫn không thể lấp đầy "hố sâu" đó. Phải biết rằng, chủ sở hữu của "Ground Zero" là Cảng vụ New York và New Jersey, một cơ quan "quan liêu" không lồ.

Nhiều người cho rằng Mỹ có dân chủ, vì vậy chính phủ Mỹ tương đối mà nói phải hiệu quả hơn, có thể phục vụ người dân tốt hơn. Ảo tưởng của tôi về điều này đã tan vỡ ngay từ lần đầu tiên tôi tiếp xúc với cơ quan chính phủ Mỹ. Khi mới đến Mỹ, tôi cần phải làm thẻ an sinh xã hội. Đến nơi làm thẻ, sự nhàn rỗi, thờ ơ của nhân viên ở đó và việc phải chờ đợi vô lý trong một thời gian dài, dễ dàng gợi cho tôi nhớ lại những lần đi làm hộ khẩu ở đồn cảnh sát trong nước trước đây. Sau đó, đi làm bằng lái xe và nhiều loại giấy tờ khác, lần nào cũng là sự thờ ơ như vậy. Nói chuyện với người khác, cũng là cảm nhận như vậy. Điều này khiến tôi nhận ra rằng, kinh nghiệm của tôi chắc chắn không phải là ngẫu nhiên. Việc "Ground Zero" là một ví dụ khác cho thấy chính phủ Mỹ rất thiếu hiệu quả. Đôi khi tôi cảm thán, nước Mỹ có một bản Hiến pháp tuyệt vời làm sao. Nếu bạn đã đọc Hiến pháp Mỹ, bạn sẽ thấy rằng đó là một bản Hiến pháp hạn chế quyền lực của chính phủ ở khắp mọi nơi. Nói rộng ra, chính việc hạn chế chính phủ mới khiến cho sức sáng tạo của đất nước này không bị các quan chức "quan liêu" bóp chết, như "Ground Zero".

Vì vậy, mới có câu chuyện của Bloom Energy. Một nhà khoa học của Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia Mỹ (NASA), trước đây phụ trách thiết kế thiết bị sản xuất oxy trên sao Hỏa, để chuẩn bị cho việc xây dựng căn cứ có thể cho con người sinh sống trên sao Hỏa. Ông ấy cần một thiết bị rất hiệu quả để sản xuất oxy bằng cách sử dụng năng lượng. Sau đó, kế hoạch lên sao Hỏa bị hoãn lại, dự án của ông ấy cũng bị dừng lại. Nhưng ông ấy đã nảy ra một ý tưởng: nếu đảo ngược chức năng của toàn bộ thiết bị, thì chẳng phải có thể sản xuất năng lượng từ oxy và nhiên liệu một cách rất hiệu quả sao? Sau đó, đã có thiết bị của Bloom Energy: vài chiếc hộp nhỏ, một thùng nhiên liệu, không cần đốt cháy, không tỏa nhiệt, quan trọng hơn là không cần lưới điện truyền tải điện đường dài, có thể cung cấp đủ điện cho một gia đình. Đây là một loại pin nhiên liệu hiệu quả. Khác với "nước biến thành dầu" - thứ "khoa học giả tạo" trước đây ở trong nước, Google và eBay đã bắt đầu sử dụng sản phẩm thử nghiệm của Bloom Energy, hiệu quả được cho là rất tốt. Hấp dẫn hơn là, giá của thiết bị này có thể trở nên khá rẻ sau khi được sản xuất hàng loạt. Quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm có triển vọng, có thể cách mạng hóa mô hình sử dụng năng lượng như vậy, hoàn toàn do tư bản tư nhân hỗ trợ và gánh chịu rủi ro. 300 triệu USD vốn đầu tư mạo hiểm đã được đầu tư, đều là đang "đánh cược" vào việc dự án này có thể thành công. Nếu Bloom Energy thành công, rất có thể sẽ trở thành Amazon hoặc Google tiếp theo, họ cũng hoàn toàn dựa vào tư bản tư nhân để hỗ trợ, cuối cùng đã thành công và thay đổi thế giới.

Câu chuyện về "Ground Zero" và câu chuyện về Bloom Energy thực sự là hai ví dụ điển hình cho thấy sự thiếu hiệu quả và hiệu quả của Mỹ. Có lẽ có người sẽ nói, điều này không thể chứng minh rằng chính phủ nhất định sẽ bóp chết Bloom Energy, việc "Ground Zero" là một trường hợp đặc biệt, điều này tuyệt đối sẽ không xảy ra ở Trung Quốc. Đúng vậy, nếu việc "Ground Zero" xảy ra ở Trung Quốc, lãnh đạo cấp cao của chính phủ từ lâu đã can thiệp mạnh mẽ. Hợp một cuộc họp phối hợp, lãnh đạo chủ chốt "phẩy tay", cuối cùng tăng ca, 赶 tiến độ, còn có thể đảm bảo không chậm tiến độ. Phải nói rằng, theo nghĩa này, chính phủ Trung Quốc có thể thực sự hiệu quả hơn chính phủ Mỹ. Về những việc như xây dựng đường sá, cầu cống, etc., hiếm có chính phủ nào trên thế giới này có thể so sánh được với chính phủ Trung Quốc. Nhưng chính phủ mạnh mẽ thúc đẩy mọi việc nhanh chóng, bóp chết

mọi việc cũng sẽ bóp chết một cách triệt để. Cuối cùng, những việc được thúc đẩy là có thể đo lường được, nhưng những việc bị bóp chết lại không thể.

Cuộc khủng hoảng toàn cầu này đã khiến cho vai trò của chính phủ các nước trên thế giới ngày càng "phình to", Trung Quốc cũng vậy. Quan điểm cho rằng thị trường có thể tự điều chỉnh mọi thứ rõ ràng có những hạn chế rất lớn. Nhưng vào lúc này, đặc biệt cần phải nhắc nhở mọi người rằng, chính phủ cũng không "thần kỳ".

Tỷ lệ thuế của gia đình Obama vào năm 2010 sẽ còn cao hơn - Obama vừa khéo thuộc tầng lớp có thu nhập hàng năm trên 250.000 USD, bản thân ông ấy đã nói rõ rằng, thuế của những người này sẽ tăng.

2. TỜ KHAI THUẾ CỦA OBAMA

Tháng 4 năm 2009, Tổng thống Mỹ Barack Obama lần đầu tiên công bố tờ khai thuế của gia đình ông sau khi nhậm chức tổng thống. Do đã bị "hành hạ" bởi tờ khai thuế của Mỹ trong nhiều năm, nên khi cầm tờ khai thuế của Obama, tôi cũng có thể hiểu được khá nhiều.

Những con số lớn trên tờ khai thuế tương đối đơn giản: thu nhập chịu thuế của gia đình Obama vào năm 2008 là 2.656.902 USD. Phần lớn trong số này là tiền bản quyền của một số cuốn sách của Obama, cộng với một số thu nhập từ tiền lương. Trong số thu nhập chịu thuế, có 301.519 USD được miễn thuế, trong đó 172.050 USD là khoản quyền góp từ thiện. Khoản quyền góp từ thiện sẽ bị đánh thuế theo chính sách do Obama đề xuất, nhưng Obama đang khai thuế năm 2008, tổng thống lúc đó vẫn là Bush, vì vậy không phải nộp thuế. Tính ra như vậy, tổng số tiền thuế mà gia đình Obama phải nộp là 855.323 USD.

Tính toán đơn giản, tỷ lệ thuế trung bình của gia đình Obama là $855.323 / 2.656.902 = 32,19249\%$, tức là 1/3 thu nhập của gia đình Obama phải nộp thuế. Xin lỗi, đây vẫn chưa phải là toàn bộ số tiền thuế của gia đình Obama, đây chỉ là thuế thu nhập cá nhân liên bang.

Nếu tôi không nhầm, gia đình Obama còn phải nộp ít nhất các loại thuế sau: trước khi nhận được tiền lương, tiền lương của ông ấy đã bị khấu trừ 6,2% thuế an sinh xã hội, khoản thuế này được sử dụng cho lương hưu và y tế sau khi nghỉ hưu; ông ấy chắc chắn còn phải nộp thuế thu nhập cá nhân bang Illinois và/hoặc thuế thu nhập cá nhân Đặc khu Columbia, bởi vì gia đình Obama vào năm 2008 phải được coi là cư dân của Chicago, nhưng thu nhập của ông ấy với tư cách là thượng nghị sĩ lại đến từ Đặc khu Columbia, tỷ lệ thuế cụ thể của hai nơi này không rõ, có thể khoảng 5%. Cần chỉ ra rằng, cùng một khoản thu nhập chỉ cần nộp thuế ở một bang, không tồn tại vấn đề đánh thuế hai lần; sau đó, gia đình Obama có ô tô, có nhà, thuế bất động sản là không thể trốn, tỷ lệ thuế không rõ, cơ sở thuế được tính dựa trên giá trị thị trường của ô tô và nhà ở; cuối cùng, đừng quên thuế tiêu thụ, hầu hết tất cả các bang của Mỹ đều thu thuế tiêu thụ, thuế tiêu thụ của Đặc khu Columbia đặc biệt cao, đi ăn nhà hàng phải nộp 10% thuế.

Vì vậy, nếu cộng tất cả các loại thuế lại, tỷ lệ thuế của gia đình Obama vượt quá 40% hoặc thậm chí lên tới 45% cũng không có gì lạ. Nói cách khác, gần một nửa thu nhập của gia đình tổng thống phải bị chính phủ do chính ông ấy lãnh đạo lấy đi.

Tất nhiên, tỷ lệ thuế của Obama chưa chắc đã mang tính đại diện trong tầng lớp thu nhập của ông ấy. Phần lớn thu nhập của Obama là tiền lương và tiền bản quyền, thuộc loại thu nhập từ lao động, chứ không phải thu nhập từ vốn. Ở Mỹ, tỷ lệ thuế thu nhập từ vốn thấp hơn

nhiều so với tỷ lệ thuế thu nhập từ tiền lương. Đối với những người có thu nhập cao, tỷ lệ thuế thu nhập từ tiền lương là 35%, trong khi tỷ lệ thuế thu nhập từ vốn là 15%. Đây cũng là lý do chính khiến Buffett từng nói rằng tỷ lệ thuế mà ông ấy nộp còn chưa bằng tỷ lệ thuế của thư ký của ông ấy, bởi vì thu nhập chính của Buffett là thu nhập từ vốn, trong khi thu nhập của thư ký của ông ấy chủ yếu là thu nhập từ tiền lương. Nhưng cần chỉ ra rằng, công ty cũng phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tỷ lệ thuế từ 15% đến 39%, mà thu nhập từ vốn là thu nhập từ vốn sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Vì vậy, mặc dù 15% có vẻ thấp hơn nhiều so với 35%, nhưng nếu xem xét việc thu nhập từ vốn đã bị đánh thuế thu nhập doanh nghiệp một lần, thì tỷ lệ thuế hiệu quả thực tế của thu nhập từ vốn cũng không thấp hơn 35%.

Dù sao, đây là tỷ lệ thuế điển hình mà một gia đình không điển hình ở Mỹ phải đối mặt. Nói là không điển hình là vì đây là gia đình "số một", sau khi nộp thuế còn phải công khai. Nói là điển hình là vì gia đình "số một" cũng phải nộp thuế như người dân bình thường, tỷ lệ thuế áp dụng cũng giống nhau. Liệu tỷ lệ thuế này là cao hay thấp, mỗi người có thể có quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, ngay cả khi đã nộp nhiều thuế như vậy, chính phủ Mỹ vẫn "thu không đủ chi", có thể thấy rằng dịch vụ công do chính phủ Mỹ cung cấp thực sự không thể coi là rẻ, đặc biệt là đối với tầng lớp trung lưu. Ngoài ra còn có một điều rõ ràng là, tỷ lệ thuế của gia đình Obama vào năm 2010 sẽ còn cao hơn - Obama vừa khéo thuộc tầng lớp có thu nhập hàng năm trên 250.000 USD, bản thân ông ấy đã nói rõ ràng, thuế của những người này sẽ tăng.

Một chi tiết nhỏ là, tờ khai thuế của Obama dài tới 67 trang. Điều này khiến người ta có thể tưởng tượng được luật thuế của Mỹ phức tạp đến mức nào. Điều này càng giải thích lý do tại sao ở Mỹ, việc khai thuế cho người khác là một ngành nghề lớn.

Điều mà Obama hứa hẹn, thực chất là một "cải cách bữa trưa miễn phí" - không cần chi nhiều tiền hơn, nhưng lại để nhiều người hơn được hưởng dịch vụ y tế nhiều hơn và tốt hơn.

3. NIỀM VUI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI BẰNG NIỀM VUI VÔ ÍCH

Chủ nhật, ngày 20 tháng 9 năm 2009. Giống như nhiều ngày Chủ nhật khác, ngày này đối với nhiều người Mỹ có nghĩa là đi nhà thờ để làm lễ, xem các chương trình phỏng vấn chính trị vào buổi sáng và các trận đấu thể thao vào buổi chiều và buổi tối. Nhưng điểm khác biệt của ngày Chủ nhật này là, Tổng thống Mỹ Barack Obama đã xuất hiện đồng thời trên 5 chương trình trò chuyện chính trị lớn, tiếp tục "tiếp thị" cải cách y tế đang gặp khó khăn lúc đó cho người dân Mỹ. Ông ấy chỉ tránh Fox News, kênh tin tức luôn có thái độ phê phán và quan điểm chính trị bảo thủ đối với ông ấy.

Có lẽ câu hỏi do David Gregory, người dẫn chương trình "Meet the Press" của NBC, đặt ra là câu hỏi minh họa rõ ràng nhất lý do tại sao cải cách y tế của Obama lại rơi vào tình trạng khó khăn. Ông ấy hỏi: "Thưa ngài Tổng thống, trong chiến dịch tranh cử, ông đã nói rằng chúng ta phải đưa ra một số lựa chọn khó khăn, có thể không được lòng nhiều người, về vấn đề cải cách y tế. Ông có thể nói cụ thể những lựa chọn này là gì không? Ông sẽ nói "không" với điều gì?". Câu trả lời của Obama, trên thực tế, đã né tránh câu hỏi này. Đến mức người dẫn chương trình phải xen ngang: "Những điều ông nói không phải là những lựa chọn khó khăn?".

Đây chính là mấu chốt của vấn đề. Cải cách y tế là một cuộc cải cách ảnh hưởng đến lợi ích của mỗi người, nhưng Obama lại cố gắng hứa hẹn với người dân Mỹ một cuộc cải cách "niềm vui cho tất cả mọi người", không tồn tại quá nhiều lựa chọn khó khăn. Ông ấy đã hứa hẹn với người dân Mỹ những điều sau: 1. Đề 46 triệu người hiện không có bảo hiểm y tế được hưởng bảo hiểm y tế; 2. Những người hiện có bảo hiểm y tế, dịch vụ y tế sẽ không trở nên tồi tệ hơn, phí bảo hiểm sẽ không tăng, nói cách khác, mọi thứ sẽ chỉ tốt hơn, sẽ không tồi tệ hơn; 3. Thâm hụt của chính phủ không tăng, tức là chính phủ không cần phải "bơm" tiền vào hệ thống y tế; 4. Đại đa số người dân sẽ không bị tăng thuế.

Điều mà Obama hứa hẹn, thực chất là một "cải cách bữa trưa miễn phí" - không cần chi nhiều tiền hơn, nhưng lại để nhiều người hơn được hưởng dịch vụ y tế nhiều hơn và tốt hơn. Nếu những gì Obama nói đều là sự thật, thì cuộc cải cách này quả thực không cần phải đối mặt với những lựa chọn khó khăn.

"Cải cách bữa trưa miễn phí" không phải là không tồn tại. Nếu một hệ thống tồn tại sự thiếu hiệu quả rất lớn, thì quả thực có thể thực hiện được việc không chi nhiều tiền hơn nhưng lại làm được nhiều việc hơn thông qua việc tăng cường hiệu quả. Giai đoạn đầu cải cách mở cửa của Trung Quốc là một cuộc cải cách tương tự như "cải cách bữa trưa miễn phí". Do nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây quá thiếu hiệu quả, nên hầu hết tất cả mọi người đều được hưởng lợi từ cơ chế thị trường được đưa vào.

Hệ thống y tế của Mỹ, cũng rất khó nói là một hệ thống hiệu quả, mặc dù điều này gây ra nhiều tranh cãi. Những người cho rằng hệ thống y tế của Mỹ không hiệu quả sẽ chỉ ra rằng, Mỹ chi 1/6 GDP cho y tế mỗi năm - vào năm 2003, con số này tương đương với toàn bộ GDP của Trung Quốc. Cho dù tính theo tổng lượng hay theo bình quân đầu người, số tiền mà Mỹ chi cho y tế đều nhiều hơn nhiều so với bất kỳ quốc gia nào khác. Nhưng ngay cả như vậy, vẫn có khoảng 15% dân số Mỹ không có bảo hiểm y tế, xét theo tỷ lệ tử vong sơ sinh, tuổi thọ trung bình, etc., những chỉ số thường dùng để phản ánh mức độ hưởng thụ dịch vụ y tế của người dân, thứ hạng của Mỹ trong số các nước phát triển đều tương đối thấp. Chi tiêu nhiều tiền như vậy nhưng hiệu quả lại không tốt, đây chính là bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy sự thiếu hiệu quả.

Nhưng những người cho rằng hệ thống y tế của Mỹ thực ra không tệ cũng sẽ chỉ ra rằng, Mỹ có công nghệ y tế tiên tiến nhất thế giới, có bệnh viện, bác sĩ và thuốc men tốt nhất, lý do Mỹ chi nhiều tiền cho y tế là vì ở đây có công nghệ tốt nhất, có thể chữa được những căn bệnh khó chữa nhất. Nếu không chi nhiều tiền như vậy, những công nghệ và thuốc men tiên tiến nhất này sẽ không thể được phát triển.

Vì vậy, mấu chốt của vấn đề là liệu hệ thống y tế của Mỹ có thực sự thiếu hiệu quả hay không. Nếu không tìm thấy sự thiếu hiệu quả lớn trong hệ thống y tế của Mỹ, thì "bữa trưa miễn phí" đến từ đâu? Nhưng Obama luôn "lấp lửng" về vấn đề này. Những sự thiếu hiệu quả mà ông ấy liệt kê, chẳng hạn như gian lận và lãng phí, thông tin y tế không thể được chia sẻ, y tế dự phòng, etc., thực ra từ lâu đã bị Văn phòng Ngân sách Quốc hội độc lập "tuyên án tử hình": những việc đó không tiết kiệm được bao nhiêu tiền. Hơn nữa, y tế dự phòng có thể còn tốn kém hơn.

Điều mà Obama đang cố gắng làm, giống như là đang đưa ra nhiều lời hứa hẹn đẹp đẽ cho mọi phe phái: Đảng Dân chủ hy vọng thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, tôi sẽ "cho" bạn; Đảng Cộng hòa lo ngại về thâm hụt, tôi đảm bảo không có thâm hụt; những người không có bảo hiểm hy vọng có bảo hiểm, tôi hứa với bạn; những người có bảo hiểm không muốn bảo

hiểm của mình thay đổi, tôi cam kết sẽ không thay đổi; không ai thích tăng thuế, tôi sẽ không tăng; tất cả mọi người đều thích phí bảo hiểm rẻ hơn, vậy thì sẽ rẻ hơn; phe cánh hữu lo ngại rằng người nhập cư bất hợp pháp cũng sẽ được hưởng bảo hiểm y tế, tôi sẽ ghi rõ trong luật rằng người nhập cư bất hợp pháp không được hưởng. Tóm lại, mọi lo ngại của mọi người, dưới lời hứa hẹn của Obama, đều trở nên không cần thiết.

Còn những lựa chọn thực sự khó khăn, Obama có lẽ đều đã né tránh. Những nhóm lợi ích quan trọng, như bác sĩ, bệnh viện, công ty bảo hiểm, công ty dược phẩm, công đoàn, cũng như người già và người nghèo hiện đang được hưởng bảo hiểm y tế của chính phủ, Obama không muốn "đắc tội" với bất kỳ ai trong số họ. Điều này đã định sẵn rằng, cho dù phương án cải cách y tế cuối cùng được đưa ra được "đóng gói" như thế nào, cũng rất khó giải quyết được những vấn đề thực sự trong hệ thống y tế. Và điều thực sự được thực hiện chỉ là mở rộng hệ thống hiện có, bao phủ thêm nhiều người hơn. Điều này cũng có nghĩa là, phải có người "móc hầu bao" cho 46 triệu người này, hoặc là để những người này tự bỏ tiền, hoặc là thông qua thuế, hoặc là giảm phúc lợi của những người hiện đang được hưởng bảo hiểm y tế. Nói cách khác, việc cố gắng "niềm vui cho tất cả mọi người" sẽ dẫn đến kết quả là không thể "niềm vui cho tất cả mọi người".

Chỉ vài tuần trước khi Obama bắt đầu "tiếp thị" trên TV, Joe Wilson, nghị sĩ Đảng Cộng hòa, đã hét lên "Ông nói dối" trước mặt khán giả truyền hình cả nước khi Obama đang phát biểu trước Thượng viện và Hạ viện về cải cách y tế. Đây là một hành động cực kỳ bất lịch sự, nhưng Wilson chưa chắc đã không phải là đứa trẻ đã "vạch trần" sự thật trong "Bộ quần áo mới của hoàng đế".

"Bữa trưa miễn phí" đến từ đâu? "Niềm vui cho tất cả mọi người", nói sao cho dễ.

Nếu gu thẩm mỹ của tôi không có vấn đề gì lớn, thì miễn là lựa chọn dựa theo tiêu chí đẹp trai hay không đẹp trai, có thể dự đoán kết quả của cuộc bầu cử ở một mức độ lớn.

4. CHỌN HOA HẬU HAY CHỌN TỔNG THỐNG

Tôi đã dành một chút thời gian để thu thập ảnh của các ứng cử viên tổng thống trong các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ từ năm 1960 đến nay, đăng ở đây. Ở đây không bao gồm các ứng cử viên không thuộc hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, bởi vì họ gần như chưa bao giờ thực sự có cơ hội chiến thắng trong cuộc bầu cử. Chọn năm 1960 làm mốc là vì đó là lần đầu tiên TV tham gia vào cuộc bầu cử Mỹ trên quy mô lớn. Kết quả của tất cả các cuộc bầu cử này đều là ứng cử viên bên trái chiến thắng. Nếu gu thẩm mỹ của tôi không có vấn đề gì lớn, thì miễn là lựa chọn dựa theo tiêu chí đẹp trai hay không đẹp trai, có thể dự đoán kết quả của cuộc bầu cử ở một mức độ lớn.

(Hình ảnh)

Công nghệ truyền thông hiện đại có lẽ đang ảnh hưởng đến tiến trình chính trị của Mỹ theo một cách tinh tế. Mạng internet phát triển như vậy, có lẽ một ngày nào đó, số lượt xem blog cao, hoặc có nhiều bạn bè trên Facebook cũng có thể trở thành "quả cầu pha lê" để dự đoán thắng thua của cuộc bầu cử.

Chiến thắng của Obama trước McCain vào năm 2008 cũng không phá vỡ quy luật ứng cử viên đẹp trai chiến thắng trong cuộc bầu cử.

CHƯƠNG 10: KINH VẠN HOA HOA KỶ

Hiệu quả và công bằng gần như là một cặp giá trị luôn "cân sức" nhau kể từ khi xã hội loài người tồn tại. Có người coi trọng hiệu quả hơn, có người coi trọng công bằng hơn. Mặc dù hai điều này chưa chắc đã luôn đối lập nhau, nhưng trong nhiều trường hợp, hiệu quả và công bằng quả thực rất khó dung hòa.

Bài viết "Buổi biểu diễn của 'Đảng Trà'" phản ánh sự xung đột của hai giá trị quan khác nhau này ở Mỹ. Tổng thống Obama, người có quan điểm thiên tả, ủng hộ chính phủ lớn hơn và phân phối bình đẳng hơn, nhưng nhiều người dân Mỹ ở tầng lớp thấp lại không đồng ý với điều này.

Điều trị sớm, chẩn đoán sớm thường được coi là một cách có thể tiết kiệm chi phí y tế đáng kể, cách làm này có thể phù hợp với cá nhân, nhưng chưa chắc đã phù hợp với toàn bộ dân số. Bài viết "Điều trị sớm, chẩn đoán sớm có phải là cách tiết kiệm chi phí y tế?" là bài viết lấy việc chẩn đoán và điều trị ung thư vú làm ví dụ để thảo luận về vấn đề này, đồng thời cũng thảo luận về một vấn đề có thể gây tranh cãi hơn - liệu mạng sống có vô giá hay không.

Edward Kennedy đã qua đời vào mùa hè năm 2009, ông là em út trong bốn anh em nhà Kennedy, cũng là người duy nhất "sống lâu trăm tuổi". Bài viết "Kỷ nguyên Kennedy khép lại" thực chất là viết về gia đình huyền thoại nhưng cũng đầy bi kịch của Edward Kennedy và anh trai ông - Tổng thống John F. Kennedy, và thời đại mà họ đại diện.

Béo phì đã trở thành "căn bệnh mãn tính" của xã hội Mỹ, và những người càng nghèo dường như càng béo phì, bài viết "Tỷ lệ béo phì và thu nhập bình quân đầu người" đã chứng minh hiện tượng này và đưa ra lời giải thích cho hiện tượng này. Và nguồn cảm hứng đằng sau lời giải thích đến từ những con cá vàng mà tôi nuôi.

Tất cả các khoản chi tiêu của chính phủ cuối cùng đều phải được chi trả bằng thuế. Hoặc là thu từ người nộp thuế hiện tại, hoặc là thu từ người nộp thuế trong tương lai thông qua thâm hụt; hoặc là thu thông qua thuế trực tiếp, hoặc là thu thông qua nhiều loại phí; hoặc là thu thông qua Bộ Tài chính, hoặc là để ngân hàng trung ương thu thông qua việc tạo ra lạm phát.

1. BUỔI BIỂU DIỄN CỦA "ĐẢNG TRÀ"

Ngày 15 tháng 4 là ngày cuối cùng để nộp thuế hàng năm ở Mỹ. Ngày 15 tháng 4 năm 2009, theo ước tính, có hơn 500.000 người Mỹ đã xuống đường để phản đối chính sách tài khóa và chính sách thuế của chính quyền Obama, đây là cuộc biểu tình quy mô lớn nhất ở Mỹ trong những năm gần đây. Những người này tự xưng là "Đảng Trà", nhiều người thực sự đã cầm theo túi trà khi xuống đường. Nguồn gốc của "Đảng Trà" phải bắt nguồn từ "Sự kiện Tiệc Trà Boston" nổi tiếng vào năm 1773, sự kiện được coi là khởi đầu của Cách mạng Mỹ, nhưng nguồn gốc của vấn đề vẫn là người dân thuộc địa Bắc Mỹ lúc đó phản đối chính sách thuế bất công của chính phủ Anh đối với các thuộc địa.

Việc phản đối chính sách thuế của chính phủ dưới danh nghĩa "Đảng Trà" vào ngày cuối cùng để nộp thuế, ý nghĩa tượng trưng là không cần phải nói. Do những người tham gia chính vào hoạt động biểu tình này là những người bảo thủ cánh hữu, đối tượng phản đối lại là một vị tổng thống cánh tả rất được lòng dân, điều này đã khiến các phương tiện truyền thông chính thống Mỹ đưa tin theo những cách hoàn toàn khác nhau. CNN và các phương tiện truyền thông khác có quan điểm chính trị thiên tả hơn, đã "làm mờ" cuộc biểu tình quy mô lớn này, và cố gắng miêu tả những người tham gia phản đối là một số người dân phi chủ lưu có quan điểm cực đoan. Trong khi đài truyền hình FOX thuộc sở hữu của Rupert Murdoch, có quan điểm thiên hữu hơn, lại gần như phát sóng trực tiếp các cuộc phản đối trên khắp cả nước 24/24, đồng thời mời các ngôi sao đến cổ vũ, miêu tả toàn bộ hoạt động phản đối là một phong trào quần chúng đại diện cho ý dân Mỹ.

Cho dù cuộc biểu tình này là hành động chính trị của một nhóm người cánh hữu có quan điểm cực đoan, hay là phong trào quần chúng phản ánh ý dân, vấn đề đằng sau nó là rất sâu sắc - quy mô của chính phủ nên lớn đến mức nào, thuế nên nặng đến mức nào? Nếu người Anh năm đó không thu thuế quá nặng ở Mỹ, thì "Sự kiện Tiệc Trà Boston" có lẽ đã không xảy ra, Chiến tranh giành độc lập của Mỹ có thể đã bị trì hoãn.

Tương đối mà nói, Mỹ là quốc gia có gánh nặng thuế tổng thể tương đối nhẹ trong số các nước công nghiệp phương Tây, nhưng ngay cả như vậy, tỷ lệ thuế của Mỹ cũng không thể coi là thấp. Lấy tờ khai thuế do chính Obama công bố làm ví dụ, thu nhập của gia đình Obama vào năm 2008 là khoảng 2,65 triệu USD, nhưng chỉ riêng thuế thu nhập cá nhân liên bang đã phải nộp 850.000 USD, chiếm 1/3 thu nhập của họ, con số này chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân bang, thuế bất động sản, thuế tiêu thụ, thuế an sinh xã hội và thuế thu nhập vốn, etc., những loại thuế mà cá nhân và gia đình phải đối mặt trực tiếp.

Theo nghiên cứu của hai giáo sư thuộc Đại học Boston, nếu xem xét tất cả các loại thuế mà các gia đình Mỹ phải đối mặt, thì tỷ lệ thuế suất biên thực tế mà một người Mỹ phải đối mặt là 40%. Nói cách khác, người Mỹ, theo nghĩa trung bình, cứ kiếm được 1 USD, thì phải nộp 40 xu cho chính phủ. Và dưới kế hoạch chi tiêu chính phủ khổng lồ của Obama, khi ông ấy hứa hẹn chính phủ sẽ cung cấp nhiều dịch vụ hơn, ông ấy đã không nói rõ ràng với người dân về một thực tế mà tất cả các chính phủ đều không thể né tránh: tất cả các khoản chi tiêu của chính phủ cuối cùng đều phải được chi trả bằng thuế. Hoặc là thu từ người nộp thuế hiện tại, hoặc là thu từ người nộp thuế trong tương lai thông qua thâm hụt; hoặc là thu thông qua thuế trực tiếp, hoặc là thu thông qua nhiều loại phí; hoặc là thu thông qua Bộ Tài chính, hoặc là để ngân hàng trung ương thu thông qua việc tạo ra lạm phát.

Dù sao, tất cả các dịch vụ do chính phủ cung cấp, thực chất đều là do người nộp thuế sử dụng tiền của mình, thông qua chính phủ, sau đó chi tiêu cho chính mình. Đối với một số dịch vụ, chẳng hạn như quốc phòng, y tế công cộng, an ninh công cộng và giáo dục cơ sở, etc., việc nộp thuế để chính phủ cung cấp quả thực là hợp lý, rốt cuộc cá nhân và thị trường rất khó cung cấp hiệu quả những dịch vụ này. Còn thái cực khác của vấn đề là, nếu nhiều dịch vụ mà cá nhân và thị trường có thể cung cấp với chất lượng cao lại do chính phủ cung cấp, và do đó phải thu thuế nặng tương ứng để bù đắp chi phí cho những dịch vụ này, thì thị trường sẽ không thể phát triển, chất lượng dịch vụ sẽ rất khó đảm bảo, nền kinh tế cũng sẽ rất thiếu sức sống, quan trọng hơn là quyền tự do lựa chọn của cá nhân cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Điều khiến mọi việc trở nên phức tạp hơn là, do dịch vụ do chính phủ cung cấp thường hướng đến toàn bộ công dân, không giống như dịch vụ do thị trường và cá nhân cung cấp, phần lớn thời gian là phải có tiền mới được hưởng, do đó dịch vụ của chính phủ thường còn có ý nghĩa phân phối lại. Một thái cực có thể là tất cả tiền đều nộp cho chính phủ, sau đó

chính phủ cung cấp tất cả các dịch vụ; thái cực khác có thể là chính phủ rất nhỏ, sau đó tất cả mọi người đều dựa vào chính mình. Không khó để nhận thấy, quy mô của chính phủ còn liên quan đến công bằng và hiệu quả, tự do và tập trung. Điều này dẫn đến việc ranh giới của chính phủ trong nhiều trường hợp đã trở thành một vấn đề lựa chọn xã hội. Nhìn chung, sở thích khác nhau của các xã hội khác nhau sẽ khiến cho quy mô của chính phủ và tỷ lệ thuế trung bình ở các quốc gia khác nhau thể hiện những bức tranh hoàn toàn khác nhau.

Đối với Obama, bài toán khó mà ông ấy phải đối mặt hiện nay là, người dân Mỹ bất đồng quan điểm về vai trò của chính phủ và vấn đề tỷ lệ thuế. Mặc dù có rất nhiều người ủng hộ mô hình chính phủ thuế cao, chi tiêu cao của Obama, nhưng cũng có rất nhiều người phản đối. Trong trường hợp chưa đạt được sự đồng thuận rộng rãi, chính quyền Obama dường như đang lợi dụng việc Đảng Dân chủ đồng thời kiểm soát Nhà Trắng và Quốc hội để đơn phương thúc đẩy mô hình chính phủ mà những người thuộc Đảng Dân chủ ưa chuộng. Còn những người thuộc Đảng Cộng hòa, phe thiểu số ủng hộ chính phủ nhỏ, tỷ lệ thuế thấp, ngoài việc lợi dụng các thủ tục để "đấu tranh" trong Quốc hội, thì chỉ có thể bày tỏ sự bất mãn thông qua các cuộc biểu tình.

Sự trở lại của "Đảng Trà" là một phép thử nghiêm ngặt đối với chính quyền Obama. Vào đầu nhiệm kỳ của mình, Clinton đã phải đối mặt với thất bại trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 1994 do thúc đẩy mạnh mẽ lý tưởng cầm quyền của Đảng Dân chủ. Lần này, không biết Obama có lặp lại "vết xe đổ" của Clinton năm xưa hay không.

Việc chi 200.000 USD để cứu một mạng người và chỉ nhắm vào một loại bệnh, đối với toàn xã hội, phải nói là một gánh nặng rất lớn. Phải biết rằng, đại đa số người dân, chi tiêu y tế cả đời cũng không đến 200.000 USD.

2. ĐIỀU TRỊ SỚM, CHẨN ĐOÁN SỚM CÓ PHẢI LÀ CÁCH TIẾT KIỆM CHI PHÍ Y TẾ?

Vào mùa thu năm 2009, trong chuyến công du châu Á của Obama, cuộc tranh luận về cải cách y tế trong nước Mỹ đang diễn ra sôi nổi. Nhưng có vài ngày, tin tức nổi bật nhất không phải là về Obama hoặc cải cách y tế, mà là một báo cáo về ung thư vú. Báo cáo này do một nhóm do chính phủ Mỹ bổ nhiệm soạn thảo, khuyến nghị rằng phụ nữ trong độ tuổi 40-50, ngoài những người có nguy cơ cao, không cần phải chụp X-quang tuyến vú hàng năm như khuyến nghị trước đây, bởi vì những tác hại do cách làm này mang lại, bao gồm bức xạ, chẩn đoán nhầm, ảnh hưởng tâm lý, etc., lớn hơn lợi ích của việc phát hiện sớm ung thư vú. Lý do khiến báo cáo này đưa ra kết luận này là, đối với phụ nữ trong độ tuổi 40-50, cứ chụp X-quang khoảng 2.000 người, mới có thể cứu được một mạng người.

Sự chấn động mà báo cáo này gây ra ở Mỹ, có lẽ đã vượt quá sức tưởng tượng của nhiều người. Trong đó có cuộc tranh luận thuần túy về y học, tức là liệu báo cáo này có phản ánh chính xác bằng chứng y học thuyết phục nhất hay không; có cuộc tranh luận về đạo đức, chẳng hạn như liệu có nên khuyến nghị không chụp X-quang vì cứ chụp 2.000 người mới có thể cứu được một mạng người hay không; có cuộc tranh luận liên quan đến cuộc tranh luận về cải cách y tế đang diễn ra, chẳng hạn như liệu đây có phải là dấu hiệu cho thấy chính phủ sẽ "hạn chế" dịch vụ y tế để kiểm soát chi phí hay không. Nhiều nhóm lợi ích liên quan, như Hiệp hội Ung thư Mỹ, các công ty bảo hiểm, cũng như nhiều nhóm lợi ích khác nhau, đã tham gia vào cuộc tranh luận, khiến cho sự thật của vấn đề càng trở nên mơ hồ. Kết quả cuối cùng

của việc này chính là sự hoang mang của công chúng. Trong nhiều thập kỷ, phụ nữ Mỹ luôn được khuyên rằng nên đi khám tuyến vú hàng năm khi đến tuổi 40, nhưng bây giờ đột nhiên có người "nhảy" ra nói rằng, việc làm này thực chất là "lợi bất cập hại".

Từ việc này, tôi còn nhìn thấy một điều nhỏ khác, đó là quan điểm cho rằng phòng ngừa sớm, chẩn đoán sớm có thể tiết kiệm chi phí y tế, có lẽ chưa chắc đã hoàn toàn đúng.

Tại sao lại nói như vậy?

Chi phí chụp X-quang tuyến vú một lần là khoảng 100 USD. Nếu thực sự là cứ chụp 2.000 người mới có thể cứu được một mạng người, thì phải chi 200.000 USD mới có thể cứu được một mạng người. Đối với người may mắn được phát hiện sớm ung thư vú, 100 USD đã cứu sống mạng sống của họ, quả thực là một việc rất đáng làm. Nhưng đối với toàn xã hội, điều này có nghĩa là phải chi 200.000 USD mới có thể cứu được một mạng người, hơn nữa chỉ nhắm vào một loại bệnh là ung thư vú. Nếu 100 USD này hoàn toàn do cá nhân chi trả, thì đó hoàn toàn là quyền tự do của cá nhân. Nhưng nếu 100 USD này cuối cùng phải do chính phủ chi trả, chẳng hạn như ở những quốc gia có bảo hiểm y tế toàn dân như Anh và Canada, thì việc chi 200.000 USD để cứu một mạng người và chỉ nhắm vào một loại bệnh, đối với toàn xã hội, phải nói là một gánh nặng rất lớn. Phải biết rằng, đại đa số người dân, chi tiêu y tế cả đời cũng không đến 200.000 USD.

Chắc chắn sẽ có người phản đối, mạng sống là vô giá, làm sao có thể dùng chi tiêu bao nhiêu tiền để chứng minh liệu có nên cứu mạng người hay không? Làm sao có thể có giọng điệu "mới có thể cứu được một mạng người" như vậy? Anh còn có lòng trắc ẩn, có sự quan tâm hay không?

Đúng là mạng sống là vô giá, nhưng nguồn lực là hữu hạn, đây là thực tế phũ phàng mà toàn thể nhân loại phải đối mặt. Giáo sư Mankiw thuộc Đại học Harvard đã lấy một ví dụ rất cực đoan, nhưng rất minh họa cho vấn đề, trong một bài báo của ông trên "New York Times". Ông ấy nói rằng, giả sử con người phát minh ra một loại thuốc trường sinh bất lão, một người nếu uống một viên mỗi ngày, sẽ có thể sống mãi mãi. Nhưng vấn đề là, loại thuốc này có chi phí sản xuất rất cao, mỗi viên thuốc có giá 10.000 USD. Câu hỏi của Mankiw là, ai nên uống loại thuốc này? Liệu chính phủ có nên chi trả cho những người không đủ khả năng chi trả hay không? Ví dụ này tất nhiên là một tình huống sẽ không bao giờ xuất hiện, nhưng nó đã thể hiện một cách rõ ràng nhất việc nguồn lực là hữu hạn. Ngay cả khi thuốc trường sinh bất lão tồn tại, ngay cả khi mạng sống là vô giá, ngay cả khi chính phủ sẵn sàng chi trả, thì cũng không có bất kỳ chính phủ nào trên thế giới này có thể chi trả được số tiền này, cũng không có bất kỳ ai, bất kỳ chính phủ nào có khả năng để tất cả mọi người đều trường sinh bất lão. Mạng sống vô giá trước nguồn lực hữu hạn vẫn phải nhượng bộ.

Việc chi 200.000 USD để cứu một mạng người cũng theo logic tương tự. Giả sử mỗi người, trước khi chết, tiêm một mũi là có thể sống thêm một năm, hơn nữa chỉ cần chi 200.000 USD, xin hỏi, liệu có nên tiêm mũi này cho tất cả mọi người hay không, ngay cả khi chính phủ cũng nên chi tiền để tiêm cho những người không đủ khả năng chi trả? Xin lỗi, không có quốc gia nào trên thế giới này có thể chi trả được số tiền này. Ngay cả khi chi tiêu toàn bộ của cải của một quốc gia cho việc cứu mạng người, "ăn không uống không", cũng không có mấy quốc gia có thể trụ được vài năm. Không phải là không muốn cứu người, chỉ là việc chi 200.000 USD để cứu một mạng người thực sự là quá tốn kém.

Chụp X-quang tuyến vú có vẻ như không tốn kém, nhưng xét về tỷ lệ đầu vào-đầu ra thực sự, quả thực rất tốn kém đối với những phụ nữ tương đối trẻ. Nói rằng chẩn đoán sớm, điều trị sớm có thể tiết kiệm chi phí y tế, đối với một cá nhân tình cờ mắc bệnh và được chẩn

đoán kịp thời là đúng, nhưng đối với toàn xã hội, thường không tiết kiệm tiền, thậm chí còn khá tốn kém. Nếu cải cách y tế hy vọng giảm tổng chi tiêu y tế bằng cách tăng cường chẩn đoán dự phòng, thì kết quả của việc làm này rất có thể sẽ phản tác dụng.

Edward Kennedy đã ra đi, mang theo gia đình Kennedy từng huy hoàng nhưng cũng đầy bi kịch, và thời đại thuộc về họ.

3. KỶ NGUYÊN KENNEDY KHÉP LẠI

Edward Kennedy đã qua đời vào ngày 25 tháng 8 năm 2009, hưởng thọ 77 tuổi. Ông là em út trong bốn anh em nhà Kennedy, biệt danh là Teddy.

Tôi đã sống 5 năm ở Boston, thành phố đầy dấu ấn của Kennedy - Đại lộ Kennedy, Công viên Kennedy, Viện Kennedy, và Bảo tàng Tổng thống Kennedy. Thành phố nơi tôi đang sống, Washington, cũng vậy, khắp nơi đều là Kennedy - Trung tâm Kennedy, Nhà thi đấu Kennedy, trên đường đi làm, tôi còn đi qua Tòa nhà Jacqueline. Đúng vậy, đó là tòa nhà được đặt theo tên của Jacqueline Kennedy, phu nhân của Tổng thống John F. Kennedy. Ba trong số bốn anh em nhà Kennedy đều được chôn cất tại Nghĩa trang Quốc gia Arlington, nơi đối diện với Washington qua sông, bao gồm cả Teddy vừa mới qua đời.

Nhiều người đã hỏi tôi, tôi thích nhất nơi nào ở Boston? Vài năm trước, gia đình của một giáo sư của tôi đã ghé qua Boston. Hôm đó mưa tầm tã, giáo sư nói với tôi: "Chúng tôi chỉ có nửa ngày, em hãy chọn một nơi đáng để đến nhất ở Boston để đưa chúng tôi đi tham quan". Giáo sư và phu nhân đã từng "trải qua nhiều sóng gió", vì vậy tôi tuyệt đối không muốn lãng phí chuyến đi Boston của họ, nên cuối cùng lựa chọn là: Bảo tàng Tổng thống Kennedy.

Số lần tôi đến Bảo tàng Tổng thống Kennedy nhiều đến mức bản thân tôi cũng không thể nhớ hết. Một trong những lý do không quan trọng nhất khiến tôi thích nơi này chính là thiết kế kiến trúc của bảo tàng này. Nó được thiết kế bởi Ieoh Ming Pei. Nhìn từ phía trước, toàn bộ tòa nhà rất tầm thường, nhưng điểm tinh túy nằm ở chỗ "dìm trước nâng sau" của nó. Phần cuối cùng được trưng bày trong bảo tàng là cảnh John F. Kennedy bị ám sát, đó là một hành lang hẹp và dài, hai bên tường đều được sơn màu đen, gần như không có ánh sáng. Trên tường được gắn nhiều TV đen trắng lớn nhỏ, màn hình liên tục phát đi tin tức về vụ ám sát John F. Kennedy và những đoạn phim về lễ tang. Nói chung, đó là một phần trưng bày khiến người ta cảm thấy vô cùng ngột ngạt. Nhưng khi bạn bước ra khỏi đó, rẽ qua một góc, bạn sẽ đột nhiên thấy toàn bộ vịnh Boston hiện ra trước mắt. Đó là một sảnh lớn, trần rất cao, ít nhất là 4-5 tầng, phần lớn sảnh lớn là tường kính trong suốt. Nhìn qua đó, bên ngoài là biển cả, du thuyền yêu thích của Tổng thống John F. Kennedy đang neo đậu bên bờ biển. Bước vào sảnh lớn, khiến người ta có cảm giác được giải phóng ngay lập tức khỏi sự ngột ngạt.

Một lý do quan trọng khiến tôi thích nơi này là, nơi đây ghi lại một đoạn lịch sử rất quan trọng của Mỹ. Tôi cũng đã từng rất "ngu ngốc" và ngây thơ, nghĩ rằng nước Mỹ luôn như ngày nay. Nhưng sau khi đến Bảo tàng Tổng thống John F. Kennedy, tôi mới biết rằng nước Mỹ thời Kennedy không phải là nước Mỹ ngày nay. Toàn bộ cuộc triển lãm bị bao trùm bởi hai chủ đề lịch sử lớn - Chiến tranh Lạnh và Phong trào Dân quyền. Đó là một thời đại mà Chiến tranh Lạnh đang "nóng" như lửa, Sự kiện Vịnh Con Lợn, Khủng hoảng tên lửa Cuba, Bức tường Berlin, Chiến tranh Việt Nam và Chương trình Apollo, etc., đều là sản phẩm trực tiếp của Chiến tranh Lạnh, điều này khiến cho toàn bộ cuộc triển lãm, ngoài phần John F.

Kennedy bị ám sát, cũng có một cảm giác ngột ngạt, đè nén. Còn Phong trào Dân quyền cho bạn thấy rõ ràng nước Mỹ từng bị chia cắt, nước Mỹ từng tràn ngập phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử. Khi nhìn thấy John F. Kennedy phải cử quân đội để hộ tống người da đen đi học, và George Wallace, Thống đốc bang Alabama cực kỳ bảo thủ, đứng trước ống kính máy quay tuyên bố "Phân biệt (chủng tộc) hôm nay ... Phân biệt (chủng tộc) ngày mai ... Phân biệt (chủng tộc) mãi mãi", tôi nhận ra rằng, điều này đã xảy ra cách đây chưa đầy nửa thế kỷ; nhưng lại xảy ra gần 200 năm sau khi "Tuyên ngôn Độc lập" tuyên bố "Chúng tôi khẳng định những chân lý sau đây là hiển nhiên: mọi người sinh ra đều bình đẳng, họ được Tạo hóa ban cho một số quyền bất khả xâm phạm, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Xã hội loài người, ngay cả khi có "người khai sáng", cũng phải mất rất nhiều thời gian mới có thể thoát khỏi sự ngu muội và thiển cận. Có quá nhiều cảnh biểu tình, tụ tập và đàn áp trong toàn bộ cuộc triển lãm, khiến người ta có cảm giác bồn chồn khó tả, và cách giải thích tốt nhất cho thời đại hỗn loạn đó có lẽ chính là cái chết của Tổng thống John F. Kennedy. Tôi nói với Cốc Chủ: "Tổng thống Mỹ vào những năm 1960 vậy mà vẫn có thể bị ám sát trong nước?". Câu trả lời của Cốc Chủ rất đơn giản: "Đó là một thời đại rất hỗn loạn".

Lý do quan trọng nhất khiến tôi thích nơi này là, nơi đây thể hiện một con người bằng xương bằng thịt và một gia đình bằng xương bằng thịt, ngay cả khi gia đình đó đầy bi kịch. Trong toàn bộ cuộc triển lãm, có rất nhiều ảnh gia đình, nhiều loại thư từ, giấy ghi chú, thậm chí còn có rất nhiều quần áo của gia đình "số một". Những thứ này đã xóa bỏ mọi sự bí ẩn, trả lại cho bạn một con người thực sự, một gia đình thực sự bằng xương bằng thịt. Trong một phòng triển lãm, trên tường được gắn một bức ảnh gia đình cỡ lớn, ông bà Kennedy và 9 người con của họ, 4 con trai và 5 con gái. Bức ảnh đó được chụp vào năm 1939 tại dinh thự của Đại sứ Mỹ ở London, Anh, ông Joseph P. Kennedy Sr. là Đại sứ Mỹ tại Anh lúc bấy giờ. Đó từng là một gia đình hạnh phúc biết nhường nào. Tiếc là 3 trong số 4 người con trai cuối cùng đều chết bất đắc kỳ tử, chỉ có Edward Kennedy, người con trai út ở giữa bức ảnh, là người duy nhất "sống lâu trăm tuổi". Ngoài ra, một người chị gái của ông, Rosemary, bị bệnh tâm thần, một người chị gái khác, Kathleen, chết trong một vụ tai nạn máy bay, con trai duy nhất của Tổng thống John F. Kennedy cũng chết trong một vụ tai nạn máy bay. Bản thân Edward Kennedy cũng từng gặp tai nạn máy bay, nhưng đã sống sót một cách kỳ diệu.

Edward Kennedy đã ra đi, mang theo gia đình Kennedy từng huy hoàng nhưng cũng đầy bi kịch, và thời đại thuộc về họ.

Mối quan hệ nghịch đảo giữa tỷ lệ béo phì và GDP bình quân đầu người là khá rõ ràng.

4. TỶ LỆ BÉO PHÌ VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI

Một buổi tối nọ, khi tôi và Cốc Chủ đang ăn tối, chúng tôi nghe thấy bản tin trên TV nói rằng, vấn đề béo phì ở Mỹ đã trở nên nghiêm trọng hơn vào năm 2009. Năm 2009, bang Mississippi là "quán quân" về tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành, cứ 3 người trưởng thành ở đó thì có 1 người mắc bệnh béo phì. Nghe thấy tin tức này, điều hiển lên trong đầu tôi là, bang Mississippi cũng là bang nghèo nhất ở Mỹ xét theo GDP bình quân đầu người. Vì vậy, tôi đã tra cứu dữ liệu GDP bình quân đầu người và tỷ lệ béo phì của các bang của Mỹ, và vẽ biểu đồ dưới đây chắc chắn không phải là một phát hiện mới mẻ. (Biểu đồ: Tỷ lệ béo phì và GDP bình quân đầu người của các bang của Mỹ) Mỗi điểm trong biểu đồ tương ứng với một bang của Mỹ, trục hoành là GDP bình quân đầu người của bang này vào năm 2007, trục tung là tỷ lệ

béo phì ở người trưởng thành của bang đó. Không cần bất kỳ phân tích thống kê cao siêu nào, bạn sẽ thấy rằng, bang càng nghèo, người dân càng béo phì, mối quan hệ nghịch đảo giữa tỷ lệ béo phì và GDP bình quân đầu người là khá rõ ràng.

Béo phì là một vấn đề nghiêm trọng mà xã hội Mỹ đang phải đối mặt. Ngay cả Đệ nhất Phu nhân hiện tại, Michelle Obama, cũng đang trồng rau trong Nhà Trắng. Ngoài việc "tự cung tự cấp" cho mọi người thấy, mục tiêu quan trọng hơn của bà có lẽ là làm gương cho thói quen ăn uống lành mạnh. Mặc dù tôi tin rằng tài liệu nghiên cứu về vấn đề béo phì chắc chắn đã rất nhiều, và tôi hoàn toàn không phải là chuyên gia về lĩnh vực này, nhưng tôi vẫn có lời giải thích "phiên bản nhái" của riêng mình về mối quan hệ giữa tỷ lệ béo phì và thu nhập.

Câu chuyện của tôi bắt đầu từ những con cá vàng mà tôi nuôi. Những người đã từng nuôi cá có lẽ đều biết rằng, điều quan trọng nhất cần nhớ khi nuôi cá là không được cho ăn quá nhiều, nếu không cá sẽ bị "chết no". Ban đầu tôi nghĩ là do cá ngốc, không biết đói no, sau đó suy nghĩ kỹ lại, thì chưa chắc đã là như vậy. Bạn hãy quan sát thế giới tự nhiên, bạn sẽ thấy rằng, động vật hoang dã dành phần lớn thời gian để kiếm ăn. Thức ăn đối với động vật gần như luôn luôn không đủ, việc ăn no, thậm chí là "chết no", rất hiếm khi xảy ra đối với động vật hoang dã, không đủ ăn mới là trạng thái bình thường đối với động vật. Vì vậy, tôi tin rằng, trong gen của động vật vốn dĩ đã có bản năng ăn nhiều, đây là một bản năng sinh tồn. Cá vàng có thể bị "chết no", chỉ là do chúng được nuôi trong môi trường nhân tạo, vì vậy mới xuất hiện tình huống mà gen của chúng căn bản không ngờ tới: quá nhiều thức ăn. Con người cũng tiến hóa từ động vật, gen của con người cũng là do "đói" trong hàng triệu năm mà hình thành, do đó phải có tình yêu mãnh liệt đối với calo. Chẳng phải bạn đã nhận thấy rằng, những món ăn ngon và những món ăn giàu calo gần như luôn là từ đồng nghĩa sao? Việc con người khó cưỡng lại những món ăn giàu calo, xét về bản chất, cũng là một bản năng, là "di sản" do hàng triệu năm đói khát để lại. Nhưng gen của con người không biết rằng con người đã bước vào thời đại thức ăn dồi dào. Theo nghĩa này, béo phì là bệnh hiện đại, là bệnh của người giàu.

Nhưng tại sao lại ngược lại là người nghèo béo, người giàu gầy? Trước đây, chúng ta thường nghe nói là người giàu "ăn no béo tốt", người nghèo "gầy như que củi"? Một lời giải thích tất nhiên có thể là do người giàu có khả năng tự chủ tốt hơn. Do khả năng tự chủ tốt, nên họ mới có thể thành công trong sự nghiệp, vì vậy mới trở thành người giàu, cũng vì vậy mới có thể chống lại sự cám dỗ của thức ăn. Nhưng điều này khó tránh khỏi có chút "phân biệt chủng tộc", hơn nữa rất nhiều người giàu cũng chưa chắc đã là tự mình làm giàu. Theo tôi, yếu tố quan trọng hơn có lẽ là do mô hình sản xuất thực phẩm hiện đại và trợ cấp nông nghiệp. Bộ phim tài liệu "Food, Inc." được đề cử giải Oscar năm 2009 đã miêu tả rất rõ câu chuyện này. Công nghệ sinh học hiện đại cộng với trợ cấp lớn của chính phủ cho nông nghiệp đã khiến cho calo có thể được sản xuất hàng loạt theo phương thức công nghiệp hóa. Nguồn gốc của vấn đề là ngô. Công nghệ sinh học đã cải thiện ngô, khiến cho ngô vừa năng suất cao, vừa có hàm lượng tinh bột cao. Sau đó, tinh bột trong ngô lại được chuyển hóa thành thịt gà, thịt lợn, thịt bò, nhiều loại dầu mỡ, xi-rô và nhiều loại nguyên liệu thực phẩm mà chúng ta đã nghe nói hoặc chưa từng nghe nói, theo phương thức công nghiệp hóa. Cộng với sự tồn tại của trợ cấp nông nghiệp, đã dẫn đến việc thực phẩm giàu calo ngược lại trở nên rẻ bất thường. Ngược lại, những loại thực phẩm tự nhiên, hữu cơ, ít calo lại ít hơn và đắt hơn. Đi dạo trong siêu thị của Mỹ, bạn sẽ không khó để nhận thấy rằng, rau ở đó thường đắt hơn thịt, nước khoáng đắt hơn cola, đây là một kết quả hoàn toàn trái tự nhiên. Người nghèo ăn thực phẩm rẻ tiền, mà thực phẩm rẻ tiền lại chính là thực phẩm giàu calo, chỉ có người giàu mới có thể chi trả để ăn thực phẩm lành mạnh hơn. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi xuất hiện hiện tượng người nghèo béo, người giàu gầy.

Tiến bộ công nghệ của loài người đã nâng cao mức sống của con người một cách vượt bậc. Nhưng cần phải nhận thức rằng, trong khi sử dụng công nghệ, chúng ta cũng đang làm rất nhiều việc mà thế giới tự nhiên vốn dĩ sẽ không xảy ra. Béo phì, đặc biệt là việc người càng nghèo càng béo phì, e rằng chính là một biểu hiện nhỏ cho thấy xã hội loài người không hài hòa với thế giới tự nhiên.

CHƯƠNG 11: HÀNG TỐT KHÔNG RẺ

Kinh tế học tồn tại ở khắp mọi nơi trong cuộc sống. Rốt cuộc, vào bất kỳ thời điểm nào, chỉ cần có lựa chọn, chỉ cần tồn tại sự đánh đổi, chỉ cần có lợi hại, thì khuôn khổ phân tích của kinh tế học đều có thể được sử dụng để giúp suy nghĩ về những vấn đề này, ngay cả khi chỉ là những vấn đề nhỏ nhất. Bài viết "Tài xế thích "kiếm lời" và con đường "hiệu quả"" là một ví dụ về việc áp dụng giả thuyết thị trường hiệu quả vào việc lái xe. Bạn sẽ thấy rằng việc lái xe có lẽ có điểm tương đồng với việc chọn cổ phiếu - lái xe, cho dù bạn có chuyển làn đường như thế nào, tính trung bình, cũng có thể sẽ không nhanh hơn bao nhiêu so với những người không chuyển làn; đầu tư chứng khoán, cho dù bạn có "tích cực" như thế nào, đại đa số người dân cũng sẽ không vượt trội hơn so với thị trường theo nghĩa trung bình.

Thực tế đã chứng minh rằng, sự xuất hiện của thẻ tín dụng không chỉ mang lại sự tiện lợi đơn thuần, mà còn ảnh hưởng rất rõ rệt đến hành vi tiêu dùng của nhiều người. Bài viết "Tám thẻ nhựa kỳ diệu" là bài viết ghi lại một số ví dụ về việc thẻ tín dụng thay đổi hành vi của con người, đồng thời đưa ra một số lời giải thích từ kinh tế học truyền thống đến kinh tế học hành vi.

Bài viết "Tại sao công ty thẻ tín dụng lại yêu bạn đến vậy?" là bài viết cố gắng tìm hiểu lý do tại sao công ty thẻ tín dụng lại sẵn sàng "theo đuổi" những khách hàng không vay tiền, thậm chí còn sẵn sàng hoàn tiền, hoàn điểm cho những khách hàng này, cũng như cung cấp nhiều loại dịch vụ. Kết luận cơ bản là, công ty thẻ tín dụng thực ra không "làm ăn thua lỗ".

Bài viết "Sau khi phần mềm lậu bị cấm" thảo luận về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ. Đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ là, chi phí tạo ra có thể rất lớn, nhưng chi phí sao chép lại cực kỳ thấp, từ phim đến phần mềm đều như vậy. Đặc điểm này khiến nhiều người lầm tưởng rằng, việc "ăn cắp" quyền sở hữu trí tuệ không nghiêm trọng như việc ăn cắp đồ vật vật chất. Đây là một nhận thức hoàn toàn sai lầm. Nhưng điều tôi muốn chỉ ra không chỉ dừng lại ở đó, tôi còn muốn chứng minh thêm rằng, nếu tất cả mọi người đều bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thì giá phim và phần mềm bản quyền rất có thể sẽ giảm, chứ không phải tăng.

Nếu bạn tin rằng sẽ không có 100 USD nào nằm "vô có" bên lề vỉa hè, thì có lẽ bạn cũng sẽ tin rằng không tồn tại hai con đường song song nhưng một con đường tắc nghẽn còn con đường kia thì thông thoáng.

1. TÀI XẾ THÍCH "KIẾM LỜI" VÀ CON ĐƯỜNG "HIỆU QUẢ"

Năm 2008, khi lái xe ngang qua Philadelphia, tôi và Cốc Chủ đã ghé thăm một người em trai và một người em gái đang học tiến sĩ tại Đại học Pennsylvania. Họ đã chiêu đãi chúng tôi bằng những quả anh đào tươi mới hái trên cây, cũng như chuyến tham quan Đại học Pennsylvania kéo dài hơn hai tiếng, chúng tôi rất vui. Buổi tối, người em trai và người em gái nói sẽ cùng nhau đến khu phố Tàu ở Philadelphia để ăn tối, bảo chúng tôi đi theo xe của họ. Tôi lo lắng rằng trong thành phố toàn là đèn đỏ, dễ bị lạc. Vì vậy, tôi đề nghị hẹn gặp nhau tại một địa điểm, tôi và Cốc Chủ sẽ lái xe đến đó dựa vào GPS. Lúc này, có một chi tiết, người em gái nói: "Anh cứ đi theo chúng em đi, nếu không anh có thể sẽ không biết đường nào tắc, đường nào không tắc". Lúc này, người em trai liền nói xen vào: "Nếu tắc thì chắc chắn đều

tắc, đây là trạng thái cân bằng, nếu có đường không tắc, mọi người đều sẽ đi theo đường đó, kết quả là sẽ tắc".

Kết quả là, chúng tôi vừa sử dụng GPS, vừa đi theo xe, "bảo hiểm kép", cuối cùng cũng không bị lạc. Nhưng chi tiết đó đối với cá nhân tôi, thực sự là rất thú vị. Tôi muốn nói rằng, tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của người em trai. Tôi không biết đây là điểm chung của nam giới, hay là điểm chung của những người học kinh tế, hay là cả hai.

Khi tôi lái xe cùng Cốc Chủ, nơi thường xảy ra bất đồng nhất là khi bị tắc đường trên đường cao tốc. Cốc Chủ sẽ cố gắng sử dụng GPS để tìm một con đường song song với đường cao tốc, sau đó đề nghị đi theo con đường song song đó. Tôi luôn không đồng ý với ý kiến này, lý do chính là điều mà người em trai đã nói ở trên: tôi không tin rằng đường cao tốc này tắc nghẽn như bãi đậu xe, còn đường quốc lộ song song với nó lại có thể thông thoáng. Bạn nói đây là trạng thái cân bằng cũng được, nói đây là thị trường hiệu quả cũng được, nói đây là không có cơ hội kiếm lời cũng được, đều được. Nếu bạn tin rằng sẽ không có 100 USD nào nằm "vô có" bên lề vĩa hè, thì có lẽ bạn cũng sẽ tin rằng không tồn tại hai con đường song song nhưng một con đường tắc nghẽn còn con đường kia thì thông thoáng. Những tài xế thích đi theo con đường "nhanh hơn" đó từ lâu đã làm cho mức độ thông thoáng của hai con đường về cơ bản cân bằng, sẽ không để lại cho bạn quá nhiều cơ hội để tìm đường tắt.

Tôi nghi ngờ rằng tôi và người em trai đều có chút "chủ nghĩa thị trường nguyên thủy" về vấn đề này. Từ nhiều lần thử nghiệm của tôi và Cốc Chủ, con đường song song đôi khi quả thực đi nhanh hơn một chút, tất nhiên, cũng có lúc đi chậm hơn. Thị trường theo nghĩa trung bình là hiệu quả, nhưng không phải lúc nào cũng vậy. Việc khẳng định rằng thị trường là hiệu quả, gần như sai lầm ở mọi thời điểm cụ thể, nhưng tính trung bình lại gần như đúng.

Điều này khiến tôi nhớ đến tình trạng khi đi xe ở trong nước. Tình trạng đường sá ở trong nước phức tạp hơn nhiều so với Mỹ. Không chỉ vì hiện nay xe cộ ở trong nước nhiều, ví dụ như ở Mỹ - nơi mọi người đều sở hữu ô tô, lưu lượng xe cộ trong giờ cao điểm ở nhiều thành phố lớn hơn so với trong nước, mà là vì nhiều tài xế ở trong nước thích chuyển làn đường rất thường xuyên, hy vọng có thể đi theo làn đường tương đối vắng hơn một chút, hoặc tương đối nhanh hơn một chút. Theo quan sát của tôi, kết quả của việc làm này là tốc độ của mọi người đều chậm lại, việc chuyển làn đường thường xuyên không hề khiến họ lái xe nhanh hơn.

Ý tưởng này của tôi đã từng được một bác tài Bắc Kinh xác nhận. Bác tài nói với tôi rằng, bác tài và những người bạn của bác tài đã thử nghiệm. Việc liên tục chuyển làn đường trên đường vành đai 4 để đi theo làn đường có ít xe nhất, tốc độ nhanh nhất, so với việc luôn đi theo một làn đường, thì thời gian chênh lệch không nhiều. Mặc dù có thể chỉ là lời nói của một người, nhưng tôi tin bác tài nói thật. Những tài xế Bắc Kinh thích "kiếm lời" đã biến đường vành đai 4 thành một con đường khá "hiệu quả", "hiệu quả" đến mức bạn không còn có thể lái xe nhanh hơn bằng cách chuyển làn đường nữa.

Họ quả thực phải chi thêm một khoản phí bổ sung, nhưng đồng thời, số lượng người đi taxi tăng lên, tiền boia cũng hào phóng hơn, cuối cùng, so sánh lợi hại, thu nhập của họ còn tăng lên rõ rệt.

2. TẤM THẺ NHỰA KỲ DIỆU

Tôi và Cóc Chủ có khá nhiều thẻ tín dụng. Cho đến một ngày, chúng tôi nhận được dữ liệu tín dụng của mình, phát hiện ra nó dài tới vài chục trang, liệt kê ra rất nhiều thẻ tín dụng, chúng tôi mới nhận ra mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Làm thẻ tín dụng ở Mỹ là cực kỳ dễ dàng, đặc biệt là trước khi cuộc khủng hoảng dưới chuẩn xảy ra. Miễn là bạn không có dữ liệu tín dụng xấu, ngay cả khi bạn "không một xu dính túi" bước vào một cửa hàng bách hóa lớn, sau đó mua những thứ có giá hơn 1.000 USD, bạn cũng không cần phải lo lắng. Bạn có thể làm một chiếc thẻ tín dụng của cửa hàng bách hóa này tại quầy thanh toán trong vòng chưa đầy 5 phút, sau đó lập tức sử dụng chiếc thẻ tín dụng vừa mới đăng ký này để thanh toán hóa đơn trong ngày. Thông thường, bạn còn được giảm giá nhất định, coi như là khuyến khích bạn làm thẻ. Còn về việc sau này bạn trả tiền cho công ty thẻ tín dụng như thế nào, thì đó là chuyện khác.

Tôi và Cóc Chủ có lẽ đã tích lũy được nhiều thẻ tín dụng như vậy một cách "vô tình". Để đảm bảo không quên thanh toán hóa đơn, cuối cùng chúng tôi quyết định chỉ sử dụng một hai chiếc thẻ, "cắt" những chiếc thẻ khác đi, như vậy sẽ tiện lợi hơn cho việc quản lý tài chính gia đình.

Mỗi tháng, khi hóa đơn thẻ tín dụng được gửi đến, tôi sẽ lướt qua chi tiêu của tháng trước một cách nhanh chóng. Từ đó, tôi phát hiện ra một quy luật, mỗi khi Cóc Chủ đến New York, hóa đơn sẽ dài hơn, trong đó có rất nhiều là chi phí đi taxi, mỗi lần là mười mấy USD, thậm chí chỉ có vài USD.

Lần đầu tiên nhìn thấy những khoản chi tiêu này, tôi đã trầm nghĩ: tại sao taxi ở New York lại sẵn sàng chấp nhận thẻ tín dụng? Điều này tương đương với việc chi thêm một khoản phí: họ cần phải mua thêm thiết bị quét thẻ, mỗi giao dịch còn phải trả cho công ty phát hành thẻ một khoản hoa hồng không lớn nhưng cũng không nhỏ. Đối với ngành taxi, nơi phần lớn giao dịch đều có giá trị không lớn, khoản phí như vậy không phải là nhỏ đến mức có thể bỏ qua. Trên thực tế, đây cũng là suy nghĩ ban đầu của các tài xế taxi ở New York. Vì vậy, họ đã phản đối rất mạnh mẽ, nhưng không thành công, yêu cầu taxi chấp nhận thẻ tín dụng. Cuối cùng, họ đã bắt đầu chấp nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng một cách miễn cưỡng. Nhưng diễn biến của sự việc, lại không phải như tôi hoặc tài xế taxi tưởng tượng. Đúng là họ quả thực phải chi thêm một khoản phí bổ sung, nhưng đồng thời, số lượng người đi taxi tăng lên, tiền bo cũng hào phóng hơn, cuối cùng, so sánh lợi hại, thu nhập của họ còn tăng lên rõ rệt. Điều này không chỉ xảy ra trong ngành taxi. Năm 2009, "Quân đội Cứu tế" - một tổ chức từ thiện của Mỹ - cũng đã bắt đầu chấp nhận quyên góp bằng thẻ tín dụng ở một số nơi. Kết quả của việc làm này là, những người quyên góp qua thẻ tín dụng, tính trung bình, quyên góp số tiền lớn hơn so với những người quyên góp trực tiếp bằng tiền giấy.

Một tấm thẻ nhựa đã âm thầm ảnh hưởng đến hành vi của nhiều người. Lý do đằng sau điều này, có lẽ cũng rất nhiều. Lời giải thích đơn giản nhất là thẻ tín dụng đã giảm chi phí giao dịch. Bạn không còn cần phải lo lắng rằng tiền trong túi không đủ, hoặc là không có tiền lẻ, bạn không cần phải chạy đến ngân hàng nhiều lần để rút tiền mặt, bởi vì bạn luôn có thể quét thẻ để thanh toán. Như vậy, những giao dịch trước đây bị cản trở bởi chi phí giao dịch của việc sử dụng tiền giấy, trong thời đại thẻ tín dụng, đều có thể được thực hiện suôn sẻ. Giống như quảng cáo trên TV của VISA, một người bước ra khỏi quán bar, phát hiện ra tiền trên người không đủ, trước đây, người này chỉ có thể đi tàu điện ngầm hoặc đi bộ về nhà, còn bây giờ vẫn có thể đi taxi, sau đó quét thẻ để thanh toán. Đối với tài xế taxi, việc quản lý thu

nhập của họ cũng trở nên dễ dàng hơn, mỗi khoản thu nhập từ việc quét thẻ đều có dữ liệu điện tử rõ ràng, không thừa một xu, cũng không thiếu một xu.

Nhưng lời giải thích thú vị hơn có lẽ là lời giải thích mang tính kinh tế học hành vi. Con người nhìn chung là một sinh vật có khả năng tự chủ tương đối kém, dễ bốc đồng, đặc biệt là trong việc chi tiêu tiền bạc. Tôi đoán mỗi người đều có kinh nghiệm chi tiêu bốc đồng, sau đó hối hận. Nhưng trong thời đại tiền giấy, ít nhất có hai điều có thể ngăn chặn sự bốc đồng xảy ra. Thứ nhất là quá trình bạn lấy tiền ra, bạn phải trả tiền mặt mới có thể lấy hàng. Quá trình khiến ví của bạn "xẹp lép" này đủ để khiến nhiều người tỉnh táo lại, không đến mức rơi vào tình trạng "trong túi tôi có 33 tệ, đêm nay không thể đi xe về được". Thứ hai, và quan trọng hơn, là trong thời đại tiền giấy, bạn chỉ có thể chi tiêu số tiền bạn có trong tay. Vì vậy, ngay cả khi bạn bốc đồng, cũng chỉ là chi tiêu hết tiền trong ví mà thôi. Có lẽ hôm đó bạn vừa được lĩnh lương, bạn bốc đồng mua rượu hết một tháng lương, nhưng khoản lỗ tương đối mà nói vẫn là có hạn. Nhưng trong thời đại thẻ tín dụng, những "phòng tuyến" như vậy đều không còn tồn tại nữa. Bạn có thể "tiền hưởng hậu khổ" một cách vô hạn, ghi nợ vào tương lai. Quần áo vốn dĩ sẽ không mua, đã mua; nhà hàng vốn dĩ sẽ không đến, đã đến; xe taxi vốn dĩ không cần đi, đã đi; "kẻ ngốc" vốn dĩ không cần làm, đã làm. Guo Donglin đã nói trong tiểu phẩm: "Bốc đồng là ma quỷ". Có thể tín dụng rồi, con quỷ này thường ẩn nấp sau thẻ tín dụng, khiến bạn không thể nhìn thấy, nhưng lại âm thầm ảnh hưởng đến hành vi của bạn. Điều này có lẽ cũng giải thích lý do tại sao những cửa hàng bách hóa lớn lại có thể hào phóng đưa thẻ tín dụng cho bạn như vậy. Bởi vì họ biết rằng, ngay cả khi bạn hiện tại "không một xu dính túi", ngay cả khi bạn có thể "không đủ tiền ăn" vào tháng sau, nhưng khi đã có thẻ tín dụng, bạn có thể sẽ không thể kiềm chế được sự bốc đồng mua sắm trả sau. Trên thực tế, theo báo cáo của Nielsen, vào cuối năm 2008, mỗi gia đình sở hữu thẻ tín dụng ở Mỹ trung bình nợ công ty thẻ tín dụng tới 10.679 USD. Lãi suất trung bình của thẻ tín dụng, theo thống kê của Cục Dự trữ Liên bang, là khoảng 12%-13%. Việc nhiều gia đình như vậy vay nhiều tiền như vậy với lãi suất cao như vậy, về cơ bản thuộc loại vay nặng lãi. Hành vi này có lẽ chỉ có thể giải thích bằng sự bốc đồng.

Tôi nhớ mình đã từng đọc một cuốn sách tiếng Anh về quản lý tài chính phổ biến, tên sách hình như là "Làm thế nào để trở thành triệu phú". Một lời khuyên được đưa ra trong đó là: cắt nhỏ tất cả các thẻ tín dụng. Nghĩ đến những điều đã đề cập ở trên, lời khuyên này vẫn rất có lý.

Trong nền kinh tế thị trường, phải không có tình yêu "vô có". Công ty thẻ tín dụng "theo đuổi" bạn, chắc chắn là có thể kiếm tiền từ bạn mới làm như vậy.

3. TẠI SAO CÔNG TY THẺ TÍN DỤNG LẠI YÊU BẠN ĐẾN VẬY

Khi còn học ở Boston, tôi và Cốc Chủ thường đến một nhà hàng Trung Quốc tên là "Yên Kinh" để ăn cơm. Nhiều người Trung Quốc đến Boston, đặc biệt là những người đến Đại học Harvard, đều sẽ đến nhà hàng không mấy nổi bật này để ăn cơm, vì vậy thường xuyên gặp gỡ một số người nổi tiếng trong nhà hàng này. Ngoài giáo sư Yau Shing-Tung - bậc thầy toán học gần như coi nơi đây là "nhà ăn" - tôi còn gặp nhà văn Lung Ying-tai, nhiều học giả, quan chức và một số doanh nhân rất nổi tiếng ở đây.

Một buổi tối nọ, tôi và Cốc Chủ như thường lệ đến nhà hàng Trung Quốc gần nhà nhất để ăn cơm. Trong bữa ăn, tôi đã kể cho Cốc Chủ nghe về một số chuyện cũ khi mới đến Mỹ.

Sau đó, tôi đã nói về việc mình từ bị từ chối khi đăng ký thẻ tín dụng lần đầu tiên, cho đến sau này gần như mỗi ngày đều nhận được quảng cáo của công ty thẻ tín dụng.

Điều khiến tôi băn khoăn lúc đó là, tại sao hầu hết du học sinh Trung Quốc lại trở thành những khách hàng được công ty thẻ tín dụng tích cực "theo đuổi"? Tôi và Cốc Chủ phân tích: tín dụng của tôi rất tốt, luôn thanh toán đúng hạn, không có bất kỳ dữ liệu xấu nào. Nhưng vấn đề là, tôi không thể mang lại lợi nhuận gì cho công ty thẻ tín dụng. Người Trung Quốc không thích vay tiền, nhiều người đều thanh toán hết hóa đơn thẻ tín dụng hàng tháng, không có vấn đề trả lãi, tôi cũng vậy. Chiếc thẻ tôi sử dụng còn không phải nộp phí hàng năm, hơn nữa do hiện nay nhiều thẻ tín dụng đều hoàn tiền, hoàn điểm, nên tôi còn có thể nhận lại vài trăm USD từ công ty thẻ tín dụng mỗi năm. Tôi biết rằng công ty thẻ tín dụng có thể thu một chút hoa hồng từ các giao dịch hàng ngày của tôi, nhưng khoản hoa hồng này căn bản không phải là nguồn lợi nhuận chính của công ty thẻ tín dụng. Theo thống kê, thu nhập chính của công ty thẻ tín dụng vẫn là lãi suất và nhiều loại phí, phạt, chẳng hạn như phạt quét thẻ quá hạn mức, hoặc phạt chậm thanh toán. Và thẻ tín dụng còn có thể cung cấp nhiều dịch vụ như vậy, ví dụ như một lần, một chiếc thẻ của tôi bị sử dụng trái phép vài nghìn USD, tôi chỉ cần gọi một cuộc điện thoại, công ty thẻ tín dụng đã xóa bỏ, còn xin lỗi tôi vì đã gây ra sự bất tiện; còn có việc mua vé máy bay, nhiều thẻ tín dụng tự động mua bảo hiểm cho tôi, etc., tôi rất nghi ngờ rằng, công ty thẻ tín dụng rất có thể không kiếm được tiền từ tôi.

Vì vậy, tôi đã bày tỏ sự băn khoăn này với Cốc Chủ. Cốc Chủ là một trong những chuyên gia đầu tiên tham gia vào lĩnh vực chứng khoán hóa tài sản ở Trung Quốc, vì vậy cô ấy đã đưa ra một câu trả lời chịu ảnh hưởng bởi kinh nghiệm cá nhân của cô ấy, nhưng tôi cảm thấy rất tuyệt vời: khi "đóng gói" và bán nợ thẻ tín dụng của mình, chẳng hạn như chứng khoán hóa, công ty thẻ tín dụng cần những khách hàng như tôi để giảm rủi ro tổng thể, như vậy mới có thể bán được với giá phù hợp. Có lẽ họ kiếm tiền từ những khách hàng có rủi ro cao, nhưng họ cũng cần những khách hàng an toàn như tôi để cân bằng rủi ro. Hoặc xét về góc độ danh mục đầu tư tài sản, công ty thẻ tín dụng, khi tối ưu hóa danh mục đầu tư tài sản của mình, phải xem xét danh mục rủi ro tối ưu, danh mục này cần một số tài sản rất an toàn. Loại tài sản này, thông thường có thể không mang lại nhiều lợi nhuận, nhưng cũng sẽ không gây ra tổn thất trong trường hợp nền kinh tế tương đối kém, và những người như tôi thuộc loại tài sản an toàn này.

Không lâu sau khi tôi và Cốc Chủ kết thúc cuộc trò chuyện này, cuộc khủng hoảng dưới chuẩn ở Mỹ đã bùng phát toàn diện. Suy thoái kinh tế, cộng với tỷ lệ thất nghiệp tăng lên, đã khiến nhiều công ty thẻ tín dụng phải đối mặt với việc tỷ lệ vỡ nợ của khách hàng tăng vọt, phải gánh chịu tổn thất nặng nề. Vào lúc đó, tôi càng cảm thấy phân tích của Cốc Chủ rất có lý. Không chỉ tôi, phần lớn người Trung Quốc, do không nợ quá nhiều, nên vẫn đang sử dụng thẻ tín dụng bình thường, hơn nữa vẫn thanh toán hết nợ thẻ tín dụng hàng tháng. Những khách hàng có lợi nhuận thấp nhưng đồng thời cũng có rủi ro thấp như chúng tôi, trong thời kỳ khủng hoảng, có lẽ đã trở thành "cọng rơm cứu mạng" của công ty thẻ tín dụng.

Sau khi hiểu ra những điều này, tôi đột nhiên cảm thấy "yên tâm" hơn rất nhiều. Việc tôi nhận lại vài trăm USD từ công ty thẻ tín dụng mỗi năm, được hưởng nhiều dịch vụ như vậy là điều đương nhiên. Bởi vì tôi, xét về góc độ kiểm soát rủi ro, cũng rất có giá trị đối với công ty thẻ tín dụng.

Nhưng sự quan tâm của tôi đối với thẻ tín dụng không dừng lại ở đó, sau đó tôi đã đọc thêm một số tài liệu, mới phát hiện ra rằng, ngay cả đối với những khách hàng như tôi, công ty thẻ tín dụng vẫn kiếm được "lãi ròng" từ tôi. "Lấy mỡ nó rán nó".

Thứ nhất là hoa hồng tiêu chuẩn, tức là phí mà công ty thẻ tín dụng thu mỗi lần quẹt thẻ. Tỷ lệ hoa hồng này cao đến mức khiến tôi ngạc nhiên, hoa hồng trung bình của VISA và Mastercard lên tới 1,7%, con số này chưa bao gồm phí của ngân hàng phát hành thẻ và một khoản phí quẹt thẻ cố định. Mặc dù về lý thuyết, khoản hoa hồng này đều do doanh nghiệp chi trả, nhưng trên thực tế, doanh nghiệp sẽ tăng giá bán hàng hóa vì điều này, vì vậy cuối cùng một phần khoản hoa hồng này có thể vẫn do người tiêu dùng gánh chịu một cách gián tiếp.

Nhưng đây vẫn chưa phải là toàn bộ câu chuyện. Đối với những chiếc thẻ hoàn điểm hoặc hoàn tiền như tôi sử dụng, hoa hồng sẽ còn cao hơn. Trên thực tế, công ty thẻ tín dụng có thể thu hoa hồng khác nhau cho mỗi chiếc thẻ, tùy thuộc vào việc chiếc thẻ của bạn có những dịch vụ bổ sung nào. Vì vậy, bất kỳ ưu đãi nào mà công ty thẻ tín dụng dành cho bạn, cuối cùng đều sẽ được bao gồm trong hoa hồng chênh lệch, bản thân công ty thẻ tín dụng không cần phải "móc hầu bao" ra.

Sau khi biết được tất cả những điều này, khi suy nghĩ lại, cũng không có gì phải lạ. Trong nền kinh tế thị trường, phải không có tình yêu "vô cớ". Công ty thẻ tín dụng "theo đuôi" bạn, chắc chắn là có thể kiếm tiền từ bạn mới làm như vậy. Mặc dù bề ngoài không phải nộp phí hàng năm, nhưng cuối cùng chúng ta vẫn đang trả phí để sử dụng nhiều loại tiện ích và dịch vụ do công ty thẻ tín dụng cung cấp. Kinh tế học thường nói rằng, không có bữa trưa miễn phí, câu nói này cũng đúng trong trường hợp của thẻ tín dụng.

Giá cao của sản phẩm bản quyền không phải là nguyên nhân gây ra lậu, mà là kết quả của việc lậu.

4. SAU KHI PHẦN MỀM LẬU BỊ CẤM

Tôi là người thích viết lách. Những thứ tôi viết, cho dù chất lượng tốt hay xấu, quan điểm đúng hay sai, vẫn tốn không ít thời gian và công sức, hơn nữa đằng sau còn chứa đựng kiến thức tôi tích lũy được trong nhiều thập kỷ. Hầu hết những thứ tôi viết công khai đều xuất hiện dưới dạng blog, do đó là miễn phí, do đó việc sao chép blog của tôi càng là không tốn công sức, chỉ cần nhấp chuột hoặc gõ bàn phím vài cái là được.

Tôi cũng là một nhà kinh tế học chuyên nghiệp. Do đó, phương thức kiếm sống của tôi cuối cùng chủ yếu là dựa vào việc viết lách. Những thứ tôi viết trong công việc, tốn nhiều thời gian và công sức hơn, đôi khi có thể còn liên quan đến những vấn đề khá quan trọng, hơn nữa sản phẩm cuối cùng xét về giá cả không hề rẻ, bởi vì tôi đang được trả lương cao để viết. Nhưng việc sao chép những thứ đó của tôi cũng không tốn công sức, không khác gì việc sao chép blog của tôi.

Từ "góc nhỏ" này, không khó để nhận thấy rằng, rất nhiều sản phẩm có quyền sở hữu trí tuệ đều có đặc điểm rất giống nhau: chi phí cố định ban đầu lớn, nhưng chi phí sao chép lại cực kỳ thấp. Theo nghĩa này, giá bán của sản phẩm có quyền sở hữu trí tuệ và chi phí sản xuất sau này rất có thể sẽ "lệch pha" rất nghiêm trọng. Chi phí sản xuất một chiếc DVD có thể chỉ là 1-2 tệ, nhưng bạn không thể yêu cầu DVD "Avatar" bản quyền được bán với giá này, bạn còn phải xem xét chi phí sản xuất hàng trăm triệu USD, chi phí quảng cáo hàng tỷ USD mà họ đã đầu tư trước đó, cũng như rủi ro họ gánh chịu trong quá trình này. Logic tương tự cũng được áp dụng cho nhiều loại phần mềm và chip, chi phí sản xuất sau này của những thứ này rất thấp, nhưng chi phí phát triển lại rất cao. Không thể cho rằng những thứ có quyền sở hữu trí tuệ này có "lợi nhuận phi pháp" chỉ vì giá bán của chúng cao hơn nhiều so với giá thành

sản xuất sau này. Tóm lại, sản phẩm có quyền sở hữu trí tuệ, ngay cả khi chi phí sản xuất sau này cực kỳ thấp, thì giá chưa chắc đã phải thấp.

Nói đến đây, tôi phải thừa nhận rằng, trước đây tôi luôn là người sử dụng lậu. Tôi sử dụng phần mềm lậu, xem đĩa lậu, thậm chí còn mua sách lậu được in với chất lượng kém ở các quầy hàng rong. Tâm lý của tôi và đại đa số những người mua lậu có lẽ đều giống nhau, làm như vậy có thể tiết kiệm tiền. Tất nhiên, tôi cũng mua sản phẩm bản quyền trong ba trường hợp: 1. Không có bản lậu mà lại phải sử dụng; 2. Sản phẩm bản quyền không đắt hơn bao nhiêu so với bản lậu; 3. Chất lượng của sản phẩm bản quyền và bản lậu khác biệt quá lớn.

Tôi không muốn biện minh quá nhiều cho hành vi sử dụng lậu của mình, nhưng trong trường hợp bản lậu "có ở khắp mọi nơi", việc yêu cầu người tiêu dùng tự giác không sử dụng lậu là hoàn toàn phi thực tế. Xét về bản chất, việc loại bỏ lậu cần chính phủ nỗ lực trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Rốt cuộc, quyền sở hữu trí tuệ không phải là sân nhà của bạn, chỉ cần xây tường rào là có thể tự bảo vệ. Như đã nói ở trên, những thứ có quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất rất khó khăn, sao chép lại cực kỳ dễ dàng, việc để chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ tự bảo vệ quyền lợi của mình là rất khó khăn.

Nhưng liệu đất nước chúng ta có thực sự cần phải nỗ lực để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hay không? Điều này rốt cuộc là có lợi hay có hại đối với người tiêu dùng? Thoạt nhìn, câu trả lời dường như là không. Trung Quốc vẫn chưa phải là quốc gia sản xuất quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu, tổn thất do lậu gây ra chủ yếu không do người Trung Quốc gánh chịu, người "kêu đau" hàng ngày rõ ràng là người Mỹ. Xét về bề ngoài, Trung Quốc là bên hưởng lợi trong "trò chơi" lậu này, người Mỹ bỏ tiền ra "dựng sân khấu", người Trung Quốc xem "kịch" miễn phí, "một công đôi việc", tại sao lại không làm?

Tôi không muốn lặp lại những "điệp khúc cũ" ở đây, chẳng hạn như việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tuy có tổn thất trong ngắn hạn, nhưng có lợi về lâu dài, bởi vì như vậy có thể bồi dưỡng năng lực đổi mới trong nước, có lợi cho sự phát triển lâu dài của đất nước chúng ta. Là một người tiêu dùng, tôi không nhìn thấy rõ những thứ quá xa xôi. Điều tôi quan tâm nhất là liệu tôi có phải chi vài nghìn tệ để mua phần mềm Office bản quyền vào ngày mai hay không nếu không còn bản lậu? Sau khi suy nghĩ kỹ, câu trả lời tôi nhận được lại là: không. Ngược lại, phần mềm bản quyền rất có thể sẽ giảm giá mạnh.

Tại sao lại rút ra kết luận như vậy? Hãy để tôi bắt đầu từ cà phê Starbucks và kem Häagen-Dazs. Việc Häagen-Dazs đắt đỏ ở Trung Quốc là điều ai cũng biết, Starbucks ở trong nước cũng không rẻ. Và một trong những điều khiến tôi ngạc nhiên nhất khi mới đến Mỹ là, Häagen-Dazs ở đây được bày bán trong siêu thị gần như theo cân, Starbucks ở đây là nơi mọi người "ngái ngủ" xông vào, cầm một cốc cà phê rồi đi vào buổi sáng. Mặc dù hầu hết mọi thứ ở Mỹ đều đắt hơn Trung Quốc, nhưng hai thứ này lại rẻ hơn nhiều so với Trung Quốc. Không phải vì người Trung Quốc "ngốc" hoặc người Mỹ "xấu xa", đây chính là chiến lược định giá của họ.

Nếu Häagen-Dazs có giá bằng kem Mengniu, thì việc vận chuyển kem qua Thái Bình Dương đến Trung Quốc chắc chắn sẽ "thua lỗ" nặng nề. Vì vậy, Häagen-Dazs đã chọn cách từ bỏ những người tiêu dùng cấp thấp, hướng thẳng đến những nhóm người tiêu dùng cao cấp không nhạy cảm với giá cả nhất, chẳng hạn như những cặp tình nhân trẻ. Vì vậy, mô hình "bán rẻ, bán nhiều" của Häagen-Dazs ở Mỹ đã trở thành mô hình "chặt chém" ở Trung Quốc, đều kiếm được tiền. Starbucks cũng vậy, bởi vì ngay cả khi giảm giá một cốc cappuccino từ 25 tệ xuống còn 2,5 tệ, phần lớn người Trung Quốc đã quen uống trà xanh vẫn sẽ không chuyển sang uống cà phê. Những người sẵn sàng bước vào Starbucks phần lớn là những

người cần uống cà phê, thích uống cà phê hoặc thích cảm giác khi uống cà phê, gặp phải những người này, tại sao lại không "chặt chém" họ với giá cao?

Quay trở lại vấn đề phần mềm, nếu Microsoft bán Office với giá 200 tệ/bộ trong trường hợp phần mềm lậu phổ biến như vậy, thì đó là "ngu ngốc". Bởi vì những người sử dụng bản quyền trong một quốc gia có thể mua phần mềm Office lậu với giá 10 tệ, chắc chắn không nhạy cảm với giá phần mềm, chẳng hạn như các cơ quan chính phủ hoặc công ty nước ngoài. Đối với những người sử dụng như vậy, tất nhiên phải "hét giá trên trời". Những người dùng này không khác gì khách hàng mà Häagen-Dazs và Starbucks muốn "nắm bắt". Nhưng nếu đợi đến khi phần mềm lậu bị loại bỏ hoàn toàn, Microsoft sẽ phải đối mặt với lựa chọn sau: giảm giá để bán nhiều hơn hay tiếp tục chỉ bán cho những khách hàng cao cấp đó. Ở một quốc gia đã có hàng trăm triệu người sử dụng máy tính, tôi tin rằng Microsoft sẽ không muốn 90% máy tính đều cài đặt WPS bản quyền.

Nếu nhìn nhận vấn đề này như vậy, với tư cách là người tiêu dùng, chúng ta cũng có lý do để ủng hộ việc chính phủ trấn áp lậu. Giá cao của sản phẩm bản quyền không phải là nguyên nhân gây ra lậu, mà là kết quả của việc lậu. Tất nhiên, sản phẩm bản quyền sẽ luôn được bán với giá cao hơn bản lậu, nhưng tôi tin rằng, so với chất lượng và dịch vụ của sản phẩm bản quyền, phần chênh lệch đó là điều mà nhiều người sẵn sàng chi trả. Chứ không phải như ngày nay, do phần mềm lậu tràn lan, khiến cho sản phẩm bản quyền chỉ có thể "thu mình" trong "góc nhỏ" cao cấp, khiến cho những người có ý định mua bản quyền chỉ có thể "chùn bước" trước giá cả.

CHƯƠNG 12: THU NHẬP, NHU CẦU VÀ HẠNH PHÚC

Nhiều việc không phải là điều mà một người con một như tôi từng quan tâm. Tôi là con một trong gia đình, tôi lớn lên trong một xã hội mà nam giới chiếm ưu thế, rất khó để vấn đề bình đẳng giới "lọt" vào đầu tôi, nó quá trừu tượng, quá xa vời đối với tôi. Nhưng khi tôi có gia đình riêng, cần phải chung sống với Cốc Chủ hàng ngày, khi tôi bắt đầu suy nghĩ về việc nếu tôi có con gái, tôi sẽ hy vọng con bé sống trong một xã hội như thế nào, thì vấn đề bình đẳng giới đã trở nên rất thực tế. Bài viết "Trả lương như nhau đối với phụ nữ là tốt hay xấu?" muốn bày tỏ rằng, nếu không giải quyết được nguyên nhân sâu xa hơn đằng sau việc trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau đối với nam và nữ, thì việc đơn thuần quy định cứng nhắc rằng nam và nữ phải được trả lương như nhau, cuối cùng ngược lại có thể gây hại cho phụ nữ, mặc dù tôi ủng hộ việc trả lương như nhau cho nam và nữ.

Bài viết "Giá trị việc nhà và chỉ số hạnh phúc" chỉ ra một "sai lệch nhận thức" mà chúng ta có thể có, đó là chúng ta đánh giá thấp những đóng góp không thể được đo lường bằng các chỉ số định lượng. Do phân công lao động xã hội khác nhau, đóng góp của phụ nữ đối với xã hội thường không được coi trọng đúng mức do khó đo lường.

Bài viết "Thu nhập dựa vào đâu để tăng trưởng bền vững?" bắt đầu từ một câu hỏi đơn giản: tại sao cùng một công việc lại có mức thu nhập hoàn toàn khác nhau ở các quốc gia khác nhau? Câu trả lời cho câu hỏi, theo tôi, rõ ràng nằm ở những thứ ngoài công việc đó. Tôi đã đưa ra một câu trả lời hơi mang tính "chủ nghĩa tinh hoa".

Bài viết "Phân phối thu nhập và tài sản của Trung Quốc sẽ đi về đâu?" thực ra không cố gắng trả lời câu hỏi này, chỉ muốn chỉ ra rằng, sự bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tài sản có thể do rất nhiều nguyên nhân gây ra. Bài viết này đã so sánh trực tiếp Trung Quốc và Mỹ, hai quốc gia có điều kiện quốc gia hoàn toàn khác nhau, nhưng khoảng cách phân phối lại có phần giống nhau. Viết những điều này là muốn cung cấp một số chất liệu để mọi người suy ngẫm.

Bài viết "Làm hết sức mình hay lấy theo nhu cầu" được viết trong bối cảnh ngày càng có nhiều lời phàn nàn về sự phân phối bất công. Những lời phàn nàn này, mặc dù trong nhiều trường hợp là hợp lý, nhưng một thực tế phũ phàng là, "làm hết sức mình" và "lấy theo nhu cầu" có lẽ rất khó thực hiện đồng thời, ít nhất là trong xã hội loài người mà vật chất vẫn chưa cực kỳ phong phú. Trong những năm gần đây, cùng với sự trỗi dậy của mạng internet, dư luận Trung Quốc cũng ngày càng chịu ảnh hưởng bởi các cuộc thảo luận trên mạng. Mặc dù Trung Quốc được cho là đã có 400 triệu cư dân mạng, nhưng đây vẫn chỉ là một phần nhỏ của toàn bộ dân số, và dân số hoạt động trên mạng còn ít hơn. Bài viết "Công bằng hay không công bằng" muốn bày tỏ ý nghĩa rất phức tạp, nhưng ý nghĩa chính vẫn là, những ý kiến trên mạng ở Trung Quốc không những chưa chắc đã thể hiện quan điểm của nhiều người không sử dụng internet hơn ở Trung Quốc, mà còn chưa chắc đã phản ánh thực tế của Trung Quốc.

"Làm hết sức mình" và "lấy theo nhu cầu", trên thực tế, trong nhiều trường hợp, là một bài toán lựa chọn: hoặc "làm hết sức mình", hoặc "lấy theo nhu cầu".

1. LÀM HẾT SỨC MÌNH HAY LẤY THEO NHU CẦU

Rất nhiều người, đặc biệt là các nhà kinh tế học, tin rằng thị trường tự do là cách tốt nhất để phân bổ nguồn lực hữu hạn. Ở một mức độ lớn, điều này là đúng. Tôi có thể chứng minh Định lý thứ nhất của kinh tế học phúc lợi ngay cả khi nhắm mắt. Định lý này nói rằng, trong trường hợp đáp ứng một số điều kiện nhất định, thị trường tự do là "hiệu quả" nhất. Hiệu quả có nghĩa là có thể sử dụng nguồn lực hữu hạn vào những nơi cần thiết nhất. Tất nhiên, những điều kiện này, chẳng hạn như thông tin đầy đủ, cạnh tranh đầy đủ và không có ngoại ứng, rất khó thực hiện được hoàn toàn trong thực tế. Thế giới này đầy rẫy sự bất cân xứng thông tin, gần như thể hiện sự cạnh tranh không đầy đủ ở mọi lúc mọi nơi, và từ việc hút thuốc nhỏ nhất đến sự nóng lên toàn cầu đều là biểu hiện của ngoại ứng. Nhưng đây không phải là điều mà bài viết này của tôi muốn quan tâm, ở đây tôi quan tâm đến sự "căng thẳng" nội tại giữa hai việc "làm hết sức mình" và "lấy theo nhu cầu", vấn đề mà ngay cả nền kinh tế thị trường "hiệu quả" nhất cũng có thể không giải quyết được.

Đơn giản hóa một nền kinh tế đến mức cực đoan, có lẽ có thể biến thành hai quá trình: sản xuất và phân phối. Sản xuất hiệu quả nhất, phải có thể khiến những người phù hợp nhất ở vị trí phù hợp nhất, cái gọi là mỗi người "làm hết sức mình". Câu trả lời của kinh tế học cho vấn đề này rất đơn giản: thị trường có thể tự phát thực hiện được điều này. Ít nhất là theo tôi, đây là một điều không có quá nhiều tranh cãi. Thị trường, so với các phương thức tổ chức sản xuất đã biết khác, cho dù là nền kinh tế kế hoạch hóa, chế độ nô lệ hay các mô hình sản xuất khác, quả thực đã được chứng minh là có thể sử dụng nguồn lực, đặc biệt là nhân tài, tốt hơn.

Điều phức tạp là giai đoạn phân phối. Cuộc sống vật chất của loài người, trong một hai trăm năm gần đây, so với hàng nghìn năm trước, đã sung túc hơn rất nhiều. Trước khi cải cách mở cửa, cuộc sống của người dân Trung Quốc, đặc biệt là nông dân, chỉ ở mức "đủ ăn đủ mặc", không khá hơn bao nhiêu so với nông dân thời nhà Tống hoặc nhà Minh. Bây giờ, sau khi cải cách mở cửa, mặc dù đã sung túc hơn, nhưng sự khan hiếm vẫn tồn tại ở khắp mọi nơi. Điều này có nghĩa là một thực tế rất phổ biến: sau khi sản xuất xong, nếu có người nhận được nhiều hơn trong quá trình phân phối, thì nhất định phải có người nhận được ít hơn trong quá trình phân phối. Có người ăn nhiều thịt hơn, thì nhất định phải có người ăn ít thịt hơn, thậm chí không ăn được thịt. Miễn là thịt vẫn chưa nhiều đến mức ăn không hết, thì sẽ như vậy. Điều này không liên quan đến việc sử dụng phương thức nào để phân phối, chỉ là một vấn đề vật lý đơn giản. Thị trường sẽ thực hiện quá trình phân phối thông qua giá cả. Có người ăn nhiều thịt hơn, giá thịt sẽ tăng lên, một số người sẽ phản ứng với giá cả, do đó giảm tiêu thụ thịt lợn. Nền kinh tế kế hoạch hóa có thể đơn giản hơn một chút: tùy thuộc vào việc bạn có thể nhận được bao nhiêu hạn ngạch - cấp tỉnh được ăn thoải mái, cấp sở được ăn no, người dân thành phố mỗi người 8 lạng mỗi tháng, nông dân phải đợi đến Tết mới được "thấy" một chút thịt. Nhiều người cảm thấy thị trường tốt là vì thị trường hiệu quả hơn trong quá trình sản xuất, do đó dẫn đến việc sản xuất thịt lợn nhiều hơn. Nhưng điều này không thể thay đổi thực tế "có người nhận được nhiều hơn, thì phải có người nhận được ít hơn" trong quá trình phân phối. Ở một mức độ lớn, cho dù sử dụng thị trường để phân phối, hay sử dụng kế hoạch để phân phối, đều chưa chắc đã là hợp lý nhất. Việc phân phối theo kế hoạch là không hợp lý thì không cần phải nói, nhưng thị trường cũng có vấn đề, chẳng hạn như thị trường không thể tránh khỏi việc xuất hiện "nhà giàu rượu thịt ôi thiu, ngoài đường xương người chết cứng"; không thể tránh khỏi việc một số ít người ở biệt thự, rất nhiều người ở nhà ổ chuột. Tóm lại, thị trường không thể tránh khỏi sự phân phối rất không đồng đều. Nếu có người cảm

thấy "lấy theo nhu cầu" mới là mô hình phân phối hợp lý, thì thị trường không thể đảm bảo "lấy theo nhu cầu".

Điều khiến mọi việc trở nên phức tạp hơn là, mô hình phân phối sẽ ngược lại ảnh hưởng đến sản xuất. Nói một cách cực đoan, "nhà giàu rệu rã ôi thiu, ngoài đường xương người chết cứng" chính là một phương thức khuyến khích mạnh mẽ, khiến mọi người đều rất nỗ lực, rất hiệu quả trong việc sản xuất, để trở thành "nhà giàu" chứ không phải "xương người chết cứng". Ở một mức độ lớn, cái gọi là sản xuất hiệu quả, về bản chất, đòi hỏi sự phân phối không đồng đều - nếu bạn không trả mức lương cao nhất cho những người tài năng nhất, bạn rất khó để tất cả mọi người "làm hết sức mình".

Do đó, "làm hết sức mình" và "lấy theo nhu cầu", trên thực tế, trong nhiều trường hợp, là một bài toán lựa chọn: hoặc "làm hết sức mình", hoặc "lấy theo nhu cầu". Mỹ có lẽ là quốc gia "làm hết sức mình" nhất trong số các nước phát triển phương Tây, đồng thời cũng là quốc gia có hệ thống bảo trợ xã hội tồi tệ nhất trong số các nước phát triển phương Tây xét theo nhiều tiêu chí: hàng chục triệu người không có bảo hiểm y tế; tỷ lệ tử vong sơ sinh tương đối cao; tuổi thọ trung bình tương đối ngắn; cơ hội giáo dục rất bất bình đẳng; bảo hiểm thất nghiệp kém hơn nhiều so với hầu hết các nước Tây Âu; bảo vệ người lao động cũng tương đối kém; sa thải một công nhân ở Mỹ dễ dàng hơn nhiều so với ở Pháp, etc. Còn Trung Quốc thời kỳ nền kinh tế kế hoạch hóa có lẽ lại ở thái cực khác. Phân phối bình đẳng và "ăn chung một nồi cơm" khiến mọi người về cơ bản đều có thể "lấy theo nhu cầu", nhu cầu ở đây là nhu cầu thiết yếu. Nhưng do không có động lực, "làm hết sức mình" đã bị làm rất kém.

"Làm hết sức mình" hoặc "lấy theo nhu cầu", thực chất là hai điểm cực đoan từ cực tả đến cực hữu trên toàn bộ phổ tư tưởng. Đây là vấn đề đánh giá giá trị, không có đúng sai. Một người kiên định với thị trường có lẽ sẽ cảm thấy rằng kết quả phân phối của thị trường là tốt nhất, nhưng thực ra họ không thể chứng minh rằng đó là "tốt nhất". Họ nhiều nhất có thể chứng minh rằng thị trường có thể đạt được "tối ưu Pareto", tức là phúc lợi của tất cả mọi người trong một nền kinh tế không thể đồng thời trở nên tốt hơn hoặc không trở nên tồi tệ hơn. Nhưng một quốc gia độc tài cũng có thể "tối ưu Pareto" - bởi vì nếu bạn không hy sinh phúc lợi của nhà độc tài đó, thì không thể khiến phúc lợi của những người khác trở nên tốt hơn, điều này hoàn toàn phù hợp với "phúc lợi của tất cả mọi người trong nền kinh tế này không thể đồng thời trở nên tốt hơn hoặc không trở nên tồi tệ hơn", bởi vì nhà độc tài cũng là một người trong nền kinh tế này. Một người kiên định với phân phối bình đẳng có thể nói "không lo thiếu mà lo không đều", đây cũng là phương thức phân phối được mô tả trong "Lý thuyết Công bằng" phiên bản "thô thiển" của Rawls: tối đa hóa phúc lợi của người có phúc lợi kém nhất. Rawls đã cố gắng chứng minh tính hợp lý của mô hình phân phối này bắt đầu từ "bức màn vô minh" - bởi vì bạn không biết mình sẽ được sinh ra trong gia đình nào trước khi đầu thai, do đó bạn hy vọng xã hội này tương đối bình đẳng, như vậy, mặc dù bạn sẽ không được sinh ra trong một gia đình rất giàu có, bạn cũng sẽ không được sinh ra trong một gia đình rất nghèo. Nhưng Rawls cũng chỉ đang chứng minh, chứ không thể chứng minh được.

Đi theo thái cực là dễ dàng, như vậy sẽ không phải đối mặt với sự cân bằng và lựa chọn tinh tế giữa "làm hết sức mình" và "lấy theo nhu cầu". Cả những người theo chủ nghĩa thị trường tự do triệt để và những người theo chủ nghĩa bình đẳng triệt để đều là cực đoan. Những người trước không quan tâm đến "lấy theo nhu cầu", nếu mua không nổi, bạn có thể "tự do lựa chọn" không mua, không có việc làm, bạn có thể "tự do lựa chọn" không làm việc. Còn những người theo chủ nghĩa bình đẳng lại không muốn thừa nhận rằng, dưới chủ nghĩa bình đẳng, không thể thực hiện được "làm hết sức mình".

Nhưng xã hội loài người không nên đi theo thái cực, chúng ta đã từng đi theo thái cực, kết quả là không đẹp. Mức độ "làm hết sức mình" và mức độ "lấy theo nhu cầu" sẽ là lựa chọn mà mọi quốc gia và xã hội đều phải đối mặt một cách nghiêm túc. Đối với Trung Quốc ngày nay, điều này càng đúng.

Cho dù khoảng cách phân phối thu nhập lớn đến đâu, so với khoảng cách phân phối tài sản, cũng chỉ là "muỗi so với voi".

2. PHÂN PHỐI THU NHẬP VÀ TÀI SẢN CỦA TRUNG QUỐC SẼ ĐI VỀ ĐÂU

Vấn đề phân phối thu nhập và tài sản của Trung Quốc là vấn đề khiến tôi rất lo lắng. Lý do tôi lo lắng không chỉ là do bản thân khoảng cách thu nhập và khoảng cách tài sản, mặc dù xét về góc độ công bằng xã hội, đây là một vấn đề lớn. Tôi lo lắng hơn là do mức độ chấp nhận, mức độ đồng thuận và nhận thức về nguyên nhân đằng sau điều này. Cùng một khoảng cách phân phối, ở một số quốc gia, người nghèo và người giàu có thể "sống hòa thuận", nhưng ở một quốc gia khác, lại có thể gây ra bất ổn xã hội. Bởi vì điều này phần lớn không phụ thuộc vào mức độ bất bình đẳng phân phối khách quan, mà phụ thuộc vào mức độ bất bình đẳng phân phối mà người dân có thể chấp nhận về mặt tâm lý và nguyên nhân dẫn đến bất bình đẳng phân phối.

Trung Quốc từ xưa đã có câu "không lo thiếu mà lo không đều", việc công nhận phân phối bình đẳng có lẽ có thể coi là một điều ăn sâu vào truyền thống Trung Quốc. Chỉ là, sự bất bình đẳng của xã hội nông nghiệp và sự bất bình đẳng của xã hội công nghiệp hiện đại có ý nghĩa rất khác nhau. Năng suất của xã hội nông nghiệp cực kỳ thấp, ngay cả khi năng suất có tăng lên một chút khiến cho sản lượng nông nghiệp tăng lên, cuối cùng cũng sẽ chuyển hóa thành sự gia tăng dân số, và dẫn đến việc không có thay đổi theo nghĩa bình quân đầu người, đây chính là cái gọi là bẫy Malthus. Kết quả của "cái bẫy" này là, trong hàng nghìn năm, cho dù là Trung Quốc hay Tây Âu, đại đa số người dân đều sống ở mức "đủ ăn đủ mặc". Trong tình huống đó, phân phối bất bình đẳng trực tiếp có nghĩa là một số người sẽ không có đủ thức ăn, quần áo ấm để mặc, đây là vấn đề sinh tồn. Việc theo đuổi phân phối bình đẳng, nói đúng hơn là một quy luật sinh tồn, chứ không phải là vì một xã hội lý tưởng hơn. Còn sau khi bước vào xã hội công nghiệp, loài người cuối cùng đã thoát khỏi bẫy Malthus, bước vào thời đại tăng trưởng kinh tế hiện đại. Năng suất tăng lên theo cấp số nhân, trong khi tỷ lệ sinh giảm đáng kể, xã hội loài người cuối cùng đã thực sự đạt được lượng dư thừa lớn. Phân phối bất bình đẳng trong hầu hết các trường hợp không còn liên quan đến vấn đề sinh tồn nữa. Ngược lại, việc theo đuổi của cải và địa vị xã hội, ở một mức độ nhất định, đã trở thành động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội. Chính Trung Quốc là một ví dụ điển hình. Nền kinh tế của Trung Quốc trong thời kỳ thực hiện chủ nghĩa bình đẳng kém năng động hơn nhiều so với nền kinh tế thị trường sau này, nhiệt huyết của người lao động "ăn chung một nồi cơm" cũng kém hơn nhiều so với người lao động "làm theo năng lực, hưởng theo lao động" sau này. Theo một nghĩa nào đó, phân phối bất bình đẳng gần như là một sản phẩm tất yếu của nền kinh tế thị trường hiện đại, bởi vì bản thân thị trường là một nơi "người có năng lực nhận được nhiều hơn, người phù hợp tồn tại".

Tôi cảm thấy nhiều người có "sai lệch nhận thức" về tình hình và nguyên nhân của vấn đề phân phối thu nhập ở Trung Quốc, một số người có thể quy kết một cách quá đơn giản sự bất bình đẳng phân phối cho các yếu tố như quan liêu, tham nhũng và thể chế. Đúng là những điều này đều tồn tại, nhưng có lẽ không phải là yếu tố duy nhất, thậm chí không phải là yếu tố

chủ yếu đằng sau vấn đề phân phối. Tôi không nghiên cứu về phân phối thu nhập hoặc phân phối tài sản, vì vậy nhận thức của cá nhân tôi rất có thể cũng có "sai lệch", nhưng tôi cảm thấy rằng một số sự thật đơn giản vẫn khá đáng chú ý. Xin lưu ý đặc biệt rằng, "sự thật" mà tôi sắp nói đến dưới đây chưa chắc đã là sự thật thực sự, bởi vì dữ liệu phân phối thu nhập và phân phối tài sản rất khó thu thập, đặc biệt là ở một quốc gia như Trung Quốc. Do đó, tất cả những "sự thật" này đều có thể gây tranh cãi. Có thể một số người cảm thấy "sự thật" ở đây hoàn toàn khác với cảm nhận chủ quan của cá nhân họ, điều này là rất tự nhiên. Nhưng tôi muốn nói rằng, cảm nhận chủ quan không đáng tin cậy hơn dữ liệu, đặc biệt là những dữ liệu đã được các nhà nghiên cứu nghiêm túc sắp xếp cẩn thận.

Trước khi trình bày sự thật, tôi còn phải nói thêm rằng, phân phối thu nhập và phân phối tài sản là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Phân phối thu nhập là đối với khái niệm dòng chảy là thu nhập. Thu nhập thường dùng để chỉ một người có thể kiếm được bao nhiêu tiền trong một khoảng thời gian nhất định, bao gồm tiền lương, cổ tức và nhiều loại dòng tiền khác. Phân phối tài sản là đối với khái niệm dự trữ là tài sản. Tài sản thường dùng để chỉ một người có bao nhiêu tài sản tại một thời điểm nào đó, bao gồm tiền mặt, cổ phiếu, bất động sản và nhiều loại tài sản khác. Thông thường, những người có thu nhập cao có thể cũng có nhiều tài sản, nhưng đây không phải là điều tất yếu, một chủ ngân hàng đầu tư "tiêu tiền như nước" có thể có thu nhập rất cao nhưng lại không có nhiều tài sản; tương tự, một "công tử bột" nhàn rỗi, "ăn không ngồi rồi", có thể có rất nhiều tài sản nhưng lại không có thu nhập.

Sau đó, tôi còn chọn một quốc gia tham chiếu: Mỹ. Mỹ rất khác so với Trung Quốc: chẳng hạn như hệ thống quan liêu tương đối trong sạch, việc "mua quan bán chức" bị hạn chế tương đối nhiều; có công đoàn thực sự, nhiều loại bảo vệ người lao động, bảo vệ môi trường và mức lương tối thiểu khiến cho "tích lũy nguyên thủy tràn trề" không quá nghiêm trọng; không có quá nhiều doanh nghiệp nhà nước; có luật chống độc quyền tương đối nghiêm ngặt, etc. Những điều đã nói ở trên, bị nhiều người coi là nguyên nhân chính khiến khoảng cách phân phối thu nhập của Trung Quốc ngày càng gia tăng. So sánh với Mỹ, có thể giúp mọi người hiểu được một khái niệm chung, ngay cả khi không có những điều này, cũng không có nghĩa là khoảng cách phân phối thu nhập và tài sản nhất định sẽ lớn.

(Hình ảnh)

Hai biểu đồ dưới đây trích từ một bài báo của giáo sư Xavier Sala-i-Martin thuộc Đại học Columbia trên "Quarterly Journal of Economics" - tạp chí kinh tế học tiếng Anh hàng đầu. Giáo sư Sala-i-Martin này, ngoài là giáo sư kinh tế học, danh tính được nhiều người biết đến hơn có lẽ là Chủ tịch Ủy ban Kinh tế của Câu lạc bộ bóng đá Barcelona.

Biểu đồ đầu tiên cho thấy tình hình phân phối thu nhập của Trung Quốc và Mỹ vào năm 1980, trục hoành là mức thu nhập, trục tung là số lượng người. Thu nhập ở đây được đo lường bằng sức mua tương đương, tức là loại bỏ chênh lệch giá cả, như vậy có thể khiến cho thu nhập của các quốc gia khác nhau có thể so sánh được. Bên trái trong biểu đồ là Trung Quốc, bên phải là Mỹ. Rõ ràng, Trung Quốc năm 1980 nghèo hơn nhiều so với Mỹ thời đó, đại đa số người dân Trung Quốc còn nghèo hơn cả những người nghèo nhất ở Mỹ, điều này thể hiện ở việc phần bên trái gần như không giao nhau với phần bên phải. Khoảng cách phân phối thu nhập của Trung Quốc lúc đó cũng nhỏ hơn rất nhiều so với Mỹ, điều này thể hiện ở việc phân bố bên trái "mảnh" hơn nhiều so với phân bố bên phải. Biểu đồ thứ hai là tình hình phân phối thu nhập của hai quốc gia vào năm 2000, không khó để nhận thấy từ biểu đồ rằng, khoảng cách thu nhập giữa Trung Quốc và Mỹ đã giảm đi rất nhiều. Thu nhập của nhóm người giàu ở Trung Quốc đã gần tương đương với mức thu nhập của tầng lớp trung lưu ở Mỹ. Còn khoảng cách phân phối thu nhập của Trung Quốc cũng đã gia tăng rất nhiều, điều này thể

hiện ở việc phân bố của Trung Quốc đã "béo" lên khá nhiều. Tuy nhiên, còn có một điều là, mức độ "béo" của phân bố Trung Quốc và mức độ "béo" của phân bố Mỹ là gần tương đương, tức là khoảng cách phân phối thu nhập của Trung Quốc và Mỹ là gần tương đương. Tất nhiên, kết quả nhìn bằng mắt thường như vậy có thể rất không chính xác, nhưng chỉ số Gini, chỉ số được sử dụng để đo lường khoảng cách phân phối thu nhập của Trung Quốc và Mỹ một cách chính xác hơn, cũng ủng hộ kết luận này.

Có thể có nhiều cách giải thích khác nhau đối với hai biểu đồ này. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng, việc phân phối thu nhập rất bình đẳng của Trung Quốc vào đầu thời kỳ cải cách mở cửa rất khó nói là một mô hình phân phối bình thường. Trên thực tế, phương thức phân phối đó rất có thể là méo mó. Còn việc khoảng cách phân phối thu nhập gia tăng sau đó, ngay cả khi loại bỏ nhiều vấn đề gây tranh cãi, chẳng hạn như tham nhũng, thiếu bảo vệ quyền lợi của người lao động và độc quyền, etc., cũng không được loại bỏ hoàn toàn. Một số vấn đề hiện nay có vẻ như không thể loại bỏ hoàn toàn, thậm chí là hoàn toàn không thể loại bỏ. Không có những vấn đề đó, phân phối thu nhập của Trung Quốc có thể sẽ công bằng hơn, phản ánh năng lực và đóng góp của một người tốt hơn, nhưng chưa chắc đã bình đẳng hơn. Mỹ, quốc gia có điều kiện quốc gia hoàn toàn khác biệt so với Trung Quốc, mặc dù không thể coi là một xã hội lý tưởng, nhưng trong trường hợp không tồn tại những vấn đề của Trung Quốc, vẫn có khoảng cách phân phối thu nhập rất lớn, điều này cho thấy chính xác rằng các yếu tố thúc đẩy khoảng cách phân phối thu nhập phức tạp hơn nhiều so với những thứ bề ngoài.

Cho dù khoảng cách phân phối thu nhập lớn đến đâu, so với khoảng cách phân phối tài sản, cũng chỉ là "muỗi so với voi". Ở Trung Quốc, những vấn đề xã hội do phân phối tài sản gây ra có lẽ nhiều hơn so với phân phối thu nhập. Ví dụ, trong cuộc tranh luận gay gắt về giá nhà, sự "căng thẳng" rất lớn là do sự bất mãn với sự bất bình đẳng phân phối tài sản, tài sản ở đây là bất động sản. Một số người có thể sở hữu nhiều căn nhà, thậm chí còn có thể kiếm tiền từ nhà, một số người lại không có nổi một căn nhà. Nhưng đây cũng không hoàn toàn là "đặc sản" của Trung Quốc, khoảng cách phân phối tài sản của Mỹ có lẽ còn "đáng kinh ngạc" hơn. Một cuộc khảo sát về tài chính tiêu dùng ở Mỹ đã cung cấp dữ liệu về tài sản, biểu đồ dưới đây là biểu đồ do tôi vẽ dựa trên dữ liệu tương ứng. Kết luận cơ bản là: phân phối tài sản cực kỳ bất bình đẳng.

(Biểu đồ: Phân phối tài sản của Mỹ (2004))

Năm 2004, 1% gia đình giàu nhất ở Mỹ sở hữu 34,3% tài sản của quốc gia này, 5% gia đình giàu nhất sở hữu tổng cộng 59% tài sản, trong khi 40% gia đình nghèo nhất chỉ sở hữu 0,2% tài sản. Có một cái gọi là quy tắc 20/80, đây là một ví dụ: 20% người giàu nhất ở Mỹ sở hữu hơn 80% tài sản, trong khi 80% người còn lại chỉ sở hữu chưa đến 20% tài sản. Phải biết rằng, rất nhiều người giàu ở Mỹ đều là "tay trắng làm nên", những người giàu có nổi tiếng nhất, từ Bill Gates, Warren Buffett đến Thị trưởng thành phố New York Michael Bloomberg, ai cũng như vậy. Do đó, khoảng cách phân phối tài sản này, có lẽ không hoàn toàn là do khiếm khuyết của hệ thống phân phối, có lẽ thế giới này vốn dĩ đã không công bằng.

Vẫn chưa có dữ liệu tốt để phản ánh tình hình phân phối tài sản của Trung Quốc. Cách đây vài năm, tôi đã gặp giáo sư Li Shi, người có nhiều nghiên cứu về phân phối thu nhập của Trung Quốc, ông ấy nói với tôi rằng phân phối tài sản của Trung Quốc tương đối mà nói vẫn khá bình đẳng. Nhưng nếu dữ liệu của Mỹ tiết lộ bất kỳ "lời tiên tri" nào, thì đó là phân phối tài sản của Trung Quốc rất có thể sẽ ngày càng bất bình đẳng. Ngay cả khi không có "cướp đoạt", không có "mua quan bán chức", cũng không có "gian thương ác bá", thì sự phân phối cực kỳ không đồng đều này vẫn có khả năng xuất hiện.

Vì vậy, khi thảo luận về sự bất bình đẳng phân phối thu nhập và tài sản, chúng ta càng phải quan tâm đến việc loại bỏ sự bất bình đẳng phân phối không hợp lý, bất hợp pháp, chứ không phải là bản thân sự bất bình đẳng phân phối. Và khi sự bất bình đẳng phân phối là khó tránh khỏi, việc đưa ra các chính sách công để bảo vệ những người thu nhập thấp là đặc biệt cần thiết và cấp bách.

Tăng trưởng kinh tế chỉ coi trọng lợi ích mà bỏ qua hậu quả đạo đức là không thể bền vững.

3. TRẢ LƯƠNG NHƯ NHAU ĐỐI VỚI PHỤ NỮ LÀ TỐT HAY XẤU

Không lâu sau khi chuyển đến Washington, tôi phát hiện ra rằng không có tiệm cắt tóc do người Trung Quốc mở trong khu phố Tàu của thành phố này, vì vậy tôi đành phải đến một tiệm cắt tóc luôn có người xếp hàng cách căn hộ tôi đang ở không xa. Tiệm cắt tóc này rất kỳ lạ, khi cắt tóc, khách hàng đều quay lưng lại với gương, sau khi cắt xong, thợ cắt tóc mới xoay ghế 180 độ để bạn xem "thành quả". Ưu điểm của việc quay lưng lại với gương là, tôi có thể nhìn thấy tất cả mọi người trong tiệm khi đang cắt tóc. Khoảng vài phút sau, tôi đã phát hiện ra một điểm kỳ lạ khác của tiệm cắt tóc này: tất cả các thợ cắt tóc ở đây đều là nữ. Sau đó tôi được biết, họ đều là người Việt Nam, không biết có phải là do tỷ lệ nam giới Việt Nam thấp hơn do chiến tranh, nên mới dẫn đến việc phụ nữ Việt Nam bắt đầu làm một số công việc thường do nam giới làm hay không.

Điều này khiến tôi nhớ đến một chủ đề rất "nóng" trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2008 - trả lương như nhau cho nam và nữ. Obama, khi đó vẫn là ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân chủ, luôn phát một quảng cáo trên TV, nói rằng đối với cùng một công việc, tiền lương của phụ nữ Mỹ là 70% tiền lương của nam giới, ông ủng hộ việc lập pháp, yêu cầu trả lương như nhau cho nam và nữ, trong khi đối thủ của ông, ứng cử viên của Đảng Cộng hòa John McCain, lại phản đối việc trả lương như nhau cho nam và nữ.

Xuất phát từ bản năng của một người học kinh tế, trước tiên tôi hơi không chắc chắn về tính xác thực của con số này. Vì vậy, tôi đã hỏi một người am hiểu về lĩnh vực liên quan. Tôi được biết rằng, ở xã hội Mỹ, việc trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau tồn tại phổ biến, giới tính chỉ là một ví dụ rõ ràng hơn. Các yếu tố khác, chẳng hạn như chủng tộc, etc., cũng tồn tại tình trạng trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau.

Sau đó, tôi đã nghĩ đến câu hỏi thứ hai: giả sử việc trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau đối với nam và nữ là do xã hội tồn tại sự phân biệt đối xử với phụ nữ, giả sử sự phân biệt đối xử này không thể được loại bỏ trong ngắn hạn, nếu Mỹ thực sự lập pháp theo đề xuất của Obama, quy định rằng nam và nữ phải được trả lương như nhau, thì điều này rốt cuộc là tốt hay xấu đối với phụ nữ?

Trên thực tế, tôi không biết câu trả lời, cũng không muốn giả vờ biết câu trả lời. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng, mọi việc đều có hai mặt, khẩu hiệu trả lương như nhau cho nam và nữ không phải là hoàn toàn không có tác dụng tiêu cực như vẻ bề ngoài. Việc trả lương như nhau cho nam và nữ tất nhiên sẽ làm cho sự khác biệt về tiền lương giữa nam và nữ biến mất trên bề mặt, đây là điều tốt. Nhưng nếu sự phân biệt đối xử về bản chất vẫn tồn tại, thì sự phân biệt đối xử này khó tránh khỏi sẽ xuất hiện trở lại ở những nơi khác. Một tình huống là, trước đây, mặc dù chủ sử dụng lao động phân biệt đối xử với phụ nữ, nhưng do tiền lương của phụ nữ cũng thấp hơn, nên chủ sử dụng lao động vẫn sẵn sàng thuê phụ nữ. Nhưng nếu nam và nữ

phải được trả lương như nhau, điều này có thể dẫn đến việc chủ sử dụng lao động giảm bớt việc thuê phụ nữ, cuối cùng làm giảm việc làm tổng thể của phụ nữ. Một tình huống khác là, nếu phải trả lương như nhau cho nam và nữ, do sự tồn tại của phân biệt đối xử, chủ sử dụng lao động sẽ không để nam và nữ làm cùng một công việc, chẳng hạn như làm chậm tốc độ thăng tiến của phụ nữ. Như vậy, mặc dù đã trả lương như nhau, nhưng do phụ nữ thường ở vị trí thấp hơn, nên tiền lương vẫn thấp. Những tình huống đã nói ở trên không phải là không tồn tại hiện nay, chỉ là sau khi cưỡng chế trả lương như nhau cho nam và nữ, chúng có thể sẽ trở nên nổi bật hơn. Vấn đề cơ bản nhất ở đây là, việc trả lương như nhau cho nam và nữ tương đối mà nói là dễ giải quyết, cái khó là loại bỏ sự phân biệt đối xử sâu xa hơn đằng sau điều này.

Sau đó, đã có câu hỏi thứ ba, nếu việc trả lương như nhau cho nam và nữ thực sự sẽ mang lại những tác động tiêu cực đã nói ở trên, liệu có còn cần phải quy định trả lương như nhau cho nam và nữ hay không?

Bản thân tôi vẫn thiên về ủng hộ. Lý do là, tác động tiêu cực này có thể chỉ ảnh hưởng đến một số ít phụ nữ, nhưng nhiều phụ nữ hơn lại có thể trực tiếp được hưởng lợi từ đó. Trước khi chưa có cách nào tốt hơn để đối phó với nguyên nhân cơ bản của việc trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau đối với nam và nữ, thì việc quy định trả lương như nhau cho nam và nữ có lẽ là một lựa chọn "kém hơn". Tôi biết rõ rằng, quy định này có thể mang lại những tác động tiêu cực, nhưng việc trả lương như nhau cho nam và nữ không chỉ là một vấn đề kinh tế, mà còn là một vấn đề đạo đức. Chúng ta không thể chỉ xem xét từ góc độ kinh tế, mà bỏ qua những vấn đề giá trị cơ bản hơn.

Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã từng nói một câu rất có ý nghĩa trong cuộc phỏng vấn với CNN: tăng trưởng kinh tế chỉ coi trọng lợi ích mà bỏ qua hậu quả đạo đức là không thể bền vững. Việc trả lương như nhau cho nam và nữ chính là một việc có "hậu quả đạo đức".

Trên thế giới này, có những thứ có thể được đo lường hoặc dễ định lượng, có những thứ không thể được đo lường hoặc khó định lượng, sự khác biệt này đã dẫn đến việc chúng ta có "sai lệch có hệ thống" khi nhìn nhận toàn bộ thế giới - chúng ta có xu hướng coi trọng hơn những thứ có thể được đo lường.

4. GIÁ TRỊ VIỆC NHÀ VÀ CHỈ SỐ HẠNH PHÚC

Mỗi buổi sáng sau khi thức dậy, tôi thường bật TV, vừa rửa mặt, đánh răng, ăn sáng, mặc quần áo, chuẩn bị đi làm, vừa nghe nhiều loại tin tức giật gân và không giật gân, cũng như các cuộc thảo luận trong chương trình buổi sáng "Today" của NBC.

Một buổi sáng nọ, chương trình "Today" đã thảo luận về một chủ đề rất thú vị: một trang web nào đó đã thực hiện phép tính sau, một "người phụ nữ nội trợ", tức là những phụ nữ không đi làm, chuyên tâm chăm sóc con cái và làm việc nhà ở nhà, nếu mua tất cả các dịch vụ do họ cung cấp trên thị trường, chẳng hạn như thuê người dọn dẹp vệ sinh, thuê bảo mẫu chăm sóc con cái và nấu ăn, thì chi phí một năm là khoảng 120.000 USD. Nói cách khác, lao động của một "người phụ nữ nội trợ" đóng góp 120.000 USD mỗi năm cho một gia đình. Con số này tất nhiên chưa bao gồm những thứ hoàn toàn không thể đo lường bằng tiền, chẳng hạn như việc mẹ tự tay nuôi nấng con cái và việc thuê bảo mẫu nuôi nấng con cái chắc chắn không giống nhau đối với trẻ em.

Điều này nhắc nhở chúng ta về một điều rất quan trọng, đó là đóng góp của phụ nữ đối với toàn xã hội rất có thể đã bị đánh giá thấp một cách đáng kể. Điều này càng nhắc nhở chúng ta về một vấn đề rộng lớn hơn, trên thế giới này, có những thứ có thể được đo lường hoặc dễ định lượng, có những thứ không thể được đo lường hoặc khó định lượng, sự khác biệt này đã dẫn đến việc chúng ta có "sai lệch có hệ thống" khi nhìn nhận toàn bộ thế giới - chúng ta có xu hướng coi trọng hơn những thứ có thể được đo lường.

Quay trở lại vấn đề đóng góp của phụ nữ đã đề cập ở trên, cho dù trang web đó tính toán cẩn thận đến đâu, thì việc đóng góp của một "người phụ nữ nội trợ" cho gia đình và xã hội vẫn kém "thành tựu" của một người đàn ông đi làm dễ đo lường hơn nhiều, rất nhiều thứ hiện nay căn bản không thể đo lường được, một số thứ thì vĩnh viễn không thể đo lường được - làm sao bạn có thể đo lường giá trị của một ngôi nhà sạch sẽ, gọn gàng? Làm sao bạn có thể đo lường giá trị của việc trẻ em được nuôi nấng khỏe mạnh? Điều này đã dẫn đến việc nhiều người, bao gồm cả bản thân phụ nữ, đánh giá thấp đóng góp của phụ nữ một cách có hệ thống.

Rất nhiều người không thích "chủ nghĩa GDP". Mặc dù cá nhân tôi cảm thấy GDP vẫn là một chỉ số rất quan trọng, nhưng một phần lý do khiến "chủ nghĩa GDP" xuất hiện là do thứ này dễ đo lường, dễ so sánh. Nói một cách lý tưởng, nếu có một chỉ số có thể đo lường được mức độ hạnh phúc của người dân, thì chỉ số này có lẽ sẽ tốt hơn GDP. Nhưng việc đo lường "hạnh phúc" khó hơn nhiều so với việc đo lường sản xuất được bao nhiêu thứ. Ngay cả khi có thể "đo lường" hạnh phúc, thì thứ này cũng rất khó so sánh. Xin hỏi, người qua đường A nói rằng anh ta "rất hạnh phúc", người qua đường B nói rằng anh ta "khá hạnh phúc", vậy liệu người qua đường A có hạnh phúc hơn người qua đường B hay không? Câu trả lời là không biết. Nhiều tổ chức quốc tế đã cố gắng xây dựng một "chỉ số phúc lợi" tổng hợp, chẳng hạn như "Chỉ số Phát triển Con người" của Liên hợp quốc, để đo lường trình độ phát triển của một quốc gia một cách toàn diện hơn. Nhưng bản thân những chỉ số này cũng dựa trên những chỉ số có thể định lượng, có lẽ toàn diện hơn GDP, nhưng không thể thoát khỏi hạn chế là phụ thuộc vào các chỉ số có thể định lượng.

Một ví dụ khác là giáo dục "thi cử". Ai cũng biết rằng điểm thi không đại diện cho tất cả, nhưng điểm số là thứ rất dễ đo lường và so sánh, điều này cuối cùng đã dẫn đến việc coi trọng và phụ thuộc vào điểm thi, rất có thể đã vượt quá những gì mà bản thân điểm thi thực sự có thể phản ánh. Đặc biệt là ở Trung Quốc, khi thể chế không thể đảm bảo rằng các tiêu chuẩn đánh giá chủ quan hơn khác có thể đánh giá học sinh một cách công bằng, thì "một kỳ thi quyết định cả đời" đã trở thành trạng thái bình thường, giáo dục "thi cử" cũng do đó mà ra đời. Nếu khả năng tư duy, khả năng lãnh đạo, khả năng sáng tạo, etc., tất cả những thứ này cũng có thể được so sánh dễ dàng như điểm thi, thì tình trạng coi trọng quá mức kỳ thi này có lẽ đã có thể được tránh.

Có thể liệt kê ra vô số ví dụ tương tự. Các nhà kinh tế học có lẽ cũng đã đóng góp rất lớn vào việc tăng "sai lệch" này, bởi vì họ đã rất nỗ lực để định lượng, "đo lường" rất nhiều thứ, chẳng phải GDP là do các nhà kinh tế học tạo ra sao?

Xin đừng hiểu nhầm, tôi không cảm thấy việc "định lượng" mọi thứ là có gì không tốt. Trong hầu hết các trường hợp, việc định lượng, đo lường mọi thứ là tiến bộ chứ không phải là thụt lùi. Chỉ là chúng ta cần phải nhớ rằng, mức độ quan trọng không nên được quyết định bởi việc có thể đo lường được hay không, mặc dù chúng ta thường lầm tưởng như vậy.

Tôi nhớ đến câu slogan của Mastercard: "Có những thứ là vô giá, những thứ còn lại, có Mastercard là được". Trên thế giới này, có những thứ là không thể đo lường được, nhưng

chúng ta không nên quên tầm quan trọng của những thứ này, chẳng hạn như những "người phụ nữ nội trợ" đã tạo ra một gia đình ấm áp này đến gia đình ấm áp khác.

Việc một người không có kỹ năng không thể thay thế được có thu nhập không tăng hoặc tăng chậm mới là điều bình thường, việc thu nhập tăng trưởng với tốc độ cao liên tục mới là có vấn đề: người này phần lớn đang làm việc ở một nơi có hạn chế gia nhập - chẳng hạn như doanh nghiệp nhà nước độc quyền.

5. THU NHẬP DỰA VÀO ĐẦU ĐỂ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Một điều bình thường trong cuộc sống ở Mỹ là chuyển nhà. Tôi đã đến Mỹ 7 năm, số lần chuyển nhà đã vượt quá 10 lần. Lúc đầu là sinh viên, sống trong ký túc xá, mỗi năm đều phải chuyển nhà một lần. Những lần chuyển nhà sau này, thường là do thay đổi thành phố sinh sống, hoặc muốn sống ở nơi tiện lợi hơn, hoặc là nâng cấp điều kiện nhà ở.

Mùa hè năm 2009, tôi và Cốc Chủ quyết định chuyển đến một căn nhà gần nơi làm việc hơn và rộng rãi hơn. Chúng tôi đã thuê một công ty chuyển nhà. Sáng sớm, hai chàng trai người Mexico lực lưỡng đã đến, lái một chiếc xe tải khổng lồ, giá cả là 70 USD/giờ theo tiêu chuẩn, phí sử dụng tất cả các vật dụng đóng gói dùng một lần được tính riêng.

Trong quá trình chuyển nhà, một người bạn đã đến chơi. Cô ấy trước tiên cảm thán về kích thước khổng lồ của chiếc xe tải, số đồ đạc ít ỏi của tôi và Cốc Chủ thậm chí còn không chiếm hết một góc của chiếc xe tải. Sau đó, cô ấy lại cảm thán về sự khác biệt giữa Trung Quốc và Mỹ: nếu ở Trung Quốc, sẽ có một nhóm người đến giúp bạn chuyển nhà, sau đó chỉ cần vài trăm tệ là có thể "đánh đuổi" họ đi. Tôi từ lâu đã không còn hứng thú so sánh sự khác biệt về chi phí nhân công giữa Trung Quốc và Mỹ, bởi vì tôi đã quá quen với điều này. Có một lần, khi đi ngang qua Bắc Kinh, tôi đến nhà một nhà ngoại giao nước ngoài tại Trung Quốc để ăn tối, phát hiện ra gia đình ông ấy đã thuê 3 bảo mẫu, 2 tài xế. Tôi liền hỏi ông ấy, nếu ông ấy trở về nước, liệu có thể thuê được nhiều người như vậy hay không? Câu trả lời là: nhiều nhất chỉ có thể thuê được một người. Trung Quốc thực ra vẫn chưa phải là quốc gia có lao động rẻ nhất trên thế giới này, ở nhiều quốc gia, bạn có thể thuê cả một đội bóng đá để phục vụ bạn với cùng một số tiền.

Nhưng tôi cảm thấy vấn đề này còn có một góc độ khác. Những người Mexico chuyển nhà cho tôi, họ có thể kiếm được 20-30 USD/giờ ở Mỹ, nhưng nếu chuyển nhà ở Mexico, có lẽ họ thậm chí còn không kiếm được 1/4 số tiền đó, nếu ở Trung Quốc, họ thậm chí còn chưa chắc đã kiếm được 1/10 số tiền đó. 2-3 USD/giờ, tương đương 15-20 tệ/giờ, con số này ở Trung Quốc đã được coi là mức lương cao đối với lao động chân tay. Cùng một công việc, ở các quốc gia khác nhau, mức thu nhập khác nhau rất nhiều, đây là một kiểu trả lương như nhau nhưng không có kết quả như nhau ở cấp độ xuyên quốc gia. Nhưng từ một góc độ khác, bạn không thể không suy nghĩ rằng, một người Mexico có kỹ năng hoàn toàn giống nhau, làm cùng một công việc, chỉ cần có thể vượt qua biên giới Mỹ-Mexico, thu nhập của anh ta sẽ tăng gấp đôi ngay lập tức. Tại sao lại như vậy?

Điều này không liên quan gì đến sự nỗ lực, tài năng, đóng góp của người Mexico này. Việc chuyển nhà, ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới này, đều thuộc loại lao động chân tay đơn giản. Có thể khẳng định chắc chắn rằng, việc công nhân chuyển nhà kiếm được nhiều tiền ở Mỹ, không liên quan trực tiếp đến bản thân công nhân chuyển nhà đó. Lý do khiến người chuyển nhà có thể kiếm được nhiều tiền, có nhiều khả năng là do ở quốc gia Mỹ này, những

người sáng tạo nhất, tài năng nhất, năng suất nhất có thể tạo ra của cải và sản lượng rất lớn. Chính khả năng tạo ra của cải của những người này, trực tiếp hoặc gián tiếp, đã khiến cho những người, ngay cả khi đang làm những công việc đơn giản nhất, cũng có thể nhận được thu nhập cao hơn so với ở các quốc gia khác. Nói cách khác, sự gia tăng thu nhập của nhiều người, thực ra không phải là do chính họ, mà là do sự nỗ lực và sáng tạo của những người hoàn toàn không liên quan.

Nhưng những công nhân chuyển nhà người Mexico ở Mỹ không nên coi thu nhập cao của họ ở Mỹ là điều hiển nhiên. Lý do họ có thu nhập cao là do sự nỗ lực của người khác, do biên giới của Mỹ không hoàn toàn mở cửa. Nếu Mỹ mở cửa biên giới Mỹ-Mexico, thu nhập của những công nhân chuyển nhà này sẽ nhanh chóng giảm xuống, bởi vì sẽ có một lượng lớn người Mexico đổ vào, mà chuyển nhà là một công việc không có ngưỡng kỹ thuật, rất nhiều người đều có thể làm.

Nói nhiều như vậy là vì muốn quay trở lại vấn đề của Trung Quốc. Rất nhiều người đã coi việc thu nhập tăng trưởng liên tục là điều hiển nhiên, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến lý do tại sao thu nhập lại tăng trưởng. Rất nhiều người có lẽ đã không cầu tiến trong nhiều năm, kỹ năng không có tiến bộ, nhưng vẫn cảm thấy thu nhập nên tăng, điều này chẳng phải rất kỳ lạ sao? Hơi không tăng trưởng là "than trời trách đất", nhưng dựa vào đâu? Thị trường lao động của Trung Quốc giống như nước Mỹ đã mở cửa biên giới Mỹ-Mexico. Nếu một người không có kỹ năng xuất chúng, không thể thay thế được, thì hàng chục, thậm chí hàng trăm triệu lao động mới gia nhập thị trường mỗi năm, bất kỳ ai trong số họ đều có thể thay thế người này. Việc một người không có kỹ năng không thể thay thế được có thu nhập không tăng hoặc tăng chậm mới là điều bình thường, việc thu nhập tăng trưởng với tốc độ cao liên tục mới là có vấn đề, điều đó chứng tỏ người này phần lớn đang làm việc ở một nơi có hạn chế gia nhập, chẳng hạn như doanh nghiệp nhà nước độc quyền.

Cuối cùng, những người Mexico đã dành 8 tiếng để chuyển toàn bộ đồ đạc của chúng tôi từ nhà cũ sang nhà mới. Số tiền họ kiếm được từ một lần chuyển nhà, e rằng còn nhiều hơn so với số tiền mà công nhân chuyển nhà ở Trung Quốc kiếm được trong một tháng. Khi họ chuẩn bị rời đi, tôi còn cho họ một khoản tiền boa kha khá, mỗi người một lon bia. Bởi vì tôi nhớ đến một cảnh trong bộ phim "The Shawshank Redemption": một nhóm tù nhân, sau khi lao động chân tay cả ngày, ngồi trên mái nhà uống bia lạnh, vẻ mặt rất hưởng thụ. Tôi chưa từng làm lao động chân tay nặng nhọc, có lẽ uống một chút bia sau khi làm việc cả ngày là một điều rất hưởng thụ.

Nông dân - tầng lớp có thu nhập thấp nhất ở Trung Quốc - ít phàn nàn nhất về khoảng cách phân phối thu nhập, lạc quan nhất về tương lai, tin tưởng thị trường nhất, không muốn chính phủ phân phối lại thu nhập nhất. Trong khi cư dân thành thị - tầng lớp có thu nhập cao nhất ở Trung Quốc - lại phàn nàn nhiều nhất về khoảng cách phân phối thu nhập, muốn chính phủ phân phối lại thu nhập nhất.

6. CÔNG BẰNG HAY KHÔNG CÔNG BẰNG

Blog của giáo sư Greg Mankiw, nhà kinh tế học thuộc Đại học Harvard, là một trong những blog nổi tiếng nhất trong lĩnh vực kinh tế học. Trong một bài đăng trên blog, Mankiw đã trích dẫn một đoạn do P.J. O'Rourke, nhà châm biếm chính trị Mỹ, viết trong tạp chí của Cato Institute, một viện nghiên cứu tự do của Mỹ:

Tôi có một cô con gái 10 tuổi, con bé luôn nói "Điều đó không công bằng". Mỗi khi con bé nói như vậy, tôi sẽ nói với con bé: "Con yêu, con rất đáng yêu, nhưng điều này không hề công bằng. Gia đình con khá giả, điều này cũng không công bằng. Con được sinh ra ở Mỹ, điều này càng không công bằng. Con yêu, tốt hơn hết là con nên cầu nguyện với Chúa rằng mọi việc đừng trở nên công bằng".

Đoạn này khiến tôi nhớ đến rất nhiều việc, có vẻ rời rạc, nhưng đều liên quan trực tiếp đến đoạn trên, hãy nói từng việc một.

(1)

Vương Tiểu Ba có một cuốn sách có tựa đề "Đại đa số im lặng", ý muốn nói rằng đại đa số người dân trên thế giới này đều im lặng, tiếng nói của họ không thể được lắng nghe. Tác động của mạng internet Trung Quốc đối với dư luận xã hội, và thực tế là cư dân mạng chủ yếu đến từ thành thị, cộng với việc Trung Quốc vẫn chưa có hệ thống chính trị mà mọi người đều tham gia rộng rãi, đã khiến cho hiện tượng "đại đa số im lặng" ở Trung Quốc trở nên đặc biệt rõ ràng. Một luận án tiến sĩ xã hội học của Đại học Harvard đã đề cập rằng: nông dân - tầng lớp có thu nhập thấp nhất ở Trung Quốc - ít phàn nàn nhất về khoảng cách phân phối thu nhập, lạc quan nhất về tương lai, tin tưởng thị trường nhất, không muốn chính phủ phân phối lại thu nhập nhất. Trong khi cư dân thành thị - tầng lớp có thu nhập cao nhất ở Trung Quốc - lại phàn nàn nhiều nhất về khoảng cách phân phối thu nhập, muốn chính phủ phân phối lại thu nhập nhất. Nhớ lại những lời phàn nàn mà chúng ta thường nghe thấy, thường là đến từ những người sau, còn những người nông dân thuộc tầng lớp có thu nhập thấp nhất lại thuộc "đại đa số im lặng". Nếu mượn lời nói ở trên, thì có thể nói như thế này: "Này những cư dân mạng 'nô lệ nhà ở' ở thành phố, việc các bạn có thể sử dụng internet là không công bằng; việc các bạn có thể vay vài trăm nghìn tệ để mua nhà là không công bằng; việc các bạn sống ở thành phố là càng không công bằng. Tốt hơn hết là các bạn nên cầu nguyện với Chúa rằng mọi việc đừng trở nên công bằng".

(2)

Nhân kỷ niệm 1 năm ngày cưới, tôi và Cốc Chủ quyết định đi bắn pháo hoa để kỷ niệm. Bang Massachusetts nơi chúng tôi đang sinh sống, toàn bang đều không cho phép bắn pháo hoa mà không có giấy phép. Vì vậy, chúng tôi chỉ có thể lái xe hơn một tiếng về phía bắc, đến bang New Hampshire - nơi "thà chết chứ không chịu mất tự do" - để bắn pháo hoa mà không cần giấy phép. Buổi tối, chúng tôi ăn cơm trong một nhà hàng ở nông thôn, nhà hàng đó cung cấp các món ăn địa phương. Tôi và Cốc Chủ đã không chi tiêu nhiều tiền, nhưng những món ăn được phục vụ lại ăn mãi không hết, có cá, có tôm, rất nhiều bánh mì, khoai tây nghiền, các loại đậu và nhiều loại đồ chiên rán. Nhìn một đồng đồ ăn thừa trên bàn, tôi hơi áy náy. Vì vậy, tôi đã cầm một chiếc bánh mì chỉ cắn một miếng, chỉ vào nó và nói với Cốc Chủ: "Khả năng sản xuất calo của loài người từ lâu đã đủ để cho mọi người trên thế giới này không phải chịu đói, nhưng vẫn còn hàng trăm triệu người trên thế giới này không có đủ thức ăn. Một chính phủ phải tàn ác đến mức nào mới khiến cho người dân của mình phải chịu đói?". Thế giới này trong thực tế là không công bằng, những đứa trẻ được sinh ra ở Mỹ và những đứa trẻ được sinh ra ở một số quốc gia châu Phi, ngay từ khi sinh ra, đã phải đối mặt với những số phận hoàn toàn khác nhau.

(3)

Trong đầu tôi luôn có một "bức màn vô minh" (The Veil of Ignorance) phiên bản "thô thiển" của Rawls - Chúa tạo ra con người, đeo cho họ chiếc dù nhảy dù, để họ đầu thai. Sau đó, bạn bị gió cuốn đi, đầu thai xuống Trái đất. Bạn có thể trở thành người Mỹ, cũng có thể

trở thành người Trung Quốc, trên thực tế, bạn có thể trở thành người của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới này, đầu thai vào bất kỳ gia đình nào. Tôi luôn nghĩ rằng, trước khi "bức màn vô minh" của tôi được vén lên, tức là trước khi tôi biết mình sẽ là người Trung Quốc, lúc đó tôi không có quốc tịch, không có màu da, không có giới tính, hay nói cách khác là không có bất kỳ thân phận nào. Nếu tôi nhảy dù trên máy bay, trước khi nhảy dù, tôi hy vọng mình sẽ hạ cánh xuống nơi nào? Tôi nghĩ có lẽ vẫn là Trung Quốc. Bởi vì tôi luôn tin rằng, cho dù bạn có chỉ trích Trung Quốc và chính phủ Trung Quốc như thế nào, thì theo nghĩa xác suất, việc đầu thai ở Trung Quốc, đặc biệt là Trung Quốc sau năm 1978, phải được coi là tương đối may mắn trong số tất cả những người đầu thai. Nói như vậy nhé, xác suất bạn đầu thai ở những nơi như Myanmar hoặc Zimbabwe thực ra cao hơn nhiều so với xác suất bạn đầu thai ở Thụy Điển hoặc Thụy Sĩ. So với Bắc Mỹ và Tây Âu, nhiều người trên thế giới này đang sống ở châu Phi, Nam Á, Mỹ Latinh hoặc Trung Á. Nếu Chúa cho tôi lựa chọn, một là bị "ném" ngẫu nhiên vào bất kỳ quốc gia nào trên Trái đất, hai là được định sẵn là người Trung Quốc, tôi sẽ chọn cái sau. Nếu đầu thai cũng là một canh bạc, thì việc đầu thai ở Trung Quốc, ít nhất có thể coi là "thắng nhỏ".

(4)

Tôi không thích việc một số người mắng chửi chính phủ một cách cảm tính, dường như đang sống trong thời đại đen tối nhất trong lịch sử, đây là biểu hiện của việc không tôn trọng lịch sử và sự thật, là biểu hiện của việc không biết chính phủ xấu có thể xấu đến mức nào. Tôi muốn nói với những người này: "Con yêu, việc con không phải lo lắng về ăn mặc là không công bằng; việc đất nước con đang phát triển mạnh mẽ là không công bằng; việc con phàn nàn là do ít nhất con vẫn còn rất nhiều hy vọng, điều này càng không công bằng. Con yêu, tốt hơn hết là con nên cầu nguyện với vị thần mà con tin tưởng rằng mọi việc đều trở nên công bằng".

CHƯƠNG 13: NGHỊCH LÝ CỦA THỊ TRƯỜNG

Cánh tả và cánh hữu thường có cách giải thích khác nhau về sự bất bình đẳng tồn tại trên thế giới này. Cánh tả cho rằng, sự bất bình đẳng là do sự bất công tồn tại trong xã hội, đặc biệt là sự bất công về cơ hội; còn cánh hữu lại nhấn mạnh rằng, con người vốn dĩ đã không bình đẳng. Bài viết ""Con rồng sinh ra con rồng" và "Bầy nghèo đói"" là bài viết nhìn nhận cùng một vấn đề, tại sao học sinh có thu nhập gia đình càng cao thì điểm thi càng tốt, từ góc độ khác nhau của cánh tả và cánh hữu.

Thuốc lá đắt tiền có lẽ là một hiện tượng độc đáo của Trung Quốc. Bản thân thuốc lá đã là một thứ được công nhận là "gây hại cho người, gây hại cho mình", ngay cả Tổng thống Mỹ Barack Obama cũng không thể tự do hút thuốc trong Nhà Trắng của mình. Nhưng ở Trung Quốc, vẫn còn rất nhiều người coi thuốc lá đắt tiền là một loại hàng hóa xa xỉ, "khoe khoang" trước mặt mọi người. Bối cảnh xã hội dẫn đến sự xuất hiện của thuốc lá đắt tiền là phức tạp, do đó việc cấm đoán không thể giải quyết được vấn đề sâu xa. Nhưng bài viết "Nên cấm thuốc lá đắt tiền" vẫn cố gắng chứng minh rằng, việc cấm thuốc lá đắt tiền là một việc gần như không có tác dụng phụ.

Cải cách y tế, cho dù ở Trung Quốc hay Mỹ, đều là một chủ đề được bàn tán sôi nổi. Bài viết "Y tế thiết yếu và xa xỉ" muốn giải thích lý do tại sao cải cách y tế lại rất khó khăn ở mọi quốc gia từ một khía cạnh. Tính chất nhu cầu thiết yếu của dịch vụ y tế có nghĩa là nó nên là một quyền phổ quát, nhưng tính chất hàng hóa xa xỉ của dịch vụ y tế lại quyết định rằng nó không thể là một quyền phổ quát.

Bài viết "Mối lo ngại về xã hội đen" được viết trong bối cảnh rất nhiều bình luận đều đang chứng minh rằng Trung Quốc nên giảm nắm giữ USD, và nắm giữ nhiều loại tiền tệ khác hơn, bởi vì USD đã không còn an toàn. Vì vậy, tôi đã viết bài viết này, nửa đùa nửa thật, nói rằng, nếu xã hội đen vẫn đang tiếp tục nắm giữ USD, thì có lẽ lo ngại của chúng ta hiện nay là quá sớm.

Bài viết "Muốn tiền hay muốn mạng" nhấn mạnh khía cạnh hàng hóa xa xỉ của dịch vụ y tế. Thực tế đã chứng minh rằng, sự phát triển của công nghệ y tế, trong khi khiến cho rất nhiều căn bệnh trước đây không thể chữa được trở nên có thể chữa được, cũng bắt đầu khiến cho việc điều trị ngày càng đắt đỏ. Tiêu đề của bài viết này có vẻ hơi "giật gân", nhưng nó quả thực là vấn đề mà sự phát triển của y tế trong vài thập kỷ qua đã đặt ra cho con người, buộc họ phải suy ngẫm.

Những người càng thông minh, kiếm được càng nhiều tiền, con cái sinh ra cũng sẽ càng thông minh, điểm thi tự nhiên sẽ càng tốt. Vì vậy, mối quan hệ nhân quả ở đây không phải là thu nhập cao dẫn đến điểm thi của con cái tốt hơn, mà chỉ là "bố mẹ thông minh, rất có thể sẽ có con cái thông minh".

1. "CON RỒNG SINH RA CON RỒNG" VÀ "BẦY NGHÈO ĐÓI"

(Hình ảnh)

Biểu đồ dưới đây đã gây ra rất nhiều tranh cãi trong cộng đồng blog của Mỹ, tôi đã tìm dữ liệu và dịch sang tiếng Trung.

Biểu đồ này phản ánh một điều rất đơn giản, đó là học sinh có gia đình càng giàu có thì điểm thi SAT (có thể coi là kỳ thi tuyển sinh đại học của Mỹ) càng cao.

Những nhà bình luận có quan điểm thiên hữu hơn ở Mỹ, chẳng hạn như giáo sư Greg Mankiw thuộc Đại học Harvard, đã đưa ra một cách giải thích rất "chuẩn mực", là cách giải thích mà cánh hữu ưa thích hơn: dùng câu tục ngữ của Trung Quốc, biểu đồ này rất có thể là do "con rồng sinh ra con rồng, phượng hoàng sinh ra phượng hoàng, chuột sinh con biết đào hang". Bởi vì những người càng thông minh, kiếm được càng nhiều tiền, con cái sinh ra cũng sẽ càng thông minh, điểm thi tự nhiên sẽ càng tốt. Vì vậy, mối quan hệ nhân quả ở đây không phải là thu nhập cao dẫn đến điểm thi của con cái tốt hơn, mà chỉ là "bố mẹ thông minh, rất có thể sẽ có con cái thông minh". Xét về mặt học thuật, điều mà Mankiw nói không có vấn đề gì, hơn nữa lý do mà Mankiw đưa ra là có bằng chứng ủng hộ. Một số nghiên cứu đã chuyên xem xét điểm thi của những đứa trẻ được nhận nuôi, bởi vì những đứa trẻ được nhận nuôi không có gen của bố mẹ nuôi. Nếu lý do mà Mankiw đưa ra là đúng, thì hiện tượng trong biểu đồ trên không nên xảy ra đối với những đứa trẻ được nhận nuôi. Trên thực tế, phỏng đoán này quả thực được dữ liệu ủng hộ. Cách giải thích này rõ ràng sẽ không được lòng những nhà bình luận cánh tả, chẳng hạn như giáo sư Paul Krugman thuộc Đại học Princeton rất không hài lòng. Ông ấy đã viết một bài báo có tựa đề "Di truyền, môi trường và công bằng" trên blog của mình để phản hồi. Krugman đã đưa ra một cách giải thích mà cánh tả ưa thích: con cái của các gia đình có thu nhập thấp thường sống trong những cộng đồng có môi trường kém hơn, chỉ có thể đến những trường học có chất lượng giảng dạy kém hơn, bố mẹ có lẽ cũng không có cách nào để dành nhiều thời gian và công sức hơn cho con cái, vì vậy những đứa trẻ này không có được cơ hội tương ứng, điểm thi trong tương lai sẽ bị ảnh hưởng rất lớn. Hơn nữa, ảnh hưởng này là "tự tăng cường", do đó mới có cái gọi là "bẫy nghèo đói" - nếu bố mẹ nghèo, con cái có thể sẽ tiếp tục nghèo. Điều này không chỉ là lý thuyết, mà còn có bằng chứng ủng hộ. "Bẫy nghèo đói" được ghi lại rất nhiều trong các tài liệu kinh tế học phát triển. Một số nghiên cứu còn phát hiện ra rằng, ngay cả khi kiểm soát chỉ số IQ của bố mẹ, học sinh từ các gia đình thu nhập thấp ở Mỹ vẫn gặp bất lợi. Nói cách khác, việc con cái của các gia đình có thu nhập thấp có điểm thi kém, không hoàn toàn là do trí thông minh kém hơn người khác.

Cánh tả và cánh hữu, ai đúng ai sai? Họ có lẽ chỉ nhìn thấy một mặt của vấn đề. Đôi khi, ngay cả khi không có tranh cãi về mặt sự thật, cũng có thể sinh ra những cách giải thích hoàn toàn khác nhau, bởi vì trọng tâm của mỗi người là khác nhau. Nếu bạn suy nghĩ kỹ hơn về quan điểm của cánh tả và cánh hữu, bạn sẽ thấy rằng những gì họ nói thực ra không hề mâu thuẫn với nhau, "con rồng sinh ra con rồng" và "bẫy nghèo đói" hoàn toàn có thể cùng tồn tại. Mọi người chỉ chọn quan điểm mà họ ưa thích hơn mà thôi, không có đúng sai.

Thuốc lá đắt tiền thực ra không chỉ là một kiểu tiêu dùng "khoe khoang", mà còn là một kiểu lãng phí "khoe khoang", hơn nữa là lãng phí "gây hại cho người, gây hại cho mình".

2. NÊN CẤM THUỐC LÁ ĐẮT TIỀN

Những thứ vừa có cung, vừa có cầu trên thị trường, rất có thể là những thứ cần thiết. Việc cấm những thứ này, thứ nhất, rất có thể sẽ không làm được; thứ hai, ngay cả khi làm

được, cũng có thể gây ra tác dụng phụ. Đây là điều tôi tự cảnh báo bản thân khi nghĩ đến việc cấm thuốc lá đắt tiền. Tuy nhiên, tôi lại tự nhắc nhở mình rằng, ý tưởng "tồn tại tức là hợp lý" ở trên chưa chắc đã đúng. Loài người đã cấm ma túy, cấm lao động trẻ em, mặc dù hiệu quả có thể được thảo luận, nhưng xét riêng về việc cấm đoán, thì đại đa số người dân vẫn ủng hộ.

Vậy thì tôi sẽ nói về lý do tại sao tôi cảm thấy nên cấm thuốc lá đắt tiền. Trước tiên, tôi xin nói một giả định rất quan trọng: thuốc lá đắt tiền, phân tích về bản chất, là một loại hàng tiêu dùng "khoe khoang", không phải do chất lượng, kỹ thuật hoặc chi phí khác cao, dẫn đến giá cao. Tôi rất chắc chắn rằng, tỷ suất lợi nhuận trước thuế của các nhà máy thuốc lá khi sản xuất thuốc lá đắt tiền là cao đến mức "phi lý". Nếu có người nói với tôi rằng thuốc lá đắt tiền có thể tạo ra lợi nhuận trước thuế 500% hoặc 1.000%, tôi tuyệt đối sẽ không ngạc nhiên.

Tất nhiên, hàng tiêu dùng "khoe khoang" tuyệt đối không chỉ có thuốc lá đắt tiền, rất nhiều hàng hóa xa xỉ đều thuộc loại này. Nhưng thuốc lá đắt tiền có một số tính chất rất đặc biệt. Thứ nhất, đây là một loại hàng tiêu dùng, một bao thuốc lá có giá vài nghìn tệ, nếu hút một bao mỗi ngày, thì chưa đầy nửa tháng là hút hết; thứ hai, đây là một loại hàng hóa "người hút không mua, người mua không hút"; cuối cùng, việc hút thuốc lá đắt tiền sẽ không mang lại bất kỳ lợi ích bổ sung nào cho cá nhân và xã hội, chỉ có tác hại. Điều này khiến cho thuốc lá đắt tiền, ngay cả trong số các hàng hóa xa xỉ, cũng trở nên cực kỳ đặc biệt.

Nói trắng ra, thuốc lá đắt tiền thực ra không chỉ là một kiểu tiêu dùng "khoe khoang", mà còn là một kiểu lãng phí "khoe khoang", hơn nữa là lãng phí "gây hại cho người, gây hại cho mình". Nếu chi phí và hậu quả của việc lãng phí thực sự do bản thân gánh chịu, người ta "rảnh rỗi" thích đốt tiền chơi, tiền thể đầu độc sức khỏe của mình, điều này, mặc dù không phải là điều gì tốt đẹp, nhưng cũng không có lý do gì để can thiệp. Nhưng những người "trả giá" cho thuốc lá đắt tiền thường không phải là người hút thuốc, đại đa số những người "gây hại cho người, gây hại cho mình", thực hiện lãng phí "khoe khoang", lại không gánh chịu bất kỳ chi phí lãng phí nào. Điều này vô hình trung, tương đương với việc khuyến khích hành vi này.

Tôi muốn nói rằng, việc cấm thuốc lá đắt tiền sẽ không làm giảm chi phí "làm việc" của nhiều người, cũng sẽ không giảm bớt tham nhũng. Không tặng thuốc lá đắt tiền nữa, có thể sẽ phải tặng những thứ đắt tiền khác để "làm việc". Việc cấm thuốc lá đắt tiền cũng sẽ không thay đổi thói quen "khoe khoang" của những người hút thuốc lá đắt tiền. Thuốc lá đắt tiền được sinh ra trong một môi trường xã hội đặc thù. Không còn thuốc lá đắt tiền nữa, sẽ có những thứ đắt tiền khác xuất hiện để mọi người "khoe khoang". Nhưng tôi nghĩ đi nghĩ lại, những hàng hóa xa xỉ khác, ngay cả khi là bánh trung thu đắt tiền, tiệc rượu đắt tiền, giâm đất tiền, tẩm đất tiền, etc., có lẽ đều tốt hơn một chút so với thuốc lá đắt tiền. Những thứ này, mặc dù có thể không có lợi ích gì, nhưng cũng không gây hại gì. Việc lãng phí tiền vào những thứ vô dụng, dù sao cũng tốt hơn so với lãng phí vào những thứ có hại.

Tôi có thể tưởng tượng ra một số lý do phản đối việc cấm thuốc lá đắt tiền. Thứ nhất là thuốc lá đắt tiền ít nhất cũng mang lại thuế cho nhà nước. Phản hồi của tôi là, cho dù là thuốc lá đắt tiền hay các hàng hóa xa xỉ khác, đều có thể mang lại thuế. Thuốc lá đắt tiền không phải là thứ đặc biệt có thể tạo ra thuế. Hơn nữa, xét đến việc rất nhiều thuốc lá đắt tiền được trao đổi để "mua chuộc" lợi ích của nhà nước, hoặc trực tiếp mua bằng công quỹ, thì tổn thất do thuốc lá đắt tiền gây ra có thể còn nhiều hơn so với số thuế thu được; thứ hai là thuốc lá đắt tiền đã giúp "vạch trần" những quan chức tham nhũng như Zhou Jiugeng. Phản hồi của tôi là, đó là sự kiện ngẫu nhiên, có lẽ rất khó lặp lại. Hơn nữa, chúng ta không thể thực sự dựa vào thuốc lá để "nhận dạng" quan chức tham nhũng; thứ ba là việc hút thuốc khiến một số quan chức tham nhũng chết nhanh hơn, việc quan chức tham nhũng chết nhanh hơn tốt hơn một

chút so với việc họ cứ "cố sống cố chết". Phản hồi của tôi là, tham nhũng không phải là do có thuốc lá đắt tiền mới xuất hiện, quan chức tham nhũng già chết đi, nếu môi trường không thay đổi, quan chức tham nhũng trẻ lại "trưởng thành"; thứ tư là cấm thuốc lá đắt tiền, có thể sẽ xuất hiện những sản phẩm đắt tiền độc hại hơn. Giống như việc cấm cần sa, heroin, thì cocaine lại càng phổ biến hơn. Phản hồi của tôi là, những thứ độc hại hơn thuốc lá có lẽ đều là bất hợp pháp, những thứ đó rất khó thực sự phổ biến; thứ năm là rất nhiều người sẽ tự mình mua, tiêu dùng thuốc lá đắt tiền vào dịp lễ Tết, như vậy mới có "thể diện", một số người giàu cũng thích hút thuốc lá ngon, chúng ta không thể tước bỏ quyền tiêu dùng của những người này. Phản hồi của tôi là, việc hút thuốc không có gì đáng để khuyến khích, người giàu hoặc những người muốn "thể diện" vẫn nên tiêu dùng những thứ khác, có ý nghĩa hơn.

Mặc dù tôi biết rằng, việc cấm thuốc lá đắt tiền về cơ bản thuộc loại cách làm "đau đầu chữa đau", không thể thay đổi được nguồn gốc sinh ra thuốc lá đắt tiền. Nhưng thuốc lá đắt tiền dường như thực sự là một thứ chỉ có hại, không có lợi, việc cấm thứ "đồ chơi gây hại cho người, gây hại cho mình" chuyên dùng để lãng phí này, dường như không có gì không tốt.

Sự phức tạp của y tế nằm ở chỗ, ranh giới giữa y tế được coi là nhu cầu thiết yếu và y tế được coi là hàng hóa xa xỉ là không hề rõ ràng. Một ca phẫu thuật tim hở, rốt cuộc nên được coi là nhu cầu thiết yếu hay hàng hóa xa xỉ? Xét về góc độ chữa bệnh cứu người, giống như nhu cầu thiết yếu; xét về góc độ chi phí, lại giống hàng hóa xa xỉ hơn.

3. Y TẾ THIẾT YẾU VÀ XA XỈ

Kinh tế học chia hàng hóa thành hai loại: một loại gọi là nhu cầu thiết yếu, loại kia gọi là hàng hóa xa xỉ. Nói theo thuật ngữ chuyên ngành, một loại có độ co giãn thu nhập nhỏ hơn 1, một loại có độ co giãn thu nhập lớn hơn 1.

Nhu cầu thiết yếu, đúng như tên gọi, là nhu cầu thiết yếu. Ví dụ, thực phẩm ăn và quần áo mặc. Từ "thiết yếu" còn có nghĩa là, khi thu nhập của một người thấp, người này sẽ chi phần lớn tiền cho nhu cầu thiết yếu. Định luật Engel nổi tiếng miêu tả chính hiện tượng này: người có thu nhập càng thấp, tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm trong tổng chi tiêu càng cao. Theo sự giàu có ngày càng tăng của một quốc gia và người dân của quốc gia đó, tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm của người dân trong tổng chi tiêu sẽ ngày càng thấp.

Hàng hóa xa xỉ, đúng như tên gọi, là hàng hóa xa xỉ. Ngược lại với nhu cầu thiết yếu, chỉ có người càng giàu mới tiêu dùng càng nhiều. Hàng hóa xa xỉ trong kinh tế học và hàng hóa xa xỉ theo nghĩa thông thường không hoàn toàn giống nhau, nhưng ý nghĩa là gần giống nhau. Bạn càng giàu, tỷ lệ chi tiêu cho hàng hóa xa xỉ càng cao.

Rất ít thứ trên thế giới này vừa là hàng hóa xa xỉ, vừa là nhu cầu thiết yếu. Nhưng y tế lại là thứ vừa có tính chất nhu cầu thiết yếu, vừa có tính chất hàng hóa xa xỉ.

Y tế là nhu cầu thiết yếu, điều này phải là "hiển nhiên". Không ai là không bị ốm, bị ốm phải đi khám, uống thuốc, cho dù là già trẻ, giàu nghèo. Nhưng đồng thời, y tế gần như chắc chắn là một loại hàng hóa xa xỉ. Theo sự gia tăng thu nhập, con người tự nhiên sẽ sẵn sàng chi tiêu nhiều hơn cho sức khỏe, họ hy vọng được bác sĩ giỏi hơn, phương pháp điều trị tốt hơn, thuốc men tốt hơn khám chữa bệnh. Một số căn bệnh trước đây sẽ không được chú ý khi thu nhập thấp, khi thu nhập cao, sẽ có "nhu cầu" đi khám. Còn có những phương pháp điều trị để nâng cao chất lượng cuộc sống, khi nghèo sẽ căn bản không xem xét, khi giàu sẽ đi

thử. Ngoài ra còn có một điều là, khi con người giàu có, họ muốn sống lâu hơn, cũng có thể sống lâu hơn. Cả hai việc muốn sống lâu hơn và có thể sống lâu hơn đều có nghĩa là chi tiêu y tế sẽ tăng lên rất nhiều. Một sự thật cơ bản về y tế là, những người chi tiêu nhiều hơn cho y tế chưa chắc đã là những người không khỏe mạnh, bởi vì những người này cũng có tuổi thọ ngắn hơn. Ngược lại, những người sống rất lâu, do sống lâu, nên tổng chi phí y tế cuối cùng lại nhiều hơn.

Xét về góc độ chính sách công, y tế được coi là nhu cầu thiết yếu có lẽ là cần được đảm bảo, chính phủ có thể đóng vai trò rất lớn trong việc này. Nhưng y tế được coi là hàng hóa xa xỉ, lại rất khó nói là phải được đảm bảo, đặc biệt là được chính phủ đảm bảo. Lấy một ví dụ không hoàn toàn phù hợp nhé, có lẽ ai cũng cần ba lô, vì vậy chính phủ có lẽ có thể giúp đỡ những người thực sự không mua nổi ba lô, nhưng chính phủ có lẽ không có nghĩa vụ phải giúp đỡ những người không mua nổi ba lô LV. Sự phức tạp của y tế nằm ở chỗ, ranh giới giữa y tế được coi là nhu cầu thiết yếu và y tế được coi là hàng hóa xa xỉ là không hề rõ ràng. Một ca phẫu thuật tim hở, rốt cuộc nên được coi là nhu cầu thiết yếu hay hàng hóa xa xỉ? Xét về góc độ chữa bệnh cứu người, giống như nhu cầu thiết yếu; xét về góc độ chi phí, lại giống hàng hóa xa xỉ hơn. Điều phiền phức hơn là, "bệnh đến như núi đổ", nó không quan tâm bạn có tiền hay không. Những thứ khác, bạn không chi trả nổi thì có thể không tiêu dùng. Nhưng người nghèo cũng sẽ mắc phải những căn bệnh có chi phí điều trị rất đắt đỏ. Lúc này, việc chính phủ cuối cùng nên quản lý bao nhiêu đã trở thành một vấn đề rất nan giải.

Khi thảo luận về vấn đề cải cách y tế, tính hai mặt của y tế đã tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Cung cấp ít, thì phần thiết yếu sẽ không được đáp ứng; cung cấp nhiều, lại giống như phát cho mỗi người một chiếc ba lô LV, tài chính của chính phủ căn bản không thể chịu đựng nổi. Nhưng ranh giới giữa nhiều và ít, cái gì là thiết yếu, cái gì là xa xỉ, lại rất khó phân biệt rõ ràng.

Tất nhiên, luôn có người tin rằng hệ thống y tế "vừa không chi nhiều tiền hơn, vừa có thể để tất cả mọi người đều được hưởng bảo hiểm y tế đầy đủ" là tồn tại. Điều này có lẽ là có thể. Chỉ là cho đến nay, dường như vẫn chưa có quốc gia nào thực sự thực hiện được điều này.

Xét đến việc một phần lớn tài sản của xã hội đen là tiền mặt, xét đến việc số tiền này đều là do họ "đánh đổi bằng mạng sống", thì lo ngại của họ về việc tiền mặt biến thành "giấy lộn" e rằng không kém gì các quan chức quản lý dự trữ ngoại hối.

4. MỐI LO NGẠI VỀ XÃ HỘI ĐEN

Trong bộ phim "Titanic" có một đoạn như thế này: Titanic bị thủng, tất cả hành khách đều đang "chạy trốn" trong hoảng loạn. Hành khách A nói: "Tôi đi theo chuột, chuột chạy về đâu, chứng tỏ nơi đó an toàn hơn". Tôi cảm thấy người này khá thông minh, vào lúc đó, khả năng phán đoán của chuột có thể tốt hơn con người.

Bây giờ tôi muốn hỏi, ai là người lo lắng nhất về việc USD biến thành "giấy lộn" trên thế giới này? Tôi đoán không phải là chính phủ các nước, rốt cuộc các quan chức cũng không quản lý tiền của chính họ. Những người lo lắng nhất phải là những kẻ buôn bán ma túy, buôn lậu và nhiều loại xã hội đen khác.

Mặc dù việc ước tính xã hội đen đang nắm giữ bao nhiêu USD gần như là một nhiệm vụ bất khả thi, nhưng những ước tính như vậy vẫn tồn tại. Theo tài liệu, trong số USD do Cục

Dự trữ Liên bang Mỹ phát hành, chỉ có khoảng 10%-15 % thực sự do người Mỹ và doanh nghiệp Mỹ không phải xã hội đen nắm giữ, 40%-50% khác đang lưu thông ở các quốc gia ngoài Mỹ, còn 35%-50% không rõ tung tích, chỉ có thể phỏng đoán là do nền kinh tế ngầm nắm giữ, hay nói theo cách của tôi là do xã hội đen nắm giữ. Số lượng cụ thể lên tới hàng trăm tỷ, thậm chí hàng nghìn tỷ USD, về cơ bản thuộc cùng một quy mô với lượng trái phiếu USD do Trung Quốc nắm giữ. Còn về những USD đang lưu thông ngoài Mỹ, có lẽ cũng có rất nhiều trong tay xã hội đen. Số tiền này, phần lớn thời gian đều là tờ tiền mệnh giá 100 USD. Một hiện tượng thú vị là, bạn không thể rút được tờ tiền 100 USD ở các máy ATM của Mỹ, thông thường mệnh giá lớn nhất chỉ là 20 USD. Nhiều nơi, chẳng hạn như bãi đậu xe, thậm chí còn dán thông báo từ chối nhận tờ tiền 100 USD. Ở Mỹ, có lẽ chỉ có hai loại người sử dụng tờ tiền 100 USD: người nước ngoài mới đến Mỹ và xã hội đen.

Mặc dù kỹ thuật rửa tiền ngày càng tinh vi, nhưng e rằng một phần lớn tài sản của xã hội đen vẫn là tiền mặt. Nhiều người cho rằng trái phiếu kho bạc Mỹ là "rác", ngay cả khi là như vậy, thì trên thế giới này vẫn còn tài sản "rác" hơn trái phiếu kho bạc Mỹ, đó là tiền mặt USD. Trái phiếu kho bạc Mỹ dù sao cũng còn một chút lãi suất, còn tiền mặt thì không có chút nào. Vì vậy, xã hội đen thực ra đang phải đổi mặt với vấn đề "dự trữ ngoại hối" rất thực tế.

Tất nhiên, xã hội đen không phải là không có lựa chọn, trên thế giới này vẫn còn khá nhiều loại tiền tệ mệnh giá lớn thay thế, chẳng hạn như tờ tiền 500 euro, hoặc tờ tiền 10.000 yên Nhật. Trên thực tế, khi Khu vực đồng euro quyết định phát hành tờ tiền mệnh giá 500 euro, đã có người đăng bài viết ở Mỹ, lo ngại rằng nền kinh tế ngầm sẽ chuyển từ việc thích sử dụng tờ tiền 100 USD sang sử dụng tờ tiền 500 euro, như vậy sẽ khiến thuế tiền tệ của chính phủ Mỹ giảm đi một phần lớn. Hơn nữa, còn có người chứng minh rằng, do lạm phát là cách duy nhất để đánh thuế đối với nền kinh tế ngầm, nên nếu nền kinh tế ngầm chuyển sang sử dụng tờ tiền 500 euro, thì khoản thuế này cũng sẽ do người châu Âu thu.

Dù sao, xét đến việc một phần lớn tài sản của xã hội đen là tiền mặt, xét đến việc số tiền này đều là do họ "đánh đổi bằng mạng sống", thì lo ngại của họ về việc tiền mặt biến thành "giấy lộn" e rằng không kém gì các quan chức quản lý dự trữ ngoại hối. Hơn nữa, họ quả thực có lựa chọn, hoàn toàn có thể "đa dạng hóa" "dự trữ ngoại hối" của mình. Nếu họ không lựa chọn đa dạng hóa, có lẽ họ cũng có lý do của mình.

Do đó, xã hội đen có lẽ chính là những con chuột trên tàu Titanic. Một câu nói đùa mà tôi thích nói là, Cục Quản lý Ngoại hối có thể gọi điện cho Bộ Công an định kỳ, hỏi xem những kẻ buôn bán ma túy số lượng lớn gần đây đều sử dụng loại tiền tệ nào để thanh toán. Nếu vẫn tiếp tục sử dụng USD, thì USD e rằng vẫn an toàn. Nếu đột nhiên chuyển sang sử dụng loại tiền tệ khác, thì phải xem xét kỹ lưỡng thành phần tiền tệ của dự trữ ngoại hối.

Tôi biết rất nhiều câu chuyện bi thảm về việc người ta không đủ tiền chữa bệnh, chỉ có thể đợi chết. Tôi cảm thấy rằng, theo sự tiến bộ của công nghệ y tế, những bi kịch như vậy sẽ xảy ra ở quy mô ngày càng lớn, và cuối cùng sẽ trở thành vấn đề mà toàn thể nhân loại phải đối mặt.

5. MUỐN TIỀN HAY MUỐN MẠNG

Tôi rất quan tâm đến cải cách y tế. Bởi vì tôi cảm thấy nó không chỉ là một trong những vấn đề kinh tế lớn nhất mà loài người phải đối mặt, mà có lẽ còn là một trong những

vấn đề kinh tế khó khăn nhất. Hơn nữa, nó không chỉ là một vấn đề kinh tế, mà trong nhiều trường hợp, nó còn là một vấn đề triết học và đạo đức, là một việc liên quan trực tiếp đến sức khỏe, sinh mạng và cái chết.

Cũng chính vì y tế không phải là một vấn đề kinh tế đơn thuần, còn liên quan đến sinh mạng và sức khỏe, nên bất kỳ cuộc cải cách y tế nào cũng sẽ phải đối mặt với "tiến thoái lưỡng nan" về kinh tế và đạo đức.

Bất kỳ hoạt động kinh tế nào, nếu đầu tư rất lớn, nhưng đổi lại là lợi nhuận rất nhỏ, thì hoạt động kinh tế này phần lớn sẽ bị thị trường đào thải. Nếu cứ cố gắng duy trì, kết quả chắc chắn là hoạt động này sẽ trở nên cực kỳ tốn kém. Ở một mức độ nhất định, y tế là như vậy.

Chỉ cần lướt qua các tài liệu liên quan, bạn sẽ không khó để nhận thấy rằng, trong những năm gần đây, khoảng 20%-30% chi phí y tế cả đời của một người ở Mỹ được chi cho năm cuối đời của họ. Trong năm cuối đời này, 40% chi phí được chi cho tháng cuối đời. Nếu những dữ liệu này là chính xác, thì có nghĩa là một lượng lớn nguồn lực y tế thực ra đã được sử dụng vào cuối đời của những người sắp chết, được sử dụng cho nhóm người khó có hiệu quả y tế nhất. Xét về góc độ đạo đức, không có lý do gì để nói rằng những người sắp chết không nên được điều trị hết sức có thể. Nhưng xét về kinh tế, đây là một gánh nặng rất lớn, nhiều cá nhân có thể không gánh chịu nổi, chính phủ gánh chịu thực ra cũng ngày càng khó khăn.

Tôi biết rất nhiều câu chuyện bi thảm về việc người ta không đủ tiền chữa bệnh, chỉ có thể đợi chết. Tôi cảm thấy rằng, theo sự tiến bộ của công nghệ y tế, những bi kịch như vậy sẽ xảy ra ở quy mô ngày càng lớn, và cuối cùng sẽ trở thành vấn đề mà toàn thể nhân loại phải đối mặt. Tại sao lại nói như vậy? Xu hướng phát triển của công nghệ y tế là kéo dài sự sống của con người bằng những cách ngày càng tiên tiến, đồng thời cũng ngày càng đắt đỏ. Trước đây, bệnh tim không thể chữa được, những người mắc bệnh tim chỉ có thể nằm yên đợi chết hoặc đợi phép màu xuất hiện, ngay cả khi Tổng thống Mỹ Dwight D. Eisenhower mắc bệnh tim, điều ông ấy có thể làm cũng chỉ là nằm yên. Trước đây, không có ghép tạng, những người bị hoại tử hoặc suy tạng cũng chỉ có thể nằm yên đợi chết hoặc đợi phép màu xuất hiện. Những việc này, mặc dù khiến người ta cảm thấy đau lòng, nhưng do những căn bệnh đó là không thể chữa được, không phải là do không đủ tiền chữa bệnh mà từ bỏ, nên sẽ không gây ra vấn đề đạo đức. Nhưng bây giờ thì khác. Nếu những người mắc bệnh tim hoặc suy tạng chỉ có thể nằm yên, thì đó là một việc rất bi thảm. Bởi vì vốn dĩ có thể chữa được nhưng lại không thể chữa do thiếu tiền, đã trở thành một vấn đề đạo đức. Khi công nghệ y tế biến ngày càng nhiều điều không thể thành có thể, thì loài người lại bắt đầu phải đối mặt với một vấn đề khác, rốt cuộc chúng ta chuẩn bị chi bao nhiêu tiền cho y tế?

Giữa đạo đức và kinh tế, không có vấn đề cái nào "thắng" cái nào, nhưng mâu thuẫn giữa hai điều này trong vấn đề y tế cũng là không thể né tránh, hơn nữa mâu thuẫn này sẽ ngày càng gay gắt theo sự tiến bộ của công nghệ y tế. Sớm muộn gì chúng ta cũng phải trả lời một câu hỏi: muốn tiền hay muốn mạng? Loài người phải tìm ra một phương án dung hòa, đặc biệt là khi thiết kế hệ thống y tế, nếu không, một hệ thống y tế "phá sản" sẽ dẫn đến việc vừa không có tiền, vừa không có mạng.

CHƯƠNG 14: THỊ TRƯỜNG VÀ CHÍNH PHỦ ĐỀU CÓ THỂ THẤT BẠI

Bài viết "Chính phủ can thiệp quá nhiều" bắt nguồn từ một câu chuyện tin tức có vẻ rất phi lý, chính phủ dường như đang quản lý một số việc vặt vãnh hoàn toàn không quan trọng, nhưng mọi việc có lẽ không hề đơn giản như vẻ bề ngoài. Với tư cách là "người gác đêm" của thị trường, trách nhiệm của chính phủ nên lớn đến mức nào? Cái gì là việc vặt vãnh, cái gì không phải là việc vặt vãnh? Trong xã hội hiện đại, ranh giới này là rất mơ hồ.

Bài viết "Chernobyl của rác thải điện tử" chủ yếu kể về câu chuyện xảy ra ở thị trấn Guiyu, thành phố Shantou. Những việc liên quan đã không được đưa tin rộng rãi ở trong nước, nhưng đây là một ví dụ điển hình về sự thất bại của thị trường.

Quá trình cải cách thị trường hóa đã bộc lộ rất nhiều vấn đề quyền sở hữu trước đây không được xác định rõ ràng. Tranh chấp thường xuyên xảy ra giữa phi công và hãng hàng không chính là do bất đồng quan điểm về việc kỹ năng bay của phi công thuộc về ai. Bài viết "Chế độ chuyển nhượng phi công" chỉ muốn đề xuất một phương án "chữa cháy", cố gắng xác nhận chủ sở hữu quyền sở hữu sau sự việc, từ đó khiến cho thị trường vận hành bình thường.

Bất kỳ ai đã từng đến Mỹ đều sẽ bị "choáng váng" bởi hệ thống đo lường Anh mà Mỹ vẫn đang sử dụng. Quốc gia hùng mạnh nhất thế giới này vậy mà lại đang sử dụng hệ thống đo lường khác với toàn bộ thế giới, bài viết "Hoa Kỳ cần Tàn Thủy Hoàng" chính là thảo luận về việc này.

Người láng giềng Triều Tiên của chúng ta đã tiến hành một cuộc cải cách tiền tệ vào cuối năm 2009. Động cơ hành động của quốc gia "tách biệt với thế giới" này là rất khó đoán. Tuy nhiên, logic của kinh tế học cũng được áp dụng cho Triều Tiên, ngay cả khi những người "cầm trịch" ở đó muốn phủ nhận quy luật kinh tế. Nếu những thông tin liên quan là sự thật, thì bài viết "Cải cách tiền tệ" kiểu tịch thu của Triều Tiên" đã phỏng đoán không hề "giật gân" về hậu quả thảm khốc mà cuộc cải cách tiền tệ này mang lại cho Triều Tiên, rất may mắn, cũng rất không may, nó đã đoán đúng.

Bài viết "Mundell và Krugman, ai thắng ai thua chưa rõ" thảo luận về hai quan điểm hoàn toàn khác nhau về chế độ tỷ giá hối đoái. Robert Mundell, "cha đẻ" của đồng euro, thích tỷ giá hối đoái cố định, còn một trong những công trình nổi tiếng của Paul Krugman là phân tích về "tại sao tỷ giá hối đoái cố định lại dễ bị khủng hoảng tiền tệ". Hai người là quan hệ thầy - trò cách nhau vài đời, đều là người đoạt giải Nobel Kinh tế, nhưng quan điểm của họ đã va chạm trực diện trong vấn đề khủng hoảng Hy Lạp.

Những người theo chủ nghĩa tự do chứng minh rằng, nếu không có chính phủ, thị trường sẽ tự phát bù đắp sự thiếu hụt thông tin và tín dụng. Tôi cho rằng, quan điểm này không hoàn toàn đứng vững trước phép thử của thực tiễn, đặc biệt là trong ngắn hạn. Thị trường rất đáng sợ khi thất bại, chẳng hạn như mô hình Ponzi của Bernard Madoff ở Mỹ, chẳng hạn như nhiều vụ bê bối an toàn thực phẩm khác nhau.

1. CHÍNH PHỦ CAN THIỆP QUÁ NHIỀU

Từng đọc được một tin tức rất thú vị: một bà nội trợ ở Mỹ, tốt bụng giúp đỡ hàng xóm, để con của hàng xóm đến nhà mình chơi sau khi hàng xóm đi làm, sau đó đợi xe buýt của trường đến, rồi đưa các con lên xe. Một hành động tốt đẹp đơn giản như vậy. Nhưng gần đây, bà nội trợ này đã gặp rắc rối. Bà ấy nhận được một lá thư từ chính quyền địa phương, được thông báo rằng hành động tốt đẹp này là vi phạm pháp luật, bởi vì bà ấy tương đương với việc đã mở một trường mầm non không có giấy phép, mà điều này là không được phép.

Rất nhiều người sẽ cho rằng đây là chính phủ Mỹ "can thiệp quá nhiều", về cơ bản tôi cũng vậy, nhưng đồng thời tôi cũng cho rằng, việc này không hề đơn giản như vẻ bề ngoài. Một số người có thể sẽ nghi ngờ, bà nội trợ này, vì không thu tiền, nên không thể gọi là "đã mở trường mầm non". Lập luận này không hoàn toàn thuyết phục, bạn không thể nói rằng "lang băm" không thu tiền thì không phải là "lang băm"? Một số người khác có thể phản ứng gay gắt hơn, cho rằng đây là chính phủ đang can thiệp vào tự do, hàng xóm tự nguyện và không gây ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đối với người ngoài, chính phủ căn bản không có lý do gì để can thiệp. Những điều tôi sắp nói dưới đây không phải là để biện hộ cho hành vi của chính phủ Mỹ, chỉ là để mô tả lý do tại sao tôi cảm thấy việc này thực ra khá phức tạp.

Nền kinh tế thị trường hiện đại khác với nền kinh tế tự cung tự cấp trước đây, một trong những điểm trọng tâm là nền kinh tế thị trường hiện đại phần lớn không phụ thuộc vào sự tương tác trực tiếp giữa người với người. Lấy một ví dụ đơn giản, khi bạn mua một hộp sữa trong siêu thị hiện nay, bạn không cần và cần bản cũng sẽ không biết ai là người vắt sữa, ai là người đóng gói, ai là người vận chuyển đến siêu thị, việc duy nhất bạn cần làm là "một tay giao tiền, một tay nhận hàng". Việc trao đổi trực tiếp giữa người với người đã hoàn toàn bị thay thế bằng việc trao đổi tiền và hàng hóa, hiệu quả cũng do đó được nâng cao đáng kể. Việc sản xuất một chiếc bút chì cần trải qua hàng trăm công đoạn, sử dụng nguyên liệu thô từ hàng chục quốc gia, nhưng những người tham gia hoàn toàn không cần phải gặp mặt cũng có thể hoàn thành tất cả sự hợp tác.

Nhưng trong nền kinh tế tự cung tự cấp, hoặc trong một ngôi làng tương đối khép kín, thì tình hình lại khác. Trong làng có thể chỉ có một Zhang - thợ rèn, một Wang - người bán thịt, một Li - thợ may và một Zhao - đầu bếp. Bạn cần phải quen biết từng người giao dịch, làm ăn với bạn. Nếu bạn muốn ăn thịt kho tàu, bạn nhất định phải đến nhà Wang - người bán thịt để mua thịt ba chỉ, ngày hôm sau bạn ra khỏi nhà, e rằng cả làng đều biết thịt ba chỉ nhà Wang hôm qua là do bạn mua, họ còn hỏi bạn thịt kho tàu có ngon hay không. Ví dụ tôi đưa ra hơi cực đoan, nhưng ý là như vậy.

Trong nền kinh tế tự cung tự cấp, có lẽ bạn rất khó tưởng tượng tại sao cần phải có chính phủ để quản lý kinh tế và giao dịch. Trong nền kinh tế nhỏ, tồn tại vô số cách tự phát khác để quản lý giao dịch, thông tin và tín dụng đều rất đầy đủ. Nếu Wang - người bán thịt bán thịt lợn còn lông, cả làng đều sẽ biết, bản thân ông ấy cũng sẽ "mất mặt". Do đó, hoàn toàn không cần chính phủ quy định: người bán thịt không được bán thịt lợn còn lông.

Nhưng trong nền kinh tế thị trường hiện đại, do giao dịch "phi nhân hóa", thông tin và tín dụng chưa chắc đã đầy đủ. Những việc như cho melamine vào sữa, etc., dễ xảy ra hơn trong một nền kinh tế thị trường hiện đại không được chính phủ quản lý so với trong một nền kinh tế tự cung tự cấp. Có quá nhiều khâu trung gian, người "đầu độc" căn bản không quen biết người bị "đầu độc", ngược lại cũng vậy, lúc này, nếu không có sự quản lý của chính phủ,

e rằng ngay cả việc truy cứu trách nhiệm cũng rất khó khăn. Nhiều quy định quản lý của chính phủ, chẳng hạn như xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và kiểm tra theo dõi, etc., đều đang bù đắp cho sự thiếu hụt thông tin và tín dụng của thị trường ở một mức độ nhất định. Những người theo chủ nghĩa tự do chứng minh rằng, nếu không có chính phủ, thị trường sẽ tự phát bù đắp sự thiếu hụt thông tin và tín dụng. Tôi cho rằng, quan điểm này không hoàn toàn đứng vững trước phép thử của thực tiễn, đặc biệt là trong ngắn hạn. Thị trường rất đáng sợ khi thất bại, chẳng hạn như mô hình Ponzi của Bernard Madoff ở Mỹ, chẳng hạn như nhiều vụ bê bối an toàn thực phẩm khác nhau. Thị trường không những không ngăn chặn melamine, dầu ăn bẩn và Sudan Red, mà có thể nói là còn "xúi giục" sự xuất hiện của những thứ này.

Bây giờ quay trở lại câu chuyện ở đầu bài viết này. Trên thực tế, nó thuộc loại nền kinh tế tự cung tự cấp trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Trong sự kiện cụ thể này, chính phủ có vẻ như đang "can thiệp quá nhiều", bởi vì hàng xóm hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau, hoàn toàn không cần chính phủ "vẽ rắn thêm chân". Nhưng bạn rất khó từ đó suy rộng ra rằng chính phủ nên hoàn toàn không quản lý các trường mầm non không có giấy phép. Về lâu dài, thị trường tất nhiên cũng có thể "phân biệt" được trường mầm non tốt hay xấu, nhưng trong ngắn hạn, đặc biệt là trong một xã hội có tính di động cao, việc quản lý thích hợp của chính phủ vẫn rất cần thiết, chẳng hạn như quy định trường mầm non phải đáp ứng một số tiêu chuẩn vệ sinh nhất định. Sự phức tạp của vấn đề nằm ở chỗ, làm thế nào để xác định ranh giới quản lý của chính phủ. Loại trường mầm non nào nên quản lý, loại trường mầm non nào không nên quản lý? Việc "vạch ra ranh giới" ở đâu là điều không rõ ràng. Quản lý nhiều, có thể sẽ xuất hiện tình trạng "can thiệp quá nhiều"; quản lý ít, lại có thể bị "ngghi ngờ" là "thiếu trách nhiệm".

Ranh giới của chính phủ, đôi khi có lẽ còn khó xác định hơn ranh giới của thị trường.

Việc để những người tuyệt vọng làm những việc tuyệt vọng, ngay cả khi phù hợp với nguyên tắc thị trường, cũng không phù hợp với đạo đức xã hội và công bằng xã hội cơ bản. Mọi người đều nên được hưởng phẩm giá và quyền lợi cơ bản nhất của một con người.

2. CHERNOBYL CỦA RÁC THẢI ĐIỆN TỬ

Chương trình "60 Minutes" của CBS, Mỹ, có lẽ là chương trình tin tức truyền hình nổi tiếng nhất thế giới hiện nay. Nó được phát sóng vào tối Chủ nhật hàng tuần, mỗi tập dài một tiếng, và do đó được đặt tên như vậy. Vào năm 2009 và 2010, chương trình này đã hai lần phát sóng một phóng sự khá chấn động, "Wasteland" ("Bãi rác", hoặc dịch một cách "văn vẻ" hơn là "Hoang mạc"). Câu chuyện kể về việc rác thải điện tử của Mỹ được buôn lậu vào Trung Quốc đại lục, đặc biệt là thị trấn Guiyu, thành phố Shantou, thông qua Hồng Kông như thế nào, ở đó chúng được tháo dỡ theo cách nguyên thủy nhất. Những bộ phận hữu ích được tái chế, những bộ phận còn lại chứa một lượng lớn kim loại nặng và các chất độc hại khác, được chôn lấp hoặc đốt một cách đơn giản. Thị trấn Guiyu nhỏ bé do đó đã trở thành một trong những nơi có thể là độc hại nhất trên Trái đất, được "60 Minutes" gọi là "Chernobyl của rác thải điện tử". (1)

Ở thị trấn Guiyu, hàm lượng chì trong cơ thể trẻ em vượt quá mức bình thường rất nhiều lần, tỷ lệ sảy thai của phụ nữ cao đến mức "phi lý", tỷ lệ mắc bệnh ung thư cũng đã cao đến mức đáng kinh ngạc.

Điều khiến cho toàn bộ vấn đề trở nên phức tạp hơn là, mặc dù toàn bộ chuỗi hoạt động đều là bất hợp pháp, nó đồng thời vi phạm pháp luật của Trung Quốc đại lục, Hồng Kông và Mỹ, nhưng cả ba nơi đều "nhắm mắt làm ngơ" đối với việc này, đặc biệt là thị trấn Guiyu: toàn bộ hoạt động hoàn toàn là tự nguyện và tự phát, ngay cả khi những người bị hại trực tiếp nhất - những người tái chế rác thải điện tử ở thị trấn Guiyu, mặc dù biết rằng công việc họ đang làm có hại cho sức khỏe, nhưng vẫn đang làm. Phóng viên của "60 Minutes" đã hỏi họ tại sao họ lại tiếp tục làm công việc như vậy, câu trả lời của họ rất đơn giản: "Kiếm tiền dễ". Nói cách khác, những gì đang xảy ra ở thị trấn Guiyu là kết quả của việc thị trường không được quản lý và tự nhiên xuất hiện.

Không phải tất cả các công việc hoặc việc làm có hại cho người trong cuộc đều nên bị chính phủ hoặc pháp luật cấm đoán. Chúng ta không cấm rượu, không cấm thuốc lá, không cấm thức khuya, không cấm ngồi ở một chỗ không vận động, không cấm chỉ ăn thịt, không ăn rau, bởi vì trên thế giới này còn tồn tại một nguyên tắc quan trọng khác: cá nhân cuối cùng phải chịu trách nhiệm cho lựa chọn của mình, ngay cả khi lựa chọn này có thể gây hại cho chính họ. Đối với việc xử lý rác thải ở thị trấn Guiyu, việc cấm đoán có nghĩa là tước đoạt kế sinh nhai của rất nhiều người, mà những người này có lẽ là những người cần tiền nhất.

Tôi không ủng hộ những gì đang xảy ra ở thị trấn Guiyu, ngược lại, tôi cực kỳ phản đối. Tôi chỉ muốn minh họa rằng, "chủ nghĩa cha mẹ" quá mức sẽ gây ra cái gọi là "tự phụ chết người" và "con đường dẫn đến nô lệ" mà Hayek đã nói, tự do cá nhân và ranh giới của thị trường không phải là rõ ràng, "trắng đen rõ ràng". Vậy tại sao tôi lại cực kỳ phản đối việc xử lý rác thải điện tử ở thị trấn Guiyu? Chẳng phải đây là biểu hiện của ý chí tự do, là giao dịch "mỗi người đều có lợi", "cải thiện Pareto" sao? Không, tôi cảm thấy không phải.

Lý do đơn giản nhất là ngoại ứng. Những gì đang xảy ra ở thị trấn Guiyu đã gây ra ô nhiễm không thể đảo ngược đối với môi trường, gây hại không chỉ cho sức khỏe của người tham gia, mà còn cho sức khỏe của những người không tham gia. Việc một số ít người kiếm tiền phải trả giá bằng việc môi trường thuộc về tất cả mọi người bị phá hủy. Chúng ta không cho phép xả rác bừa bãi, tất nhiên cũng không thể cho phép ô nhiễm "điên cuồng" như ở thị trấn Guiyu.

Nhưng tôi cho rằng nguyên nhân quan trọng hơn là, những lựa chọn có vẻ "tự nguyện" này, thực ra là được đưa ra trong trường hợp không được thông báo đầy đủ. Chúng căn bản không phải là cái gọi là lựa chọn tự nguyện. Tôi tình cờ đọc một cuốn sách về sự kiện Chernobyl, cuốn sách ghi lại lời kể của hơn 100 người về sự kiện này. Trong hồi ức của họ, luôn lặp đi lặp lại một chủ đề: những người sống ở khu vực đó, những người được cử đến "dọn dẹp" khu vực bị ô nhiễm, đại đa số đều không biết bức xạ là gì, càng không biết tác hại do bức xạ gây ra cuối cùng là đáng sợ đến mức nào. Một số người trong số họ sẽ nói: "Bức xạ? Không nhìn thấy, uống một chai vodka chắc là sẽ không sao". Rất nhiều người, thậm chí còn không đeo khẩu trang và găng tay do chính phủ phát, đã trực tiếp "dọn dẹp" gần lò phản ứng. Còn chính phủ Liên Xô, với lý do ngăn chặn hoảng loạn, chưa bao giờ thông báo sự thật cho họ và những người dân khác. Có lẽ tôi rất "độc đoán", nhưng tôi tin rằng, những công nhân ở thị trấn Guiyu, trình độ học vấn và kiến thức của họ chưa đủ để họ thực sự hiểu được công việc họ đang làm sẽ gây ra tác hại nghiêm trọng đến mức nào đối với chính họ, gia đình họ và những người xung quanh. Nói một cách thẳng thắn hơn, họ bị tiền bạc "lừa dối" mới làm một công việc mà họ không thực sự hiểu, giống như những người đã đến Chernobyl để "dọn dẹp" đóng đồ nát để đổi lấy mức lương gấp ba lần. Tôi cần phải nói rõ rằng, trong số những người đã đến Chernobyl để "dọn dẹp", có những anh hùng, họ biết rủi ro, nhưng vẫn

"xông pha", với tư cách cá nhân, họ rất vĩ đại. Nhưng nhiều người hơn, là những người không biết.

Ngoài ra còn có một nguyên nhân quan trọng nhất, đó là đạo đức xã hội và công bằng xã hội. "60 Minutes" đã giải thích về những người tự nguyện làm công việc nguy hiểm như sau: "Những người tuyệt vọng làm những việc tuyệt vọng". Đúng vậy, một lý do quan trọng khiến họ làm công việc này là vì họ quá cần tiền. Việc để những người tuyệt vọng làm những việc tuyệt vọng, ngay cả khi phù hợp với nguyên tắc thị trường, cũng không phù hợp với đạo đức xã hội và công bằng xã hội cơ bản. Mọi người đều nên được hưởng phẩm giá và quyền lợi cơ bản nhất của một con người. Mặc dù phẩm giá và quyền lợi cơ bản sẽ có định nghĩa và nội hàm khác nhau trong những điều kiện xã hội và kinh tế khác nhau.

Sự kiện thị trấn Guiyu là một ví dụ điển hình về việc nền kinh tế thị trường thất bại khi không được quản lý. Hãy nhớ tên này, nhớ thị trấn Trung Quốc này, nơi vậy mà lại "gắn liền" với Chernobyl.

Chế độ chuyển nhượng là để xác định kỹ năng bay của phi công là tài sản của hãng hàng không, mặc dù phi công là chủ sở hữu vật chất của kỹ năng bay, nhưng hãng hàng không là chủ sở hữu cuối cùng của kỹ năng bay.

3. CHẾ ĐỘ CHUYỂN NHƯỢNG PHI CÔNG

Tôi thích "nhìn đông ngó tây", đi tới đi lui khi đang đợi máy bay. Ở các sân bay của Mỹ, bạn sẽ thấy rằng phần lớn tiếp viên hàng không đều là "bà cô", và phi công cũng không trẻ, rất nhiều người đã "hai bên tóc mai bạc trắng". Tình hình của Trung Quốc thì rất khác, tiếp viên hàng không đều trẻ trung, xinh đẹp, phi công cũng "tràn đầy sức sống". Nghe nói, tiếp viên hàng không Mỹ trước đây cũng giống như Trung Quốc, nhưng sau đó Mỹ đã ban hành một đạo luật chống phân biệt đối xử, không cho phép hãng hàng không sử dụng tuổi tác và ngoại hình làm tiêu chuẩn tuyển dụng, nếu không sẽ bị coi là phân biệt đối xử. Các hãng hàng không, để tránh tranh chấp pháp lý, đã bắt đầu thuê những tiếp viên hàng không lớn tuổi hơn. Nhưng tôi nghĩ rằng, sự khác biệt về độ tuổi trung bình của phi công Trung Quốc và Mỹ phải bắt nguồn từ một câu chuyện khác: số lượng máy bay của Trung Quốc tăng trưởng quá nhanh, nhưng số lượng phi công có kinh nghiệm ở Trung Quốc lại có hạn, vì vậy chỉ có thể thuê những người trẻ tuổi để lái máy bay, từ đó dẫn đến việc đội ngũ phi công trẻ hóa.

Việc số lượng phi công của Trung Quốc không đủ, đặc biệt là số lượng phi công có kinh nghiệm không đủ, là một vấn đề thực tế và khó giải quyết trong ngắn hạn. Cuộc cạnh tranh giành giật phi công giữa các hãng hàng không, đặc biệt là các hãng hàng không đang mở rộng, sẽ rất khốc liệt trong một thời gian dài. Đây là một trong những bối cảnh quan trọng dẫn đến tranh chấp lao động thường xuyên xảy ra giữa phi công và hãng hàng không trong những năm gần đây. Nếu phi công yêu cầu từ chức hoặc "nhảy việc", hãng hàng không sẽ yêu cầu họ bồi thường một khoản tiền khổng lồ.

Lý lẽ đòi bồi thường của hãng hàng không là, phi công là do tôi đào tạo, việc đào tạo phi công cần phải chi một khoản phí rất lớn, không thể nói bỏ là bỏ. Nhưng hậu quả trực tiếp của việc này là, khoản bồi thường khổng lồ đã trở thành trở ngại rất lớn đối với việc luân chuyển phi công. Điều này là không hợp lý: không thể vì tôi đã trở thành cơ trưởng ở chỗ bạn, mà tôi phải lái máy bay cho bạn cả đời; ngay cả khi tôi không hài lòng với công ty, ngay cả khi mức lương thấp hơn nhiều so với các hãng hàng không khác, tôi cũng không thể bỏ đi.

Theo đưa tin, sự kiện máy bay của chi nhánh Vân Nam, China Eastern Airlines quay trở lại sân bay cách đây hai năm, có thể là do tranh chấp tiền lương gây ra. Nếu phi công có thể tự do "nhảy việc", e rằng cũng sẽ không làm chuyện "vô lý" như vậy.

Tôi có một ý tưởng đơn giản, liệu có thể xây dựng một chế độ chuyển nhượng phi công để giải quyết mâu thuẫn này hay không? Giống như chế độ chuyển nhượng vận động viên của câu lạc bộ, nếu bạn muốn "câu" phi công của tôi, được thôi, xin hãy trả phí chuyển nhượng. Mức phí do các hãng hàng không tự thương lượng. Xét đến việc rất nhiều hãng hàng không đều là doanh nghiệp nhà nước, nếu kỹ năng của phi công có thể được xác định tương đối rõ ràng, thì Cục Hàng không Dân dụng Trung Quốc cũng có thể xây dựng mức giá tham khảo thống nhất dựa trên chi phí đào tạo, tuổi tác, thời gian bay và kỹ năng bay, etc., của phi công, và đặt ra phạm vi biến động thích hợp dựa trên mức giá tham khảo. Như vậy, hãng hàng không có thể được bồi thường hợp lý, phi công cũng có thể luân chuyển tự do. Công ty bị "câu" phi công sẽ không còn "điên cuồng" ngăn cản phi công "nhảy việc", công ty "câu" phi công cũng không thể chiếm hữu "tài sản" do công ty khác chi một khoản tiền khổng lồ để đào tạo mà không phải trả giá chỉ bằng cách tăng lương một chút. Chế độ chuyển nhượng là để xác định kỹ năng bay của phi công là tài sản của hãng hàng không, mặc dù phi công là chủ sở hữu vật chất của kỹ năng bay, nhưng hãng hàng không là chủ sở hữu cuối cùng của kỹ năng bay.

Tôi nhận thức được rằng sự phân biệt đơn giản như vậy có những điểm đáng bàn cãi, nhưng xét đến việc đầu tư của hãng hàng không có vai trò rất quan trọng đối với sự trưởng thành của phi công, thì sự phân biệt đơn giản như vậy chưa chắc đã quá tệ. Hơn nữa, khi số lượng phi công và máy bay của Trung Quốc tăng trưởng bước vào trạng thái ổn định, thì cuộc cạnh tranh giành giật phi công "khóc liệt" có lẽ sẽ tự nhiên kết thúc. Ở Mỹ, phi công dường như không muốn đổi công ty trừ khi bất khả kháng, bởi vì phi công làm việc càng lâu ở một công ty, cấp bậc càng cao, càng có quyền tự do lựa chọn thời gian bay và tuyến đường bay. Đổi sang một công ty khác, mọi thứ đều phải "bắt đầu lại từ đầu", mặc dù tiền lương có thể sẽ tăng, nhưng phải "tuân theo sự sắp xếp của người khác" về thời gian và tuyến đường bay.

Vấn đề phi công "nhảy việc" có lẽ chỉ là một ví dụ thu nhỏ của vấn đề xác định quyền sở hữu trong quá trình cải cách thị trường hóa của Trung Quốc. Trước đây, mọi thứ đều là "của nhà nước", phi công là do nhà nước đào tạo, nhà khoa học là do nhà nước đào tạo, vận động viên cũng là do nhà nước đào tạo, sau khi giành được huy chương, trước tiên phải cảm ơn nhà nước, sau đó mới cảm ơn bố mẹ. Không có xác định quyền sở hữu rõ ràng, giao dịch thị trường bình thường không thể được thực hiện, tranh chấp giữa phi công và hãng hàng không sẽ xảy ra hết lần này đến lần khác. Việc thiết kế chế độ chuyển nhượng chỉ là một cách để xác nhận lại quyền sở hữu sau sự việc, mặc dù không hoàn hảo, nhưng có lẽ tốt hơn là không có quyền sở hữu.

Giao dịch với Mỹ, mọi thứ đều phải được dán nhãn theo kích thước của Mỹ. Chi phí do người Mỹ sử dụng đơn vị đo lường Anh, một phần do người nước ngoài gánh chịu.

4. HOA KỲ CẦN TẮN THỦY HOÀNG

Nếu bạn có cơ hội đi máy bay của United Airlines, bạn có thể thử chuyển kênh sang kênh 9, kênh này thường được sử dụng để phát sóng cuộc trò chuyện giữa phi công và đài kiểm soát không lưu mặt đất. Tôi đã đi máy bay của hơn chục hãng hàng không, chỉ có United

Airlines phát sóng trực tiếp cuộc trò chuyện này. Tôi thường đi máy bay của United Airlines để về nước. Máy bay cất cánh từ Mỹ, bay về phía bắc, băng qua Canada, sau đó vượt qua Bắc Cực, sau đó bay qua Siberia và Mông Cổ để đến Bắc Kinh. Khi bay qua biên giới Mỹ-Canada, tôi thường có thể nghe thấy đoạn hội thoại sau giữa phi công và mặt đất:

Phi công: United 885, độ cao 30.000 feet ... (các dữ liệu khác)

Đài kiểm soát không lưu Buffalo: United 885, duy trì độ cao, liên lạc với đài kiểm soát không lưu Toronto phía trước, tần số xxx.

Phi công: Cảm ơn, tạm biệt.

Đài kiểm soát không lưu Buffalo: Tạm biệt.

Phi công: Đài kiểm soát không lưu Toronto, đây là United 885.

Đài kiểm soát không lưu Toronto: United 885, đây là Toronto.

Phi công: United 885, độ cao 12.000 mét ... (các dữ liệu khác)

Đài kiểm soát không lưu Toronto: United 885 (một loạt chỉ thị tiếp theo).

Phi công: United 885 (lặp lại chỉ thị một lần).

Xin hãy chú ý kỹ, nhân viên kiểm soát không lưu của Mỹ sử dụng đơn vị đo lường Anh, trong khi nhân viên kiểm soát không lưu của Canada sử dụng đơn vị đo lường mét. Mỗi khi nghe thấy đoạn hội thoại này, tôi luôn nảy sinh hai ý nghĩ, lần nào cũng vậy. Ý nghĩ 1: nếu phi công nhầm lẫn giữa đơn vị đo lường Anh và đơn vị đo lường mét thì phải làm sao? Ý nghĩ 2: sẽ không, phi công đều là những người chuyên nghiệp, hơn nữa ngay cả khi phi công mắc lỗi, bản thân máy bay và đài kiểm soát không lưu mặt đất cũng có thể phát hiện ra lỗi.

Nhưng những việc như vậy quả thực sẽ xảy ra. Tàu thăm dò sao Hỏa Mars Climate Orbiter do Mỹ phóng vào năm 1998 đã bị rơi khi hạ cánh xuống sao Hỏa vào năm 1999. Sau đó, khi điều tra nguyên nhân sự cố, người ta phát hiện ra rằng, lý do rất đơn giản: một phần của tàu thăm dò do Lockheed Martin sản xuất, lập trình viên của công ty này đã vô tình sử dụng đơn vị đo lường Anh, trong khi NASA quy định sử dụng đơn vị đo lường mét. Số đọc lực đẩy do lập trình viên đặt là pound, trong khi NASA lại nhầm tưởng là newton. 1 pound tương đương với 4,5 newton. Nói cách khác, khi lực đẩy đã rất lớn, bảng điều khiển của NASA vẫn cho rằng lực đẩy không đủ, vì vậy tàu thăm dò cuối cùng đã đi vào quỹ đạo với tư thế kỳ lạ, dẫn đến việc bị rơi. Ngoài ra, sự kiện chuyến bay số 143 của Air Canada hạ cánh khẩn cấp vào năm 1983, một phần cũng là do vấn đề chuyển đổi giữa đơn vị đo lường mét và đơn vị đo lường Anh gây ra. Chuyến bay này, khi bay được chưa đầy nửa chặng đường, đã phát hiện ra rằng tất cả nhiên liệu đã hết, chỉ có thể lựa chọn hạ cánh khẩn cấp. Sau đó, người ta phát hiện ra rằng, trong quá trình đổ xăng, nhân viên đã nhầm lẫn "lít" - đơn vị đo lường mét - thành "gallon" - đơn vị đo lường Anh, phải biết rằng 1 gallon tương đương với 3,785 lít.

Trong thời đại ngày nay, việc chuyển đổi sai giữa đơn vị đo lường mét và đơn vị đo lường Anh, có lẽ ngoài Mỹ, sẽ không xảy ra ở quốc gia thứ hai nào, bởi vì các quốc gia khác đều đã chuyển sang sử dụng đơn vị đo lường mét, chỉ có Mỹ vẫn đang khăng khăng sử dụng đơn vị đo lường Anh. Ngoài ra còn có hai quốc gia không sử dụng đơn vị đo lường mét theo luật định: Liberia và Myanmar. Anh, "tổ tiên" của đơn vị đo lường Anh, từ lâu đã sử dụng đơn vị đo lường mét theo luật, mặc dù người dân có thể vẫn quen sử dụng đơn vị đo lường cũ, nhưng đơn vị đo lường mét được cưỡng chế sử dụng trong hầu hết các trường hợp. Canada đã chuyển đổi sang đơn vị đo lường mét vào những năm 1980. Vụ tai nạn của Air Canada đã đề

cập ở trên đã xảy ra trong quá trình chuyển đổi. Ở Mỹ, bạn gần như hoàn toàn không thể nhìn thấy các đơn vị như kg, độ C, km và ml, thay vào đó là pound, độ F, dặm và ounce. Điều phiền phức là, việc chuyển đổi giữa các đơn vị đo lường Anh và đơn vị đo lường mét này không hề thuận tiện: $1 \text{ pound} = 0,45359237 \text{ kg}$, $\text{độ F} = 1,8 \times \text{độ C} + 32$, $1 \text{ dặm/giờ} = 1,609347 \text{ km/giờ}$, $1 \text{ ounce} = 29,57353 \text{ ml}$.

Xét về góc độ quốc tế, việc Mỹ khẳng định sử dụng hệ thống đo lường của riêng mình là khá "bá đạo", mọi người đều sử dụng đơn vị đo lường mét, chỉ có Mỹ sử dụng đơn vị đo lường Anh. Nhưng bạn gần như không thể "né tránh" sự tồn tại của Mỹ. Giao dịch với Mỹ, mọi thứ đều phải được dán nhãn theo kích thước của Mỹ. Chi phí do người Mỹ sử dụng đơn vị đo lường Anh, một phần do người nước ngoài gánh chịu. Điều này chưa chắc đã là một việc lớn, nhưng bạn hãy xem một trong những điều kiện để gia nhập Liên minh châu Âu (EU) là phải sử dụng đơn vị đo lường mét, vì vậy đơn vị đo lường cũng chưa chắc đã là một việc nhỏ.

Trong tình hình hiện nay, việc cưỡng chế Mỹ chuyển sang sử dụng đơn vị đo lường mét chưa chắc đã là đúng. Việc thay đổi hệ thống đo lường tốn thời gian, công sức và tiền bạc. Có lẽ xét về góc độ phúc lợi toàn cầu, việc Mỹ chuyển sang sử dụng đơn vị đo lường mét là "lợi ích lớn hơn bất lợi". Nhưng việc này sẽ không tự động xảy ra, bởi vì đây là "cải thiện Kaldor", chứ không phải là "cải thiện Pareto". Khi nhìn thấy người Mỹ, do chuyển đổi giữa đơn vị đo lường mét và đơn vị đo lường Anh, đã khiến một dự án hàng không vũ trụ trị giá hàng trăm triệu USD "đổ sông đổ bể", tôi đã nghĩ, liệu nước Mỹ có cần một Tần Thủy Hoàng hay không? Hay là, thế giới này cần một Tần Thủy Hoàng? Hay là, Mỹ thực ra chính là một Tần Thủy Hoàng "thiếu năng lực" và ích kỷ?

Một động cơ khác của cuộc cải cách có thể là Triều Tiên đang rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng hơn, vì vậy cần phải thu thập của cải từ người dân thông qua phương thức "tịch thu". Tôi không rõ người dân Triều Tiên còn bao nhiêu thứ có thể bị "vét sạch", nhưng phương thức "tịch thu" này không khác gì "giết gà lấy trứng".

5. "CẢI CÁCH TIỀN TỆ" KIỂU TỊCH THU CỦA TRIỀU TIÊN

Tôi đi công tác đến một quốc gia nhỏ. Sau khi xuống máy bay, tôi đã đổi USD mang theo bên mình sang tiền tệ địa phương. Sau đó, tôi phát hiện ra rằng, ở địa phương có thể trực tiếp chi tiêu bằng USD. USD phổ biến ở quốc gia này đến mức đài thông tin của công ty điện thoại địa phương còn cung cấp dịch vụ thông tin tỷ giá hối đoái. Bạn gọi một số điện thoại, đối phương sẽ báo cho bạn tỷ giá hối đoái theo giá thị trường lúc đó, chứ không phải tỷ giá hối đoái chính thức. Vì vậy, khi mua sắm, sau khi thỏa thuận giá cả, tôi nói tôi muốn thanh toán bằng USD, người bán hàng thường sẽ lấy điện thoại di động ra, gọi điện hỏi tỷ giá hối đoái, sau đó quy đổi sang USD để thu tiền của tôi. Sau đó, khi đến thăm ngân hàng trung ương của quốc gia này, tôi mới hiểu thêm về chi phí để duy trì tiền tệ trong nước ở một quốc gia nhỏ như vậy. Ở đây chúng ta không thảo luận về chi phí ở cấp độ cao hơn, chẳng hạn như không có đủ nhân tài để hoạch định chính sách tiền tệ hợp lý, dẫn đến việc chính sách tiền tệ của quốc gia này thường xuyên xuất hiện vấn đề. Xét về khía cạnh cơ bản nhất, do họ không có khả năng in tiền giấy, nên chỉ có thể ủy thác cho công ty nước ngoài làm. Kết quả là, một phần lớn trong chi tiêu quốc tế của quốc gia này lại là chi phí in tiền. Trớ trêu hơn là, khi chúng tôi hỏi quan chức trung ương đi cùng về tỷ giá hối đoái trong ngày, vị quan chức đó lại

trực tiếp lấy điện thoại ra để hỏi tỷ giá hối đoái trên thị trường, chứ không phải là báo cho chúng tôi tỷ giá hối đoái chính thức do ngân hàng trung ương quy định.

Triều Tiên có lẽ là một ngoại lệ trong số các quốc gia nhỏ. Theo nhiều thông tin không thể xác minh hoàn toàn, Triều Tiên có kỹ thuật in tiền rất cao siêu, chi phí in tiền sẽ không gây ra bất kỳ trở ngại nào đối với việc quốc gia này phát hành tiền mới. Vào cuối năm 2009, Triều Tiên đã tiến hành "cải cách tiền tệ". Trọng tâm của cuộc "cải cách" là bỏ đi hai số 0 ở cuối tờ tiền cũ để đổi lấy tờ tiền mới, tức là 100 won cũ có thể đổi được 1 won mới. Nhưng Triều Tiên đồng thời cũng quy định giới hạn đổi tiền, mỗi người nhiều nhất chỉ có thể đổi 150.000 won cũ sang won mới, đây vẫn là giới hạn đã được nâng lên sau khi vấp phải sự phản đối. Và theo đưa tin của "New York Times", 150.000 won cũ của Triều Tiên chỉ có giá khoảng 35 USD trên thị trường chợ đen, chưa đến 250 nhân dân tệ. Và theo đưa tin của các tài liệu khác, có thể còn không đáng giá nhiều như vậy.

Tại sao Triều Tiên lại làm như vậy? Các cơ quan tình báo quốc gia có thể có thông tin chính xác hơn. Nếu chỉ nhìn bề ngoài, thì đây căn bản là một kiểu "tịch thu" tụt sọt, và những người bị hại nặng nề nhất có lẽ là người dân thuộc tầng lớp trung lưu. Những người dân nghèo nhất không phải là không bị hại, chỉ là họ vốn dĩ đã rất nghèo, không còn "không gian" để trở nên tồi tệ hơn nữa.

Có thông tin cho rằng, mục đích của cuộc "cải cách" này là để "san bằng giàu nghèo". Việc đặt ra giới hạn đổi tiền, tương đương với việc tịch thu tài sản "trên trời rơi xuống" của người giàu. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng, việc Triều Tiên làm như vậy rất có thể sẽ phản tác dụng. Nếu tôi là một người Triều Tiên giàu có, tôi tuyệt đối sẽ không cất giữ tài sản của mình dưới dạng won Triều Tiên, bởi vì won Triều Tiên có lẽ là loại tiền tệ vô giá trị nhất trên thế giới này. Số tiền này không những không mua được gì ở Triều Tiên, bởi vì hầu hết các mặt hàng đều được phân phối, mà còn không mua được gì ở nước ngoài, bởi vì có lẽ không có nơi nào khác trên thế giới này chấp nhận won Triều Tiên. Tôi khá chắc chắn rằng, người giàu ở Triều Tiên chắc chắn cất giữ tài sản dưới dạng hàng hóa thông dụng hoặc hiện vật, cuộc cải cách tiền tệ này đối với họ sẽ không có bất kỳ ảnh hưởng thực chất nào. Còn những người Triều Tiên nghèo nhất cũng có thể sẽ không bị ảnh hưởng, bởi vì họ căn bản không có tài sản. Cuộc cải cách này sẽ chỉ ảnh hưởng đến những người Triều Tiên thuộc tầng lớp trung lưu. Tôi không rõ người như thế nào được coi là tầng lớp trung lưu ở Triều Tiên. Có lẽ là công chức nhà nước bình thường, có lẽ là cán bộ trung cấp của quân đội. Những người này có nhiều khả năng nắm giữ won Triều Tiên tương đối nhiều, và do đó phải đối mặt với số phận bị tịch thu tài sản trong cuộc cải cách này. Vấn đề là, nếu cuộc "cải cách" này cuối cùng "đắc tội" với những người này, thì không thể coi là một hành động khôn ngoan về mặt chính trị.

Một động cơ khác của cuộc cải cách có thể là Triều Tiên đang rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng hơn, vì vậy cần phải thu thập của cải từ người dân thông qua phương thức "tịch thu". Tôi không rõ người dân Triều Tiên còn bao nhiêu thứ có thể bị "vét sạch", nhưng phương thức "tịch thu" này không khác gì "giết gà lấy trứng". Nó chắc chắn đang nói với người dân rằng, đừng nắm giữ won Triều Tiên, có tiền phải đổi sang hiện vật. Còn một loại tiền tệ mà không ai muốn nắm giữ, ngoài mất giá, không còn khả năng nào khác. Nếu won mới của Triều Tiên mất giá mạnh gấp trăm lần hoặc nghìn lần trên thị trường chợ đen ngay sau khi cải cách, thì cũng không có gì phải ngạc nhiên. Nếu Triều Tiên xảy ra siêu lạm phát trong một thời gian ngắn trong tương lai, ngay cả khi giá chính thức của hàng hóa không thay đổi, nhưng giá chợ đen tăng vọt, thì cũng không có gì phải ngạc nhiên. Ngược lại, nếu những việc này không xảy ra, thì mới là điều đáng ngạc nhiên.

Sau đó, truyền thông Hàn Quốc đưa tin rằng, Triều Tiên quả thực đã xuất hiện tình trạng thị trường hỗn loạn trên toàn quốc, giá chợ đen tăng vọt sau khi "cải cách" tiền tệ. Và quan chức cấp cao chủ trì cuộc "cải cách" này cũng đã bị cách chức, thậm chí còn có tin tức cho rằng ông ta đã bị xử tử.

Cho dù ai chủ trì cuộc "cải cách" như vậy, thì thất bại cũng là điều đã được định sẵn, cuối cùng trở thành "vật tế thần" cũng không có gì phải bàn cãi.

Để duy trì sự ổn định của Khu vực đồng euro, châu Âu có hai lựa chọn: thứ nhất là đẩy nhanh hội nhập, xóa bỏ hoàn toàn biên giới quốc gia, cho dù là biên giới kinh tế hay biên giới chính trị, khiến cho sự không thống nhất giữa các chính sách có thể được "giải phóng" thông qua các cách khác, chẳng hạn như di cư dân số, luân chuyển đầu tư và luân chuyển hàng hóa, nói cách khác, là đẩy nhanh quá trình hướng tới một quốc gia kiểu liên bang; thứ hai là yêu cầu các quốc gia thực hiện các chính sách vĩ mô thống nhất một cách nghiêm ngặt hơn.

6. MUNDELL VÀ KRUGMAN, AI THẮNG AI THUA CHƯA RÕ

Cả Robert Mundell và Paul Krugman đều là người đoạt giải Nobel Kinh tế, thời gian đoạt giải cách nhau chưa đến 10 năm. Xét về bối cảnh, Mundell được coi là "sư tổ" của Krugman, bởi vì Mundell là thầy của Rudi Dornbusch, Dornbusch là thầy của Krugman. Nhưng Mundell là "fan" của tỷ giá hối đoái cố định, còn Krugman lại hoàn toàn ngược lại.

"Đưa con tinh thần" của Mundell - đồng euro - gần đây đã gặp một chút rắc rối. Một số quốc gia trong Khu vực đồng euro, nổi tiếng nhất là Hy Lạp, đã rơi vào khủng hoảng nợ do thâm hụt tài chính rất lớn. Trong mô hình khủng hoảng tiền tệ thế hệ thứ nhất nổi tiếng của mình, Krugman đã từng miêu tả một cách sinh động rằng, việc tiền tệ (mất giá mạnh) có lẽ là số phận của những quốc gia "chi tiêu quá mức" như Hy Lạp. Nhưng trong Khu vực đồng euro, việc tiền tệ của một quốc gia mất giá là không thể xảy ra về mặt kỹ thuật. Trừ khi đồng euro tan rã, nếu không thì sẽ không có chuyện tiền tệ của một quốc gia mất giá. Có thể nói, "kịch bản ngày tận thế" của Krugman đã gặp phải "kế liên hoàn" của "sư tổ".

Mọi việc tất nhiên không hề đơn giản như vậy. Việc duy trì tỷ giá hối đoái không đổi là phải trả giá. Lấy Hy Lạp làm ví dụ, vì tài chính có một "lỗ hổng" lớn, nên phải "lấp đầy" "lỗ hổng" này. Nếu cho phép tiền tệ mất giá, thì có thể giảm nhập khẩu, tăng xuất khẩu thông qua việc mất giá, từ đó giúp "lấp đầy" "lỗ hổng" này. Nhưng bây giờ lựa chọn này không tồn tại. Kết quả là chỉ có thể "lấp đầy" thông qua tài chính. Vấn đề là, rốt cuộc ai sẽ "lấp đầy" "lỗ hổng" này? Trên thực tế, không có nhiều lựa chọn: người Hy Lạp tự "lấp" hoặc các quốc gia khác trong Khu vực đồng euro "lấp", hoặc là Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) "lấp". Nhưng "lấp đầy" "lỗ hổng" là phải trả bằng "tiền thật". Người nộp thuế ở Đức và Pháp sẽ hỏi: tại sao chúng tôi phải "thắt lưng buộc bụng" để trả giá cho "cuộc chè chén say sưa" của Hy Lạp trong những năm trước, tại sao chúng tôi phải nghỉ hưu ở tuổi 65, nhưng lại phải vay tiền cho Hy Lạp, trả lương hưu cho những công chức nghỉ hưu ở tuổi 55 ở đó? Người Hy Lạp sẽ nói, hãy để chúng tôi tự giải quyết vấn đề nợ của mình. Điều này có nghĩa là Hy Lạp phải cắt giảm chi tiêu một cách sâu rộng đồng thời tăng thu nhập tài chính - cắt giảm tiền lương, cắt giảm lương hưu, cắt giảm kinh phí giáo dục, cắt giảm y tế và tăng thuế mạnh, bất kỳ điều nào cũng sẽ khiến người dân "xuống đường".

May là Hy Lạp không lớn. Việc cứu Hy Lạp, đối với Đức, Pháp và toàn bộ Khu vực đồng euro, không phải là một nhiệm vụ bất khả thi. Xét theo thỏa thuận cho Hy Lạp vay do EU và IMF công bố vào tháng 5 năm 2010, EU và IMF sẽ "bơm" 145 tỷ USD trong vòng 3 năm để giúp Hy Lạp vượt qua cuộc khủng hoảng tạm thời, nhưng cuối cùng Hy Lạp vẫn cần phải trả nợ và "lấp đầy" thâm hụt tài chính thông qua việc tăng thuế và cắt giảm chi tiêu mạnh, bao gồm cả chi tiêu quân sự.

Những gì đã xảy ra ở Hy Lạp đã khiến cho sự "căng thẳng" giữa đồng tiền chung và các chính sách không thống nhất của các quốc gia khác nhau được thể hiện một cách rất triệt để, đến mức, khi đồng ý "bơm" tiền để cứu Hy Lạp, Thủ tướng Đức Angela Merkel đã nói một cách rất miễn cưỡng: "Việc chúng ta tiếp nhận Hy Lạp làm thành viên của Khu vực đồng euro, nhìn lại, thì những điều kiện lúc đó chưa chín muồi". "Wall Street Journal" thậm chí còn gọi sự "căng thẳng" này là "tội lỗi nguyên thủy" của đồng euro. Hơn nữa, "tội lỗi nguyên thủy" này sẽ không biến mất chỉ vì Hy Lạp được cứu. Lần này việc xảy ra ở Hy Lạp, lần sau không biết sẽ xảy ra ở quốc gia nào.

Để duy trì sự ổn định của Khu vực đồng euro, châu Âu có hai lựa chọn: thứ nhất là đẩy nhanh hội nhập, xóa bỏ hoàn toàn biên giới quốc gia, cho dù là biên giới kinh tế hay biên giới chính trị, khiến cho sự không thống nhất giữa các chính sách có thể được "giải phóng" thông qua các cách khác, chẳng hạn như di cư dân số, luân chuyển đầu tư và luân chuyển hàng hóa, nói cách khác, là đẩy nhanh quá trình hướng tới một quốc gia kiểu liên bang; thứ hai là yêu cầu các quốc gia thực hiện các chính sách vĩ mô thống nhất một cách nghiêm ngặt hơn. Thực tế đã chứng minh rằng, cách thứ hai rất khó khăn. Hy Lạp đã không thực hiện được cam kết của mình khi gia nhập Khu vực đồng euro, thậm chí còn gian lận số liệu của mình.

Nếu Khu vực đồng euro không loại bỏ "tội lỗi nguyên thủy" của chính mình, thì hai quan điểm hoàn toàn khác nhau về tỷ giá hối đoái, đại diện là Mundell và Krugman, sẽ va chạm hết lần này đến lần khác. Lần này, có lẽ Mundell đã "giành chiến thắng" một cách miễn cưỡng, lần sau, ai thắng ai thua, thì chưa biết được.

(1) Tai nạn Chernobyl là một vụ tai nạn lò phản ứng hạt nhân xảy ra vào năm 1986 tại nhà máy điện hạt nhân Chernobyl ở Ukraine, Liên Xô. Vụ tai nạn này được coi là vụ tai nạn nhà máy điện hạt nhân nghiêm trọng nhất trong lịch sử loài người, cũng là sự kiện cấp 7 duy nhất trong Bảng phân loại sự kiện hạt nhân quốc tế (INES), là một thảm họa công nghệ lớn trong quá trình con người sử dụng năng lượng hạt nhân một cách hòa bình. Khiến cho hàng nghìn người bị nhiễm phóng xạ mạnh, hàng chục nghìn người phải sơ tán, thiệt hại đối với môi trường là không thể đo lường được.

CHƯƠNG 15: CON NGƯỜI THÔNG MINH ĐẾN MỨC NÀO

Bài viết "Vụ bê bối Enron và giao dịch thời tiết" là một bài viết hơi mang tính "tự giễu", kể về việc Enron - công ty đã phá sản - đã cố gắng tạo ra chủ đề mới như thế nào, đó là giao dịch thời tiết, để "cứu vãn" số phận phá sản "không thể cứu vãn". Nhưng ý tưởng của Enron, đối với những người học kinh tế, là không có gì bất ngờ. Việc mua bán thời tiết, thậm chí là những ý tưởng "cấp tiến" hơn, đã tồn tại trong các mô hình kinh tế học từ nhiều năm trước.

Bài viết "Sự thật về kinh tế học ma quỷ" muốn thảo luận không hoàn toàn là về "kinh tế học ma quỷ", mà là về sự phức tạp của thế giới này. "Sự thật" và "chân tướng" trong thế giới phức tạp này hoàn toàn không rõ ràng, "trắng đen rõ ràng". "Kinh tế học ma quỷ" chỉ là một ví dụ rất minh họa cho vấn đề.

Bài viết "Thử nghiệm tư duy" thảo luận về một vấn đề rất nghiêm túc: việc con người "nhìn ngắn" rốt cuộc có thể gây ra tác hại lớn đến mức nào? Ngoài những điều mà chúng ta có thể nhìn thấy hiện nay, chẳng hạn như suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, etc., việc con người "nhìn ngắn" rất có thể sẽ phá hủy nền tảng tồn tại của chính họ, khiến cho sự tồn tại của bản thân loài người mất đi ý nghĩa. Bởi vì ý nghĩa tồn tại của chúng ta, ít nhất là một phần, nằm ở việc chúng ta biết rằng thế hệ con cháu của chúng ta sẽ tồn tại vô thời hạn.

Bài viết "Con người thông minh đến mức nào" suy ngẫm về sự "căng thẳng" giữa tiến bộ thần tốc của loài người trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và sự phát triển chậm chạp (thậm chí là thụt lùi) trong lĩnh vực xã hội. Từ các cuộc chiến tranh thế giới, đến "bóng ma" chiến tranh hạt nhân, đến sự nóng lên toàn cầu hiện nay, khoa học kỹ thuật khiến con người có thể làm được rất nhiều việc mà trước đây không thể tưởng tượng được. Nhưng nếu không có sự tiến bộ tương ứng trong lĩnh vực xã hội, thì liệu tiến bộ khoa học kỹ thuật là có lợi hay có hại đối với loài người, theo tôi, là điều không rõ ràng.

Không chỉ thời tiết có thể được giao dịch, mà bất kỳ thứ gì khác cũng có thể được giao dịch - vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thứ gì cũng có thể được mua bán trên thị trường. Bạn có thể mua bán việc liệu tổng thống Mỹ sau 50 năm nữa là nam hay nữ, bạn có thể mua bán việc liệu Faye Wong có mang thai lagi hay không, bạn có thể mua bán việc liệu Trái đất có còn tồn tại sau 10 triệu năm nữa hay không, bạn cũng có thể mua bán việc liệu bạn có thể trở thành triệu phú sau 30 năm nữa hay không.

1. VỤ BÊ BỐI ENRON VÀ GIAO DỊCH THỜI TIẾT

Vụ bê bối Enron đã xảy ra ở Mỹ vào năm 2001. Sau đó, hai phóng viên của tạp chí "Fortune" đã viết một cuốn sách dựa trên sự kiện này, "The Smartest Guys in the Room: The Amazing Rise and Scandalous Fall of Enron". Cuốn sách này rất bán chạy, nằm trong top đầu bảng xếp hạng bán chạy trong một thời gian dài, và đã được chuyển thể thành phim tài liệu cùng tên, cũng rất hay.

Vụ bê bối Enron, nói một cách đơn giản, là một công ty năng lượng có năng lực đổi mới, đã che giấu việc đầu tư thất bại và "thu không đủ chi" của mình bằng cách gian lận, tạo

cho thị trường một ảo tưởng về sự thành công liên tục, cho đến khi "sụp đổ". Trong quá trình này, Enron liên tục tung ra các sản phẩm mới, đầu tư vào các dự án mới, và tuyên bố rằng chúng là điểm tạo ra lợi nhuận trong tương lai của công ty. Nhưng rất nhiều dự án cho đến nay vẫn là "dự án dang dở", chẳng hạn như dự án nhà máy điện của họ ở Ấn Độ.

Trong bộ phim tài liệu, có một đoạn kể về việc tác giả cố ý "chế giễu" Enron: vào thời điểm "cạn kiệt sức lực", để tìm kiếm điểm tạo ra lợi nhuận mới để hỗ trợ giá cổ phiếu đã cao đến mức "phi lý", Enron đã "thả tiếng gió" rằng họ đang thiết kế một loại sản phẩm phái sinh mới, cho phép mọi người mua bán thời tiết trong tương lai. May mắn thay, sản phẩm này vẫn chưa được tung ra thị trường, thì Enron đã "sụp đổ" một cách "đột ngột".

Có lẽ bạn sẽ cảm thấy đây là một trò đùa, nhưng đối với các nhà kinh tế học, đặc biệt là đối với những người nghiên cứu kinh tế học vĩ mô, thì đây hoàn toàn không phải là một trò đùa. Ngược lại, đây là một việc rất nghiêm túc. Trước tiên, hãy để tôi giải thích tại sao việc cho phép mọi người mua bán thời tiết, về lý thuyết, là một "điều tốt".

Giả sử bạn là một người nông dân, hoặc sở hữu một khu trượt tuyết, hoặc là người bán kem, nói chung là ngành nghề bạn đang kinh doanh rất phụ thuộc vào việc thời tiết tốt hay xấu. Bạn phải đối mặt với rủi ro do biến động thời tiết, vì vậy bạn hy vọng có thể "phòng ngừa rủi ro" hoặc mua bảo hiểm bằng cách nào đó. Nhưng do bạn không thể mua bán thời tiết tốt hay xấu, nên việc "phòng ngừa rủi ro" thời tiết, ngay cả khi không phải là không thể, cũng là rất khó khăn. Vì vậy, về lý thuyết, nếu thị trường tồn tại giao dịch sản phẩm phái sinh về thời tiết tốt hay xấu, thì mọi người có thể "phòng ngừa rủi ro" thời tiết. Đây là một điều không còn gì tốt hơn. Ví dụ, nếu tôi là chủ một khu trượt tuyết, bạn là chủ một cửa hàng kem, thì chúng ta có thể "mua bán thời tiết" lẫn nhau, bởi vì tôi hy vọng thời tiết lạnh hơn, bạn hy vọng thời tiết nóng hơn, chúng ta có thể ký hợp đồng. Nếu thời tiết lạnh hơn, chủ khu trượt tuyết sẽ trả cho chủ cửa hàng kem một khoản tiền, nếu thời tiết nóng hơn, thì chủ cửa hàng kem sẽ trả cho chủ khu trượt tuyết một khoản tiền. Từ đó, cả hai chủ đều mua bảo hiểm cho thời tiết "xấu" mà họ không muốn xảy ra. Về lý thuyết, sản phẩm phái sinh như vậy sẽ nâng cao phúc lợi của con người.

Nếu bạn thực sự "mê tín" thị trường đến mức "không gì sánh bằng", bạn có thể sẽ hỏi: tại sao một thị trường quan trọng như vậy, tức là thị trường giao dịch thời tiết, cho đến nay vẫn chưa ra đời? Trên thực tế, thị trường như vậy là tồn tại, chỉ là quy mô không lớn. Nguyên nhân, tôi phỏng đoán, có bốn loại sau: quy định của chính phủ khiến cho thị trường này không phát triển lớn; các công cụ phái sinh khác có thể gián tiếp "phòng ngừa rủi ro" thời tiết, do đó không cần phải có một thị trường giao dịch thời tiết riêng biệt; phúc lợi được cải thiện thông qua việc giao dịch rủi ro thời tiết nhìn chung tương đối nhỏ, dẫn đến việc giao dịch thời tiết thực ra không cần thiết lắm; ở những khu vực có biến động thời tiết lớn, đã có các công nghệ khác được áp dụng để ứng phó với biến động thời tiết, do đó tác động của biến động thời tiết đối với hoạt động kinh tế đã có thể được kiểm soát hợp lý.

Trên thực tế, các nhà kinh tế học từ lâu đã giả định rằng thời tiết có thể được giao dịch trong lý thuyết. Nhiều mô hình vĩ mô, đặc biệt là mô hình chu kỳ kinh tế thực, đều giả định rằng thị trường là hoàn hảo. Nói cách khác, không chỉ thời tiết có thể được giao dịch, mà bất kỳ thứ gì khác cũng có thể được giao dịch - vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thứ gì cũng có thể được mua bán trên thị trường. Bạn có thể mua bán việc liệu tổng thống Mỹ sau 50 năm nữa là nam hay nữ, bạn có thể mua bán việc liệu Faye Wong có mang thai lagi hay không, bạn có thể mua bán việc liệu Trái đất có còn tồn tại sau 10 triệu năm nữa hay không, bạn cũng có thể mua bán việc liệu bạn có thể trở thành triệu phú sau 30 năm nữa hay không. Xét về điểm này, Enron có lẽ vẫn chưa phải là "sáng tạo" nhất.

Do đó, hai phóng viên đó đã nhầm, những người thông minh nhất trong phòng không phải là những người của Enron, mà là các nhà kinh tế học. Ngoài ra, điều đáng nói là, hai nhà kinh tế học đã hiểu ra điều này đã lần lượt giành được giải Nobel Kinh tế, tên của họ là Kenneth Arrow và Gerard Debreu, đều là những nhà kinh tế học lý thuyết vĩ đại. Có lẽ họ sẽ không ngờ rằng, lý thuyết do họ xây dựng, thông qua một chút thay đổi nhỏ, đã suýt trở thành công cụ để Enron tiếp tục lừa đảo.

Trong "Freakonomics" nổi tiếng của Steven Levitt, mỗi câu chuyện đều dựa trên nghiên cứu thực nghiệm của ông ấy. Ông ấy là một nhà kinh tế học cực kỳ thông minh. Nhưng những người làm nghiên cứu kinh tế học đều biết rằng, những nghiên cứu thực nghiệm đó của ông ấy, không nghiên cứu nào là không tồn tại "lỗ hổng chết người", tất cả các kết luận của ông ấy đều bị lật đổ bởi những nghiên cứu cẩn thận hơn sau này.

2. SỰ THẬT VỀ KINH TẾ HỌC MA QUỶ

Câu nói mở đầu của mỗi tập "Tiêu điểm phỏng vấn" (chương trình tin tức điều tra của Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc) là: nói bằng sự thật. Nhưng ai có thể nói cho tôi biết, sự thật là gì, chân tướng của sự thật là gì? Tôi không muốn bình luận về "Tiêu điểm phỏng vấn", tôi chỉ muốn nói một số điều đơn giản.

Xin hỏi, giá nhà hiện nay có đắt hay không? Đắt!

Đắt đến mức nào? Là hơi đắt, đắt, rất đắt hay đặc biệt đắt? Xin hỏi, "hơi", "đắt", "rất" và "đặc biệt", những phó từ này có gì khác nhau, được xác định như thế nào?

Tôi nhận thấy rằng, phần lớn những cuộc "cãi vã" trên thế giới đều bắt nguồn từ việc mô tả sự thật bằng ngôn ngữ khác nhau, một trong những lý do là do tính không chính xác của ngôn ngữ. Nói một cách cực đoan, một số sự thật, nếu chỉ mô tả bằng ngôn ngữ, thì sẽ không bao giờ có thể rõ ràng đến mức không còn bất kỳ sự mơ hồ nào. Bạn nói giá nhà đã tăng 50% so với cùng kỳ năm ngoái, việc tăng 50% là một sự thật rõ ràng. Còn cảm nhận và đánh giá cá nhân của bạn, chẳng hạn như bạn cho rằng giá nhà đã trở nên hơi đắt hoặc rất đắt, sẽ không ảnh hưởng đến bản thân con số 50%. Đây chính là lý do tại sao trong nhiều trường hợp, việc "nói bằng con số" phản ánh chân tướng của sự việc tốt hơn so với việc "nói bằng sự thật".

Cựu Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Alan Greenspan, đã viết về một sự kiện trong hồi ký của mình: vào thời kỳ Reagan, ông từng lãnh đạo một nhóm cải cách bảo hiểm hưu trí bao gồm những người thuộc Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa bất đồng quan điểm rất lớn về cách cải cách bảo hiểm hưu trí, cách giải thích của họ về sự thật cũng hoàn toàn khác nhau. Vì vậy, ông đã đặt ra quy tắc, trước khi thảo luận về bất kỳ chủ đề nào, phải để tất cả mọi người đạt được sự đồng thuận về dữ liệu liên quan. Thứ nhất, con số là không có đảng phái, việc đạt được sự đồng thuận về con số tương đối dễ dàng hơn; thứ hai, và quan trọng nhất, việc làm này có thể tránh được việc nhiều người lợi dụng tài hùng biện của mình để "nói trắng thành đen", từ đó có khả năng giải quyết được vấn đề thực sự.

Nhưng, việc "nói bằng con số" là đủ hay chưa? Không, còn lâu mới đủ! Chúng ta tạm thời không thảo luận về những con số do Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố thường xuyên bị nghi ngờ, chúng ta giả định rằng tất cả dữ liệu đều là chính xác. Nếu chỉ bằng con số là có thể "gõ" ra "chân tướng", thì những người quan trọng nhất trên thế giới phải là các nhà thống kê, tổ chức quan trọng nhất trên thế giới phải là Cục Thống kê.

Vấn đề của con số là nó chỉ là con số, nếu bạn không biết phân tích, không biết so sánh, thì con số sẽ mãi chỉ là "cứng nhắc", sẽ không cung cấp chân tướng. Tôi tin rằng tất cả những người được đào tạo bài bản về kinh tế học đều sẽ đồng ý rằng, hầu hết tất cả các bài báo kinh tế học thực nghiệm "nói bằng con số" trên thế giới đều ít nhiều gây tranh cãi. Trong "Freakonomics" nổi tiếng của Steven Levitt, mỗi câu chuyện đều dựa trên nghiên cứu thực nghiệm của ông ấy. Ông ấy là một nhà kinh tế học cực kỳ thông minh. Nhưng những người làm nghiên cứu kinh tế học nên đều biết rằng, những nghiên cứu thực nghiệm đó của ông ấy, không nghiên cứu nào là không tồn tại "lỗ hổng chết người", tất cả các kết luận của ông ấy đều bị lật đổ bởi những nghiên cứu cẩn thận hơn sau này. Tôi có một cuốn "Quarterly Journal of Economics" (tạp chí kinh tế học của Nhà xuất bản MIT) tháng 2 năm 2008, bài báo áp chót trong đó chính là bài báo chỉ trích bài báo nổi tiếng của Levitt "Việc hợp pháp hóa phá thai dẫn đến tỷ lệ tội phạm giảm", bài báo cuối cùng là phản hồi của Levitt. Độc giả đã đọc "Freakonomics" chắc chắn biết câu chuyện này: Levitt và đồng tác giả của ông ấy đã phát hiện ra rằng, sự sụt giảm đột ngột của tỷ lệ tội phạm ở Mỹ vào những năm 1990 có liên quan trực tiếp đến việc hợp pháp hóa phá thai ở Mỹ vào những năm 1970. Lý do là việc hợp pháp hóa phá thai đã làm giảm số lượng trẻ em được sinh ra khi chưa chuẩn bị sẵn sàng, mà những đứa trẻ này dễ đi vào con đường phạm tội hơn. Levitt đã giải thích mọi việc một cách đơn giản, rõ ràng, câu chuyện cũng hay. Nhưng phân tích hồi quy thực nghiệm - cơ sở của quan điểm quan trọng - lại là một hồi quy sai lầm, bởi vì nó thiếu một biến chéo rất quan trọng. Có hay không có biến chéo này, kết luận hoàn toàn khác nhau. Nếu thêm biến chéo này vào, thì phát hiện của Levitt sẽ không còn tồn tại nữa. Mặc dù điều này không thể chứng minh hoàn toàn rằng kết luận của Levitt là sai, nhưng ít nhất cũng chứng tỏ rằng bằng chứng ban đầu do ông ấy đưa ra là không đứng vững. Levitt nhấn mạnh trong phản hồi của mình: "Việc phạm phải sai lầm như vậy rất 'mất mặt', nhưng nếu chúng tôi không tự công bố dữ liệu và quy trình gốc, thì sai lầm này căn bản không thể bị phát hiện". Ý muốn nói rằng, chúng tôi không có ý phạm phải sai lầm này. Sau đó, Levitt đã "vả lỗi" cho sai lầm của mình, một lần nữa chứng minh rằng phát hiện của ông ấy là đúng, mặc dù không còn rõ ràng như trong nghiên cứu ban đầu. Tôi cũng cảm thấy câu chuyện của Levitt rất hấp dẫn, chỉ là chân tướng của sự thật rõ ràng không "trắng đen rõ ràng" như ông ấy miêu tả ban đầu.

Chân tướng của sự thật là gì? Trên biểu tượng của Đại học Harvard có một từ tiếng Latinh: "Veritas". Có nghĩa là "Truth", nhiều người dịch nó thành "chân lý", thực ra dịch thành "chân tướng" cũng được.

Có lẽ, chân tướng của sự thật mới là mục tiêu theo đuổi cuối cùng của loài người.

Nền tảng quan trọng cho sự tồn tại của xã hội loài người không chỉ nằm ở chính chúng ta, mà còn nằm ở thế hệ con cháu của chúng ta. Việc chúng ta "nhìn ngắn", thực chất là đang phá hủy nền tảng tồn tại của chính mình, vì vậy hậu quả thực sự của việc "nhìn ngắn" có thể còn tồi tệ hơn nhiều so với những kết quả mà chúng ta có thể quan sát trực tiếp hiện nay.

3. THỬ NGHIỆM TƯ DUY

Những người có thể viết bài cho "New York Times", không ai là không "cực kỳ" lợi hại, chẳng hạn như Paul Krugman - người đoạt giải Nobel Kinh tế, Thomas Friedman - tác giả cuốn sách "Thế giới phẳng", etc., nhưng nhà bình luận "New York Times" mà tôi thích nhất vẫn là David Brooks.

Một ngày nọ, Brooks đã thảo luận về một việc, mặc dù gần như không thể xảy ra, nhưng lại rất thú vị, trong bài báo của mình (thuật ngữ chuyên ngành gọi là thử nghiệm tư duy): nếu tất cả mọi người ở một bán cầu trên Trái đất, chẳng hạn như Tây bán cầu, đột nhiên mất khả năng sinh sản, thì điều này sẽ có ý nghĩa gì?

Brooks cực kỳ bị quan, ông ấy dự đoán: xã hội ở bán cầu mất khả năng sinh sản đó sẽ tan rã, hơn nữa không thể tránh khỏi việc xã hội tan rã thông qua việc "nhập khẩu" dân số từ bán cầu còn lại có khả năng sinh sản. Lý do không phức tạp, nếu tất cả mọi người đều biết rằng tất cả những gì họ đang làm hiện nay sẽ không còn ý nghĩa gì sau vài chục năm nữa, nhóm người của họ sẽ không còn tồn tại nữa, thì bây giờ họ sẽ lựa chọn từ bỏ, từ đó dẫn đến việc xã hội tan rã. Tương tự, mặc dù người nhập cư mới có khả năng sinh sản, nhưng nếu họ biết rằng xã hội mà họ đang hòa nhập sẽ không còn tồn tại sau vài chục năm nữa, thì họ sẽ không có động lực để tiếp tục hòa nhập, do đó người nhập cư mới không phải là cách để tránh việc xã hội tan rã.

Tôi cảm thấy rằng, kết luận cụ thể là gì không quan trọng. Mọi người đều có thể tưởng tượng ra tình huống "không thể xảy ra" này, nhưng tất cả những tưởng tượng đều không thể được kiểm chứng, ai đoán đúng, ai đoán sai, không thể phân biệt thắng thua một cách triệt để.

Tôi thích thử nghiệm tư duy này, nó đặt việc chúng ta, với tư cách là một nhóm người, quan tâm đến thế hệ con cháu của mình như thế nào vào một tình huống cực đoan - hoàn toàn không có thế hệ con cháu, sau đó "tra khảo": những thế hệ con cháu chưa từng gặp mặt, chưa được sinh ra đó có ý nghĩa gì đối với chúng ta, đối với nhóm người đã sống trên thế giới này. Cá nhân có thể lựa chọn có sinh con để cái hay không, có quan tâm đến thế hệ con cháu hay không, nhưng thử nghiệm tư duy này đã bỏ qua lựa chọn của cá nhân, "tra khảo" toàn bộ nhóm người.

Tôi không hiểu ý đồ của Brooks khi viết bài báo này, nhưng tôi cho rằng, câu hỏi và câu trả lời do ông ấy đưa ra rất quan trọng đối với việc chúng ta thảo luận về những vấn đề như sự nóng lên toàn cầu, bảo vệ môi trường và thâm hụt tài chính, etc., bởi vì ở một mức độ lớn, hậu quả của những việc này là do thế hệ con cháu của chúng ta gánh chịu. Hành vi của con người trong nhiều trường hợp là "nhìn ngắn" đến mức kỳ lạ, nếu điều Brooks nghĩ là đúng, thì nền tảng quan trọng cho sự tồn tại của xã hội loài người không chỉ nằm ở chính chúng ta, mà còn nằm ở thế hệ con cháu của chúng ta. Việc chúng ta "nhìn ngắn", thực chất là đang phá hủy nền tảng tồn tại của chính mình, vì vậy hậu quả thực sự của việc "nhìn ngắn" có thể còn tồi tệ hơn nhiều so với những kết quả mà chúng ta có thể quan sát trực tiếp hiện nay. Ví dụ, sự nóng lên toàn cầu cuối cùng không chỉ phá hủy môi trường và khí hậu, mà còn phá hủy toàn bộ xã hội loài người.

Chúng ta đã để lại quá nhiều "gánh nặng" cho thế hệ con cháu chưa được sinh ra, từ môi trường bị suy thoái, khí hậu nóng lên, đến tài nguyên cạn kiệt, nợ nần chồng chất, đã đến lúc tự hỏi bản thân: nếu không có thế hệ con cháu, liệu sự tồn tại của chúng ta còn có ý nghĩa hay không?

Đôi khi tôi thực sự nghi ngờ rằng, liệu sự phát triển thần tốc của loài người trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và sự tiến bộ chậm chạp (thậm chí là thụt lùi) trong lĩnh vực khoa học xã hội, rốt cuộc là phúc hay họa của loài người.

4. CON NGƯỜI THÔNG MINH ĐẾN MỨC NÀO

Hai sự kiện xảy ra vào khoảng năm 2009 đã khiến tôi cảm thấy hình thành một sự đối lập thú vị. Thứ nhất, những người của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ và Phố Wall "chen chúc" với nhau, "vò đầu bứt tai" muốn tìm hiểu xem tác động của cuộc khủng hoảng dưới chuẩn này sẽ lớn đến mức nào, rốt cuộc có thể làm gì để tránh cuộc khủng hoảng này đi đến kết cục "không thể cứu vãn"; thứ hai, các nhà vật lý hàng đầu thế giới tập trung tại châu Âu, tạo ra "Vụ nổ lớn" một cách giả tạo, hy vọng từ đó có được hiểu biết sâu sắc hơn về vũ trụ. Một trong những điểm chung của hai việc này là đều có các nhà vật lý lý thuyết tham gia. Phố Wall thuê một lượng lớn các nhà vật lý lý thuyết để xây dựng các mô hình định lượng, còn "Vụ nổ lớn" là một mô hình đẹp đẽ khác do các nhà vật lý lý thuyết xây dựng. Tôi tình cờ quen biết một số nhà vật lý lý thuyết làm việc trên Phố Wall, trước khi chuyển nghề, họ đều nghiên cứu về "Vụ nổ lớn". Và hai việc này lại hoàn toàn khác nhau, một việc là do con người tự tạo ra, nhưng con người lại không hiểu rõ nó rốt cuộc là như thế nào; việc kia là thứ đã tạo ra con người, nhưng con người lại đang cố gắng tìm hiểu.

Đôi khi tôi thực sự nghi ngờ rằng, liệu sự phát triển thần tốc của loài người trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và sự tiến bộ chậm chạp (thậm chí là thụt lùi) trong lĩnh vực khoa học xã hội, rốt cuộc là phúc hay họa của loài người. Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, mặc dù kiến thức của chúng ta vẫn còn hạn chế, nhưng chúng ta đã có thể thay đổi, cải tạo hoặc phá hủy Trái đất của chúng ta với tốc độ, độ cao (hoặc độ sâu) và quy mô chưa từng có. Trong lĩnh vực khoa học xã hội, mặc dù chúng ta cũng có những bước tiến dài và đã nắm vững một số kỹ thuật, nhưng rất khó để nói rằng xã hội loài người đã hoàn toàn thoát khỏi trạng thái "man rợ" và "ngu muội". Loài người giống như một đứa trẻ có tư chi đã phát triển cực độ, sở hữu sức mạnh của "lực sĩ", nhưng bộ não điều khiển tư chi vẫn còn tương đối đơn giản.

Một giáo sư mà tôi rất kính trọng đã từng nói một cách hài hước: "Tình huống đáng sợ nhất trên thế giới này là kẻ xấu nắm giữ công nghệ cao", ông ấy đang nói đến khía cạnh bảo vệ môi trường. Trước đây, một người chỉ có một chiếc rìu để chặt cây, cho dù anh ta có chặt như thế nào, thì một năm cũng không thể chặt được bao nhiêu. Bây giờ, sử dụng máy móc và hóa chất, một người có thể san phẳng vài ngọn núi, "đầu độc" chết hết cá trong một cái hồ chỉ trong một đêm. Kẻ xấu hoặc kẻ ngu ngốc cộng với công nghệ cao, sức tàn phá của họ là rất lớn. Tôi nghi ngờ rằng, liệu con người chưa đạt được tiến bộ tương ứng về văn minh có trở thành một kẻ xấu hoặc kẻ ngu ngốc nắm giữ công nghệ cao hay không. Loài người, một mặt đang "vạch trần" bí mật của vũ trụ với tốc độ đáng kinh ngạc; mặt khác lại không hiểu xã hội của chính mình, không thể kiểm soát hoàn toàn tình huống mà mình đang gặp phải. Một giáo sư khác của tôi đã cảm thán, ai có thể đảm bảo rằng loài người sẽ không tự hủy diệt mình bằng vũ khí hạt nhân trong vòng một nghìn năm tới? Trên thực tế, trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, đã từng tồn tại khả năng xảy ra chiến tranh hạt nhân, hơn nữa khả năng này, trong một thời gian dài, đều không thể bị loại trừ.

Ngay cả trong cuộc sống thường ngày, những ví dụ về việc kẻ xấu hoặc kẻ ngu ngốc nắm giữ công nghệ cao cũng nhan nhản khắp nơi. Câu chuyện cười dưới đây đã "phổ biến" trong nhiều năm, đọc lại vẫn khiến người ta "dở khóc dở cười": thức dậy vào buổi sáng, đánh răng bằng kem đánh răng Colgate gây ung thư, pha cho con trai một cốc sữa bột Nestle có hàm lượng i-ốt vượt quá tiêu chuẩn, bản thân uống một cốc sữa tươi Guangming hết hạn, ăn vài chiếc bánh bao hấp làm từ bột mì vượt quá tiêu chuẩn, kẹp thêm một ít dưa muối được muối trong "hồ nước bẩn". Buổi trưa, cùng đồng nghiệp đến KFC ăn một bữa gà rán Sudan

Red, buổi chiều gọi điện cho vợ, hẹn cô ấy đến nhà hàng mới mở để ăn những món ăn được nấu bằng dầu ăn bẩn, trong đó có một đĩa lươn xào cay được "nuôi" bằng thuốc tránh thai, một phần miến trộn thịt bò độc hại, hai chiếc bánh bao nhân thịt lợn Ziyang, Tứ Xuyên, ông chủ gọi một ly trà Biluochun có hàm lượng kim loại nặng vượt quá tiêu chuẩn 100 lần, sau đó uống thêm một chút bia có chứa formaldehyde. Haiz, cuộc sống này trôi qua, thật là hạnh phúc!

Đôi khi tôi nghi ngờ rằng, nếu tốc độ phát triển khoa học kỹ thuật và xã hội của loài người tiếp tục "lệch pha" như vậy, thì sớm muộn gì loài người cũng sẽ bị "sự thông minh" của chính mình hủy diệt. Khi chưa có công nghệ, thiên tai là mối đe dọa lớn nhất đối với loài người. Bây giờ, mối đe dọa lớn nhất đối với loài người, có lẽ chính là bản thân loài người.

Đây là cuốn sách đầu tiên của tôi. Việc xuất bản một cuốn sách, vừa dễ dàng hơn, vừa khó khăn hơn so với suy nghĩ của tôi.

Dễ dàng là do sức mạnh của mạng internet. Nếu vẫn sống trong thế giới truyền thông giấy truyền thống, thì một du học sinh "tha phương cầu thực" có lẽ rất khó có cơ hội viết ra một số suy nghĩ chưa chín chắn của mình, sau đó chia sẻ với hàng nghìn người chưa từng quen biết. Tôi viết trên bầu trời Bắc Cực, tôi viết bên bờ sông Rhine, tôi viết bên cạnh Công viên Hyde, tôi viết dưới chân dãy Himalaya, tôi viết trên thảo nguyên rộng lớn, sau đó, chỉ cần có kết nối internet trong một phút, những bài đăng trên blog này sẽ được "gặp gỡ" tất cả mọi người ngay lập tức. Không có biên tập viên nào sẽ từ chối bản thảo, không ai sẽ kiểm duyệt những gì tôi viết.

Cuốn sách này, từ khi ấp ủ ý tưởng đến khi xuất bản, cũng hoàn toàn được thực hiện thông qua mạng internet. Ngoại trừ cuộc trò chuyện ngắn gọn kéo dài 20 phút giữa tôi và Qin Ziyang - người phụ trách hoạch định đặc biệt của cuốn sách này - tại sảnh của Khách sạn Ritz-Carlton, Bắc Kinh, thì toàn bộ quá trình lên ý tưởng, hoạch định, viết, biên tập và sửa đổi cuốn sách này đều được thực hiện thông qua email và MSN. Rất khó tưởng tượng, nếu không có mạng internet, quá trình này sẽ tốn bao nhiêu thời gian và công sức.

Khó khăn là do đằng sau một cuốn sách không chỉ có một mình tác giả. Ông Li Huaik - Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Liên hiệp Công thương Trung Quốc, và ông Lu Jun đã lên ý tưởng cho cuốn sách này. Qin Ziyang đã thuyết phục tôi xuất bản cuốn sách và luôn giữ liên lạc chặt chẽ với tôi từ đầu đến cuối. Cô ấy và Huang Xi cũng đã giúp xác định hướng chủ đề, cấu trúc của toàn bộ cuốn sách và lựa chọn bài viết ban đầu. Ông Lu Jun và Han Xu đã biên tập và sửa đổi bản thảo một cách cẩn thận.

Kiến thức kinh tế học và quan sát kinh tế của tôi được hưởng lợi từ sự chỉ dạy của rất nhiều thầy cô, bạn bè và đồng nghiệp. Justin Yifu Lin, Yi Gang, Yao Yang, Lu Feng và các giáo sư khác thuộc Trung tâm Kinh tế, Đại học Bắc Kinh, không chỉ là những người tiên phong trong kinh tế học hiện đại của Trung Quốc, mà còn "dắt tay" tôi bước vào "cung điện" của kinh tế học, và luôn quan tâm đến sự trưởng thành của tôi. Hu Shuli và những phóng viên, biên tập viên tận tâm dưới quyền bà ấy đã tạo ra tạp chí tài chính kinh tế tốt nhất cho Trung Quốc. Những phóng sự chuyên sâu của họ luôn cung cấp rất nhiều chất liệu cho việc quan sát nền kinh tế Trung Quốc của tôi.

Bố mẹ tôi cũng là những độc giả trung thành của tôi, họ cuối cùng đã học cách sử dụng internet để đọc blog của tôi. Nếu không có sự thúc giục, động viên và sự cống hiến không vụ lợi của họ, có lẽ tôi đã không thể kiên trì.

Còn có vợ tôi, Cốc Chủ. Cốc Chủ là biệt danh trên mạng của cô ấy, để bảo vệ sự riêng tư của cô ấy, tôi luôn gọi cô ấy như vậy trên blog, đến mức cô ấy phải "chấp nhận" việc bị bạn bè tôi quên tên thật hết lần này đến lần khác. Cốc Chủ luôn là độc giả trung thành nhất và là nhà phê bình khách quan, trung lập của tôi. Cô ấy đã không ngại vất vả đọc toàn bộ bản thảo nhiều lần, giúp sửa đổi rất nhiều lỗi chính tả. Trong những năm qua, cô ấy đã ủng hộ việc tôi dành rất nhiều thời gian rảnh rỗi để viết lách, đã hy sinh rất nhiều.

Cuối cùng, phải cảm ơn những độc giả đã quan tâm đến tôi trong suốt chặng đường qua. Nếu không có sự ủng hộ và phê bình của các bạn, thì cuốn sách này sẽ không thể tồn tại.